Hồi Ký

DUYÊN và NGHIỆP

Đào Hiếu Thảo

Mục Lục

1. Mẹ Tôi
2. Đến khi cha mất, chân con lấm bùn
3. Áo Màu Lam
4. Nha Trang, Miền Thuỳ Dương Cát Trắng
5. Những Con Số 7 Trong Đời Tôi
6. Đường Vào Trại Phi Long
7. Đời Binh Nghiệp : Đơn Vị Không Quân Đầu Tiên
8. Bảy năm Phục Vụ Không Quân VNCH 1965-1975
9. Lược sử khóa 7/1968 Không Quân VNCH
10. Đường Vào Quân Trường Là Đường Về Quê Hương
11. Trưởng Khóa và Trách Nhiệm
12. Hướng Nghiệp Ngành Chiến Tranh Chính Trị
13. 1969 Lính Không Quân Du Học Hoa Kỳ
14. Học Thông Tin Báo Chí 1970
15. "Vượt biên" sang Kampuchia
16. Ngoài Giờ Công Vụ
17. Cá Chậu Chim Lồng
18. 1975- Noel Trong Tù
19. Cái Tết đầu tiên trong trại tù Cộng Sản - Hóc Môn năm Bính Thìn
20. Trại Tù Long Giao năm 1976
21. Nghệ Tĩnh và Trại Tù Lao Động Khổ Sai Tân Kỳ K3
22. I Was There-The Monstrous Atrocities That Committed Agaisnt Humankind
23. Tu, Tù, Tụ
24. Giáo Viên Bất Đắc Dĩ
25. Rồi Xuôi Nam
26. Nhà Bếp, Nhà In, Nhà Trường Trên Quê Hương Mới
27. Sinh hoạt với Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà Âu Châu
28. Từ Bruselles, Belgique đến Washington D.C USA
29. Letter to the Honorable Daniel J. Kritenbrink
30. Những ngày tháng khó quên
31. Truyền Thông "Cái Duyên" Hay "Cái Nghiệp"
32. Việt Nam Cộng Hòa: Từ phát thanh Saigon đến truyền hình
33. Crimes Against Humanity by the Communists
34. Bài nói chuyện nhân kỷ niệm 50 năm đậu tú tài I I- 2 ngôn ngữ Việt Pháp
35. Hình ảnh
36. Tiểu sử tác giả
37. Ý kiến của bạn văn

Mẹ Tôi

Mùa Vu Lan báo hiếu, xá tội vong nhân cũng là dịp để chúng ta phần nào đáp ơn công sinh thành dưỡng dục của các bậc cha mẹ, xin bày tỏ nỗi vui mừng vô biên là tôi có diễm phúc được cài lên áo một đoá hồng tươi thắm, còn có mẹ hiền để phụng dưỡng, chăm sóc, an ủi trong tuổi hạc của người. Trong tập truyện *" Bông Hồng Cài Áo"*của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh có giòng thơ nói lên tình mẫu tử bao la, không bến bờ của Mẹ hiền: *"Mẹ già như chuối Ba Hương, như xôi nếp Một như đường mía Lau"*

Nhà thơ Hoàng Long cũng nói về lòng Mẹ: *"Mẹ đã cho con nhiều hạnh phúc*

Dạy cho chúng con biết điều hay

Mẹ cũng chăm con từng giấc ngủ

Mỗi lần con về bên Mẹ, mẹ ơi"

Là chị cả trong gia đình có một em trai và ba em gái, mẹ tôi từ rất sớm đã phải phụ giúp bà Ngoại lo lắng cho các em. Ông tôi vất vả chạy kiếm sống, quanh năm xa nhà, có khi sang tận bên Pháp cả chục năm ròng rã. Mẹ tôi vừa làm vừa học, nhờ cố gắng chuyên cần, năm 1942, 19 tuổi đậu bằng Diplome D'Etude Superieure Indochinoise (Thành Chung) và được nhận làm giáo viên tiểu học, sau đó trúng tuyển kỳ thi làm công chức ngành tài chánh cho chính phủ bảo hộ Pháp tại Saigon.

Ba tôi tốt nghiệp thư ký kế toán, phục vụ tại Bộ Tài Chánh cùng thời ấy, Ba Mẹ tôi quen nhau và lập gia đình năm 1946. Ba tôi cũng là con trai trưởng có 7 em, nhà nghèo, đông con, ông bà Nội đều làm lụng cật lực để nuôi sống gia đình, ông làm thợ may, bà bán gà vịt trong Chợ Bến Thành, Saigon.

Sau khi lập gia đình cha mẹ tôi phải cùng lo cho các em ăn học, các cô chú, cậu dì cộng lại trên 10 người còn ở lứa tuổi vị thành niên. Với đồng lương công chức không đủ sống, cha mẹ tôi phải buôn bán kiếm thêm mới tạm đủ trang trải cho những bữa cơm đạm bạc.

Nhờ sự tiếp tay của bạn hữu, ba tôi mở trường dạy lái xe hơi (auto école) trên đường General Lizé (Phan Thanh Giản) quận 3 Saigon. Mẹ tôi ngoài giờ ở công sở còn dạy luật đi đường và giúp thông ngôn cho các tài xế khi có người Pháp đến học lấy bằng lái.

Vào thập niên 50 khi quân đội Quốc Gia Việt Nam mới thành lập, trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức, Nam Định được hình thành để đào tạo sĩ quan người Việt, trước đó các đơn vị quân đội viễn chinh và quân đội Việt Nam đều do các sĩ quan Pháp chỉ huy.

Đang làm việc cho chính phủ Nam Kỳ, năm 1952 ba tôi phải lên đường nhập ngũ vào khoá 2 sĩ quan trừ bị Thủ Đức, ông được chọn sang phục vụ ngành Hành Chánh Quân Y và đi du học tại trường Quân Y Pháp ở thành phố Lyon. Về nước, ông được bổ nhiệm làm quản lý quân y viện Chi Lăng (về sau, cơ sở này được sử dụng làm trường nữ trung học Trưng Vương). Chi Lăng chuyển lên Gò Vấp, phát triển thành Tổng Y Viện Cộng Hoà do Y Sĩ Chuẩn Tướng Phạm Hà Thanh chỉ huy, trước tháng 4 năm 1975.

Năm 1956, ba tôi bị bệnh nan y, được cho qua Pháp điều trị nhưng biết mình không qua khỏi nên ông xin quay về nước và từ trần ngày 5 tháng 6 năm 1957, hưởng dương 35 tuổi để lại vợ và bốn con, lớn nhất là tôi, 10 tuổi, ba em, 2 trai và 1 gái tuổi từ 3 tới 6 . Cha tôi qua đời được quy trách vì công vụ nên toà án hành chánh công nhận anh em chúng tôi là Quốc Gia Nghĩa Tử, được chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa dành cho một số đặc ân và quyền lợi đối với cô nhi, quả phụ tử sĩ.

Cha tôi mất, mẹ tôi xin lại việc làm công chức tại Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện, là một người cầu tiến và cũng để hưởng đồng lương khá hơn, mẹ tôi đã tự học và tham gia các kỳ thi tuyển công chức hạng ngạch cao hơn. Sau đó, mẹ tôi được chuyển sang Phủ Tổng Uỷ Dinh Điền, Bộ Nông Nghiệp rồi Bộ Kinh Tế & Tài Chánh. Nhiệm sở cuối cùng của bà là Chủ Sự Phòng Nghiên Cứu, Tu Thư, Trung Tâm Huấn Luyện Hợp Tác Xã thuộc Bộ Cải Cách Nông Thôn, trụ sở tại Gia Định.

Ngoài những kỳ thi thăng bậc, mẹ tôi học thêm tiếng Anh tại Trung Tâm Ngoại Ngữ và trường đại học Văn Khoa Saigon.

Năm 1963, 16 tuổi đời, tôi đã trưởng thành hơn các bạn cùng trang lứa, đã biết thế nào là thiếu cha và cảnh gia đình nghèo khó. Muốn vươn lên trong cuộc đời, tôi sớm biết sự thiết yếu của mảnh bằng nên ngoài việc chăm lo học hành, tôi bắt đầu kiếm việc dạy kèm trẻ em tại tư gia để ít, nhiều phụ giúp với mẹ lo cho các em.

Năm 1966, tôi được tuyển vào làm xướng ngôn viên tin tức, thời sự đài phát thanh Saigon, sau đó được biệt phái qua truyền hình quốc gia. Em trai kế tôi, Đào Hiếu Liêm cũng đi dạy kèm trẻ lúc mới lên 17. Năm 1969, em được học bổng quốc gia du học tại Bruxelles, vương quốc Bỉ. Em gái tôi, Đào Thị Phương Lan tốt nghiệp Quốc Gia Thương Mại, được bổ nhiệm làm việc tại Đoàn Chuyên Viên Thuế Vụ, Bộ Tài Chánh. Em trai út của tôi, Đào Hiếu Đễ được học bổng quốc gia qua Đài Loan học ngành sản xuất đường mía.

Thấy mẹ luôn chịu khó, chịu cực, sống kham khổ, tiện tặn, tiết kiệm từng đồng, không muốn đi thêm bước nữa, quyết thờ chồng, nuôi dạy con cái thành người nên mấy anh em chúng tôi cũng thấu hiểu gương hy sinh đó mà cố gắng vươn lên khỏi chốn *"bùn lầy, nước đọng"* là nơi tập trung phần lớn giới lao động, những người thấp cổ bé miệng trong xã hội. Khi mẹ buồn, mẹ khóc vì tánh cứng đầu, ương ngạnh của tôi, nhìn nước mắt mẹ lăn trên gò má hóp, tôi tự hứa sẽ không làm bà phiền muộn, khổ tâm, bà luôn căn dặn tôi *"giọt nước trước rớt xuống đâu, mấy giọt sau cũng y chỗ đấy"* tức là tôi phải làm gương cho ba đứa em. Lắm lúc mẹ tôi với tính nghiêm khắc, cứng rắn đã phải dùng đến đòn roi để răn dạy, uốn nắn tôi nhưng vừa buông roi thì bà oà khóc, âu lo, vì thương con, sợ con hư hỏng, lầm lạc, sai phạm, dễ sa ngã.

Mỗi ngày đến sở mẹ tôi chỉ dùng xe bus, xe lam (Lambretta) còn khi ra vùng ngoại ô như Khánh Hội, Gia Định, Gò Vấp, Hạnh Thông Tây…thì ngồi xe ngựa (chuyện có thật của 55 năm về trước), khi cần đi đâu gần nhà bà ráng đi bộ. Thấy mẹ mặc hoài mấy cái áo dài cũ, bạc màu, khi cầm trong tay 1500 đồng, tháng lương đầu tiên của nghề kèm trẻ, tôi đưa mẹ ra hiệu may một áo dài, công và vải hết có 80 đồng, số lương tháng này vào năm 1963 đối với gia đình tôi là một khoản ngân sách khá dồi dào. Anh em chúng tôi được mẹ mua sắm quần áo, giày dép mới vào dịp Tết Nguyên Đán, đưa đi xem các thắng cảnh quanh Saigon, được xem hát, ăn nhà hàng để không cảm thấy thua sút bạn bè đồng trang lứa, còn mẹ thì không lo nghĩ gì cho riêng bà, cố ăn chay, niệm Phật, đến chùa để tìm sự bằng an, thanh thản cho tâm hồn nơi cửa thiền.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong khi tôi bị Việt Cộng nhốt tù, mẹ tôi đạp xe đi dạy trẻ tiếng Pháp, tiếng Anh, tại tư gia để kiếm chút tiền mua quà gởi bưu điện vào các trại giam lao động khổ sai trong Nam và ngoài Bắc tiếp tế cho tôi.

Năm 1979 mẹ tôi được em Liêm bảo lãnh đến định cư ở vương quốc Bỉ, qua chương trình sum họp gia đình do UNHCR(Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc) tài trợ. Vừa đến Bruxelles, mẹ tôi nhận giữ trẻ cho các gia đình Việt Nam, được cho chỗ ăn ở, một thời gian sau, bà được gia đình Roberti thuộc hàng quý tộc nhận làm quản gia cho một phụ nữ Bỉ đơn chiếc, ở một lâu đài tại Liege, cách thủ đô Bruxelles gần 100 km. Làm ra tiền, mẹ tôi gởi về cho các con cháu sinh sống ở Saigon và đứa con trai đầu lòng còn bị nhốt trong ngục tù trên đất Bắc.

Mẹ tôi cũng gởi liên tục những lá thư đến Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế, Tổ Chức Ân Xá Quốc Tế, Tổng Thống Pháp Francois Mitterand, Quốc vương Baudouin và Hoàng hậu Fabiola của Bỉ, thỉnh cầu can thiệp cho trường hợp của tôi bị giam cầm biệt xứ và đày đi lao động khổ sai, từ tháng 6 năm 1975.

Đến Bruxelles năm 1982, sau 6 năm ngồi tù cộng sản, tôi trông chờ từng ngày để được gặp mẹ nhưng lúc đó bà đang làm việc ở xa mà tôi thì lại không có phương tiện đến với bà. Nhớ khi còn trong ngục tù, anh em bạn biết xem tướng số và tử vi, một lần có nói là dù ra được một xứ sở tự do, tôi chưa có thể gặp lại mẹ ngay mà phải chờ thêm ít nhất là một tháng sau, lời tiên đoán này quả không sai chút nào.

Như được trở về từ cõi chết, thoát ngục tù cộng sản, ra được thế giới bên ngoài, giây phút gặp lại mẹ sau nhiều năm xa cách, tôi tưởng chừng mình đang nằm mơ, nghẹn ngào, rơi lệ cho dù tôi rất lì lợm, không bao giờ khóc dù trong những hoàn cảnh đói rét, khắc nghiệt, nan giải nhất. Mẹ tôi làm lụng vất vả mà cũng không quên dành dụm cho vợ con tôi chút tiền mua quà bánh, riêng tôi thì bà cho một bao quần áo, giày cũ để đi làm thợ nấu bếp trong nhà hàng Tàu.

Khi bày con, dâu, rể, cháu nội, ngoại đoàn tụ đông đủ trên quê hương mới thì mẹ tôi đã gần 70 tuổi, bà xin vào chùa Linh Sơn rồi chùa Hoa Nghiêm, ở Bruxelles tu hành, nương nhờ Cửa Phật. Với vốn liếng tiếng Pháp từ lúc làm cô giáo và công chức thời Pháp thuộc, mẹ tôi giúp thông dịch Phật Pháp cho người bản xứ đến lễ chùa để họ tiện theo dõi. Bà cũng xuất hiện trên truyền hình nước Bỉ để giới thiệu về Đạo Phật và sự nhiệm màu, cứu rỗi trong đời sống của chúng sinh muôn loài.

Anh em chúng tôi đứa nào cũng trên dưới sáu mươi rồi mà với mẹ thì chúng tôi vẫn là thơ dại, ngày đêm bà lo âu, phập phòng, sợ sệt đủ điều, luôn căn dặn, khuyên nhủ từng ly, từng tí, phải làm cái này, tránh điều kia, đừng vấp chuyện nọ. Như một thói quen, mỗi khi hốt hoảng, âu lo hay lúc mừng vui, tôi thường kêu lên *"Má Ơi"*.

Được nghe tiếng nói ấm áp, ân cần, gần gũi của mẹ, tôi thấy yên tâm, vững chãi hơn, nhất là những lúc thất bại, chán chường cho tình đời *"ba chìm, bảy nổi"*, ngược xuôi, phiền muộn, ngang trái, bấp bênh.

Năm nay mẹ tôi được 90 tuổi, dáng người mảnh khảnh, nhưng tinh thần sáng suốt, đầy nghị lực, hàng ngày vẫn đọc sách, tụng niệm, may vá, theo dõi thời cuộc. Tôi cầu xin cho má luôn mạnh khoẻ, bình an để con cháu được báo hiếu, phụng dưỡng, đền đáp công ơn, sự hy sinh, nhẫn nại của bà, trọn đời lo lắng cho các con các cháu. Mong má sống lâu 100 tuổi, Má ơi.

Bruxelles, ngày thứ 3, 7 tháng 7 năm 2014

Má đã vừa vĩnh viễn xa cách các con cháu rồi, cầu xin cho Má ngàn thu an giấc nơi cõi Vĩnh Hằng, tiêu diêu Miền Cực Lạc và phò hộ cho con cháu luôn được bình an, may mắn, mạnh giỏi. Vĩnh Biệt Má, Má Yêu ơi.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Con trai đầu lòng của Má

Thiện Thuận Đào Hiếu Thảo

…Đến khi cha mất, chân con lấm bùn

Đào Hiếu Thảo

Kính dâng hương hồn Cha tôi, ông Đào Hữu Đức mãn phần ngày 5 tháng 6 năm 1957, tại Gia Định, hưởng dương 35 tuổi.

Bốn anh em Thảo, Liêm, Lan, Để nơi mộ phần của Cha

Tôi còn nhớ rất rõ hôm ấy, gần một giờ trưa, linh tính gì không biết, tôi nhìn ra cửa lớp học, thấy chú 7 Thông của tôi đứng đó, vẻ mặt ngơ ngác, trông ngóng, bồi hồi.

Thầy Poujade, giáo viên lớp 7 ème, tức năm thứ 5 bậc tiểu học, trường Chasse Loup Laubat, đổi thành Jean Jacques Rousseau và rồi sau này là trung tâm giáo dục Lê Quý Đôn, thuộc phái bộ Văn Hoá Pháp tại Saigon. Ông bước ra nói vài câu với chú tôi, nhận mảnh giấy nhỏ, nhìn qua nội dung rồi tiến đến chỗ tôi ngồi, Thầy xoa đầu và nói thật nhỏ vào tai tôi : “ton père est décédé, rentres vite” (cha em mất rồi, về nhà nhanh đi).

Tôi ngoan ngoãn làm theo lời ông, khoanh tay, cúi đầu chào Thầy và vội nối gót theo chú Thông, đầu óc suy nghĩ miên man, chết là gì? tại sao Ba lại chết? Má và 3 em bây giờ đang làm gì? Những thắc mắc âm thầm trong tim óc của một thằng bé mới trên 9 tuổi!

Lại nghĩ đến Ba Má thường đưa bốn anh em chúng tôi đi chùa lễ Phật, nghe chư vị cao tăng giảng giải về Phật Pháp, các ngài thường dạy là hàng ngày nên niệm Phật để được phò hộ, che chở, cứu giúp cho tai qua, nạn khỏi. Ngồi yên sau xe đạp tôi thầm niệm Phật, với hy vọng là chư Phật, chư Bồ Tát đoái hoài đến tôi, đứa trẻ có ba em thơ dại hơn mình, hai em trai, một gái tuổi từ 3 đến 6 và một người mẹ, mảnh khảnh, yếu đuối mới 34 tuổi đã từ giã nghề cô giáo khi lập gia đình năm 1946.

Từ trường ở đường Hồng Thập Tự về Phố Phước Đông, chợ Gia Định, đến Lăng Ông Bà Chiểu quen thuộc, nhớ mỗi khi Ba tôi lái xe đưa cả nhà ngang qua đền thờ linh hiển của Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt, Ba đều nhắc nhở: "cúi đầu chào Ông đi con". Thói quen ấy, tôi vẫn ghi tâm đến trưởng thành và làm theo mỗi khi có dịp đi ngang qua Lăng Ông,

Đến nhà, tiếng than khóc tiếc thương vang vọng, Ba tôi là trưởng Nam, ra đi trước Cha, trước Mẹ của ông, nên mang tội đại bất hiếu, khi tẩn liệm, trên đầu Ba tôi được chít khăn tang, theo tục lệ thờ kính mẹ cha.

Quang cảnh trong nhà bao phủ toàn một màu trắng lạnh người, Cha tôi được mặc cho bộ quần áo cũng màu trắng, tôi được giao xoa nắn hai bàn chân lạnh giá của ông, mấy em còn quá thơ dại chưa hiểu biết gì, chỉ khóc theo người lớn. Mẹ tôi bơ phờ, tiều tuỵ, xanh xao, nét mặt khổ đau, khóc hết nước mắt, đoạn đường trước mặt của năm mẹ con sẽ thiếu vắng Cha tôi, cột trụ gia đình, người từng lo toan, quán xuyến, nuôi sống vợ con mình lại còn phụ giúp ông bà Nội, lo lắng cho vài cô chú chưa trưởng thành.

Ngày đưa tiễn Ba tôi đến mộ phần trong nghĩa trang tương tế Sa Đéc, vùng Ngã Ba Ông Tạ, Gia Định, trời nắng gắt, đoàn người theo sau linh cửu đông lắm, nghe nói do sự quen biết lớn, giao thiệp rộng vì ông từng làm công chức Bộ Giao thông, Công chánh, Bộ Tài chánh, rồi động viên vào khoá 2 trường Võ Khoa trừ bị Thủ Đức năm 1952. Ra trường ông được chọn sang phục vụ ngành Quân y, quân đội Quốc Gia Việt Nam, được cử sang Pháp thụ huấn Trường Quân Y ở Lyon, về Việt Nam, ông làm Quản Lý quân y viện Chi Lăng, sau này là cơ sở của nữ trung học Trưng Vương, đối diện với Thảo Cầm Viên (Sở Thú), Saigon. Chi Lăng là tiền thân của quân y viện Cộng Hoà, được thành lập từ năm 1958.

Tôi thấy mắc cở trong bộ quần áo tang, chân đi dép rơm, đội mũ rơm, được giao bưng bát nhang và đi giật lùi. Hình ảnh mãi khắc ghi đến hôm nay là nét đau thương tột cùng trên gương mặt mẹ tôi, không biết rồi đây sẽ làm gì để nuôi sống mình và bốn con thơ dại, không chút vốn liếng hay tài sản dành dụm cũng chẳng biết làm ăn buôn bán ra sao? Mẹ tôi than vãn, kêu gào không biết ngày nào mới được gặp lại Ba tôi và cầu xin ông phò hộ cho mấy mẹ con vượt lắm nghịch cảnh, éo le, khốn khó trong đời.

Ba ngày sau, cử hành xong lễ mở cửa mả, tôi trở lại lớp học, với sự chăm lo chu đáo, tận tình của Thầy Poujade, Mẹ tôi có viết một lá thư gởi gấm ông, nên dường như Thầy tỏ ra ôn tồn, nhỏ nhẹ, gần gũi hơn nữa… Cuối năm học đó, tôi được phần thưởng học trò chăm chỉ, xuất sắc. Mẹ tôi vui, khóc và nói "Ba con phò hộ đó."

Để lên bậc trung học Pháp sau khi hoàn tất bậc tiểu học 5 năm, học trò phải thi tuyển lên 6 ème, tương đương với đệ thất ở các trường trung học như: Chu Văn An, Pétrus Ký, Võ Trường Toản, Cao Thắng,Trưng Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt, Nguyễn Trường Tộ, Quốc Gia Nghĩa Tử…

Ngày đó, kết quả kỳ thi vào trung học được ghi bằng phấn trắng trên bảng đen, dựng ở bên trong cổng trường, cha mẹ và thí sinh đứng ngoài rào sắt nhìn vào dò kết quả. Những trò trúng tuyển được ghi bằng số báo danh, chứ không viết đầy đủ họ và tên. Hôm nay, ngồi đây trên đất Mỹ, đã hơn 60 năm qua mà lúc nhớ lại, lòng còn thấy hồi hộp, đánh lôtô, ngày đó lỡ mà mình "trợt vỏ chuối nơi sân trường" thì sao? Cuộc đời đã như thế nào? Khi mà ăn chưa no, lo chưa tới! tự kiếm ăn chưa chắc đã xong, nói gì đến phụ mẹ để còn lo lắng cho ba đứa em thơ.

Dò từng số từ trên xuống cuối bảng, trong tổng số 123 học sinh được chấm đậu niên khoá đó tôi đứng thứ 121. Lại thêm một lần nữa, Mẹ tôi quá mừng và nhắc "Ba con phò hộ đó."

Vào được lycée francais à Saigon, không phải là chuyện đơn giản, em trai tôi Đào Hiếu Liêm (sinh năm 1951) và tôi được học bổng theo học cho đến hết trung học đệ nhị cấp, còn Đào Thị Phương Lan (1952), em gái và Đào Hiếu Đễ (1954), em trai út của tôi, sau khi Ba tôi qua đời, không còn cách nào theo học chương trình Pháp, nhưng hai em được nhận vào trường Quốc Gia Nghĩa Tử ở Tân Sơn Nhất, vì ba tôi đã hy sinh vì công vụ.

Được các đồng nghiệp và chiến hữu của Ba tôi kể lại rằng, sau khi xuất thân từ trường Võ Khoa Thủ Đức, Ba tôi được chọn làm Chánh Văn Phòng cho Đại Tá Lê Văn Tỵ, Tư lệnh Quân Khu 3, (Troisième Region Militaire), Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Ông thăng cấp nhanh chóng lên Trung uý và được tăng phái sang trông coi chương trình quân sự học đường PMS (Preparation Militaire Supérieure) dành cho nam học sinh lớp 11 và 12. Nhờ vậy mà hai anh em tôi được nhận vào học trường Jean Jacques Rousseau, tôi theo học ở đây từ năm 1953 cho đến năm 1965.

Cũng qua lời kể của các y, bác sĩ, nha sĩ từng làm việc với Ba tôi ở quân y viện và các đơn vị chiến dịch bình định, phát triển (Thoại Ngọc Hầu) thì các bác chăm sóc sức khoẻ cho Ba tôi ngày trước thường nhắc lại câu nói định mệnh mà Ba tôi hay nói: “Quan tha, thì Ma bắt.”

Với cuộc sống mới đầy cam go, Mẹ tôi xin được một chân thư ký hạng B2, nhờ bà đậu bằng Diplome (Thành Chung) năm 1942, phục vụ tại Tổng Nha Ngân Sách và Ngoại Viện. Vì đồng lương ít ỏi, Mẹ tôi tự học, thi cải ngạch, rồi lần lượt đậu bằng tú tài 1, tú tài 2, cử nhân Anh Văn, nên được chuyển sang ngạch hạng A. Có những năm Mẹ tôi và tôi học Đại Học Văn khoa Saigon cùng một lúc.

Phần tôi, do may mắn, việc học hành khá hanh thông, cho đến năm 1962 đậu bằng Brevet (trung học đệ nhất cấp) và tìm được một chỗ kèm trẻ ban đêm. Năm ấy tôi vừa 16, học trò lớn nhất 12 tuổi, giờ đây họ cũng đều là ông bà nội ngoại như thầy vậy. Tôi đã được gặp lại các em ở hải ngoại, định cư tại Pháp và Bỉ.

Sau tú tài 2 năm 1965 tôi tìm được thêm mấy chỗ dạy học khác, như trường Cửu Long của Giáo Sư Phan Huy Đức, trường Văn Hiến của Giáo Sư Phan Ngô. Có lẽ tôi có duyên với hai vị hiệu trưởng họ Phan, vì ông Nội tôi cũng họ Phan, Ba tôi mang họ Bà Nội là họ Đào. Ông Bà tôi có 8 người con, 4 trai, 4 gái. Một nửa theo họ Cha, nửa kia theo họ Mẹ.

Trên một chục năm sau khi Ba tôi mãn phần, gia đình tôi có phần thoải mái hơn nhờ sự tần tảo, hy sinh không bến bờ của Má tôi cùng sự giúp đỡ tận tình của các cậu, dì và gia đình bên Nội. Một điều chắc chắn là nhờ vào những phước báu của ông bà và sự dung rủi, phò hộ của Cha tôi nơi Chín Suối.

Hình chụp với Monsieur Poujade (JJR 1957)

Nơi đây, tôi cũng xin thành tâm tưởng niệm và biết ơn Thầy Poujade khả kính, một nhà giáo tử tế. Cho đến bây giờ khi liên lạc với nhau qua Hội Cựu Học Sinh Chasse Loup Laubat & Jean Jacques Rousseau, các bạn vẫn nhắc nhớ, cảm phục ông Thầy đức độ, gương mẫu, thông thái, tận tuỵ và được mọi người yêu mến.

Được biết gia đình thầy Poujade đã trở về Pháp vào cuối thập niên 50, phục vụ ngành giáo dục đến hưu trí. Thầy qua đời lúc trên 80 tuổi.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Áo Màu Lam

Đào Hiếu Thảo/Đỗ Hiếu

(Viết nhân ngày giỗ thứ 62 của Cha tôi, ông Đào Hữu Đức, 1957-2019)

"Còn cha gót đỏ như son, đến khi cha mất gót con lấm bùn"!

Mất cha từ thuở lên 10, trong tâm trí non nớt của tôi khi ấy là đã mất tất cả, không còn nhà cao cửa rộng, không được ba đưa đi học, phải đi xe bus hay đi bộ, có những đoạn đường như bên Khánh Hội, bến Vân Đồn, còn ngồi xe thổ mộ (do ngựa kéo). Đến khi lớn hơn chút nữa thì mẹ sắm cho chiếc xe đạp, hàng ngày đi học, tối dạy kèm trẻ tại tư gia.

Để chia sẻ phần nào gánh nặng cho mẹ tôi và vì là cháu đích tôn, bên Nội đón tôi về lo cho ăn học, bà Nội và các cô buôn bán trong Chợ Bến Thành, con gái thời đó, ít được cho đi học, chỉ con trai mới được đến trường, chú Tư tôi còn được Ba tôi gởi sang Pháp, học trường cao đẳng thương mại ở Montpellier, ông lên đường khi tôi vừa đầy tháng. Ông đỗ đạt, về nước năm 1956 được tuyển chọn làm tuỳ viên công cán cho ông Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Dương Đôn. Trước năm 1975 chú Tạt tôi là Khoa Trưởng Trường Quốc Gia Thương Mại, Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ.

Chú hứa với ba tôi trước khi ông nhắm mắt là chú sẽ bảo bọc cho anh em chúng tôi đến ngày khôn lớn.

Đường đời không êm xuôi như thế, chỉ một năm sau khi cha tôi mãn phần, ông Nội tôi lâm bạo bệnh do lao tâm, lao lực, vất vả kiếm sống bằng nghề thợ may cho quân đội Pháp, chứng đau phổi hoành hành và cướp đi mạng sống, ông hưởng dương 55 tuổi.

"Hoạ vô đơn chí"! Cô ba tôi, goá chồng khi cô chỉ mới lập gia đình chưa đầy năm, phải lo nuôi đứa con trai duy nhất, kém tôi 2 tháng tuổi. Trên bước đường lặn lội kiếm sống, Cô tôi bị bạo bệnh và qua đời tại một nhà thương ở quận Lấp Vò, Cao Lãnh, hưởng dương 33 tuổi, em Quan vừa lên 10.

Với bao khó khăn dồn dập, ngoài việc lo cho tôi ăn học, Nội tôi nay gánh thêm đứa em cô cậu trong khi hai người chú và cô út của tôi còn trong tuổi đến trường.

Năm Đinh Hợi, dòng họ tôi cho ra đời cùng lúc ba con heo: cô út, em gái của ba tôi, Quan, con trai duy nhất của cô Ba tôi và tôi. Đến hôm nay, chỉ một con Heo tôi, duy nhất sống còn. Em Quan, cố Trung uý Địa Phương Quân Phan Trọng Hiếu, hy sinh tại mặt trận Trà Vinh, năm 1973, sau hiệp định Paris, khi cộng quân càn quét đồn, "làm cỏ, bứng sạch" giết toàn bộ các chiến sĩ đồn trú, luôn cả vợ con họ. Sĩ quan chỉ huy là em tôi, bị mìn Claymore cướp đi mạng sống, thân thể không toàn vẹn, anh dũng hy sinh vì Tổ Quốc, được truy thăng, truy tặng Bảo Quốc Quân Chương Đệ Ngũ Đẳng, lúc đó em vừa tròn 26 tuổi.

Cô út tôi, có chồng Thiết Giáp Binh, năm 1974 đang du học Fort Knox, Kentucky, Hoa Kỳ. Tháng 4 năm 1975, ông tìm đủ mọi cách để về nước, khi đến Lào, nghe ngóng tình hình Saigon không êm dưới chế độ cộng sản, ông xin qua Pháp tỵ nạn với hy vọng sẽ dễ dàng đoàn tụ với vợ con hơn.

Nôn nóng, năm 1976 cô Út bồng theo đứa con gái vừa được 2 tuổi lặn lội xuống Miền Tây, dấu mọi người thân sợ bại lộ ý định, quyết vượt biển tìm tự do, ước mong được sum họp với chồng bên trời Âu, nơi không còn phải xếp hàng cả ngày chờ mua cân gạo, chút thịt, gói đường…

Mấy tháng sau, những người đi cùng tàu, trở về từ trại tù Châu Đốc, đến báo tin là con tàu mong manh đã bị công an rượt đuổi trên đường ra cửa biển, họ bắn xối xả vào tầu, nhiều người bị trúng đạn, trong đó có cô tôi, con gái cô may mắn được bình yên trong vòng tay chở che của mẹ. Những người lành lặn bị lôi vào bờ và bỏ tù. Bị thương, họ cũng lôi vào, vất đó, không thuốc men, chữa trị, ra máu cho đến chết, xác người bị vùi nông, không áo quan, không mộ phần, không bia ghi lý lịch. Cô út tôi thoi thóp cho đến hơi thở cuối cùng, Cô mất năm 1976, chưa được 30 tuổi, lúc ấy tôi đang bị cầm tù lao động khổ sai ở Cẩm Nhân, Yên Bái, Hoàng Liên Sơn với hàng trăm ngàn công chức và chiến hữu Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà khác khắp hai miền Nam Bắc.

Em Hà, con cô Út Quí của tôi, cũng ở tù gần 6 tháng, khi gia đình đón về chỉ còn da bọc xương, em như kẻ mất hồn, ghẻ lở đầy mình. Sau, em được ba bảo lãnh sang sum họp, nay đã có gia đình, cùng chồng và ba con sinh sống an lành ở Paris, Pháp.

Trở lại với cuộc sống bên Nội, do hoàn cảnh xoay chiều, sinh hoạt cam go, ngày càng sa sút, mẹ tôi xin đón tôi về, cho dù rau mắm đạm bạc ngày hai buổi, cũng cố gói ghém để năm mẹ con cùng có nhau. Thời gian sống với Nội, dù được yêu thương hết mực, thằng bé côi cút vẫn hay âu lo, u buồn và luôn trông chờ được về nhà mình với mẹ và các em.

Biết chữ Nho, xem sách tướng, đọc dịch lý, đoán tử vi, ông Nội tôi thường mắng mỗi khi tôi tỏ ra cứng đầu, bướng bỉnh, ương ngạnh, "Cha tiên nhân mày, thằng ngang như cua". Quả thật ông Nội tôi xét đoán tâm tướng, tánh tình tôi rất ư là chính xác…

Lo sợ tôi kết thân bè bạn xấu, mẹ tôi thường nói "giọt nước trước rớt đâu, giọt sau rớt y đấy", làm anh cả mà hư hỏng, các em cũng theo gương xấu đó hư đốn theo, khó mà tránh khỏi.

Khi ấy, gia đình tôi ở trong khu lao động, xóm Bàn Cờ, vườn Bà Lớn, Quận 3 Saigon còn nhiều đầm sen, ao rau muống, và cũng có các Chùa Từ Quang, Chùa Giác Minh.

Nền đệ nhất Cộng Hoà bị các tướng lãnh lật đổ ngày 1 tháng 11 năm 1963. Cùng năm đó, Viện Hoá Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập.

Mẹ tôi rất mừng khi nghe các anh chị huynh trưởng giải thích về tôn chỉ, sinh hoạt, phương pháp rèn luyện mà phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam chủ trương, nhằm tổ chức, giáo dục, uốn nắn thanh thiếu niên, nam nữ, theo tinh thần Phật Giáo đã được chính thức thành lập vào năm 1953 tại Miền Nam.

Bà bắt đầu cho bốn anh em chúng tôi sang lễ bên chùa Giác Minh đối diện với hẻm nhà tôi và thưa chuyện với Chư Tăng, hỏi han các anh chị Trưởng, rồi xin cho chúng tôi được tham gia sinh hoạt, đó là năm 1958, tôi được 11 tuổi.

Sinh hoạt Gia Đình Phật Tử tại Saigon năm 1965

Theo những số liệu được cập nhật, thì phong trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam quy tụ trên 150 ngàn huynh trưởng và đoàn sinh, trên toàn quốc. Trước tháng 4 năm 1975, đã có những con số thống kê tương tự như vậy, 44 năm sau, Gia Đình Phật Tử không phát triển sao? Hay phong trào hoạt động thanh niên quy mô này đã bị chính quyền Hà Nội trù dập?

Qua câu chuyện với các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử nơi quê nhà trong thời gian chúng tôi làm việc với đài Á Châu Tự Do (1997-2012), thì được nghe kể là mọi sinh hoạt đều bị giới hạn, bị cấm đoán, giải tán bằng bạo lực, vì có liên hệ mật thiết với Viện Hoá Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một tổ chức tôn giáo thuần túy bị Cộng Sản Việt Nam đặt ngoài vòng pháp luật.

Được biết, Gia Đình Phật Tử Việt Nam được thành lập dưới thời Pháp thuộc, ngoài miền Bắc từ năm 1938, ở miền Trung vào năm 1945, trong Nam khởi sự từ 1953, tiến đến thống nhất tổ chức năm 1964 dưới chính thể Cộng Hòa.

Tôn chỉ của Gia Đình Phật Tử là tu học theo: Phật, Pháp, Tăng

Châm ngôn của Gia Đình Phật Tử Việt Nam là: Bi-Trí-Dũng

Năm hạnh nguyện của Gia Đình Phật Tử là: Tinh Tấn, Từ Bi, Hỷ Xả, Trí Tuệ, Thanh Tịnh

Đồng phục là màu Áo Lam (khói hương) dùng chung cho nam, nữ đoàn sinh, tuỳ giới tính như áo sơ mi Lam, quần ngắn màu xanh dương đậm, cho nam, áo dài Lam, quần trắng cho nữ giới. Các em Đồng nữ dưới 12 tuổi, áo sơ mi Lam, jupe màu xanh dương đậm.

Phương pháp huấn luyện, chương trình tu học gồm có: Phật Pháp, hoạt động thanh niên, hoạt động xã hội, trình diễn văn nghệ, luyện tập võ thuật (nếu có).

Đơn vị sinh hoạt của tôi là chùa Giác Minh, quận 3, Phan Thanh Giản, Saigon, trực thuộc Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại Miền Nam, sau này là Miền Vĩnh Nghiêm, không có vị trí địa dư, vì đất nước bị chia hai, Miền Bắc bị nhuộm đỏ và theo thể chế chính trị chuyên chính vô sản.

Quý vị cao tăng mà tôi được chỉ giáo sau này là cấp lãnh đạo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước và thế giới tự do : Hoà Thượng Thích Tâm Châu, Hoà Thượng Thích Quảng Độ, Hoà Thượng Thích Hộ Giác, Hoà Thượng Thích Đức Nhuận, Hòa Thượng Thích Thanh Long, Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm, Hoà Thượng Thích Tâm Giác, Hòa Thượng Thích Thanh Cát, Thượng Tọa Thích Độ Lượng, Hoà Thượng Thích Thanh Đạm, Hoà Thượng Thích Huyền Minh, Pháp Sư Thích Giác Đức…

Các đơn vị Gia Đình Phật Tử Việt Nam đều tập họp, sinh hoạt, tu học tại chùa, từ thị thành đến thôn quê, thường hội họp vào mỗi chiều chủ nhật, từ một giờ trưa đến sáu giờ chiều. Chương trình gồm phần tụng niệm thời kinh, học Phật Pháp, học về hoạt động thanh niên, xã hội, tập dợt văn nghệ.

Hàng tháng đều có tổ chức các buổi cắm trại, tham gia các khoá huấn luyện ngoài trời, thỉnh thoảng lo trình diễn văn nghệ và triển lãm dành cho đại chúng tham gia. Bên cạnh đó còn những công tác uỷ lạo, cứu trợ nạn nhân thiên tai, bão lụt, hoả hoạn…

Hoạt động thanh niên, xã hội là những mục thu hút phần lớn thanh thiếu niên như: học về tín hiệu morse, semaphore, thực tập thắt gút, giây, xem phương hướng, dựng lều trại, bắc cầu giây, làm bếp, nấu ăn cho tập thể, học cứu thương, cứu hoả, tập cách mưu sinh thoát hiểm, theo phương pháp rèn luyện, thử thách, hy sinh, của phong trào Hướng Đạo Sinh thế giới, do Sir Baron Baden Powell sáng lập năm 1907.

Mẹ tôi đã chọn cho tôi con đường đi, vào đoàn năm 1958, sinh hoạt trên 10 năm, đến năm 1968, Tết Mậu Thân, khi cộng quân mở đợt tổng tấn công trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà, tôi tình nguyện gia nhập Không Quân Việt Nam, mặc dù có đủ điều kiện để được hoãn dịch vì lý do gia cảnh, nghề nghiệp và học vấn.

Suốt 10 năm sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử, trải qua nhiều khoá huấn luyện, từ một đoàn sinh Thiếu Niên trẻ tuổi nhất lúc bấy giờ, tôi được đào tạo thành Đội trưởng với 12 đội sinh, rồi Đoàn trưởng có trên 60 đoàn sinh, uỷ viên ngành Thiếu với hơn 200 Đoàn sinh trong vùng thủ đô cũng như ngoại ô Saigon. Cứ người đi trước, tận tình hướng dẫn người đi sau, để nuôi dưỡng và phát triển phong trào vững mạnh.

Nhờ những năm đến với chùa, với đoàn, cùng học tập, rèn luyện, mình đã rút tỉa, chiêm nghiệm, nhiều bài học quý báu, thiết thực, hữu ích trong cuộc đời, để mang ra ứng dụng trong mọi hoàn cành. Khi bước vào lính, cũng như lúc bị tù đày, khi thất thế, chao đảo, lắm lúc tuyệt vọng, mình cố gượng dậy, không bị khuất phục, và mạnh dạn tiến bước. *Màu Áo Lam bất diệt.*

Theo các anh chị em, từng quen biết nhau trên 50, 55, 60 năm qua, quả thật là *"Màu Áo Lam Bất Diệt"*, vì nó không có màu sắc của quyền thế, lợi lộc, tài sản, chức vụ, vật chất. Gặp lại nhau sau bao

thế sự thăng trầm, biến đổi, vinh nhục, sự gắn bó, thân tình, ân cần thời xa xưa vẫn không có gì thay đổi, lạt phai.

Trên bước đường đời xuôi ngược, dù trong hoàn cảnh, không gian, vị trí nào, mỗi khi gặp lại các anh chị em từng là huynh trưởng, đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Việt Nam, thì ngay lập tức cảm được sự gần gũi, cái tình thân và tin cậy lẫn nhau.

Còn nhớ rõ, khi Việt Cộng đổ tù cải tạo xuống vùng núi rừng Việt Bắc năm 1976, bộ đội Phòng Không của Miền Bắc phát lều, để dựng tạm làm nơi trú ẩn, chờ làm nhà tranh, vách đất. Mười hai người nhận một túi lều vải với cọc, giây, để căng lên che mưa nắng. Nếu không từng cắm trại suốt 10 năm sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử Việt Nam thì như nhiều bạn đồng cảnh khác, tôi đã không biết cách nào để dựng lều, xây bếp, nấu ăn, làm hố vệ sinh, vét rãnh thoát nước… trong những ngày đầu của cuộc sống tù tội, lao động khổ sai trên đất Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, sau tháng 4 đen, 1975.

Cái luận điệu giả dối, tuyên truyền đi trình diện, mang theo tối đa 30 ngày lương thực "học tập cải tạo, để trở thành người dân lương thiện trong xã hội mới". Với rất nhiều người, cái "30 ngày ấy" đã kéo dài đến 4380 ngày hay hơn nữa, chưa kể những chiến hữu, đồng đội mà cái lần phải từ biệt cha mẹ, vợ con để đi trình diện là lần cuối cùng nhìn thấy mặt nhau.

Xin thành kính tưởng niệm những bạn tù xấu số đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng đất lạnh và được siêu thoát nơi cõi vĩnh hằng.

Màu Áo Lam Bất Diệt

Phật Tử Tinh Tấn

Thiện Thuận/Diệu Hòa/Th2

NHA TRANG

Miền Thuỳ Dương Cát Trắng

1969

Nha Trang, Miền Thuỳ Dương Cát Trắng mênh mông, diện tích hơn 500 km2, cách Saigon gần 400 km, nước biển xanh trong vắt, nắng ấm quanh năm, trăng thanh gió mát với nhiều thắng cảnh thơ mộng nổi tiếng như Bãi Tầm Dương, Thuỳ Dương, Hòn Chồng, Hòn Yến, Hòn Tre, Hòn Mun, Hang Dơi, Cầu Đá, Chợ Đầm… cùng với di tích lịch sử quý hiếm, kiến trúc cầu kỳ từ thời các vị Vua Chiêm Thành thuộc vương quốc Champa để lại như Tháp Bà linh nghiệm, được dựng lên từ thế kỷ thứ 9, lâu nay vẫn thường xuyên thu hút bao du khách thập phương. Xa hơn chút nữa là bãi biển Ninh Hoà, Đại Lãnh, Phú Yên, được liệt kê vào danh sách những vùng biển đẹp nhất thế giới và Cam Ranh, cách Nha Trang 40 km là một vị trí chiến lược hàng đầu được nhiều cường quốc Nhật, Nga, Mỹ chiếu cố từ hàng trăm năm trước
.

Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hoà có Viện Hải Dương Học, Viện Pasteur, nhiều cơ sở tôn giáo, chủng viện và các trường trung học nổi tiếng như Võ Tánh, Taberd, Lý Thường Kiệt…
Ngoài những nét chính được biết đến như một trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, du lịch, Nha Trang từng được ví là "Hòn Ngọc Biển Đông". Nơi đây còn là nơi đặt nhiều quân trường đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, thuộc các quân, binh chủng Hải Quân, Không Quân, Biệt Động Quân, Pháo Binh, Truyền Tin, trường Hạ sĩ quan Đồng Đế, Dục Mỹ…

Nha Trang cũng là nơi đồn trú của Sư Đoàn 2 Không Quân yểm trợ phi pháo, hoả lực và cung cấp phương tiện trực thăng vận cho các tỉnh thuộc Quân Khu 2 Việt Nam Cộng Hoà gồm: Kontum, Bình Định, Pleiku, Phú Bổn, Phú Yên, Khánh Hoà, Darlac, Quảng Đức, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Lâm Đồng và Bình Thuận.

Vì nhu cầu đào tạo lúc bấy giờ, Quân Trường Nha Trang không còn chỗ tiếp nhận chúng tôi nên khóa 7/68 Không Quân được gởi thụ huấn tại các quân trường Lục Quân. Sau khi tốt nghiệp khoá sĩ quan căn bản Bộ Binh ở quân trường Thủ Đức, chúng tôi về trình diện Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất chờ phân phối ra đơn vị hay theo học các khoá chuyên môn trong nước hoặc Hoa Kỳ, tuỳ từng ngành nghề đã được trắc nghiệm và phân loại.

Một số sĩ quan được đào tạo trong nước cho hành chánh, tài chánh, tổng quản trị, quân cảnh, phòng thủ, vũ khí, huấn 1uyện, quân y, quân báo, an ninh, chiến tranh chính trị…

Những ngành du học ở Mỹ như bảo toàn phi cơ, không lưu, khí tượng, quản đốc nhân lực, tiếp liệu, truyền tin điện tử, thông tin báo chí, viễn thông, chuyển vận…

Các bạn trong ngành phi hành đều đi Hoa Kỳ để học điều khiển trực thăng, vận tải, khu trục, phản lực cơ. Chỉ riêng với loại quan sát cơ L-19, phi công được đào tạo tại trường bay Phi Yến thuộc Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang.

Trước khi lên đường thụ huấn ở Hoa Kỳ, các ứng viên đều phải học thêm Anh Ngữ cấp tốc tại Trường Sinh Ngữ Quân Đội. Số khoá sinh không ngừng gia tăng nên không đủ trường lớp và giảng viên để cung ứng kịp thời cho nhu cầu, nhiều khách sạn ở Saigon được sử dụng làm trường dạy Anh Văn. Việc bảo vệ an ninh cho những địa điểm này rất phức tạp vì nằm trong khu vực đông dân cư, nhiều vụ tấn công bằng chất nổ, lưu đạn đã xảy ra liên tục bởi đặc công cộng sản nằm vùng trà trộn.

Tập họp cùng lúc đến vài ngàn quân nhân, nguyên lo chỗ ăn ở, tổ chức dạy Anh Ngữ, duy trì quân phong, quân kỷ đã không đơn giản nhất là trong khi chiến tranh lúc càng leo thang. Mặt khác, theo quy định của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH thì chỉ những sĩ quan mới được về nhà hàng ngày, sinh viên sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ phải sinh sống tập thể, được quản lý chặt chẽ, như trong các quân trường.

Bởi những lý do ấy, "Tent City" tức "Thành Phố Lều" thật lớn được Công Binh Kiến Tạo dựng lên gấp rút tại vùng Gò vấp, Ngã Ba Chú Ía, gần Quân y viện Cộng Hoà, có sức chứa vài ngàn khoá sinh. "Tent City" này tương tự như những trại tỵ nạn cộng sản ở các quốc gia Châu Á, Úc, như Indonesia, Hồng Kông, Philippines, Malaysia, Australia mà chúng ta thấy sau năm 1975 đã mau chóng mọc lên như nấm để tiếp nhận làn sóng hàng trăm ngàn "Boat People" dồn dập đến!

Nhờ xuất thân từ Trường Bộ Binh Thủ Đức, mang cấp bậc Chuẩn uý, đã qua những cuộc thi trắc nghiệm, có chỉ số chuyên môn và được phân ngành cũng như đã lượng định trình độ ngoại ngữ, nhóm chúng tôi 54 Chuẩn uý, được vận tải cơ quân sự C-47 đưa đến Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang để trao dồi Anh Ngữ cho chuyến du học Hoa Kỳ. Anh em chúng tôi thường đùa với nhau là không ngờ mình lại thảnh thơi, nhàn hạ như thế, thật là con người "có số" làm lính mà vừa học, vừa chơi.

Nhưng…nhiều mâu thuẫn bất ngờ đang chờ đón, chúng tôi bị xem là "hiện tượng lạ" vì Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang chưa bao giờ chứng kiến sự có mặt của những quân nhân như vậy. Từ lúc thành lập dưới thời quân đội Pháp hồi đầu thập niên 50 đến lúc đó, chỉ những ứng viên dân sự vừa gia nhập Quân Chủng Không Quân mới đặt chân đến đây để bắt đầu học tập thành lính Tàu Bay, tất cả đều phải nếm mùi "huấn nhục" gian khổ cộng với những hình phạt khắt khe vô lý nhất đối với xã hội bên ngoài đến mức mà nhiều người đã bỏ cuộc vì không kham nổi.

Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang

Giờ đây, với "những quan đất mới toanh" chúng tôi, bất ngờ xuất hiện! Đại tá Chỉ Huy Trưởng Nguyễn Ngọc Oánh đã nghiêm khắc ban lệnh dành riêng cho 54 "thằng chúng tôi" phải qua "huấn nhục" trong thời gian ở Nha Trang. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang đón những khoá sinh KQ tốt nghiệp từ các trường Sĩ Quan Lục quân, nên theo Bộ Tư Lệnh Không Quân việc đối xử không thể được áp dụng theo đúng truyền thống, có nghĩa là "không có chuyện bị lột lon, bắt bò" như các ứng viên dân sự mới đặt chân đến quân trường này.

Trong tình hình chính trị và ngoại giao biến chuyển dồn dập, chiến sự bùng phát mãnh liệt do áp lực nặng nề từ phía cộng sản Miền Bắc và thiếu thiện chí của đồng minh Hoa Kỳ, chính phủ Việt Nam Cộng Hoà vùng vẫy để cố giữ vững Miền Nam bằng mọi giá nên dù muốn dù không, Saigon gấp rút ban hành nhiều biện pháp chống đỡ, hầu kịp thời ứng phó với hoàn cảnh nghiêng ngửa lúc đó.

Kế hoạch đưa chúng tôi ra Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang học Anh Văn cũng là một chuyện chẳng đặng đừng, rất khó xử cho mọi cấp, được xem là chuyện "khó tin nhưng có thật". Sống chung khu barrack với các sinh viên sĩ quan là điều khó chấp nhận, ra vào gặp nhau, khó ăn nói. Ban đêm, các sinh viên sĩ quan "huấn nhục" chung quanh dãy nhà chúng tôi ở cho đến sáng, làm ảnh hưởng đến chúng tôi ít nhiều.

Sau nhiều phiên họp bàn gay go, xin ý kiến từ Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất, Bộ Chỉ Huy Quân Trường Nha Trang quyết định: giao nhóm chúng tôi cho Đại uý Tôn Thất Lăng, sĩ quan khoá 16 Trường Võ Bị Dalat, từ Thuỷ Quân Lục Chiến thuyên chuyển về Không Quân, trực tiếp chỉ huy. Trung tá Lê Bá Toàn, Giám Đốc trường Anh Ngữ, phụ trách phần văn hoá, sinh ngữ. Tôi được chỉ định là Trưởng khoá, điều hành tổng quát trong nội bộ, kể cả việc mỗi tháng bay về Saigon, lãnh lương ra phát lại cho các bạn. Toàn bộ 54 Chuẩn uý phải dọn gấp ra khỏi phạm vi quân trường Nha Trang, đến tá túc nơi trạm xá của Y sĩ Trung tá Bùi Quốc Trụ, trong suốt thời gian thụ huấn.

Chương trình học Anh ngữ bắt đầu từ 8 giờ sáng đến một giờ trưa mỗi ngày, thứ 2 đến thứ 6, nhân số mỗi toán có 10 người. Huấn luyện viên là quân nhân Hoa Kỳ và các giảng viên Không Quân Việt Nam đã được thụ huấn nhiều khoá chuyên môn ở Mỹ. Nội dung gồm phần đàm thoại, đối đáp, làm bài tập văn phạm, ngữ vựng, thi ECL (English Comprehension Level), luyện giọng, xem phim tiếng Anh rồi thuật lại trước lớp.

Sau cơm trưa, đi luyện tập Vovinam với Thầy Minh và Thầy Long, nếu chọn Tae Kwon Do thì học với Thầy người Đại Hàn. Hứng những cú đấm, cú đá thần tốc, ngàn cân, buổi khổ luyện nào cũng có người bị "bầm dập", xây xát đầy mình nhưng cái lợi của võ thuật là phương cách rèn luyện cứng cỏi hữu hiệu, giúp mình tự vệ và bảo vệ người khác khi cần thiết, nhất là đối với người lính chiến cần luôn đề cao cảnh giác. Thật là may mắn chúng tôi được bình yên học hành, cùng lúc bao thanh niên đồng lứa tuổi đôi mươi như mình đang chiến đấu ngoài mặt trận, nơi rừng sâu, ngoài biển khơi, trên vùng trời và không ít người hy sinh đền Nợ Nước trong độ tuổi thanh xuân.

Mỗi sáng thứ bảy, mọi người trong quân phục Kaki vàng chỉnh tề tham dự lễ Chào Quốc Kỳ, nghe đọc "Nhật Lệnh" của Chỉ Huy Trưởng rồi "tan hàng, cố gắng". Sau đó, như những khách du lịch, ra tắm biển, phơi nắng, ngắm các người đẹp qua lại cứ như mình đi nghỉ hè nơi Miền Thuỳ Dương Cát Trắng. Buổi tối có trình diễn văn nghệ ngoài trời do các sinh viên sĩ quan thực hiện, có phim giải trí hay vào câu lạc bộ thư giãn với ly cà phê và kể cho nhau nghe những chuyện thế sự vui buồn.

Với thời gian, tình chiến hữu, huynh đệ chi binh chan hoà, các anh em sinh viên sĩ quan không còn xem chúng tôi là "quan đất" chưa nếm mùi huấn nhục dưới ánh nắng thiêu đốt của Nha Trang mà trở thành bạn bè thân thiết, giúp đỡ nhau chân tình cho đến mãi về sau. Một số các bạn sinh viên sĩ quan Không Quân đã vào quân trường này từ hai hay ba năm trước mà không được gởi học bay ở Hoa Kỳ vì không hội đủ điều kiện sức khoẻ, tiêu chuẩn an ninh hay trình độ Anh ngữ… Một số được chọn học bay quan sát cơ L-19 tại Nha Trang, số khác học ngành không phi hành, có người chuyển sang Bộ Binh. Xét chung, họ đã gia nhập Không Quân trước ngày chúng tôi vào lính năm 1968, họ thuộc các khoá 1965, 1966 hoặc 1967.

Sau kỳ thi tốt nghiệp khoá Anh Ngữ thực hành, từ giã quân trường Nha Trang với bao kỷ niệm, kinh nghiệm, vốn liếng kiến thức thu thập được, hàng ngày cắp sách đến lớp, những buổi luyện tập võ thuật, những giờ rảnh rỗi rong chơi từng ngõ ngách miền Nha Trang dấu yêu.

Máy bay C-119 lao vào tầng mây, bờ biển Nha Trang hiền hòa mất hút trong tầm mắt, hẹn một ngày tái ngộ không xa. Lúc ấy, từng lời ca quen thuộc trong "Không Quân Việt Nam Hành Khúc" của nhạc sĩ Văn Cao vọng lại trong tâm tư: "Lúc đất nước muốn, bao người con thân yêu ra đi, hối tiếc tấm thân làm chi? Đoàn ta càng đi càng xa, quyết khi về, đem lại đây chiến công, dù thân vùi quên lấp chìm…"

Về Tân Sơn Nhất làm thủ tục du học Hoa Kỳ, trong số 12 sĩ quan Không Quân ngành Chiến Tranh Chính Trị, anh Hải và tôi học Anh Ngữ ở Nha Trang, 10 bạn theo học Trường Đại học Chiến Tranh Chính Trị ở Dalat. Anh Chu Văn Hải và tôi du học Hoa Kỳ tháng 10 năm 1969, chặng đầu đến Lackland Air Force Base, San Antonio, Texas, kế đó là Defense Information School, Fort Benjamin Harrison, Indiana.

USA, một khung trời rộng mở trong thế giới tự do, cường quốc số 1 của nhân loại mà ai cũng ra sức phấn đấu để đặt chân đến. Nghiền ngẫm câu nói của ông bà "may hơn khôn" thật chí lý trong hoàn cảnh của tôi, mồ côi cha rất sớm, hoàn toàn tự lập, không thế lực, đơn độc bước vào đời lính chỉ với một vốn liếng khiêm nhường và hai bàn tay trắng.

Kính dâng Hương Linh Ba Má, xin cảm tạ các Cô Chú, Cậu Dì đã cưu mang, nuôi nấng bốn anh chị em con suốt cả cuộc đời.

Đào Hiếu Thảo/Th2

Những con số 7 trong đời tôi

Đào Hiếu Thảo

Người đời có câu nói *"3 chìm, 7 nổi, 9 lênh đênh",* như vậy theo suy nghĩ này của dân gian thì 7 là một con số tốt. Đến khi tuổi đời đã ngoài thất tuần, nhìn lại đoạn đường dài trôi nổi, thăng trầm, *"lên voi xuống chó" "vào sinh ra tử"* thời chinh chiến, lúc ngồi tù cộng sản, bị đày đi lao động khổ sai cũng như khi lăn lóc kiếm cơm trong cuộc sống trên đời thì quả thật, số 7 thường mang đến cho tôi lắm điều may mắn lạ kỳ, không thể nào giải thích được và cứ lập đi lập lại mãi cho đến hôm nay. Đôi khi số 7 cũng đến với tôi trong những hoàn cảnh kém may mắn, nhưng cuối cùng tôi vẫn vượt qua được.

Tôi chào đời năm 1947, đến năm 17 tuổi tôi quen người bạn gái đầu tiên cũng sinh năm 1947, ngày 5 tháng 2 (=7), cô ở nhà số 77 đường Yên Đỗ, Saigon.

Được chấm đậu hồi tháng 12 năm 1966, sang tháng giêng năm 1967, lúc 19 tuổi tôi chính thức trúng tuyển và bắt đầu làm xướng ngôn viên tin tức, thời sự tại đài phát thanh Saigon với ông Xếp đầu tiên là nhạc sĩ Lê Dinh, Chủ sự Phòng Sản xuất/ Sở Chương trình do nhà văn Thái Thuỷ phụ trách. Một điều lạ nữa trong đời là ông Xếp cuối đời binh nghiệp của tôi cũng tên Dinh, chuẩn tướng Võ Dinh, Tham Mưu Trưởng Không Quân.

Năm 1968, Việt Cộng mở trận tổng công kích vào Tết Mậu Thân trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà, tiến quân vào Saigon gây bao cảnh tang tóc, hoang tàn, đổ nát, người chết oan thây nằm đầy đường, ngay cả trước Chợ Bến Thành. Đất nước nguy biến, đáp ứng lệnh tổng động viên của chánh phủ, tôi quyết định gia nhập Không Quân Việt Nam.

Qua kỳ thi tuyển văn hoá, khám sức khoẻ, tôi được xếp vào tài nguyên của khoá 7/68 Không Quân, gồm gần 300 khoá sinh phi hành và không phi hành. Lễ khai giảng khoá chúng tôi được tổ chức ngày 7 tháng 10 năm 1968, tại Trung Tâm Huấn Luyện Tân Binh ở Quang Trung/Hóc Môn. Chương trình huấn luyện kéo dài 10 tuần, ra trường với cấp bậc Binh Nhì.

Ngày đầu bước vào quân trường, khi đứng xếp hàng từ thấp lên cao để chia thành tiểu đội, trung đội, tôi được mang trên ngực bên phải bản danh số 133, cộng lại là 7. Thời gian huấn luyện quân sự tại Quang Trung và Trường Bộ Binh Thủ Đức kéo dài đúng 7 tháng, từ tháng 9 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969. Theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp tôi được lưu lại tại Khối Quản Trị Nhân Lực/Bộ Tư Lệnh Không Quân, Tân Sơn Nhất thì trong tổng số trên 1800 Chuẩn uý tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức khoá 7/68, tôi được xếp hạng thứ 7.

Tính theo ngày chính thức khai giảng khoá 7/68 Không Quân, đúng hai năm sau, tôi thăng cấp Thiếu uý hiện dịch ngày 7 tháng 10 năm 1970, rồi Trung uý ngày 7 tháng 10 năm 1972. May mắn hơn nhiều bậc đàn anh trong Không Quân cũng như các quân binh chủng khác, có người mang cùng một cấp bậc suốt trên dưới 5 năm ròng rã, tôi chỉ mang Trung uý với thâm niên 21 tháng (= 3X7) là được thăng cấp Đại uý, đặc cách theo chức vụ Trưởng Ban Biệp Tập, Phát Thanh, Truyền Hình/Phòng Tâm Lý Chiến/Bộ Tư Lệnh Không Quân.

Lập gia đình vào tháng 7 năm 1971, cháu Khiêm, con trai đầu lòng chào đời ngày 17 tháng 11 năm 1973.

Sau 7 năm phục vụ Không Quân Việt Nam từ 1968 đến 1975, binh nghiệp của tôi chấm dứt vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi bộ đội cộng sản tiến vào Saigon và thôn tính trọn Miền Nam. Năm đó tôi được 27, qua sinh nhật 28 tuổi, ngày 11 tháng 11 năm 1975, tôi đã bị nhốt trong Thành Ông Năm, doanh trại cũ của Liên Đoàn 5 Công Binh Kiến Tạo tại Hóc Môn được 5 tháng.

Tôi bị đày đi lao động khổ sai suốt 6 năm từ Nam ra Bắc (1975-1981) qua tất cả 7 trại tù, 2 trại ở Miền Nam (Hóc Môn & Long Giao) và 5 trại đến Đất Bắc (Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái, Nghệ An, Hà Tĩnh).

Đến sum họp gia đình, định cư, lập nghiệp tại Bruxelles, thủ đô vương quốc Bỉ năm 1982, tôi mua được căn nhà tháng 7 năm 1987, tại số 37 đường Jan Van Ruusbroeck, quận Evere. Năm đó tôi cũng được Quốc Vương Baudouin ký sắc lệnh cho phép nhập tịch, trở thành công dân Bỉ.

Năm 1987, Uỷ Ban Điều Hợp Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tại Âu Châu được thành lập, trụ sở trung ương đặt tại Bruxelles, đại hội Quân, Cán, Chính đề cử tôi giữ trách nhiệm Phó Tổng Thư Ký, phụ tá cho cựu Đại Tá Mai Viết Triết, hiện sinh sống tại Paris.

Đến tháng 3 năm 1997, từ Bruxelles tôi sang Hoa Kỳ tái hợp với người bạn gái sinh ngày 5 tháng 2, 1947 và làm việc cho Ban Việt Ngữ Đài Á Châu Tự Do.

Tháng 7 năm 1999, Thuận và tôi mua được căn nhà hiện tại, ở số 8057 Alexandria, VA, điện thoại 4 số cuối là 0847, chỗ đậu xe 430 (cộng lại bằng 7), số hộp thơ 16 (= 7). Xe Lexus của tôi mang bảng số XZN 9134 (=17). Sau này đổi bản số mới số VJV 3068 (=17)

Năm 2007 tôi được nhập quốc tịch Mỹ, cùng năm ấy nhân chuyến công tác tại Thái Lan, tôi được RFA chấp thuận cho về Việt Nam một chuyến, thăm lại Saigon, Huế, Hà Nội, Hải Phòng, Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, sau gần 26 năm xa quê hương (01/1982- 12/2007).

Cháu nội đích tôn của tôi là Đào Hiếu Minh, sinh tại Bruxelles ngày 7 tháng 2 năm 2009, cháu nội gái là Đào Hiếu Kim, chào đời ngày 22 tháng 12 năm 2010. Ngày 22/12 cũng = 7.

Mới đây nhân dịp Quân Trường Mẹ ở Thủ Đức, Nam Định, Đồng Đế, Long Thành kỷ niệm 61 năm thành lập, tổ chức tại Virginia, khi biên soạn tài liệu về trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi mới nhớ lại là gia đình bên nội của tôi cũng có 7 sĩ quan xuất thân từ trường Võ Khoa này. Cha tôi, ông Đào Hữu Đức nhập ngũ vào khoá 2 Thủ Đức năm 1952, chú 7 Thông của tôi đi khoá 24 năm 1966, chú 8 Kiên của tôi theo học khoá 13, năm 1962, tôi vào lính Không Quân, thụ huấn qua trường Bộ Binh Thủ Đức năm 1968. Ba người em con các cô 3 và cô 5, Trung úy Hiếu, Thiếu úy Ngọc, Chuẩn úy Kim cũng xuất thân từ quân trường Thủ Đức trong những năm 1970.

Trong số 7 sĩ quan trừ bị Thủ Đức thuộc giòng họ bên nội, có ba tôi, từ trần vì công vụ năm 1957, ông hưởng dương 35 tuổi, vậy là tôi và các em mồ côi cha cũng trong một năm với số cuối là 7. Sau Ba tôi là Trung úy Phan Trọng Hiếu, con duy nhất của cô 3 tôi, tử trận tại một tiền đồn ở Trà Vinh năm 1973, khi một tiểu đoàn cộng sản tràn ngập, xoá bỏ cứ điểm và giết sạch binh lính cùng vợ con họ.

Hai chú của tôi một người mất một chân trái ngoài mặt trận, còn người kia bể đầu gối bên phải khi giao tranh với các đơn vị cộng sản ở Miền Tây. Thiếu uý Điền Hữu Ngọc, con cô 5 tôi bị trọng thương tại mặt trận Ban Mê Thuột. Đến nay, chỉ duy nhất một mình tôi may mắn, tương đối được an lành, trong thời chiến cũng như những năm tù lao động khổ sai sau tháng tư đen 1975, dù không tránh được những căn bệnh ngặt nghèo tiềm ẩn, nguy hiểm đến tính mạng, có lẽ là nhờ Ơn Trên che chở và phước đức ông bà nội, ngoại để lại.

Cô Út của tôi, Đào Thị Quí, cũng sinh năm 1947, đã bị công an rượt bắt khi chiếc tàu chở hai mẹ con cô và hàng trăm thuyền nhân khác vượt biên đang tiến ra hải phận quốc tế, ngoài khơi Châu Đốc. Cô bị trúng thương, mất nhiều máu, không được cho băng bó, họ lôi vào bờ để nằm đó, chết dần chết mòn, trong cái thoi thóp đói lạnh, toàn thân bị ướt sũng, theo lời kể lại của các nhân chứng và y tá. Lúc đó là năm 1977, cô và tôi đều 30 tuổi, cô qua bên kia thế giới, còn tôi thì bị giam trong hoả ngục cộng sản tại miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, trong vùng Hoàng Liên Sơn sát biên giới Trung Cộng.

Người cậu duy nhất, em trai kế mẹ tôi, ông Đỗ Duy Giỏi, sinh năm 1927, thuyền trưởng tàu buôn, từ khi tôi biết cậu cho đến khi ông qua đời ở Houston, Texas, năm 1992, thì dường như trọn cuộc đời, ông không bao giờ được toại nguyện, thoải mái, mà phải chịu lắm nghịch cảnh và khổ đau triền miên cho tới lúc nhắm mắt lìa đời.

Năm 2014 tôi bắt đầu cộng tác với hệ thống truyền hình VIETV và cũng là năm ái nữ của tôi, cháu Thùy Trâm cho tôi đứa cháu ngoại duy nhất bé Anh Huy (2+0+1+4=7).

Hôm nay, tôi viết bài về số 7 cũng đúng vào ngày 27 tháng 8 năm 2019 không hề có sự suy tính hay sắp đặt nào từ trước, hoàn toàn do sự tình cờ thật khó hiểu. Con số 7 này hầu như cứ đi theo tôi cả cuộc đời cho đến bây giờ, nên vô hình chung đã trở thành một người bạn đời thân thiết, cứ nhìn thấy nó là tôi yên tâm và ấm lòng.

Xin cám ơn đời, xin cám ơn người, xin cám ơn quý bạn đọc và cầu chúc quý vị vạn sự như ý, toại nguyện, thành đạt trọn vẹn trong cuộc sống.

Đào Hiếu Thảo/Th2

Đường vào Trại Phi Long

Tân Sơn Nhất, Saigon năm 1968

Thông báo tuyển mộ vào các ngành Hải Quân, Không Quân, Trường Võ Bị Quốc Gia Dalat, Chiến Tranh Chính Trị, Cảnh Sát Quốc Gia, được phổ biến rộng rãi qua các phương tiện thông tin đại chúng khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà, sau khi lệnh Tổng Động Viên được chánh phủ ban hành khẩn cấp vào giữa tháng 6 năm 1968, năm Việt Cộng mở trận tổng công kích khắp các tỉnh thành Miền Nam, vào những ngày mừng Xuân, đón Tết Nguyên Đán.

Đã chuẩn bị tinh thần và sẵn sàng lên đường tòng quân, tôi chọn Quân Chủng Không Quân Việt Nam, lúc đó đang cần những phi công điều khiển khu trục, vận tải, trực thăng, quan sát, cùng một số lớn chuyên viên kỹ thuật thuộc đủ mọi ngành nghề như: yểm trợ, bảo toàn, không lưu, tiếp liệu, truyền tin, hành chánh, tài chánh, huấn luyện, quân báo, phòng thủ, chiến tranh chính trị…

Khi nộp đơn dự kỳ thi tuyển tại cổng Trại Phi Long, Tân Sơn Nhất, Ban Tuyển Mộ thông báo ngày, giờ cùng địa điểm tổ chức các cuộc thi văn hoá và vấn đáp.

Kỳ thi tuyển sinh viên sĩ quan Không Quân Không Phi Hành diễn ra tại trường Quốc Gia Nghĩa Tử, gần Lăng Cha Cả, bên cạnh nghĩa trang quân đội Pháp, cách căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất không xa.

Sinh viên sĩ quan Phi Hành, sau này khi thành tài sẽ điều khiển đủ loại phi cơ thuộc Không Quân Việt Nam, không cần phải thi tuyển văn hoá, tuy nhiên, phải trải qua những cuộc khám sức khoẻ rất cam go, kỹ càng, tiêu chuẩn về thể lực phải hoàn toàn, mọi dấu hiệu khác thường đều không được chấp nhận và ứng viên sẽ bị loại. Thông thường tỷ lệ được Hội Đồng Y khoa Không Quân áp dụng khi chọn các ứng viên phi công từ dân sự vào là 1%. Sau này khi nhu cầu chiến trường đòi hỏi gấp rút, Không Quân Việt Nam đón nhận các sĩ quan lục quân từ những

đơn vị chiến đấu, khắp các Quân Khu, về học bay trực thăng, thì tiêu chuẩn đó được phần nào gia giảm.

Đến hôm thi tuyển vào các ngành không phi hành, bước vào sân trường Quốc Gia Nghĩa Tử, vì là sáng thứ bảy, học sinh không đến lớp, nhưng đã thấy chật cứng người, tầng nào, phòng nào cũng đầy ứng viên chờ đợi đến giờ thi, ước tính có đến vài ngàn người.

Đề thi bao gồm luận văn về kiến thức tổng quát, bài thi ngắn về triết, việt văn, toán lý hoá, sinh ngữ Anh, Pháp. Các giám khảo là sĩ quan Không Quân thuộc nhiều thế hệ từ đầu thập niên 50 về sau.

Bài thi viết Pháp Văn với đề tài “Vì sao bạn thích gia nhập Không Quân Việt Nam?” Không do dự hay cần suy nghĩ, một thực tế bỗng quay về từ trong ký ức. Tôi viết không ngừng nghỉ; “Khi tham gia Sư Đoàn Sinh Viên Bảo Vệ Thủ Đô Saigon, mới cách đó ít tháng, trong một phiên gác đêm, cùng tiểu đội đóng trên một cao ốc gần nhà máy đèn Chợ Quán, chúng tôi đã thấy rõ tận mắt sự can thiệp của các phi cơ trực thăng và vận tải võ trang, chống trả, truy kích và phá vỡ lực lượng Việt Cộng đang mở những cuộc pháo kích hướng vào nhiều mục tiêu dân sự ở Saigon.

Từ trên cao, tiểu đội của chúng tôi thấy những đóm lửa loé sáng cùng những tiếng nổ vang rền của đạn bích kích pháo rót bừa bãi vào các khu đông dân cư, không còn nghi ngờ gì nữa, nhất định đây không thể là từ các đơn vị quân đội Cộng Hoà, mà chắc chắn là tội ác của quân cộng sản Bắc Việt giết hại dân lành.

Chừng nửa giờ đồng hồ sau, các đợt pháo kích của cộng quân, chưa ngớt thì nhiều phi cơ trực thăng xuất hiện, bao vùng và tác xạ vào những vị trí của đối phương, trong khi đó, nhiều máy bay vận tải cũng có mặt tại chỗ, thả hoả châu soi sáng quanh khu vực được dùng làm bệ phóng các loại hoả tiễn và bích kích pháo của địch quân. Các tràng đại liên từ phi cơ vận tải bắn xối xả, phá vỡ và làm tắt tiếng những ổ trọng pháo của đối phương. Các trực thăng và vận tải cơ võ trang của Không Quân Việt Nam lưu lại trên vùng trời đến khi chiến trường được giải toả, an ninh vãn hồi thì họ biến dạng trong đêm tối.

Đêm hôm ấy, nếu không có sự can thiệp nhanh chóng và hữu hiệu của các phi cơ Không Quân Việt Nam thì sinh mạng của người dân còn bị uy hiếp, tình hình trong nội thành và ngoại ô Saigon còn lắm hiểm nguy.

Câu chuyện thật với đầy đủ tình tiết mà chúng tôi quan sát tận mắt, hồi hộp theo dõi ngay từ phút đầu cho đến hồi kết cuộc, giúp tôi nhận thức rằng ‘sức mạnh đến từ trên cao’, trong hoàn cảnh hôm ấy, chỉ duy nhất sức mạnh của Không Quân mới áp đảo và tiêu diệt được đối phương”.

Nhưng, chiến tranh không đơn giản như thế, vì còn đòi hỏi nhiều yếu tố khác như sức mạnh của lòng dân, tinh thần của quân đội, sự hiện đại của võ khí, chiến lược đúng đắn, binh thư sáng tạo, như cổ nhân thường quan niệm là cần có “Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà”.

May mắn lại đến với tôi một lần nữa, như kỳ thi tuyển xướng ngôn viên cho đài phát thanh Saigon hai năm trước, trong số trên ba ngàn năm trăm thí sinh dự thi vào khoá sinh viên sĩ quan Không phi hành năm 1968, tôi được ở trong số hơn 200 người trúng tuyển. Thế là tôi sắp bắt đầu một cuộc sống hoàn toàn mới, gĩa từ đời sống công chức, sinh viên, để bước chân vào quân ngũ.

Sau khi trúng tuyển cuộc khảo sát về văn hoá và sinh ngữ, chúng tôi được gọi đến căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất khám sức khoẻ. Tiêu chuẩn đòi hỏi rất cao, mắt, tai mũi, họng, tim, phổi… cơ thể trong ngoài phải hoàn hảo. Nhiều ứng viên bị loại vì lý do sức khoẻ và con đường vào Trại Phi Long đã không thành, đành phải chuyển sang hướng đi khác. Anh em chúng tôi vẫn thường nhắc mỗi khi gặp lại nhau mấy chục năm sau là vì bắt buộc phải cân đủ 50 kí, nên trước khi đến trình diện Khối Quân Y, khám sức khoẻ, nếu thiếu cân nặng thì cố ăn hai tô phở, uống thêm coca, cà phê sao cho vừa đủ, cân xong thì ôm bụng chạy lẹ…Tiếp theo sau đợt khám sức khoẻ là phần điều chuẩn an ninh về cá nhân và gia cảnh của mỗi ứng viên. Những ai có liên hệ họ hàng với "phía bên kia" dù với bất cứ lý do nào, đều bị loại. Trên thực tế, cho dù có điều tra, suy tầm cẩn thận mấy thì về sau này cũng có một Trung uý lái khu trục phản lực F 5, ném bom Dinh Độc Lập sáng ngày mồng 8 tháng tư năm 1975, rồi đáp ở Đà Nẵng và một Thiếu uý khác, đào ngũ, vào bưng, rồi từ mật khu trốn về Hồ Thuỷ Tạ ở Dalat, năm 1973, cướp máy bay trực thăng đang đậu nơi ấy, mà phi công trưởng quên khoá cửa, tên không tặc lái máy bay đến đáp tại vùng gọi là "Giải Phóng".

Hoàn tất mọi thủ tục theo yêu cầu, các ứng viên được cấp phát quân trang, quân dụng tại Đoàn Tiếp Liệu trong phi trường Tân Sơn Nhất, chuẩn bị cho ngày trình diện lên đường nhập ngũ để thụ huấn giai đoạn căn bản quân sự, bước đường mà mọi chiến binh đều phải trải qua.

Vài hôm trước ngày nhập ngũ, với đầu tóc hớt ngắn của một người lính, tôi đã xuất hiện trước màn ảnh truyền hình Saigon, đọc tin tức và chào tạm biệt khán, thính giả.

Ngày 30 tháng 9 năm 1968, từ tờ mờ sáng mang theo đầy đủ hành lý, tôi đến trình diện Ban Tuyển Mộ tại cổng Trại Phi Long, Tân Sơn Nhất, để làm thủ tục nhập ngũ, trong đó có điều kiện phải phục vụ Không Quân với tư cách sĩ quan hiện dịch trong thời hạn 8 năm và không được kết hôn trong thời gian thụ huấn ở các quân trường trong nước và hải ngoại.

Đoàn xe GMC nhắm hướng Hóc Môn, Quang Trung trực chỉ, và đưa anh em chúng tôi, gần 300 người đến Trung Tâm Nhập Ngũ Số 3, Ngã Ba Trung Chánh là nơi tiếp nhận hàng chục ngàn khoá sinh gồm tân binh quân dịch, khoá sinh dự bị sĩ quan, các giáo chức, lực lượng bán quân sự… Tất cả đều được học tập, thao dợt quân sự trong vòng 10 tuần lễ, riêng các anh em binh sĩ, sau khi hoàn tất giai đoạn căn bản của một chiến binh, thì được bổ sung ngay cho hàng chục Sư Đoàn Bộ Binh, đóng khắp các Quân Khu và Vùng Chiến Thuật; từ Quang Trung họ được thuyên chuyển ngay ra chiến trường mà không được về phép thăm gia đình.

Khoá sinh dự bị sĩ quan chúng tôi, hàng tuần được về phép Saigon 24 giờ, hoặc 48 tiếng. Sau khi hoàn tất 10 tuần huấn luyện căn bản quân sự thì được chuyển lên Trường Bộ Binh Thủ Đức, theo học khoá trung đội trưởng tác chiến, trong thời gian sáu tháng, tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn uý, trước khi được gởi đi thụ huấn tại Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang và hai quân trường bên Hoa Kỳ, Texas và Indiana.

Những ngày đầu làm quen với cuộc sống chiến binh, là thời gian khó quên trong đời, thức giấc từ 3 giờ sáng, làm công tác vệ sinh doanh trại, dùng camen nhôm đựng cơm , canh, thức ăn, để chà láng các rãnh quanh doanh trại, đánh bóng như sân xi măng, chưa đạt yêu cầu thì phải chà đi chà lại, đôi khi mất hàng giờ. Tiếp theo là vệ sinh cá nhân, ăn sáng nhanh, rồi lãnh súng đạn, chuẩn bị lên đường ra bãi tập hay sân bắn.

Vì chưa quen nắng mưa, thức khuya, dậy sớm, tập luyện cam go, kỷ luật sắt thép, quá sức chịu đựng của con người, nên lần đi phép đầu tiên về thăm Saigon, lúc quay lại quân trường Quang Trung, bước chân thấy nặng nề, khựng lại, không ai muốn trở lại lò luyện thép, bốc lửa ấy nữa, nhưng khi nghĩ đến tương lai, đến những khung trời hứa hẹn, mà mình muốn mạo hiểm, tiến

thân thì lại mạnh dạn qua cổng, trở về với thực tế, với cuộc sống chiến binh mà mình đã chọn, lý tưởng mình đang theo đuổi.

Nhờ những ngày rèn luyện dưới nắng nóng cháy da, đêm trong giao thông hào lạnh như cắt mà sau này, khi lâm cảnh tù đày nơi hoả ngục cộng sản trên đất Bắc, chúng tôi đã chịu đựng được bao cảnh khắt khe, nghiệt ngã, khổ sai, áp đặt từ phía những kẻ "thắng cuộc" đối với những người chiến bại, họ còn cho chúng tôi là "không đáng làm phân bón cho cây cỏ" là những người "lầm đường lạc lối, phản động, bán nước, chống phá nhân dân"? ! ?

Vậy, cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 được Hà Nội cho là một cuộc chiến "Thần Thánh" trận "Đại Thắng Mùa Xuân" có là chiến thắng của Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa hay chỉ là một "Thế Cờ" quốc tế? Ai thắng, ai bại, ai thắng ai?

Thời gian và thực tế lịch sử đã có câu trả lời chính xác.

Thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tháng 7 năm 2019

Nay thì công luận quốc tế cũng như người Việt trong nước và hải ngoại biết rõ " Ai hèn với giặc, ác với dân?", chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa mà người dân gọi là "xếp hàng cả ngày", "xấu hổ cả nước"…sẽ đi về đâu? Chắc chúng ta ai cũng biết bài "Việt Nam Tôi Đâu?" của nhạc sĩ Việt Khang và bài thơ "Đất Nước Mình Ngộ Quá Phải Không Anh?" của cô giáo Trần Thị Lam là đáp số cho tương lai nước Việt khi mà tập đoàn Bắc Bộ Phủ còn thống trị trên quê hương mình.

Mới đây, giới quan sát thời cuộc so sánh nước Việt Nam có 95 triệu người mà thua kém Singapore với dân số 5 triệu về mọi mặt: y tế, giáo dục, môi trường, tự do ngôn luận. Về thu nhập, một người Singapore làm một năm bằng một người Việt làm trọn đời ?!

Viết ngày 4 tháng 7 năm 2019, kỷ niệm 243 năm Lễ Độc Lập Hoa Kỳ

Đào Hiếu Thảo/Đỗ Hiếu

Đời binh nghiệp: Đơn vị Không Quân đầu tiên

Phòng Thông Tin Báo Chí/Văn Phòng Tham Mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị/ Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất/ KBC 3011

Đào Hiếu Thảo/Đỗ Hiếu

Năm 1970, về nước sau khi tốt nghiệp khoá sĩ quan thông tin báo chí Defense Information School/DINFOS, Fort Benjamin Harrison, Indiana, Hoa Kỳ, tôi được thuyên chuyển về Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất, bổ sung cho ngành Chiến Tranh Chính Trị. Nơi đây là phần sở tôi đã được đến tập sự sau khi hoàn tất khoá sĩ quan căn bản Bộ Binh ở Thủ Đức, đợi ngày ra Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang học thêm Anh Ngữ.

Theo hệ thống tổ chức và chỉ huy thì trong Bộ Tư Lệnh Không Quân, trên hết có các vị Tư Lệnh, Tư Lệnh Phó, Tham Mưu Trưởng, Phụ Tá Tư Lệnh, kế đó là các văn phòng chuyên môn như : Hành Quân, Tiếp Vận, Nhân Viên, Huấn Luyện, Tài Chánh Thống Kê, Quân Y, Quân Pháp, Truyền Tin Điện Tử, Phòng Không, An Phi và Chiến Tranh Chính Trị.

Tôi được tăng cường về làm việc cho Phòng Thông Tin Báo Chí, là một trong các phần hành Tham Mưu của Chiến Tranh Chính Trị như Phòng Chính Huấn, Phòng Tâm Lý Chiến, Phòng Xã Hội, Phòng Quân Tiếp Vụ và các Phòng Tuyên Uý Công Giáo, Phật Giáo, Tin Lành.

Phòng Thông Tin Báo Chí Không Quân được thành lập năm 1969 là cơ quan phát ngôn cho Không Lực Việt Nam Cộng Hoà gồm các Ban: Thông Tin Nội Bộ, Thông Tin Quần Chúng và Giao Tế Báo Chí. Trưởng Phòng đầu tiên là Đại uý Đinh Sinh Long, năm 1971 anh thuyên chuyển đơn vị khác, thay anh Long là Trung Tá Đặng Trần Dưỡng. Cả hai anh Long và Dưỡng đều tốt nghiệp từ DINFOS.

Những công tác tổng quát Phòng Thông Tin Báo Chí Không Quân đảm trách hàng ngày gồm có: tổng kết và báo cáo hoạt động của Không Lực Việt Nam trong mỗi 24 giờ để phổ biến đến các cơ quan truyền thông quốc gia và các hãng thông tấn ngoại quốc; ấn hành bản tin nội bộ về hoạt động của các đơn vị Không Quân; buổi chiều tham dự và thuyết trình tại Trung Tâm Quốc Gia Báo Chí; cử phóng viên đến tận nơi tường thuật, làm phóng sự về những buổi lễ của đơn vị; tiếp đón, giúp đỡ phương tiện hoặc hướng dẫn các phóng viên báo chí quốc tế đến thăm viếng các đơn vị Không Quân trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà hay tháp tùng các phi vụ hành quân, huấn luyện, trên các loại máy bay của Không Quân Việt Nam…

Trưởng Ban Thông Tin Nội Bộ lúc ấy là Thiếu uý Hà Minh Đức (Đức Hà), Trưởng Ban Thông Tin Quần Chúng là Chuẩn uý Chu Văn Hải, tôi phụ trách Ban Giao Tế Báo Chí. Ba anh em chúng tôi phân chia nhau công việc chung, luân phiên đảm trách mọi công tác trong ngoài, lúc ở văn phòng, khi ra đơn vị, theo sát các phi vụ hành quân khắp bốn quân khu trong cương vị sĩ quan thông tin báo chí và cũng là phóng viên chiến trường của Không Quân.

Chỉ số chuyên môn 72.54 dành cho sĩ quan thông tin báo chí. Phóng viên chiến trường Không Quân là một ngành chuyên môn hoàn toàn mới, Phòng Thông Tin Báo Chí Không Quân là một phần sở tân lập, một thí điểm đầu tiên hầu triển khai kế hoạch phát triển ngành truyền thông đại chúng do Không Lực Hoa Kỳ huấn luyện, vì lý do đó mà Phòng Ban chúng tôi có các cố vấn sĩ quan, hạ sĩ quan Không Lực Hoa Kỳ, hàng ngày cùng làm việc bên nhau. Cố vấn trưởng thường là một Trung tá có hai hạ sĩ quan cấp Thượng sĩ và Trung sĩ phụ giúp.

Theo lịch phân công, mỗi ngày đều có toán phóng viên, nhiếp ảnh viên, chuyên viên thu hình Việt-Mỹ bay đến công tác tại các Sư đoàn Không Quân như Sư Đoàn 1 ở Đà Nẵng, Sư Đoàn 2 ở Nha Trang, Sư Đoàn 3 ở Biên Hoà, Sư Đoàn 4 ở Cần Thơ, Sư Đoàn 5 tại Tân Sơn Nhất, Sư Đoàn 6 trên Pleiku. Bộ Chỉ Huy Kỹ Thuật Tiếp Vận ở Biên Hoà là công xưởng đảm trách bảo toàn, tân trang và chế tạo phi động cơ.

Ngoài các đại đơn vị, phóng viên Không Quân cũng có mặt tại những căn cứ chiến thuật, không đoàn tác chiến, đơn vị yểm cứ như căn cứ Không Quân Phù Cát, Bình Định, căn cứ Không Quân Phan Rang, Sóc Trăng, Đài Kiểm Báo Sơn Chà, Đà Nẵng…

Để đáp ứng nhu cầu công tác, anh em chúng tôi thường xuyên được gởi theo học các lớp tu nghiệp ngắn hạn tại Bộ Tư Lệnh Đệ Thất Không Lực Mỹ (7Th Air Force Headquarter) đặt trong căn cứ Tân Sơn Nhất. Dịp này các huấn luyện viên Hoa Kỳ truyền đạt những kỹ thuật mới ứng dụng cho ngành báo chí, phát thanh, truyền hình, điện ảnh.

Mỗi khi cùng đi công tác chung với các cố vấn Mỹ, chúng tôi thường đáp máy bay của không quân Hoa Kỳ như vận tại cơ C 54, có thể bay thẳng từ Tân Sơn Nhất đến Hawaii, hay CH 47 là loại trực trăng Chinook, có 36 chỗ ngồi, tức là một trung đội tác chiến với đầy đủ trang bị và võ khí.

Vừa thụ huấn chuyên môn từ Mỹ về, nay lại có cơ hội công tác, học hỏi thêm kinh nghiệm với các bạn Không Quân Hoa Kỳ dày dặn gió sương, dịp may một lần nữa đến với tôi. Có lần tháp tùng phái đoàn cố vấn trưởng Không Quân Hoa Kỳ thăm một số đại đơn vị Không Quân Việt Nam bằng vận tải cơ C 54. Hôm ấy, chúng tôi ăn sáng ở Tân Sơn Nhất, trưa họp ở Cần Thơ, bay ra Pleiku dùng cơm chiều tại Đà Nẵng và trở về Saigon trong đêm. Có lần bất ngờ được bay cùng các cố vấn Mỹ sang thăm các căn cứ Không Quân Hoàng Gia Thái Lan ở Utapao và Na Khom Phanom, những đơn vị này có nhiệm vụ canh chừng hoạt động của các máy bay Trung Cộng.

Một lần công tác khác đến thăm vùng hoả tuyến sát khu vực Đông Hà, Bến Hải, đáp các căn cứ hoả lực của pháo binh Mỹ ở A Shau, A Lưới, Bastogne… Những vị trí chiến đấu mà đối phương thường xuyên rót hàng tràng đạn pháo kích cũng như hoả tiễn. Binh lính đồn trú những nơi này, ngày đêm sinh hoạt dưới địa đạo, giao thông hào, ở lại đêm, sáng ra chúng tôi đều súc miệng bằng Johny Walker do cố vấn Mỹ đem theo và khi ngưng tiếng pháo kích thì phóng vào một thùng phuya gỗ gần đó, ngâm mình trong nước lạnh, gọi cho sang là một phút "tắm hơi", cái lạnh của nước cộng với hơi sương sớm của núi rừng, anh nào anh nấy cũng "teo hết"!

Ra chiến trận với các quân nhân Mỹ mới thấy rõ là họ được chăm lo đầy đủ về tinh thần lẫn vật chất. Ngoài trận địa nhưng hàng ngày đều có thức ăn, thay đổi thực đơn mỗi bữa, máy bay tiếp tế thường xuyên rau tươi, trái cây, coca, nước sạch. Chưa nhận được thực phẩm tươi, người lính Mỹ dùng tạm lương khô Ration C, với đồ hộp đầy đủ chất dinh dưỡng và vitamine.

Trường hợp phi cơ lâm nạn hoặc bị trúng đạn đối phương trong khi thi hành nhiệm vụ, phi công phải sử dụng ghế bung và dù tự động, để thoát thân, rơi xuống biển hoặc trong rừng sâu, các đơn vị Mỹ trong khu vực tức khắc được báo động và tìm đủ mọi cách để cứu người phi công lâm nguy, cho dù phải huy động đến hàng trăm binh lính và nhiều chiếc máy bay đủ loại mà không phải lần nào cũng thành công và trở về an toàn.

Người lính Việt Nam mình thì sao? Họ phải xoay trở mọi cách, tự lực cánh sinh, nằm gai nếm mật, đồng lương không đủ sống, khi hành quân thì ăn uống kham khổ, vợ con ở nhà thiếu thốn, cơ cực, quân trang, quân dụng hạn hẹp, võ khí thua sút đối phương, mạng sống mong manh và cam chịu số phận đắng cay làm con dân của một quốc gia non kém, chậm tiến mà còn thường xuyên bị chiến tranh tàn phá bởi những "người anh em nón cối, dép râu" hiếu chiến từ miền Bắc!

Có ra trận mạc mới thấy rõ được người lính sinh sống ra sao. Hàng ngày họ và gia đình vợ con chỉ có hai bữa cơm rau mắm, người phụ nữ phải bương chải, tự canh tác, chăn nuôi hay ra chợ mua bán để phụ với chồng nuôi đàn con. Trên bước đường hành quân, người lính vừa di chuyển vừa nấu cơm, nhờ hai bạn đồng đội gánh bếp lò than để lúc dừng quân là có bữa ăn vội vã, rồi lo đào hố cá nhân, dựng ụ đại liên, tăng cường vị trí phòng thủ, chờ giặc.

Vào thời điểm của năm 1972, nhiều đại đơn vị Không Lực Hoa Kỳ dần dần triệt thoái khỏi Việt Nam theo chính sách "Việt Nam Hoá Chiến Tranh" của Tổng thống Richard Nixon. Nhiều căn cứ được Không Quân Hoa Kỳ chuyển giao cho Không Quân Việt Nam, đa số doanh trại bị bỏ phế, cơ sở điêu tàn, việc tiếp nhận, quản lý, tu bổ là một vấn đề rất khó thực hiện vì thiếu hụt ngân khoản nên bắt buộc phải ngưng mọi hoạt động.

Cùng lúc, Không Quân Hoa Kỳ cắt giảm ngân sách viện trợ dành để huấn luyện các phi công và chuyên viên. Khóa sinh Không Quân Việt Nam đang học dở dang tại các quân trường bên Mỹ phải tức tốc lên đường quay về và bắt đầu học tập tại các đơn vị Không Quân trong nước, điều này gây nhiều bất ngờ và lúng túng cho chúng ta trước sự thay đổi đột ngột từ phía Chú Sam, sau này mới vỡ lẽ là lúc đó họ đã ngầm toan tính bắt tay với Bắc Kinh.

Năm 1972, với chiêu bài "vừa đánh, vừa đàm" *là thời gian cao điểm mà Bắc Việt chọn để gia tăng xâm nhập Miền Nam với những mưu mô, xếp đặt trước, như mở rộng Đường Mòn Hồ Chí Minh để chiến xa của họ có thể vượt qua Quảng Trị, tiến sâu xuống phía Nam, đặt hệ thống ống dẫn dầu từ Bắc chí Nam hầu cung ứng nhiên liệu cho các loại xe tăng và vận tải Molotova của chúng.*

Chiến trận ác liệt bùng nổ khắp nơi vào Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, ở Kontum, Pleiku, Đức Cơ, Trị Thiện, Bình Long, An Lộc, Cửu Long…Nhìn trên bản đồ hành quân, cứ một sư đoàn bộ binh Việt Nam Cộng Hoà là có hai sư đoàn quân chính quy của Bắc Việt kèm theo, bám sát.

Nhờ tinh thần quật khởi với những đợt phản công như vũ bảo, thần tốc, các mặt trận được lần lượt giải toả trên cả bốn Quân Khu, quân dân Miền Nam đã đẩy lui được kế hoạch của Hà Nội muốn xâm chiếm trọn Việt Nam Cộng Hoà lúc đó.

Được học hỏi và đào tạo chuyên môn ở Hoa Kỳ, nhưng khi quay về phục vụ đất nước, như bao chiến hữu khác, chúng tôi thấy rất khó áp dụng những gì đã học mà cần phải ứng dụng vào hoàn cảnh thực tế của xứ nghèo mà "người ta gọi là nhược tiểu".

Tháp tùng các phi vụ hành quân nội địa hay ngoại biên, hàng ngày chúng tôi phải bọc theo mấy nắm xôi, cơm vắt, trưa trải chiếu, nằm nghỉ dưới lườn trực thăng. Đêm quay về căn cứ, sáng sớm mai đi "cày tiếp" nói theo lời các bạn bay trực thăng và… biết đâu ngày nào đó, đi luôn vào… lòng đất mẹ như bao bạn đồng khóa đã hy sinh đền Nợ Nước.

Trực thăng của Không Quân Việt Nam yểm trợ đơn vị bạn

Đối với tôi thì không có sự lựa chọn nào khác, mình có cái duyên, cái nghiệp, phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị, làm nghề phóng viên chiến trường, sĩ quan thông tin báo chí, nên lòng luôn nhủ lòng hãy yêu thích nghề nghiệp này, phải luôn cố gắng vì mọi việc trên đời "Không Tiến Ắt Phải Lùi."

Kỷ niệm 52 năm ngày gia nhập Không Quân Việt Nam Cộng Hòa (1968-2020)

Bảy năm phục vụ Không Quân Việt Nam Cộng Hoà

1968-1975

Đào Hiếu Thảo/ Đỗ Hiếu

Không Quân còn được gọi là Không Lực Việt Nam Cộng Hoà trước 1975, được xếp hạng thứ tư trên thế giới , theo đánh giá của Ngũ Giác Đài và các chuyên gia quốc phòng Tây Phương, nhưng lại không nói ba quốc gia đứng đầu danh sách là những nước nào, ai muốn đoán thế nào cũng được, vậy cứ cho là Không Quân Việt Nam Cộng Hoà xếp sau Mỹ, Nga và Trung Quốc. Nhiều thắc mắc được nêu lên , như thế không quân các nước Anh, Pháp, Đức, Ý, Australia, Nhật, Đài Loan thì được xếp hạng mấy, trên hay dưới Việt Nam?

Theo tài liệu quân sử thì Không Quân hay Không Lực Việt Nam Cộng Hoà được chính thức thành lập vào ngày 1 tháng 7 năm 1955 với khẩu hiệu “Tổ Quốc và Không Gian”. Trong giai đoạn sơ khai từ 1951, Ban Không Quân trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, các chức vụ chỉ huy đều do các sĩ quan Pháp đảm nhận.

Lúc mới thành lập quân chủng Không Quân được Pháp giao lại 25 phi cơ vận tải C 47, 25 phi cơ khu trục cánh quạt F 8 F, hai phi đoàn quan sát với 30 máy bay liên lạc L 19. Trung tá Nguyễn Khánh là sĩ quan Việt Nam đầu tiên giữ chức Phụ Tá Không Quân cho Thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Thủ tướng Ngô Đình Diệm thành lập nền đệ nhất cộng hoà sau cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, bổ nhiệm Trung tá Trần Văn Hổ làm Tư Lệnh Không Quân đầu tiên.

Năm 1957, các căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất, Biên Hoà, Đà Nẵng được mở rộng thêm, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang được khánh thành để huấn luyện nhân sự tại quốc nội. Nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc những ngành chuyên môn đặc biệt được cử du học tại các trường không quân Hoa Kỳ.

Năm 1961, Hoa Kỳ cung cấp cho Không Quân Việt Nam nhiều phi cơ huấn luyện T 28, oanh tạc cơ hạng nhẹ B 26, vận tải cơ C 47. Liên đoàn 1 vận tải được thành lập do Trung tá Nguyễn Cao Kỳ chỉ huy. Các hệ thống hướng dẫn và kiểm soát không lưu được trang bị cho các phi trường Tân Sơn Nhất, Biên Hoà, Đà Nẵng, Pleiku.

Năm 1962, các đơn vị Không Quân tác chiến và yểm trợ chiến trường được nâng thành cấp Không đoàn chiến thuật, Không đoàn 41 ở Đà Nẵng, Không đoàn 62 Nha Trang, Không đoàn 23 Biên Hoà, Không đoàn 33 Tân Sơn Nhất, Không đoàn 74 Cần Thơ.

Dưới nền đệ nhị cộng hoà, năm 1965 Không Quân Việt Nam được Hoa Kỳ chuyển giao nhiều phi đoàn oanh tạc cơ A 37, máy bay không vận cỡ lớn C 130, trực thăng vận tải Chinook.

Cũng vào thời điểm này, các phi cơ khu trục Skyraider A1H của Không Quân Việt Nam mở nhiều đợt oanh kích, tấn công những mục tiêu cộng sản, phía Bắc vĩ tuyến 17.

Năm 1967, Không Quân Việt Nam được trang bị phi đoàn phản lực cơ chiến đấu F 5 đầu tiên.

Năm 1970, theo chương trình phát triển khẩn cấp, tối tân hoá Không Quân Việt Nam do Hoa Kỳ tài trợ, hầu đáp ứng khả năng chống trả kế hoạch xâm lược từ phía Bắc, các Không đoàn chiến thuật được nâng lên cấp Sư Đoàn Không Quân. Sư đoàn 5 Không Vận được thành lập tại Tân Sơn Nhất, Sư đoàn 6 Không Quân đặt bản doanh ở Pleiku để chia sẻ trách nhiệm với Sư đoàn 2 Không Quân ở Nha Trang cùng yểm trợ phi pháo và hành quân trực thăng vận cho 12 tỉnh thuộc Quân Khu II.

Tính đến tháng 4 năm 1975, Không Lực Việt Nam Cộng Hoà có gần 70 ngàn quân nhân các cấp, hơn 2000 phi cơ đủ loại, với 5 Sư Đoàn tác chiến, một Sư Đoàn Không Vận, Bộ Chỉ Huy Kỹ Thuật Tiếp Vận, Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân, Không Đoàn Kiểm Báo, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang, Trung Tâm Y Khoa Không Quân, Trường Chỉ Huy Tham Mưu Không Quân.

Mỗi Phi đoàn lấy danh hiệu có 3 số, nếu số đầu là 1, ví dụ Phi Đoàn 116 là liên lạc, quan sát. Số 2, như Phi Đoàn 215 là trực thăng chiến đấu, Biệt Đội 259 A, là tản thương, số 3 như Phi Đoàn 314 đặc vụ, là chuyên chở VIP, số 4 như Phi Đoàn 427 là vận tải, số 5 như Phi Đoàn 522 là khu trục oanh tạc, chiến đấu cơ, không có Phi Đoàn nào mang số 6, số 7 như Phi Đoàn 718 là thám sát, tác chiến điện tử, số 8 như Phi Đoàn 821 là Hoả Long, soi sáng trận địa, tác xạ bằng đại liên và số 9 như Phi Đoàn 918, chuyên huấn luyện phi công tương lai.

Dù tin hay không, Không Lực Việt Nam Cộng Hoà từng xếp hạng tư của thế giới, nếu chỉ căn cứ vào tài liệu thống kê, quân sử thì toàn là những con số khô khan như đã nói ở trên, nhưng có những ai từng sát cánh bên các đồng đội, chiến hữu trong nhiệm vụ như phóng viên chiến trường, sĩ quan thông tin, báo chí, nhất là trong những hoàn cảnh éo le, gian nguy, sinh tử, mới hiểu và thấy rõ là vì lòng yêu đất nước, quý đồng bào mà họ không màng đến tính mạng, quyết hoàn thành trách nhiệm, làm tròn bổn phận trai thời loạn ly, theo lý tưởng "Bảo Quốc, Trấn Không".

Rất nhiều chiến sĩ Không Quân Việt Nam, phi công trực thăng, khu trục, vận tải, quan sát cơ đã hy sinh, đền nợ nước, khi tuổi đời vừa đôi mươi. Xin thành kính tưởng niệm và tri ân anh linh các Niên Trưởng và Chiến Hữu Không Quân Việt Nam đã đi vào lòng đất Mẹ, vì Chánh Nghĩa Quốc Gia, Chính Thể Cộng Hòa và Lý Tưởng Tự Do, Dân Chủ.

Như bao chiến hữu Nhảy Dù, Biệt Kích, Thuỷ Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, Hải Quân, Người Nhái…phần đông anh em phi công sau khi tốt nghiệp đều thích chọn những đơn vị tác chiến, trực diện với đối phương. Họ xung phong bay trực thăng ở cao độ thấp, thả anh em Biệt Kích Dù ngay trong lòng địch. Nhiều phi công khu trục hăng hái lên đường theo biệt đoàn thực hiện các phi vụ Băc Tiến, lắm người đã hy sinh vì hoả lực phòng không của địch như các anh Phạm Phú Quốc, Vũ Khắc Huề…Năm 1963, trong một phi vụ thả Biệt Kích trên đất Bắc ban đêm, máy bay vận tải C 47 trúng đạn rớt, anh Phan Thanh Vân, phi công trưởng cùng phi hành đoàn và lính Biệt Kích Dù bị trọng thương và bắt sống, cầm tù hàng chục năm, nhiều đồng đội đã bị giết chết ngay hôm ấy.

Nhiều trường hợp tình nguyện bay thế lúc tình hình khẩn cấp đòi hỏi, như Chuẩn tướng Nguyễn Huy Ánh, Tư lệnh Sư Đoàn 4 Không Quân ở Cần Thơ đã đích thân lái trực thăng đi câu một phi cơ quan sát lâm nạn, vì lúc đó cần một phi công dày dạn kinh nghiệm như ông mới đảm nhiệm được phi vụ tử thần ấy. Chuẩn Tướng Ánh đã tử thương vì trực thăng do ông điều khiển chẳng may bị mất cân bằng, khi gặp sức gió quá mạnh đánh bật máy bay quan sát đang được ông câu lên để chuyển về căn cứ. Giây cáp cột máy bay bị đứt thình lình, quấn vào đuôi trực thăng ông đang điều khiển, làm máy bay đâm xuống đất. Cố Thiếu tướng Không Quân Nguyễn Huy Ánh hy sinh vì Tổ Quốc ngày 27 tháng 4 năm 1972 tại chiến trường Quân Khu IV, hưởng dương 38 tuổi.

Cũng có nhiều chiến hữu Không Quân được xét thăng cấp, chưa kịp "rửa lon" ăn mừng, chưa được gắn cấp bậc mới đã lên đường ra chiến tuyến truy kích hàng loạt các chiến xa Miền Bắc vượt vĩ tuyến, tiến vào đất Quảng Trị trong Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, và đã hy sinh.

Tình nguyện gia nhập Không Quân, ngành không phi hành sau Tết Mậu Thân năm 1968, được gởi thụ huấn quân sự và chuyên môn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, trường Bộ Binh Thủ Đức, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang, Lackland Air Force Base, San Antonio, Texas; Defense Information School, Fort Benjamin Harrison, Indiana.

Năm 1970 về nước, được thuyên chuyển vào ngành Chiến Tranh Chính Trị, Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất, công việc hàng ngày của tôi là tháp tùng các phi vụ hành quân khắp bốn vùng chiến thuật, để cùng với các đồng nghiệp tường trình lại những thành tích của Không Lực Việt Nam Cộng Hoà trên các mặt trận, qua phương tiện truyền thông quốc nội và báo chí ngoại quốc. Trong những phi vụ này, tôi tận mắt chứng kiến sự gan dạ và gương hy sinh của các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Muốn thuyết phục người khác, muốn họ tin vào những gì mình nói thì trước hết người chiến sĩ Chiến Tranh Chính Trị phải tin tưởng chính mình. Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà và Không Lực

Việt Nam được Đồng Minh xếp vào hàng thứ 4 thế giới, có lẽ họ nói không sai. Chú Sam muốn là được… Công tác đấu tranh chính trị, vận động quần chúng, hoạt động tâm lý chiến là phương cách đã từng được Trung Hoa Cộng Sản, Trung Hoa Quốc Gia, Hoa Kỳ cũng như Khối Cộng Sản đặt lên hàng đầu trong chiến dịch giáo huấn, trang bị tư tưởng vững chắc cho quân nhân các cấp.

Trước năm 1965, ngành Chiến Tranh Chính Trị trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chưa được cải tổ, nhân sự chưa được tuyển chọn, đào tạo có bài bản. Dưới thời Pháp, phần lớn sĩ quan tâm lý chiến là thành phần không được ai ưa thích, không biết phải cho ngồi đâu, đành phải bổ sung cho các phần sở về chiến tranh tâm lý, với hoạt động chính là chỉ lo ca hát, giải trí.

Dưới nền đệ nhị cộng hoà, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị được thành lập do Trung tướng Trần Văn Trung chỉ huy, trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu, bên cạnh Tổng Cục Tiếp Vận, Tổng Cục Quân Huấn.

Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đặt hệ thống chỉ huy ngang dọc từ các quân binh chủng, quân khu, tiểu khu, chi khu đến các sư đoàn, tiểu đoàn, đại đội tác chiến và yểm trợ. Ngoài ra còn có các tiểu đoàn và đại đội Chiến Tranh Chính Trị ở trung ương cũng như tại bốn vùng chiến thuật.

Sáu hình thái chiến tranh được áp dụng trong chương trình đào tạo, hướng nghiệp và phương châm hoạt động của các chiến sĩ Chiến Tranh Chính Trị bao gồm: Tư Tưởng Chiến, Tổ Chức Chiến, Tâm Lý Chiến, Tình Báo Chiến, Mưu Lược Chiến và Quần Chúng Chiến, nói chung là “Lục Đại Chiến” do quân đội Trung Hoa Quốc Gia của Thống Chế Tưởng Giới Thạch sáng tạo.

Chương trình đào tạo sĩ quan, hạ sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị được đảm nhiệm bởi Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Dalat, hoặc gởi đi thụ huấn tại Đài Loan và Hoa Kỳ. Những cá nhân lo phần hành về Tâm Lý Chiến trước đây, thường được xem là “ngồi chơi, xơi nước”, bị thay thế dần bằng nhân sự có khả năng, được huấn luyện đúng quy cách, tại các quân trường nổi tiếng thế giới.

Một số chiến sĩ Chiến Tranh Chính Trị Không Quân được người dân Miền Nam biết đến là các ca sĩ Anh Khoa, Duy Quang, Duy Cường, các tuyển thủ túc cầu hàng đầu là các anh Hảo, Tiết Anh, Ngôn, Phụng, Vĩnh…

Người chiến sĩ Chiến Tranh Chính Trị có mặt trên khắp các trận chiến, của mọi quân binh chủng, đơn vị tham mưu, tác chiến, yểm trợ, luôn sát cánh, kề cận đêm ngày với những tay súng dũng cảm khác, trong cuộc chiến trường kỳ, quyết bảo vệ Miền Nam Việt Nam, cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Những giòng cuối xin được dành để tưởng nhớ đến Chuẩn Tướng Võ Vinh, Tham Mưu Trưởng Không Quân, cựu sinh viên sĩ quan khóa 3, Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, qua đời tháng sáu, năm 2017 tại San Jose, đã cho tôi vinh dự là một thuộc cấp thân tín, được ông bổ nhiệm làm Chánh Văn Phòng, cho đến ngày 30 tháng tư đen năm 1975.

Nhớ anh Dương Hùng Cường, bút hiệu Dê Húc Càng, một chiến sĩ Chiến Tranh Chính Trị, nhà văn Không Quân đã chết thảm trong ngục tù cộng sản.

Thiếu Tá, ca sĩ Sĩ Phú, đã ra đi rất sớm, một niên trưởng đã dày công dẫn dắt đàn em, khi tôi mới được thuyên chuyển về Phòng Tâm lý Chiến Bộ Tư Lệnh Không Quân để phụ trách Ban Phát Thanh, Truyền Hình và Báo Chí năm 1972.

Vào ngày 1 tây tháng bảy năm 2019, các Hội Đoàn Không Quân Việt Nam Hải Ngoại đã tổ chức lễ kỷ niệm 64 năm thành lập Quân Chủng. Xin thành kính tưởng niệm các Niên Trưởng và Chiến Hữu Không Quân Việt Nam Cộng Hòa đã Vị Quốc Vong Thân trong cuộc chiến bảo về Miền Nam Việt Nam Tự Do, Dân Chủ (1954-1975)

Đào Hiếu Thảo/ KBC 3011/ VP TMT KQ

Lược Sử Khóa 7/ 68 Không Quân VNCH

Kính thưa quý Niên Trưởng, quý Quan Khách, anh chị em khóa 7/68 KQ và gia đình,

Xin đa tạ Ban Tổ Chức RU 50 cho chúng tôi dịp may viết lại "Lược sử khóa 7/68 Không Quân VNCH". Đây là một vinh hạnh, nhưng cũng là một việc không dễ, mong quý vị bổ túc cho những thiếu sót khó tránh khỏi.

Saigon, Việt Nam 1968, sau hai trận tổng công kích của Việt Cộng, bất ngờ tấn công thủ đô Saigon và hàng chục tỉnh thành khắp miền Nam vào Tết Mậu Thân năm 1968, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa khẩn cấp ban hành lệnh tổng động viên.

Đến giữa năm 1968, thông báo của Bộ Tư Lệnh Không Quân tuyển dụng sĩ quan phi hành và không phi hành được phổ biến trên các nhật báo, đài phát thanh, truyền hình Saigon.

Các ứng viên ngành phi hành đủ điều kiện, nhận giấy báo, đến trình diện Trung Tâm Y Khoa Không Quân/Tân Sơn Nhất. Sức khỏe phải toàn hảo, để trở thành phi công điều khiển các loại phi cơ trực thăng, khu trục, quan sát, vận tải của Không Lực VNCH. Tỷ lệ trúng tuyển là một đến hai phần trăm.

Các ứng viên không phi hành phải trải qua kỳ thi tuyển văn hóa, có phần thi viết về kiến thức tổng quát và trình độ ngoại ngữ. Địa điểm thi là Trường Quốc Gia Nghĩa Tử, cuộc khảo sát kéo dài hai ngày với trên 3000 người. Số thí sinh trúng tuyển khoảng 200 người. Sau đợt khám sức khỏe, chưa tới 170 được chính thức tuyển dụng.

Tháng 8 năm 1968, các ứng viên phi hành và không phi hành trúng tuyển được phép vào căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất / Đoàn Tiếp Liệu / Không Đoàn 33, để nhận quân trang, quân dụng, chuẩn bị cho ngày lên đường nhập ngũ.

Ngày 30 tháng 9 năm 1968, tất cả các tân khóa sinh trình diện tại cổng Phi Long và được quân xa GMC đưa đến Trại Nhập Ngũ số 3 / Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung / Trại Nguyễn Tri Phương.

(L-R): Võ Đoàn Hồng, Đào Hiếu Thảo,
Trần Quang Tuyến, Mai Đức Tuấn (Harlem, Xoắn)
TTHL Quang Trung
(Đào Hiếu Thảo cung cấp ảnh)

Đức Nhể & Đinh Bá Hạnh
TTHL Quang Trung
(Đinh Bá Hạnh cung cấp ảnh)

L-R:

Đức Râu, Hảo Phè,

Nguyễn Văn Diệm & Đinh Bá Hạnh,
TTHL Quang Trung
(Đinh Bá Hạnh cung cấp ảnh)

L-R: Hảo Phè, Nguyễn Văn Diệm, Đức Nhể,

Đinh Bá Hạnh
phía sau là Phan Tuấn Tú
TTHL Quang Trung
(Đinh Bá Hạnh cung cấp ảnh)

Phan Minh Nhơn, Nguyễn Văn Phương
Cùng các bạn 7/68KQ
Bãi Vượt Sông TTHL Quang Trung
(Nguyễn Văn Phương cung cấp ảnh)

Đào Trọng Hiệp,

Phạm Trần Dương,

Lê Như Dân,

Nguyễn Văn Phương

TTHL Quang Trung 1969
(Nguyễn Văn Phương cung cấp ảnh)

Hai hôm sau, 255 khóa sinh dự bị sĩ quan khóa 7/68 Không Quân (93 Phi Hành, 162 Không Phi Hành) được chuyển đến Tiểu Đoàn Nguyễn Huệ (nổi tiếng là khắt khe, kỷ luật sắt) Liên Đoàn A, do Đại Úy Trần Văn Hiến, Trung Úy Phạm Văn Tiền chỉ huy, nhập vào Đại Đội 78 do Trung Úy Trần Thế Phong phụ trách.

Một nhóm 7/68KQ
Tại TT Huấn Luyện Quang Trung
L-R: Phạm Kim Thành (Cậu 5),

Nguyễn Công Hải (Thẹo),

Trần Đình Phước (Biển Mặn),

Trương Văn Thanh (Lùn),

Lê Huy Cận (Lùn)

Ngày tổng khai giảng là 7 tháng 10, 1968, chương trình huấn luyện căn bản kéo dài 8 tuần gồm các môn võ khí, chiến thuật, cơ bản thao diễn, tác xạ…dưới cơn nắng nóng cháy da, thức giấc từ 4 giờ sáng, chà láng giao thông hào, cơm nhà bàn, cá mối làm chuẩn, là những kỷ niệm để đời tại "trung tâm tàn phá sắc đẹp" này, biến những chàng thư sinh thành người lính chiến rắn rỏi.

Cuối tháng 12, 1968, khóa 7/68 KQ được chuyển đến Trường Bộ Binh Thủ Đức, nhập Đại Đội 38, Tiểu Đoàn 3, do Đại Úy Nguyễn Văn Vinh và Trung Úy Ninh Xuân Đức chỉ huy. Vì thừa quân số (có thêm 30 khóa sinh HSQ KQ theo học giai đoạn 2), một Trung Đội được gởi qua Đại Đội 34 Bộ Binh, do Trung Úy Khiêm chỉ huy, nhập thànhTrung Đội 341. Sĩ quan cán bộ của Trung Đội 341 là Thiếu Úy Nguyễn Văn Lợi.

7/68KQ's
Phan Minh Nhơn, Võ Đoàn Hồng, Nguyễn Văn A, Ngu
Tại TT Huấn Luyện Quang Trung

7/68KQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(Trương Tấn Thảo cung cấp ảnh)

Bạn Hồ Viết Yên
Bò Hỏa Lực tại TT Huấn Luyện Quang Trung
(Hồ Viết Yên cung cấp ảnh)

7/68KQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(Trương Tấn Thảo cung cấp ảnh)

7/68KQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(Trương Tấn Thảo cung cấp ảnh)

7/68KQ Trường Bộ Binh Thủ Đức
(Trương Tấn Thảo cung cấp ảnh)

7/68KQ Trường Bộ Binh Thủ Đức 1969
ĐĐ 34 TĐ 341
(Lương Văn Minh cung cấp ảnh)

Chúng t ôi được huấn luyện các môn học như chiến thuật (cấp Trung Đội & Đại Đội), địa hình, võ khí, cơ bản thao diễn, quân phong, quân kỷ, đoạn đường chiến binh, cận chiến, tác xạ, chiến tranh chính trị, lãnh đạo chỉ huy, mưu sinh thoát hiểm, di hành, vượt sông và ứng chiến… Đây là những kiến thức, vốn liếng căn bản của một sĩ quan Trung Đội Trưởng Bộ Binh.

7/68KQ ĐĐ 34 TĐ 341
Ứng Chiến Gia Định 1969

Bìa trái đứng là bạn Nguyễn Đình Chiểu

Bìa phải ngồi là bạn Lương Văn Minh

(Lương Văn Minh cung cấp ảnh)

7/68KQ Hành Quân Mãn Khóa
Cổng Số 9 Trường Bộ Binh Thủ Đức 1969
(Nguyễn Văn Phương chụp & cung cấp ảnh)

Đến ngày mãn khóa, 12 tháng 4, 1969, các khóa sinh 7/68 KQ được mang cấp Chuẩn Úy và được quân xa đón về Bộ Tư Lệnh Không Quân, nhận giấy nghỉ phép một tuần, sau đó trở lại trình diện Khối Huấn Luyện để đi thụ huấn ngành chuyên môn.

Bằng Tốt Nghiệp Sĩ Quan Căn Bản Bộ Binh
Của anh Trần Văn Ria
(Phạm Văn Phú cung cấp ảnh)

Chuẩn bị du học Hoa Kỳ, các sĩ quan phi hành học trường Anh Ngữ tại Saigon, sĩ quan không phi hành học Anh Ngữ tại Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang (54 khóa sinh, do Đại Úy Tôn Thất Lăng phụ trách).

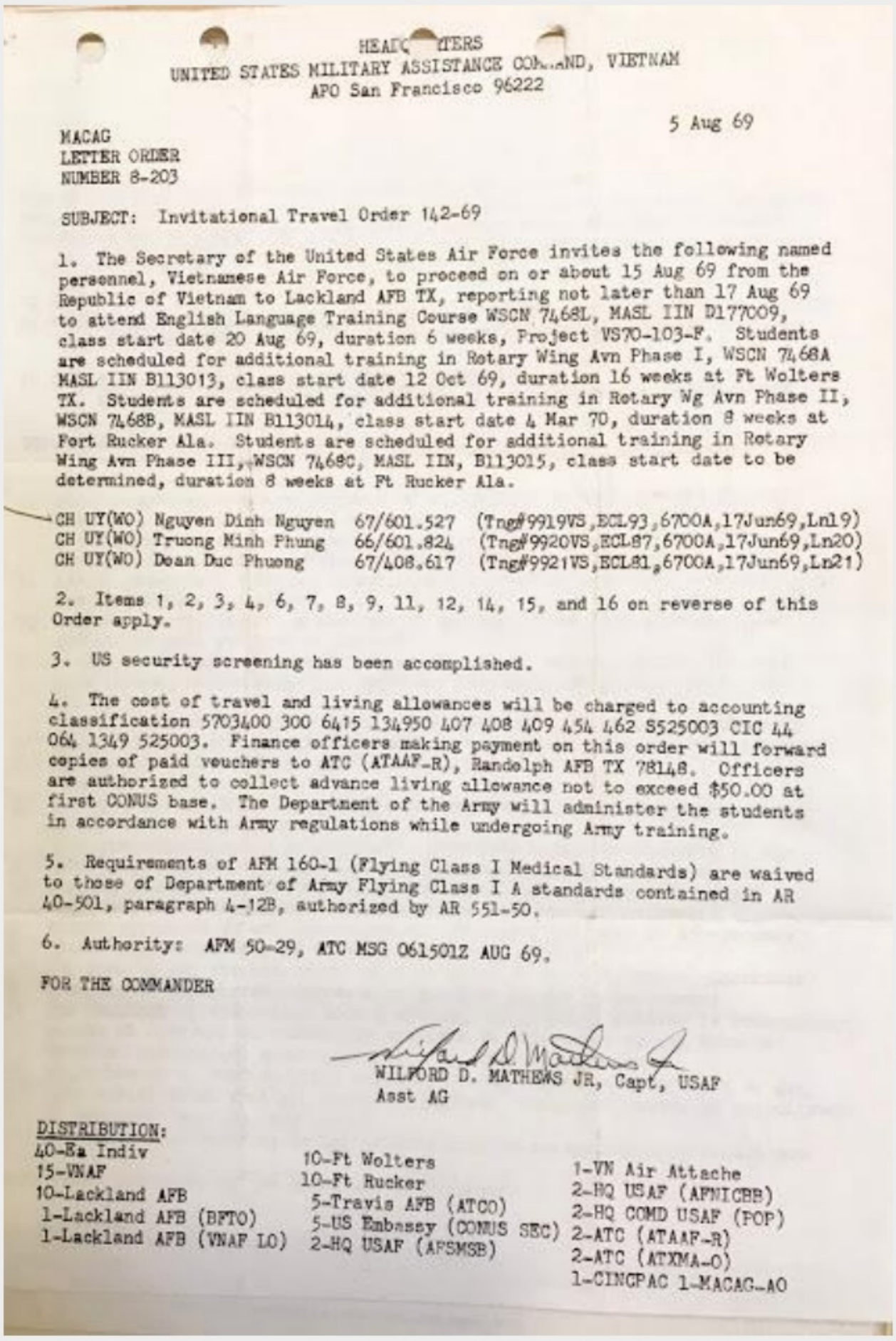

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

5 Aug 69

MACAG
LETTER ORDER
NUMBER 8-203

SUBJECT: Invitational Travel Order 142-69

1. The Secretary of the United States Air Force invites the following named personnel, Vietnamese Air Force, to proceed on or about 15 Aug 69 from the Republic of Vietnam to Lackland AFB TX, reporting not later than 17 Aug 69 to attend English Language Training Course WSCN 7468L, MASL IIN D177009, class start date 20 Aug 69, duration 6 weeks, Project VS70-103-F. Students are scheduled for additional training in Rotary Wing Avn Phase I, WSCN 7468A MASL IIN B113013, class start date 12 Oct 69, duration 16 weeks at Ft Wolters TX. Students are scheduled for additional training in Rotary Wg Avn Phase II, WSCN 7468B, MASL IIN B113014, class start date 4 Mar 70, duration 8 weeks at Fort Rucker Ala. Students are scheduled for additional training in Rotary Wing Avn Phase III, WSCN 7468C, MASL IIN, B113015, class start date to be determined, duration 8 weeks at Ft Rucker Ala.

CH UY(WO) Nguyen Dinh Nguyen 67/601.527 (Tng#9919VS,ECL93,6700A,17Jun69,Ln19)
CH UY(WO) Truong Minh Phung 66/601.824 (Tng#9920VS,ECL87,6700A,17Jun69,Ln20)
CH UY(WO) Doan Duc Phuong 67/408.617 (Tng#9921VS,ECL81,6700A,17Jun69,Ln21)

2. Items 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, and 16 on reverse of this Order apply.

3. US security screening has been accomplished.

4. The cost of travel and living allowances will be charged to accounting classification 5703400 300 6415 134950 407 408 409 454 462 S525003 CIC 44 064 1349 525003. Finance officers making payment on this order will forward copies of paid vouchers to ATC (ATAAF-R), Randolph AFB TX 78148. Officers are authorized to collect advance living allowance not to exceed $50.00 at first CONUS base. The Department of the Army will administer the students in accordance with Army regulations while undergoing Army training.

5. Requirements of AFM 160-1 (Flying Class I Medical Standards) are waived to those of Department of Army Flying Class I A standards contained in AR 40-501, paragraph 4-12B, authorized by AR 551-50.

6. Authority: AFM 50-29, ATC MSG 061501Z AUG 69.

FOR THE COMMANDER

WILFORD D. MATHEWS JR, Capt, USAF
Asst AG

DISTRIBUTION:
40-Ea Indiv
15-VNAF
10-Lackland AFB
1-Lackland AFB (BFTO)
1-Lackland AFB (VNAF LO)
10-Ft Wolters
10-Ft Rucker
5-Travis AFB (ATCO)
5-US Embassy (CONUS SEC)
2-HQ USAF (AFSMSB)
1-VN Air Attache
2-HQ USAF (AFNICBB)
2-HQ COMD USAF (POP)
2-ATC (ATAAF-R)
2-ATC (ATXMA-O)
1-CINCPAC 1-MACAG-AO

Thư Mời SQKQ Qua Học Anh Văn tại Lackland AFB TX
(Nguyễn Đình Nguyên cung cấp thư)

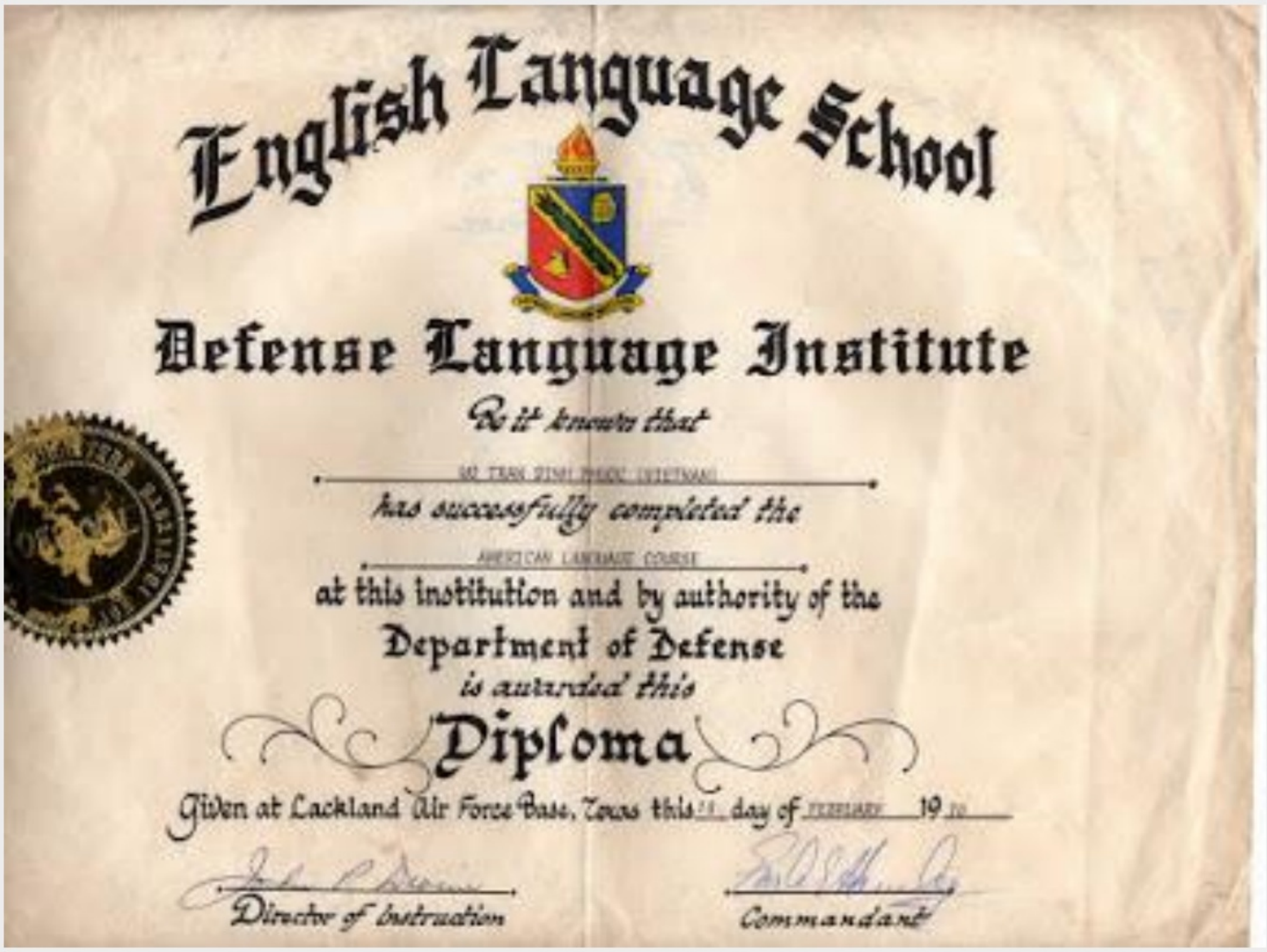

English Language School

Defense Language Institute

Be it known that

MR TRAN DINH PHUOC (VIETNAM)

has successfully completed the

AMERICAN LANGUAGE COURSE

at this institution and by authority of the

Department of Defense

is awarded this

Diploma

Given at Lackland Air Force Base, Texas this 11 day of FEBRUARY 19 70

Director of Instruction

Commandant

Bằng Tốt Nghiệp Anh Ngữ
English Language School, Lackland AFB 1970
(Trần Đình Phước cung cấp ảnh)

Những sĩ quan phi hành đầu tiên hoàn tất khóa Anh Ngữ xuất ngoại du học vào tháng 8, 1969. Sĩ quan không phi hành tốt nghiệp Trường Anh Ngữ Nha Trang, lên đường tháng 9, 1969. Một số bạn đến căn cứ Không Quân Lackland, San Antonio, Texas để tiếp tục các khóa Anh Ngữ. Số khác đi thẳng đến các quân trường thụ huấn chuyên môn.

Khóa 5 Sĩ Quan Bảo Trì Phi Cơ Ngày Mãn Khóa TTHLKQ Nha Trang
(L-R: Hàng đứng: Huỳnh Công Minh, Nguyễn Tài Xuyên, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Giàu,

Nguyễn Quang Tầm, 4 SQ Trường Kỹ Thuật, Lương Thế Cường, Lê Cảnh Hối, Nguyễn Văn Phương,

Phạm Huy Hùng, Lê Như Dân.

Hàng ngồi: Trần Ngọc Nguyên, Nguyễn Bá Đức, Trương Hữu Trung, Phạm Kim Thành,

Phạm Văn Điệp, Nguyễn Văn Tuyên, Trần Văn Chính, Trần Khánh, Nguyễn Mạnh Trinh –

Nguyễn Văn Phương cung cấp ảnh)

Sau khóa Anh Ngữ, sĩ quan phi hành khóa 7/68 KQ được huấn luyện trên các loại phi cơ trực thăng, khu trục và vận tải tại các căn cứ Không Quân Hoa Kỳ.

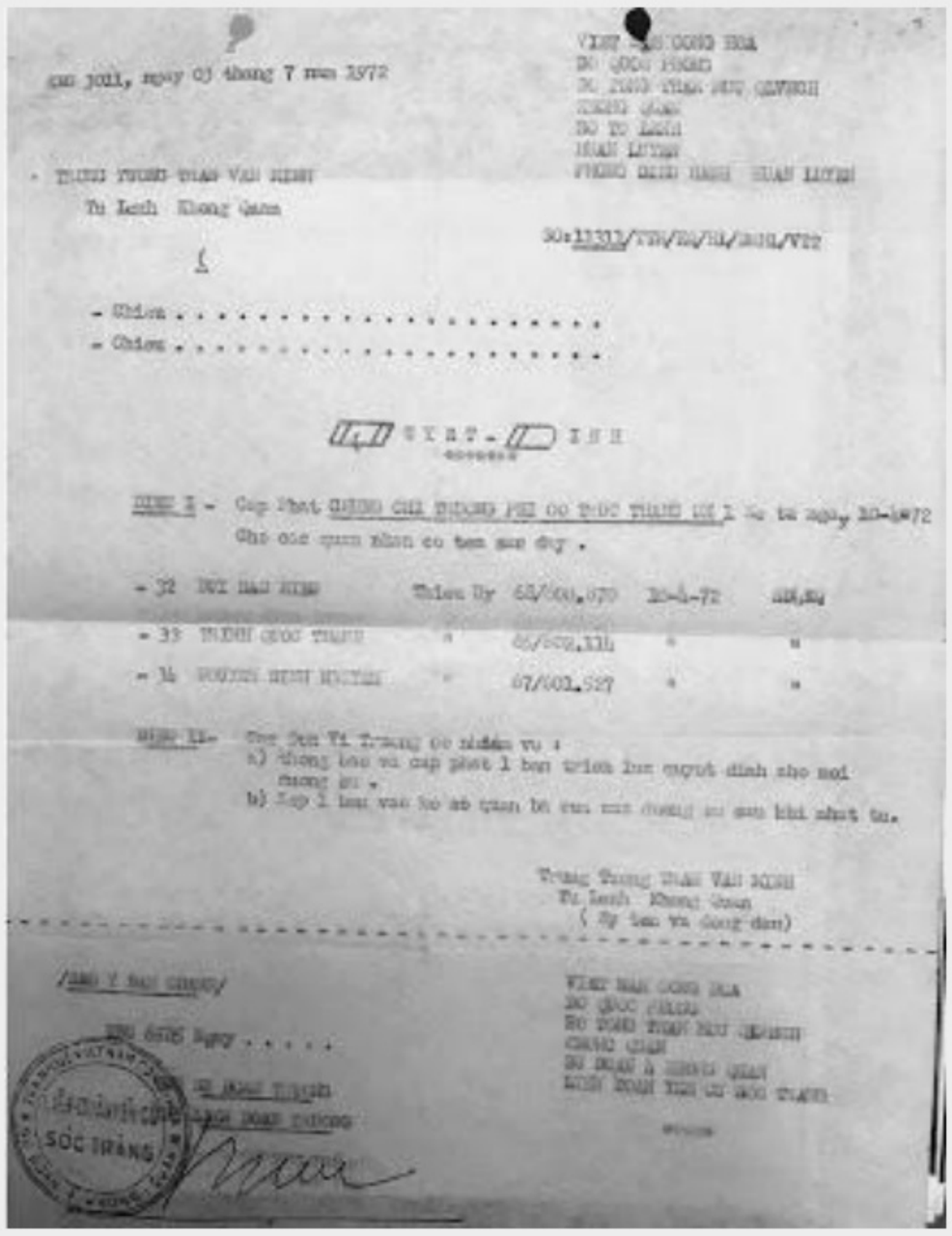

Quyết Định Cấp Phát
Chứng Chỉ Trưởng Phi Cơ Trực Thăng UH-1
(Nguyễn Đình Nguyên cung cấp)

Sĩ quan không phi hành được thụ huấn tại các căn cứ Không Quân, Lục Quân Hoa Kỳ tùy ngành nghề chuyên môn.

Khóa 7 70-26A2
Ft Wolter TX
(Đoàn Quý Trọng cung cấp ảnh)

Học Anh Ngữ tại Lackland AFB, 1969
L-R: Chu Văn Hải, Đào Hiếu Thảo, Trình (Khóa 8), Tòng Zimbo,

Lê Huy Cận và Nguyễn Đứ Hân (anh của Nguyễn Đức Hoan) (Chu Văn Hải cung cấp ảnh)

Các Tân Sĩ Quan Trong Quân Phục
Đang Du Học Ở Những Trường Chuyên Môn
(Phước BM cung cấp ảnh)

Phiếu Huấn Luyện Cá Nhân
Để theo dõi sức học hành của khóa sinh du học
(Nguyễn Đình Nguyên cung cấp)

Khóa 7/68 KQ chúng ta có các phi công bay trực thăng H 34, UH 1, Chinook CH 47, khu trục A 1 H, phản lực A 37, F 5, vận tải cơ C 47, C 119, C 123, C 130, quan sát cơ L 19 và U 17.

Ngành không phi hành, anh em khóa chúng ta được đào tạo và phục vụ về Quản Đốc Nhân Lực, Bảo Toàn (Bảo Trì), Tiếp Liệu, Không Lưu Khí Tượng, Kiểm Báo, Quân Báo, Hành Chánh, Tài Chánh, Truyền Tin Điện Tử, Huấn Luyện, Chuyển Vận, Chiến Tranh Chính Trị, Quân Cảnh, Phòng Thủ, Kiến Tạo, Vũ Khí, Data Automation…

7/68KQ Chờ Đi Du Học
chụp ảnh kỷ niệm tại Đại Đội Hành Dinh Không Quân
(Trần-Công Anh-Dũng cung cấp ảnh)

Trước tháng 4, 1975, nhiều bạn cùng khóa được gởi đi học các ngành kỹ sư công chánh, công nghệ… tại Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ để đào tạo nhân tài cho kế hoạch Hậu Chiến.

Khóa 7/68 KQ có mặt tại Bộ Tư Lệnh Không Quân, Tư Lệnh Bộ (Văn Phòng ba vị Tướng Lãnh số 1, 2 và 3 của KQVN), các Sư Đoàn 1, 2, 3, 4, 5, 6 Không Quân, Bộ Chỉ Huy Kỹ Thuật Tiếp Vận, Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang, Liên Đoàn Kiểm Báo.

Không Vụ Bạ Cá Nhân
(Nguyễn Đình Nguyên cung cấp)

Ngày 7 tháng 10 năm 1970, khóa 7/68 KQ thăng cấp Thiếu Úy Hiện Dịch Thực Thụ. Ngày 7 tháng 10, 1972, thăng cấp Trung Úy Hiện Dịch Thực Thụ. Có một số anh em được thăng cấp Đại Úy Hiện Dịch Nhiệm Chức từ giữa năm 1974.

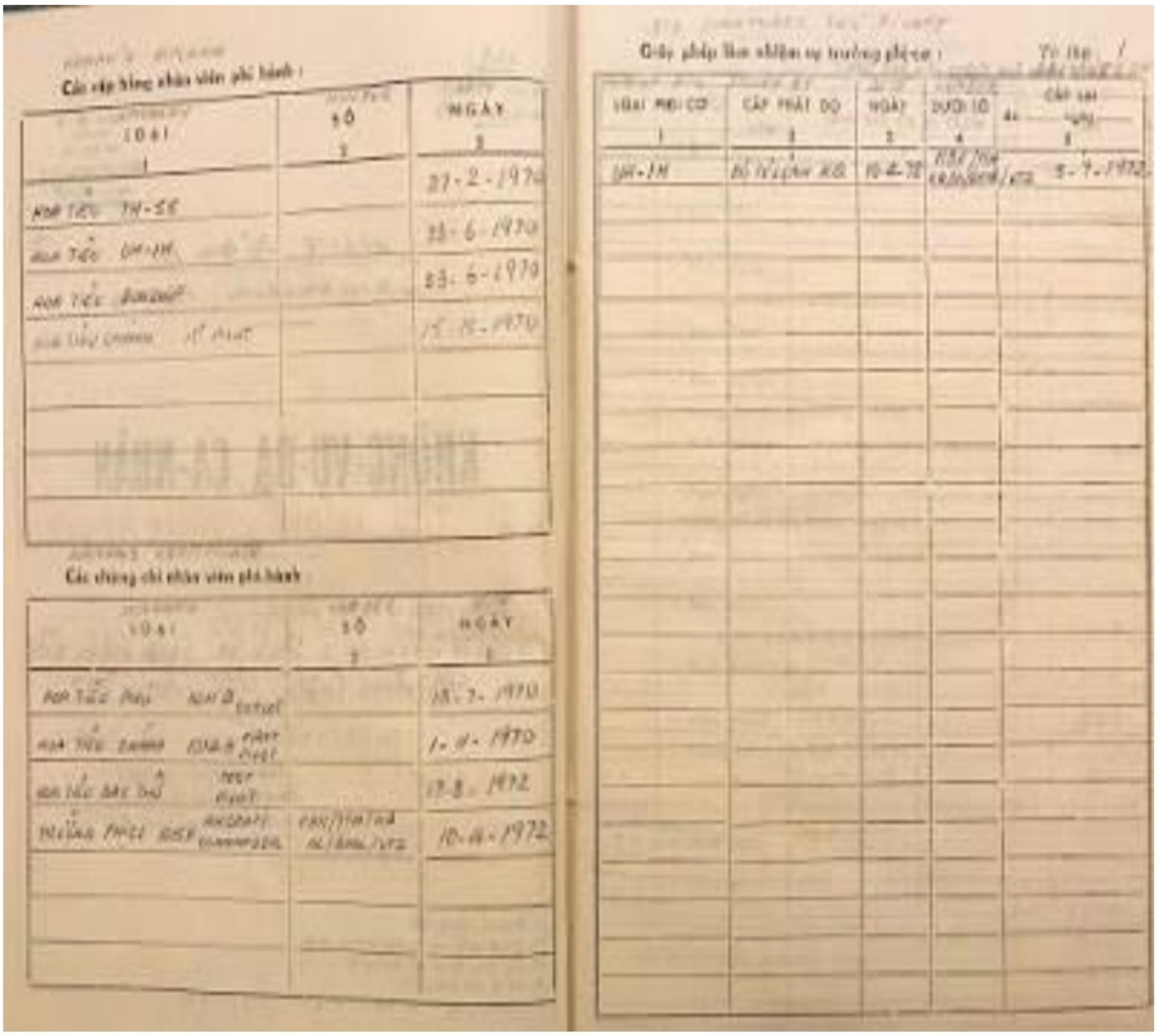

Các cấp bậc nhân viên phi hành :

LOẠI	SỐ	NGÀY
1	2	3
HOA TIÊU TH-SS		27-2-1970
HOA TIÊU CH-1H		25-6-1970
HOA TIÊU ĐỒNG CẤP		23-6-1970
HOA TIÊU CHUẨN ÚY PHÁT		15-10-1970

Các chứng chỉ nhân viên phi hành

LOẠI	SỐ	NGÀY
	2	1
HOA TIÊU PHỤ [illegible]		28-7-1970
HOA TIÊU CHUẨN PHÁT CHỈ		1-9-1970
HOA TIÊU ĐẶC BIỆT		17-8-1972
HUẤN PHÁO SĨ		10-10-1972

Giấy phép lên nhận vị trường phi cơ :

LOẠI PHI CƠ	CẤP PHÁT DO	NGÀY	DƯỚI 10	CÁC LOẠI
1	2	3	4	5
UH-1H	[illegible]	10-6-72	[illegible]	5-7-1972

TỔNG THAM-MƯU TRƯỞNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Số : 0741 /TTM/ND

- Chiếu Hiến Pháp VNCH ngày 01 tháng 4 năm 1967,
- Chiếu Sắc Lệnh số 30/TT/SL ngày 01.9 1969 ấn-định thành phần Chính Phủ,
- Chiếu Sắc Lệnh số 67-a/TT/... ngày 01.7.1970 ấn-định hệ thống tổ-chức Quốc Phòng và QLVNCH,
- Chiếu Sắc Luật số 13/CT/LDQGQL/SL ngày 20.10.1964 sửa đổi bởi Sắc Luật 33/66 ngày 01.9.1966 ấn-định quy chế quân nhân Hiện-dịch thuộc Chủ lực quân trong QLVNCH,
- Chiếu Nghị-định số 1344/QP/ND ngày 25.11.1970 ấn-định thẩm quyền và quản-trị Nhân-viên của Tổng Tham-mưu Trưởng QLVNCH,
- Chiếu Huấn-thị số 630-400 ngày 19.10.1968 ấn-định việc thăng cấp quân-nhân trong QLVNCH,
- Chiếu các Nghị-định số : 0318, 0774, 0971 và 098/TTM/ND ngày 15.4.71, 13.10.1970, 29.12.1970 và 12.02.1972 của Bộ Tổng Tham-mưu,
- Chiếu đề-nghị của Bộ Tư-Lệnh Không-Quân (Danh sách số 17.445/TTM/KQ/NV/TTHC/TT ngày 05.10.1972).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Các Thiếu-uý Hiện-dịch có tên dưới đây, hội đủ điều-kiện ấn-định được dương nhiên thăng cấp TRUNG-ÚY HD thực thụ :

Kể từ ngày 01.10.1972 :

01.	Thiếu-uý	NGUYEN VAN	YEN	Sq.50/600.109	Sư-đoàn 5 KQ

Kể từ ngày 07.10.1972 :

02.	Thiếu-uý	DU CHI	AI	68/601.061	Sư-đoàn 4 KQ
03.	"	LAI VAN	ANH	67/601.525	"
04.	"	HO VAN	BAC	68/601.052	Sư-đoàn 1 KQ
05.	"	DO NGOO	BAU	67/601.576	Sư-đoàn 2 KQ
06.	"	HUYNH VAN	BA	65/601.986	Sư-đoàn 5 KQ.
07.	"	LUC VAN	BINH	67/601.551	Sư-đoàn 2 KQ
08.	"	TRAN NGUYEN	BAU	66/601.882	BCH.Hành-quân/KQ
09.	"	NGUYEN XUAN	BACH	70/600.340	Sư-đoàn 1 KQ
10.	"	HUA PHU	CUONG	67/601.600	Liên-Đoàn Kiểm Báo
11.	"	VU TIEN	CONG	67/601.566	Sư-đoàn 4 KQ
12.	"	CHAU	CAY	68/601.019	Sư-đoàn 5 KQ
13.	"	PHAM	CUNG	66/601.870	BCH.Hành-quân KQ.
14.	"	PHAM NGOC	CUONG	67/601.546	Sư-đoàn 4 KQ
15.	"	PHAM BA	CANH	67/601.529	"
16.	"	LAM TAN	CANH	67/601.544	Sư-đoàn 1 KQ
17.	"	LE HUY	CAN	67/601.598	Sư-đoàn 3 KQ
18.	"	NGUYEN VAN	CONG	67/601.601	Sư-đoàn 4 KQ
19.	"	LUONG THE	CUONG	68/601.055	"
20.	"	LY	CHINH	68/601.030	Sư-đoàn 2 KQ
21.	"	NGUYEN HONG	CHAU	68/601.018	"
22.	"	NGUYEN VAN	CHANH	69/600.564	Sư-đoàn 1 KQ
23.	"	TRAN THUONG	CHI	66/601.893	Sư-đoàn 2 KQ
24.	"	HOANG NGOC	CHAT	62/601.288	Sư-đoàn 4 KQ
25.	"	LAM	CHAY	68/601.028	Sư-đoàn 5 KQ
26.	"	TRAN VAN	CHINH	69/600.578	Sư-đoàn 4 KQ
27.	"	NGUYEN DINH	CHIEU	68/601.064	Bộ Tư-Lệnh Không-Quân
28.	"	VU VAN	DUNG	66/601.887	Sư-đoàn 5 KQ
29.	"	PHAN VAN	DIEP	69/600.565	Sư-đoàn 4 KQ
30.	"	PHAM TRAN	DUONG	67/601.559	Sư-đoàn 5 KQ

..... - 2 -

Ba Can Đảm, Biên Lùn, Cận Lùn, Cảnh Hù, Cảnh Kều, Châu Công Công, Chính Sẹo, Công Gồng, Công Ngủ, Đỗ Hột Le, Đồng Da Trâu, Đức Cớp (Đức Cống), Đức Nhể, Đức Râu, Đức Y Tá, Dũng Điếm, Dũng Mexico, Giang Thi Sĩ, Hải Mèo, Hải Phè, Hải Thẹo, Hạnh Hynos, Hảo Phè, Hiển Trố, Hiếu Giả Địch, Hiếu Phè, Hòa Lậu, Hoa Number One, Hoàng Già, Hồng Lìn, Huấn Ma Gà, Hùng Đít Diêu, Hùng Nhà Thờ, Hùng Râu, Hưng Tabu, Hùng Tàu, Hưng Tôn Giáo, Hùng Trâu Nước, Khải Sữa, Khanh IBM, Kim Méo, Lập Huế (Lập Trọ Trẹ, Lập Rỗ, Lập Trắng, Liêm Già, Long Giác Đấu (Long Phó Nhòm), Luận Lucky, Mai Đầu Bạc, Minh Cà Hùm, Minh Nhủi, Nghĩa Dừa, Nguyên Bi Vuông, Nguyên Cò, Nhan Bố Già, Ông Già Củ Nừng (Xuyên Thầy Bói), Phiên Mù, Phước Biển Mặn, Phương Baby, Quế Xích Lô, Quí Đầu Bò, Quỳnh Móm, Sơn Con, Sơn Trâu Nước, Sơn Tù Trưởng, Tâm Hột Le, Tâm Nhà Bếp, Tân Côn Đồ, Tấn Lìn, Thân Đèn Cầy, Thân Khỉ (Thân Đại Khí, Thân Thấy Chưa), Thành Cáo, Thành Cậu Năm Sadec, Thanh Cún, Thanh Lùn, Thành Lưỡi Lê, Thành Truyền Tin, Thảo Đại Diện (Thảo Hột Mít, Thảo Babylac), Thảo Mặt Ngựa, Thốn Lùi, Tịnh Khùng (Tịnh Trung Tướng), Tín Chửa, Tín Khùng, Toản Nhà Bàn, Tòng Zimbo, Trí Đen, Trí Sữa (Trí Thư Ký Đại Đội), Triết Hội Đồng, Trực Ngựa, Trung Chứng Chỉ, Trung Kỷ Luật (Trung Mù), Trung Quân Cảnh, Tuân Thầy Bói, Tuấn Heo (Tuấn Harlem, Tuấn Xoắn), Tuyến Trâu, Tú Lùn, Tý Chuột, Xuân Mũi Đỏ, Tinh Kỳ Lạ, Lân Công Chức (Xin các bạn vui lòng bổ túc!)

Xin kính cẩn nghiêng mình, tưởng nhớ các bạn đồng khóa đã anh dũng hy sinh đền nợ nước, cùng các bạn đã vĩnh viễn từ bỏ cõi đời này.

Trân trọng kính chào và cầu chúc quý anh chị và gia quyến luôn an vui, may mắn, hạnh phúc, mạnh khỏe và thành đạt.

Đào Hiếu Thảo

Số quân 67/601 585

Chỉ số: 7254 & 7016

KBC 3011/ VP TMT KQ

“Đường vào quân trường là đường về quê hương”

Đào Hiếu Thảo

Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung 1968

Ai chưa vào lính, chưa thụ huấn quân trường thì khi nghe nói đến "huấn nhục" thường nghĩ đơn giản là chuyện uốn nắn, rèn luyện, bó buộc con người, bị bắt chịu bao cảnh tủi nhục, đau đớn về tinh thần cũng như thể xác để rồi bị khuất phục, phải tuân hành theo mọi mệnh lệnh của cấp trên một cách mù quáng, không suy nghĩ hay do dự, theo tinh thần "kỷ luật sắt của Nhà Binh".

Trong thực tế phương pháp "huấn nhục" chính là để trui rèn, tôi luyện, hun đúc một tinh thần sắt đá, một ý chí quyết tâm, quả cảm, tuyệt đối tuân lệnh thượng cấp, trung thành với Quân đội, với Tổ quốc. Chữ "nhục" được giải thích và hiểu nơi đây là "nhục thể", để người chiến binh chuyển từ nếp sống ung dung, tự tại, thoải mái, phóng túng thành một quân nhân với thân thể kiện toàn có tác phong đi vào nề nếp kỷ luật, nghiêm nghị và gương mẫu.

Bất cứ quân trường nào trên thế giới cho dù đó là những trường đào tạo sĩ quan nổi tiếng của Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, giai đoạn thử thách đầu tiên đối với các sinh viên sĩ quan vô cùng khó khăn, gay go và căng thẳng, được xem là những cách hành hạ con người khắc nghiệt nhất, nếu không muốn nói là vô nhân đạo đến nỗi nhiều ứng viên phải bỏ cuộc vì không chịu nổi các biện pháp thử thách, không khác nào bị tra tấn, hành hình, cộng với những mệnh lệnh vô lý, trái với đạo đức thông thường trong đời sống dân sự, làm ảnh hưởng đến thể chất hay tâm lý của họ. Có những trường hợp tại trường sĩ quan lục quân nổi tiếng thế giới West Point hay Fort Benning của Hoa Kỳ, các sinh viên sĩ quan trong "huấn nhục" phải nhai nguyên trái ớt, cay xé miệng, làm giộp lưỡi…mà phải tỏ ra như đang ăn một quả táo ngon ngọt.

Đôi khi có khóa sinh thiệt mạng trong lúc trải qua khoá huấn luyện căn bản của quân lực Mỹ, gây phản ứng mạnh trong dư luận xã hội dân chính. Dưới chế độ Việt Nam Cộng Hoà, tỷ lệ thiệt mạng về nhân sự trong lúc huấn luyện quân sự được Quốc hội cho phép là dưới 5%, nhưng trên thực tế đó là chuyện rất hiếm khi xảy ra vì quy luật an toàn được tuyệt đối tôn trọng tại tất cả các quân trường Hải, Lục, Không Quân Việt Nam.

Được gởi thụ huấn tại Trung tâm huấn luyện tân binh ở Quang Trung, Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trung tâm huấn luyện Không Quân Nha Trang, chỉ có quân trường Không Quân là chương trình "huấn nhục" đáng sợ nhất đối với anh em Không Quân chúng tôi.

Sinh viên sĩ quan mới nhập trại được các đàn anh trong số đó có nhiều "hung thần" nổi tiếng là "khó ưa, hắc ám", "tiếp đón" từ lúc bước chân ra khỏi phi cơ, mang theo hành lý cồng kềnh, nặng trĩu, chạy bộ trên đoạn đường gần 10 km về doanh trại, dưới ánh nắng gay gắt như bốc lửa của "Miền Thuỳ Dương Cát Trắng". Bao nhiêu anh em thấm mệt, đói khát, kiệt sức, ngã nhào, cũng phải cố gượng dậy trong khi đàn anh thì luôn miệng hò hét, khiển trách, ai bất tỉnh thì bị dội nước lạnh cho tỉnh dậy.

Những hình phạt khác mà các đàn em nhận lãnh hàng ngày ở quân trường Nha Trang là "tập đáp bụng", khi đang cắm đầu chạy hết tốc lực, nghe lệnh "đáp" là phải ngã bổ xuống lập tức, dù bãi đáp đầy sỏi đá lởm chởm hay sình bùn, lồng ngực lúc ấy như bị vỡ toang ra. Còn hình phạt nữa là hít đất trên vỉ sắt dùng làm sân bay dã chiến cho phi cơ đáp, vỉ sắt như đang bị nung lên dưới sức nóng khủng khiếp của mặt trời mà phải hít đất mấy trăm cái thì lúc đứng dậy hai bàn tay đã phồng lên, tróc da vì phỏng nặng.

Ở các quân trường Quang Trung và Thủ Đức thì tương đối nhẹ hơn, chúng tôi bị phạt hít đất, nhảy xổm, có lúc gần cả ngàn cái, chạy bộ hàng cây số với ba lô chất đầy quân trang, súng cầm tay, hoặc bị phạt "dã chiến" mà mọi hình phạt do sĩ quan cán bộ hoặc sinh viên sĩ quan đàn anh định đoạt, thời gian phạt "dã chiến" có thể kéo dài nhiều giờ đồng hồ, thi hành xong lệnh phạt thì có nhiều khoá sinh gục ngã, bất tỉnh tại chỗ.

Mọi khó khăn rồi cũng vượt qua dần một khi đã làm quen với sinh hoạt quân trường, mọi người thấy thoải mái hơn, chương trình huấn luyện đa dạng, phong phú, dẫn dắt mình từ những bài học cơ bản thao diễn, chiến thuật, võ khí, tác xạ, cận chiến, di hành, lãnh đạo chỉ huy, phương pháp huấn luyện, chiến tranh chính trị, mưu sinh thoát hiểm, đoạn đường chiến binh … có lớp ban ngày, có khoá trong đêm.

Với bản thân tôi, nhờ tham gia sinh hoạt Gia Đình Phật Tử Việt Nam suốt 10 năm nên thích ứng nhanh với cuộc sống nơi quân trường, lắm lúc tự nghĩ mình được đi cắm trại, hoạt động thanh niên ngoài trời, chơi trò chơi lớn, làm bếp, ăn cơm, uống nước ở sân tập mỗi ngày, giữa thiên nhiên, cảnh vật mà tuổi trẻ chốn đô thị không thể dễ dàng có được.

Sau một ngày luyện tập gian khổ, ban đêm chúng tôi được sinh hoạt văn nghệ, được phép tự thành lập, quản lý, điều hành câu lạc bộ, được đặt mua các loại nước giải khát, thực phẩm và để giải trí, anh em được mang nhạc khí, nhạc cụ vào quân trường Quang Trung, ca hát, chơi nhạc. Nhờ quy tụ nhiều nghệ sĩ từng tham gia các ban nhạc trẻ ở Saigon nên các buổi trình diễn ca nhạc do khoá Không Quân chúng tôi thực hiện được các sĩ quan cán bộ và những tiểu đoàn khóa sinh khác tán thưởng nồng nhiệt.

Do sự xuất hiện và cống hiến được cho là "Nhà nghề" của ban nhạc khoá 7/68 Không Quân mà Bộ Chỉ Huy Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung quyết định giao cho anh em chúng tôi trách nhiệm thực hiện một chương trình giới thiệu Quân Trường Quang Trung trên đài Truyền Hình Saigon, băng tầng số 9, cuối năm 1968.

Nội dung chương trình do tôi làm MC gồm có sơ lược về sự hình thành và hoạt động của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, những đơn vị trực thuộc như Liên đoàn khoá sinh A & B, các tiểu đoàn Nguyễn Huệ, Gia Long, Đinh Tiên Hoàng, Trần Bình Trọng… cùng các tiết mục ca nhạc chọn lọc. Chương trình truyền hình hôm ấy, sau nghi thức khai mạc với lễ chào quốc kỳ là đồng ca bài "Đường vào quân trường là đường về quê hương"

Đây là tựa đề một bài hát mà anh em khoá sinh khóa 7/68 Không Quân chúng tôi hay hét vang, mỗi khi cả đại đội di chuyển từ doanh trại ra bãi tập cũng như trên đường về trại sau một ngày tập luyện cam go. Một số những câu ca khác nằm lòng như "hàng ngàn câu ca làm thành sức mạnh người quân nhân" hoặc "bao chiến sĩ anh hùng lạnh lùng vung gươm ra sa trường" … mà chúng tôi cất cao tiếng hát, từ lúc bật dậy 4 giờ sáng mỗi ngày, chạy tập thể dục và sau đó cũng chạy suốt ngày với súng trường Garant M1 cầm tay, bước đều, miệng hát tođể đánh bạt đi những nhọc nhằn nắng lửa, mưa dầu của mỗi ngày trong quân trường.

Quân sử Việt Nam Cộng Hòa đã ghi lại đậm nét những chiến công hiển hách, oai hùng, các trận đánh lịch sử, giành từng tấc đất, từng nhánh sông, bờ ruộng, góc phố, thôn làng với đối phương phía Bắc. Trên khắp các mặt trận, các chiến dịch từ Quảng Trị, Kontum, Thừa Thiên, Huế, Bình Long, Cửu Long … bao nhiêu chiến sĩ các cấp, trong đó có nhiều vị tướng lãnh đã anh dũng hy sinh, trong cuộc chiến bảo vệ Miền Nam Việt Nam Tự Do.

Riêng Không Quân Việt Nam đã có những anh hùng như Phạm Phú Quốc, Vũ Khắc Huề, Nguyễn Hữu Chẩn, Nguyễn Tấn Sĩ, Nguyễn Đình Quý, Nguyễn Thế Tế… hy sinh trong những phi vụ "Bắc Phạt" năm 1965, dội bom ngay vào căn cứ địa gây cho cộng sản Bắc Việt những thiệt hại nặng nề, rồi những phi công khác như Phạm Văn Thặng chết theo con tàu, tránh để phi cơ mình đang bốc cháy vì bị trúng đạn, không rớt xuống nhà dân chúng ở Biên Hoà và Tân Sơn Nhất.

Nhiều trường hợp hy sinh khác, như luôn sẵn sàng tình nguyện bay vào lửa đạn khi chiến sự cần đến mình, dù đang được nghỉ ngơi hoặc xuống ca trực, điển hình là Trung tá Huỳnh Văn Vui thuộc Bộ Chỉ Huy Hành Quân Không Quân, Tân Sơn Nhất, khi nghe báo cáo là có xe tăng VC hướng vào một trường học ở Dầu Tiếng, ông đã không ngần ngại phóng lên oanh tạc cơ A 37, bay đến khu vực được hướng dẫn, bắn nổ tung một chiến xa T 54, phi cơ của ông bị trúng đạn từ một chiến xa khác của địch, rơi xuống lòng sông gần đó. Ông hy sinh vì Tổ Quốc với tuổi đời trên 40, để lại vợ hiền và bốn con gái thơ dại.

Nhiều trường hợp khác vì nhất quyết không đầu hàng mà một số sĩ quan VNCH bị đối phương phanh da, xẻ thịt, như đã từng xảy ra tại Bình Giả năm 1965 với tiểu đoàn 2 Trâu Điên Thuỷ Quân Lục Chiến, hay với anh hùng Không Quân Nguyễn Du, nơi mặt trận Kontum năm 1972.

Cũng để bày tỏ tấm lòng trung kiên với đất nước, một số vị tướng lãnh, sĩ quan cao cấp đã tuẫn tiết, khi người "anh em Miền Bắc ruột thịt" tiến vào Saigon gọi là để "Giải Phóng Miền Nam".

Nghĩ lại, giai đoạn "huấn nhục" mà mọi quân nhân đều phải trải qua và "nếm mùi" là phương cách "rèn cán, chỉnh quân", tôi luyện nhân cách, đào tạo người chiến binh mẫu mực, dũng cảm và xứng đáng để phục vụ trong quân đội và đối phó trong hoàn cảnh rơi vào tay địch.

Câu hát "Đường vào quân trường là đường về Quê hương" đến nay vẫn còn luôn vang vọng trong ký ức của những người từng là lính, vì đã có hàng trăm ngàn chiến binh lấy máu đào để tô thắm màu Cờ Tổ Quốc và bảo vệ chánh nghĩa Quốc Gia, lý tưởng Tự Do, Dân Chủ như lời thề son sắt, khi nhận lãnh cấp bậc chỉ huy, do Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà ban cho.

Xin dành bài viết này để kính dâng Hương Linh Huynh Trưởng Lê Văn phúc, nguyên Chánh Văn Phòng Cục Quân Nhu QLVNCH, xuất thân khóa 16 Liên trường Võ Khoa Thủ Đức đã mãn phần ngày 7 tháng 8 năm 2020 tại Virginia. Mỗi lần huynh đệ gặp nhau anh Phúc thường hát lên câu: **"Đường vào quân trường là đường về Quê hương"** *nguyên là chủ đề chương trình truyền hình do anh em khóa 7/68 KQ chúng tôi thực hiện năm 1968 mà anh là một trong những khán giả nhiệt thành ủng hộ.*

Đào Hiếu Thảo, lính Không Quân

Số quân 67/601 585- KBC 3011

“Vượt biên” sang Kampuchia

Đào Hiếu Thảo

Năm 1970, trong chuyến thăm viếng Bắc Kinh, quốc vương Sihanouk của Kampuchia bị Trung tá Lon Nol, tỉnh trưởng tỉnh Battambang cầm đầu cuộc đảo chánh, tự phong cho mình cấp Thống Tướng mang 5 sao và lên làm tổng thống. Ông xoá bỏ chế độ quân chủ trên Xứ Chùa Tháp, lập nên nền cộng hoà Khmer.

Ông Hoàng Norodom Sihanouk có tiếng là thiên cộng, giao du mật thiết với Trung Quốc đồng thời có quan hệ ngấm ngầm với Hà Nội mà hành động cụ thể là cho phép quân cộng sản Miền Bắc Việt Nam sử dụng lãnh thổ Kampuchia để vận chuyển binh lính và chiến cụ do Nga-Tàu cung cấp, xâm nhập ồ ạt hầu mở rộng chiến trận xuống sâu lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà.

Với sự dàn xếp và thoả thuận của Hoa Kỳ, quân lực Việt Nam Cộng Hoà đã phản công mạnh mẽ bằng nhiều mũi nhọn phát xuất từ Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV thọc qua những vùng Tây Ninh, Hồng Ngự, Châu Đốc, Thất Sơn… Các Sư Đoàn tham chiến gồm những đơn vị thuộc Sư Đoàn 5, 25 của Quân Khu III và Sư Đoàn 7, 9, 21 thuộc Quân Khu IV cùng lực lượng tổng trừ bị với một số tiểu đoàn Nhảy Dù, Thuỷ Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân được Không Quân , Hải Quân, Thiết Giáp và Công Binh Việt Nam yểm trợ.

Những trận đụng độ ác liệt giữa quân đội hai Miền Nam-Bắc được ghi lại trong Quân Sử xảy ra ở các địa danh như Krek, Snoul, Mimot, Dam Be, Takeo, Siem Reap, Lộc Ninh…

Vì có sự tham chiến của các phi đoàn trực thăng, vận tải, khu trục và không thám thuộc hai Sư Đoàn 3 và Sư Đoàn 4 Không Quân/Việt Nam Cộng Hòa phát xuất từ Tân Sơn Nhất, Biên Hoà, Cần Thơ, Sóc Trăng nên chúng tôi được phân công bám sát các phi vụ hành quân trên đất Kampuchia, hướng dẫn các phóng viên báo chí trong và ngoài nước muốn tháp tùng để làm phóng sự từ chiến trường nóng bỏng ngoại biên.

Những điều học hỏi từ trường huấn luyện thông tin báo chí DINFOS bên Hoa Kỳ và kinh nghiệm thu thập được khi sát cánh làm việc với các cố vấn Không Quân Mỹ, giờ là lúc được đem ra ứng dụng. Chúng tôi di chuyển bằng đủ các loại phi cơ của Không Lực Hoa Kỳ và Không Quân Việt Nam Cộng Hoà, bay từ vùng đồng bằng Miền Tây đến sát khu vực phi quân sự ở Đông Hà, vùng địa đầu giới tuyến Bến Hải.

Nhận sự vụ lệnh, tôi tháp tùng các phi đoàn trực thăng tác chiến và tản thương (MEDIVAC) thuộc Không Đoàn 74 Chiến thuật, Sư Đoàn 4 Không Quân, bản doanh đặt tại phi trường Trà Nóc, Cần Thơ.

Buổi sáng hôm ấy, thức giấc từ 2 giờ, được xe đưa ra phi đạo Tân Sơn Nhất đáp trực thăng Chinook CH 47 trực chỉ Cần Thơ. Đến nơi, nghe thuyết trình của Quân Báo về tình hình chiến sự mà đơn vị trực thăng Phi đoàn 217 sắp bao vùng, quanh khu vực tỉnh Prey Veng, bến phà Neak Lương, cách thủ đô Phnom Penh chừng 60 km về hướng Nam.

Hợp đoàn trực thăng gần 40 "tàu" chuẩn bị lên đường hành quân. Anh em Không Quân thường quen gọi "tàu" thay vì máy bay hay tàu bay, ví dụ như check tàu, đập tàu… Khi đến mục tiêu, mỗi phi đội, phi tuần hướng về nơi được cắt đặt trước để thi hành đúng theo tiêu lệnh hành quân.

Hành quân trực thăng vận (nguồn ảnh: Geographic)

Chúng tôi tháp tùng phi tuần gồm 12 chiếc trực thăng võ trang Gunship và C&C (Command & Control) do Đại uý Lộc chỉ huy, anh em Không Quân gọi ông là "Lộc Ròm", bay giỏi, gan dạ, đánh giặc hay, chỉ huy khéo. Mấy chục năm sau gặp lại Trung tá ở Washinton DC trong Đại Hội Hoa Anh Đào Không Quân thì không nhận ra ông nữa, vì béo phì như "Ông Địa" nay có tên là "Lộc Bụng".

Chỗ ngồi của tôi ở ngay sau ghế lái của Đại uý Lộc trưởng phi cơ, được cho là khá an toàn đối với một nhà báo, một "Thiếu úy sữa" mới ra trường với dáng dấp thư sinh, chưa biết trận mạc là gì. Đại uý Lộc giao cho tôi một khẩu M 16 với cấp số đạn trên một ngàn viên, một áo giáp chống đạn, để xử dụng trong tình huống xấu nhất và dặn dò tôi phải làm theo mọi mệnh lệnh để bảo toàn sinh mạng của chính mình và của cả phi hành đoàn.

Thông thường một trực thăng võ trang có hai sĩ quan là trưởng phi cơ và hoa tiêu phó, kế đó có ba hạ sĩ quan gồm cơ phi – lo bảo trì tàu bay, xạ thủ – lo bắn đại liên không giựt M 60 và y tá phi hành lo cứu thương, băng bó, vô nước biển trong trường hợp cần thiết. Bốn tàu bay trực thăng thành một phi đội, nhiều phi đội hợp thành phi tuần, với số tàu bay có thể lên tới 12, 18 hoặc 24 chiếc, tuỳ theo nhu cầu chiến trường và tình thế đòi hỏi.

Cất cánh khỏi phi trường Cần Thơ, hợp đoàn trực thăng do Thiếu tá Tâm chỉ huy nhắm xứ Chùa Tháp trực chỉ. Nửa giờ sau, bay ở cao độ thấp, nhìn xuống đất đã thấy cảnh vật khác hẳn nước mình với những ngôi chùa Miên, nhà sàn, cách ăn mặc của dân chúng, của binh lính, xe cộ, đường xá không phải là của Việt Nam. Vậy là mình đã vượt sang không phận một quốc gia khác mà không cần thông hành, không ai kiểm soát.

Phi đội trực thăng do Đại uý Lộc hướng dẫn có lệnh đến trình diện Lữ Đoàn B Thuỷ Quân Lục Chiến của Đại tá Tôn Thất Soạn mà Bộ Chỉ Huy được đặt tạm tại một cao ốc thuộc chánh quyền địa phương tỉnh Prey Veng gần bến phà Neak Lương, một vị trí trọng yếu trong kế hoạch vận chuyển binh lính và chiến cụ của quân đội Khmer.

Thuỷ Quân Lục Chiến là một trong bốn lực lượng tổng trừ bị thiện chiến nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bên cạnh các Sư đoàn Nhảy Dù, Liên đoàn Biệt Kích Dù và Biệt Động Quân. Trọng trách tổng quát của Thuỷ Quân Lục Chiến là hành quân thuỷ bộ, kiểm soát hệ thống sông ngòi và vùng biển, địa bàn chiến đấu là khắp 4 vùng chiến thuật và mặt trận ngoại biên.

Trong khi đó, nhiệm vụ chính của các trực thăng Không Quân Việt Nam được tăng phái sang Kampuchia là đổ quân cho đơn vị bạn xuống một số mục tiêu mà bộ đội chính quy cộng sản Bắc Việt đang tập trung lực lượng quan trọng để tràn qua lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà.

Theo yêu cầu của Lữ Đoàn Thuỷ Quân Lục Chiến, phi đội trực thăng của Đại uý Lộc chuyên chở binh sĩ cùng trang bị, quân dụng, võ khí đến thả ngay trong lòng địch, phá vỡ đường giây xâm nhập từ phía Bắc xuống miền Nam Việt Nam, băng qua ngã Kampuchia.

Mỗi chuyến tàu chở một tiểu đội gồm 12 Thuỷ Quân Lục Chiến với đầy đủ súng ống, đạn dược, chất nổ. Khi tàu bay xà xuống gần sát mặt đất, các anh lính đu càng, phóng thật nhanh vào lòng tàu và trực thăng bốc lên cao trong nháy mắt, chậm trễ là đối phương có thể dò được toạ độ và rót hoả tiễn bắn hạ máy bay khi chưa kịp cất cánh.

Lúc đến mục tiêu, bên dưới đã dọn dẹp sạch sẽ, đoàn trực thăng nối đuôi nhau nhào xuống từng chiếc một, cách mặt đất chừng trên 2 mét, cả tiểu đội lao mình từ cửa máy bay xuống đất, lập tức ẩn núp và sắp xếp lại đội hình để chuẩn bị tiến quân. Đây là chiến thuật trực thăng vận do Đại tướng Mỹ Maxwell Taylor sáng tạo năm 1961 với khả năng di chuyển binh lính nhanh chóng, thảy họ vào lòng địch từ trên cao, tạo sự bất ngờ để đối phương không kịp trở tay. Chỉ có quân đội nhà giàu mới nghĩ ra cách đánh này, tuy có hữu hiệu nhưng cũng tiêu hao không ít vì ngoài những mạng sống vô giá của con người, mỗi chiếc trực thăng bị bắn rơi có thể trị giá tới hàng chục triệu đô la.

Sau cuộc hành quân, đơn vị Thuỷ Quân Lục Chiến được trực thăng Không Quân Việt Nam đón về dưỡng sức nơi hậu cứ để rồi lại tiếp tục xông pha. Trên đường bay về, thỉnh thoảng từ trực thăng nhìn xuống chúng tôi trông thấy rõ xác bộ đội Miền Bắc nằm ngổn ngang, đầu còn dính nón cối, chân đi dép râu Bình Trị Thiên, chưa được đồng đội mang đi cất dấu để phi tang chứng tích. Tại sao họ phải chết "như rạ" vậy? do đâu? vì ai? bao giờ cảnh binh đao *"nồi da xáo thịt này mới chấm dứt"?!*

Lúc bay ngang những ngôi chùa Miên, thấy các vị sư sãi vẫn sinh hoạt bình thản, họ chắp tay tụng niệm, không biết Đức Phật Thích Ca có chứng giám cho lòng thành này, để xứ sở của họ được an bình?

Lúc khác, khi tàu đáp nơi bãi đất trống của một ngôi làng, không còn thấy một bóng người, tiến sâu vào đến nhà dân thì nhiều nhà mâm cơm còn nguyên, chén đũa rơi rớt. Sau đó, theo lời dân làng thì bộ đội miền Bắc tràn vào, pháo binh Miên rót hoả tiễn, bắn đại bác để đẩy lui bọn chúng, súng đạn quanh mình, dân hoảng sợ bỏ mâm cơm chưa kịp ăn chạy giữ lấy mạng sống.

Có đơn vị tác chiến nào mà trở về trọn vẹn? Thương binh được trực thăng tải thương về các quân y viện ở Cần Thơ, tử sĩ được gửi về đơn vị gốc để gia đình nhận diện và lo tống tang, ma chay. Đó là những gia đình còn may mắn, được nhìn thấy người thân yêu lần cuối, biết bao nhiêu những gia đình khác chỉ được báo tin kèm theo tấm thẻ bài! Thật là một cuộc chiến tương tàn khốc liệt!

Ngoài công tác đổ quân ra chiến trận và đón quân về, trực thăng Không Quân Việt Nam còn thi hành các phi vụ tiếp tế lương thực, thuốc men, võ khí, đạn dược cho Lữ Đoàn B Thuỷ Quân Lục Chiến, bắn yểm trợ hoả lực khi được yêu cầu, tác xạ vào mục tiêu địch trong trường hợp bên ta bị bao vây hoặc cận chiến.

Khi gần cạn nhiên liệu, đoàn trực thăng của Việt Nam bay ra những nhánh sông do Hải quân Khmer kiểm soát, nơi đó các tàu dầu Hải quân Mỹ chờ sẵn để bơm thêm xăng. Các bạn người Mỹ cũng gởi tặng những thùng lương khô Ration C, cùng các gói chewing gum, bánh kẹo, thuốc lá. Chúng tôi đem về chia sẻ với các bạn Thuỷ Quân Lục Chiến để hy vọng làm ấm những đêm lạnh dưới giao thông hào hay canh thức thâu đêm. Sau đó, đoàn trực thăng quay về Cần Thơ hay Châu Đốc để máy bay được bảo toàn, sẵn sàng cho ngày mới công tác trên Xứ Chùa Tháp.

Có một hôm, khi tàu hạ thấp dần để chúng tôi đạp vội những kiện hàng gồm chiến cụ, lương khô tiếp tế thì từ dưới đất ném lên tới tập nhiều con gà bị trói chặt chân và những bao giấy báo bọc kỹ, cùng lúc nghe giọng quen thuộc của anh Thiếu uý Trung đội trưởng Thuỷ Quân Lục Chiến la lên dặn dò: "Về Cần Thơ, Châu Đốc nhậu đi nghe các bạn", anh đưa tay chào và biến nhanh vào chỗ an toàn. Về đến căn cứ, mở bọc giấy ra thì thấy mấy chai rượu mạnh, sản xuất ở Nam Vang, kèm theo những con gà mái tơ nặng chịch.

Phía Không Quân Việt Nam cũng gánh chịu một thiệt hại nghiêm trọng, trong khi cất cánh, tàu bay do Đại uý Trí điều khiển, chẳng may bị sức gió lôi cuốn mãnh liệt, mất kiểm soát, cánh quạt đuôi của chiếc trực thăng vướng vào giây điện đâm thẳng xuống rặng dừa không xa nơi chúng tôi đang chờ đến lượt tàu mình cất cánh theo sau. Phi hành đoàn gồm hai sĩ quan và hai hạ sĩ quan thuộc Sư Đoàn 4 Không Quân tử nạn. Chỉ trong một tích tắc, thấy đó rồi mất đó, mới sáng sớm này còn cùng nhau uống café ở câu lạc bộ trong căn cứ trước khi lên đường.

Ngoài những phi xuất hành quân trực thăng vận, chúng tôi cũng có dịp tháp tùng những phi vụ vận chuyển đồng bào Việt Nam làm ăn lâu năm nơi Xứ Chùa Tháp nay bị nạn "Cáp Duồng" tức là dân Miên chặt đầu người Việt, họ phải tìm đủ mọi cách để quay về nước. Máy bay vận tải C 47, C119, C 123 của Không Quân Việt Nam từ Tân Sơn Nhất bay qua lại phi cảng Pochentong trong thủ đô Phnom Penh mỗi ngày để rước hàng chục ngàn người Việt trở về quê Cha đất Tổ, làm lại cuộc đời.

Mặt khác, các loại máy bay vận tải lớn nhỏ của Không Quân Việt Nam cũng được cơ quan DAO (Defense Attache Office) của người Mỹ giao trách nhiệm đưa đón những hạ sĩ quan quân đội Khmer sang thụ huấn tại trường hạ sĩ quan Đồng Đế, Nha Trang. Sau giai đoạn huấn luyện cấp tốc kéo dài 4 tháng, với cấp bậc Thiếu uý tân thăng, họ về xứ chỉ huy các trung đội, đại đội thuộc Bộ Binh Kampuchia.

Sau thời gian trên một tháng tập sự ngay ngoài chiến trận bên Xứ Chùa Tháp để viết bản tin và phóng sự, tôi rời Sư đoàn 4 Không Quân, trở về nhiệm sở Phòng Thông Tin Báo Chí/ Bộ Tư Lệnh tại Tân Sơn Nhất, với bao kỷ niệm khó quên của những lúc cùng sát cánh với các chiến hữu hầu hoàn thành trách nhiệm của người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa yêu chuộng lý tưởng Tự Do và Nhân Bản.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Trưởng khoá và Trách nhiệm

Đào Hiếu Thảo

(Kính tưởng niệm anh linh các bạn cùng khoá 7/68 KQVN đã dũng cảm hy sinh vì Tổ Quốc)

"Luyện Tập Để Chiến Thắng"

Hệ thống tự chỉ huy được áp dụng tại các quân trường Việt Nam Cộng Hoà, theo đó khoá sinh bầu chọn những người đại diện cho mình ở mỗi cấp để điều hành đơn vị, sĩ quan cán bộ phụ trách công việc giám sát, hướng dẫn và đôn đốc tổng quát.

30 Tháng 9 năm 1968, lần đầu trong đời tôi đặt chân đến Trại Nhập Ngũ Số 3 ở Quán Tre, Hóc Môn – Gia Định, nơi này được thành lập từ năm 1953. Ngày kế tiếp chúng tôi được khám sức khoẻ, chích ngừa, nhỏ mắt, nhỏ mũi chớp nhoáng một cách máy móc sau đó được giao lo vệ sinh doanh trại, vệ sinh cá nhân rồi chuẩn bị cho lễ khai giảng khoá vào ngày 7 tháng 10 năm 1968.

Khoá 7/68 Không Quân gồm gần 300 sinh viên sĩ quan phi hành và không phi hành được chia thành tiểu đội 12 người, trung đội 60 người và đại đội khoảng 240 người.

Mấy hôm sau, chúng tôi được di chuyển sang Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, nhập vào tiểu đoàn Nguyễn Huệ, một đơn vị khét tiếng là sắt thép, gương mẫu, kỷ luật bậc nhất tại quân trường này, khoá chúng tôi được đặt cho danh hiệu Đại Đội 78 Không Quân.

Đêm đầu tiên sinh hoạt đơn vị ở Quang Trung, mục bầu chọn người Trưởng khoá để đại diện cho Đại đội được tiến hành. Mỗi tiểu đội bầu một đại diện, 5 tiểu đội chọn ra 5 người để dự tranh một đại diện trung đội, bốn đại diện trung đội bầu một sinh viên sĩ quan làm Trưởng khoá 7/68 Không Quân.

Sau nhiều vòng tiến cử gay go, bầu cử qua từng nhóm, bắt đầu từ cấp tiểu đội, trung đội, đại đội, kết quả chung cuộc tôi được trúng cử giữ chức đại diện Đại Đội 78 kiêm nhiệm Trưởng khoá 7/68 Không Quân.

Chưa biết trách nhiệm của một người Trưởng khoá là phải làm những gì, nhưng với kinh nghiệm sinh hoạt trên 10 năm trong Phong Trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam, tham dự nhiều khoá huấn luyện huynh trưởng, chăm lo cho hàng trăm đoàn sinh, tôi hy vọng công việc trước mắt sẽ không mấy khó khăn, phức tạp.

Với tâm niệm "thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu", công việc huấn luyện tân binh, đào tạo sĩ quan vừa được Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH/ Tổng Cục Quân Huấn nghiên cứu, chỉnh đốn, cải tiến toàn bộ, áp dụng phương pháp rèn luyện mới từ những quân trường nổi tiếng của Âu Mỹ, nhiều sĩ quan cán bộ được cử du học, tu nghiệp tại West Point, Fort Benning… Mặt khác, muốn chiến thắng chủ trương của cộng sản Bắc Việt hiếu chiến muốn "nuốt trọn" miền Nam Việt Nam bằng mọi giá, bằng chứng trước mắt là trận chiến khốc liệt Tết Mậu Thân 1968. Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà cần có những chiến binh tinh nhuệ, dũng cảm để giữ vững Miền Nam Việt Nam Tự Do.

Con đường huấn luyện chiến binh thật cam go, đòi hỏi nhiều cố gắng, thử thách, hy sinh gian khổ đang chờ đón chúng tôi.

Những quân nhân từng thụ huấn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung chắc khó mà quên những giờ "chà láng" giao thông hào chung quanh doanh trại bằng đất sét, bùn và nước từ tờ mờ sáng, thật là vô lý và vô ích, nhưng có biết đâu việc làm máy móc đó cốt là để tạo cho mình sự tập trung, kiên nhẫn, trì chí, trong mọi hoàn cảnh cần thiết sau này. Ngoài việc "chà láng", giai thoại "cá mối nhà bàn" cũng được loan truyền về tới Saigon, vì ngày hai bữa, cá mối kho muối ớt là món ăn chính được cung cấp nơi phòng ăn tập thể của khoá sinh. Cá mối là loại rẻ tiền nhất, khó tiêu thụ ngoài chợ, nên được nhà thầu giao đến quân trường để nuôi cơm mấy chục ngàn khoá sinh hàng ngày. Mùi tanh của cá mối rất khó chịu, cố nuốt để sống rồi bị dị ứng, ho hen suốt ngày đêm, trong nhiều tuần lễ.

Mỗi ngày phải dậy từ 4 giờ sáng tập thể dục và "chà láng" kế đó là chương trình luyện tập chiến thuật, địa hình, cơ bản thao diễn, võ khí, tác xạ, đoạn đường chiến binh, bò hoả lực, vượt sông … Có những ngày học tập đến 10 giờ đêm mới về lại doanh trại.

Công việc ưu tiên của Trưởng khoá là phải bắt tay ngay vào chuyện ổn định cuộc sống của các bạn đồng khoá, trước hết lo nơi ăn chốn ở cho tử tế, thoải mái, trong ý nghĩa tương đối của nó, hầu giúp họ yên tâm mà dồn nỗ lực cho những ngày luyện tập cam go, lao tâm, lao lực sắp đến.

Hàng ngày tôi phải lập danh sách phân công nhân sự, nào là: khoá sinh thu dọn doanh trại, người lãnh bánh mì, đường cát, chuối cho đại đội điểm tâm, người nhận và phân phối súng đạn ban sáng cũng như thu lại và kiểm soát cho đầy đủ lúc cuối ngày, người kiểm soát, nhận thực phẩm tại nhà bếp chung của trại và người thì sáng, chiều lo di chuyển bữa ăn ra bãi tập. Về việc điều hành câu lạc bộ nào là chuẩn bị nước uống, thức ăn nhẹ để bán cho khán giả lính, biên soạn tiết mục ca nhạc, sắp đặt các ca nhạc sĩ như sinh hoạt của một "phòng trà thực thụ". Số tiền lời thu được chúng tôi tặng chút thù lao cho các bác lao công lo vệ sinh, tu bổ doanh trại.

Vậy nghĩa là trong trách nhiệm mới tôi phải quán xuyến công việc hành chánh tổng quát như xem văn thư đi và đến, việc thu chi ngân quỹ của khoá, lo trang trí doanh trại, mua sắm vật dụng cần thiết phục vụ nhu cầu tinh thần và vật chất của gần 300 dự bị sĩ quan khoá chúng tôi, từ quân trang, quân dụng trang bị đến hai bữa ăn ngoài bãi tập, cũng như các chương trình văn nghệ và giải trí…

Đa đoan với những công việc phức tạp suốt ngày, trong lúc các bạn cùng khoá dầm mưa chịu gió, dãi nắng phơi sương nơi thao trường, tôi phải trực văn phòng đại đội, đảm trách và giải quyết những công việc không tên trong thời gian học tập ở quân trường Quang Trung.

Đối với người chiến binh, việc "huấn nhục" khắt khe, gian khổ đã là một hình phạt nhưng "ghê gớm nhất" đối với anh em chúng tôi là bị cúp phép, không được thong thả về Saigon và … lỡ hẹn với người yêu!

Trong một buổi thực tập ngoài trời, đại đội chúng tôi đã xao lãng, hàng ngũ mất trật tự, nhiều khoá sinh bỏ ra ngoài mua quà bánh, do gia đình các binh sĩ cơ hữu bày bán. Quan sát từ đồi cao, qua ống dòm Thiếu tướng Chỉ Huy Trưởng Lê Ngọc Triễn nhìn rõ sự việc, không thể chấp nhận trong kỷ cương của một quân trường, ông quyết định cúp phép cuối tuần của chúng tôi và thêm giờ học tập.

Ai nấy đều cho đó là "tiếng sét đánh ngang tai", bao nhiêu mộng mơ, bao nhiêu xếp đặt, tính toán đều đổ vỡ, rất khó ăn nói, không làm sao bắn tin, liên lạc gấp được với Saigon, biết làm sao bây giờ đây ?! …

Sau nhiều phiên họp gay go giữa sĩ quan cán bộ, đại diện Bộ Chỉ Huy với anh em chúng tôi, một phương cách duy nhất may ra có thể tháo gỡ lệnh cấm đi phép là khoá chúng tôi phải trách nhiệm tổ chức một buổi trình diễn văn nghệ trước toàn thể khoá sinh của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung vào khoảng 10 ngàn quân nhân.

Hú vía! Mọi nỗ lực được đưa vào dự thảo của chương trình, phụ thiết lập, trang trí sân khấu rồi anh em phân công nhau về Saigon mời các ca nghệ sĩ tên tuổi tham gia vào buổi trình diễn, có thể kéo dài nhiều tiếng đồng hồ. Một số ca nghệ sĩ hoan hỷ nhận lời hát giúp chúng tôi đồng thời cũng để ủng hộ tinh thần anh em binh sĩ sắp mãn khóa, ra đơn vị chiến đấu.

Mời được chị Phan Tuỳ, Xướng Ngôn Viên đài Truyền Hình Saigon, cùng chúng tôi làm MC với sự góp mặt của nhiều ca nghệ sĩ như: Thanh Lan, Thanh Tuyền, Lệ Thu, Phương Hồng Quế, Thu Thuỷ … Tôi cũng gồng mình, xin hát *"24 Giờ Phép"* của Trúc Phương, bài này diễn tả tâm trạng của chúng tôi lúc ấy, ai cũng ao ước có được 16 giờ để mà… *"bỏ trời đất bơ vơ"!*

Buổi văn nghệ thành công ngoài mong đợi, được đánh giá là "xuất sắc" và Bộ Chỉ Huy thưởng khoá chúng tôi 24 giờ phép "vàng ngọc" cuối tuần đó. Mọi người hớn hở vì ai nấy đều đóng góp tích cực phần của mình trên sân khấu cũng như sau "cánh gà".

Thật là có thức đêm mới biết đêm dài, sau này tôi mới nghiệm ra trong bất cứ vai trò, vị trí, chức vụ nào, không hề có chuyện suông sẻ, êm thắm và trôi chảy…

Trước lễ mãn khoá, tôi có dịp chân thành cám ơn các bạn khoá 7/68 Không Quân đã tin cậy và giúp tôi hoàn thành trọn vẹn trách nhiệm của một người Trưởng khoá. Sau 8 tuần lễ rèn luyện làm lính ở Quang Trung, chúng tôi tiếp tục lên đường vào Trường Bộ Binh Thủ Đức để học làm "Quan".

Tại Trường Bộ Binh Thủ Đức, khóa chúng tôi nhập vào Tiểu Đoàn 3, Đại Đội 38, thủ tục bầu cử vào các vị trí tự quản gồm có đại diện Trung Đội, đại diện Đại Đội được tiến hành như ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Sau cuộc bầu cử sôi nổi, các bạn tiếp tục tín nhiệm tôi Đại Diện cho Đại Đội.

Công việc tổng quát mà tôi phải đảm nhiệm hàng ngày với sự tiếp tay của các sinh viên sĩ quan đặc trách về vũ khí, tiếp liệu, hành chánh, y tế cũng như trách nhiệm ở Quang Trung cộng thêm những cuộc họp bàn với Ban Đại Diện Tiểu Đoàn trong công tác tổ chức các chương trình diễn hành, trình diễn văn nghệ, lễ gắn Alpha và lễ mãn khóa…

Sau khi hoàn thành giai đoạn huấn luyện căn bản Bộ Binh, tốt nghiệp Trường Thủ Đức với cấp bậc Chuẩn úy, những quân nhân nào theo ngành chuyên môn được gởi đi thụ huấn tại các quân trường trong nước và Hoa Kỳ.

Khi đến trình diện Phòng Du Học/ Khối Huấn Luyện/ Bộ Tư Lệnh Không Quân nhận Lệnh Di Chuyển ra Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang để học Anh Ngữ, căn cứ theo hồ sơ từ Trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi được đề cử làm Trưởng Toán phụ trách 54 tân Chuẩn úy. So với trách nhiệm của mình trong thời gian thụ huấn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và Trường Bộ Binh Thủ Đức thì ở đây quả là đơn giản và nhẹ nhàng. Đã tốt nghiệp khóa sĩ quan nay chỉ chuyên học ngoại ngữ và văn hóa nên nhóm chúng tôi được miễn giai đoạn "huấn nhục" sống trong cư xá bên ngoài quân trường. Hàng ngày đến lớp học Anh Ngữ, chiều khổ luyện Vovinam, may là sau đó chúng tôi tha hồ tắm biển để thư giãn, ngắm cảnh, ngắm người, cuộc sống thoải mái không khác nào đang đi du lịch miền duyên hải trong kỳ nghỉ phép thường niên.

Ở quân trường Nha Trang, tôi nhận lệnh từ Liên Đoàn Khóa Sinh để phổ biến đến các bạn trong nhóm, duy trì quân phong, quân kỷ, hướng dẫn họ đến lớp học, đến võ đường và tham dự lễ thượng kỳ mỗi sáng thứ bảy. Tháng nào tôi cũng được bay về Bộ Tư Lệnh Không Quân ở Tân Sơn Nhất lãnh lương cho cả nhóm. Sau khi tốt nghiệp khóa Anh Ngữ vào tháng 9 năm 1968, tôi lên đường du học ngành Thông Tin, Báo Chí tại Lackland Air Force Base, San Antonio, Texas & Fort Benjamin Harrison, Indiana, Hoa Kỳ.

(Thật đúng là " Mưu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên"…mọi chuyện đều có sự an bài…Tôi làm tròn nhiệm vụ nhờ Gia Đình Phật Tử, Chùa Giác Minh, Saigon … biết rõ cá tính từng người trong khóa … nhờ có trí nhớ và tuổi trẻ. Giờ đây, ngồi xuống với bữa cơm chiều, có khi còn không nhớ nổi mình đã ăn gì bữa trưa nay!)

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Hướng nghiệp ngành Chiến Tranh Chính Trị

Đào Hiếu Thảo

Huy hiệu ngành Chiến Tranh Chính Trị/Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Trước khi mãn khoá sĩ quan căn bản Bộ Binh tại quân trường Thủ Đức KBC 4100, các sinh viên sĩ quan phải trải qua cuộc thi trắc nghiệm tâm lý theo phương pháp huấn luyện và tuyển chọn mà quân lực Hoa Kỳ áp dụng.

Mỗi người được trao một bản 1500 câu hỏi trắc nghiệm để trả lời trong thời gian nhanh nhất có thể, tối đa là hai giờ đồng hồ. Các thí sinh được dặn dò là chỉ giải đáp những câu hỏi mình cho là chính xác, đừng quan tâm đến các vấn đề không nắm vững hoặc còn do dự hay phân vân, có quyền bỏ trống và chỉ chọn trả lời những câu mình biết chắc. Cố gắng trả lời được càng nhiều câu hỏi càng tốt.

1500 câu hỏi quả là một lá sớ dầy cộm, dài lê thê, nhìn qua là ớn lạnh đến xương sống, chưa biết phải xoay sở ra sao? Nội dung làm mình nhức đầu, trong đời chưa hề có lần nào thi cử mà rắc rối như vậy. Người ta hỏi mình đủ thứ: văn chương, toán học, vật lý, hoá học, ngoại ngữ, lịch sử, triết học, chính trị học, âm nhạc, nghệ thuật, thiên văn, binh thư, chiến pháp, khí tượng, cơ khí, kiến trúc và gì gì nữa…

Sau hai tiếng, nộp bài, ai nấy choáng váng, đứng dậy lảo đảo, chạy vội lấy nước lạnh đắp mặt cho tỉnh táo.

Sau một tuần, kết quả cuộc thi trắc nghiệm được công bố và phổ biến đến các đại đội khoá sinh. Căn cứ theo trình độ học vấn, kiến thức, cá tính, sở thích, năng khiếu, kinh nghiệm mà mỗi sinh viên sĩ quan được máy điện toán của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà phân loại và hướng nghiệp cho từng ngành nghề thích hợp.

Lý thuyết là như thế nhưng trên đời này có gì là tuyệt đối, toàn hảo đâu, chắc gì không có nạn COCC (con ông cháu cha), những trường hợp gởi gấm đặc biệt, chạy chọt, tráo bài… mà xã hội văn minh hay chậm tiến đều chứng kiến xưa nay. Xác xuất tuyển chọn người cũng có thể sai sót như kết quả những kỳ thi tú tài IBM, được xem là "ngựa về ngược" thí sinh học chuyên cần thì trợt, người thi cầu may như "chuyện bài bạc, đỏ đen" lại đỗ đạt!

Trong số hàng chục ngành nghề thuộc các quân, binh chủng mà gần 1850 sinh viên sĩ quan khóa 7/68 Không Quân chúng tôi cùng dự kỳ thi trắc nghiệm tâm lý, tôi được chọn phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị và sẽ thụ huấn tại Đại Học Chiến Tranh Chính Trị ở Dalat, hoặc du học về Political, Psychological Warfare & Information tại Hoa Kỳ.

Ngày nay (52 năm sau) hồi tưởng lại chuyện xưa tích cũ, mới thấy dường như vận mệnh con người đã được an bài, định đoạt từ trước, ít ai có thể "cải số Trời", tự vạch cho mình một hướng đi, một ngã rẽ khác.

Nếu không phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị, tôi thấy mình không thích ứng với những ngành nghề nào khác mà các bạn tôi được phân bổ như: bảo toàn phi động cơ, không lưu khí tượng, truyền tin điện tử, hành chánh quản trị, tài chánh thống kê, tiếp liệu, quân cảnh, quân báo, kiến tạo, chuyển vận, quản đốc nhân lực, an ninh phòng thủ …

Tôi chỉ đam mê văn chương, triết học, ngoại ngữ, chính trị học còn những môn học khác thì rất "khó nuốt".

Trong khi chờ hoàn tất thủ tục du học Hoa Kỳ, tôi được gởi tập sự tại văn phòng Tham Mưu Phó Chiến Tranh Chính Trị, Bộ Tư Lệnh Không Quân Tân Sơn Nhất, để làm quen và học hỏi thêm về những hoạt động đa dạng của ngành này.

Những phần sở chuyên môn và tham mưu gồm có: Phòng Kế Hoạch & Chính Huấn, Phòng Tâm Lý Chiến, Phòng Xã Hội, các Phòng Tuyên Uý Công Giáo, Phật Giáo, Tin Lành, Phòng Quân Tiếp Vụ, Đại Nhạc Đoàn Không Quân, Võ Đường Thần Phong, Ban Văn Nghệ, Đội Tuyển Túc Cầu, Toán Chiến Sĩ Ca …

Chức năng hàng đầu của ngành Chiến Tranh Chính Trị là tác động tinh thần quân nhân các cấp, tranh thủ nhân tâm, chăm sóc, nâng cao đời sống của họ và gia đình với các nhiệm vụ như: phát huy, duy trì lòng trung thành của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đối với Tổ Quốc, lý tưởng Quốc Gia, Dân Tộc, tranh thủ sự ủng hộ của toàn dân, ngoài ra cũng được giao trọng trách vận động, kêu gọi binh lính cộng sản Miền Bắc ra hồi chánh, trở về với Chính Thể Quốc Gia.

Chịu trách nhiệm tổng quát là Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, bao gồm Cục Chính Huấn, Cục Tâm Lý Chiến, Cục Xã Hội, Cục An Ninh Quân Đội, Cục Quân Tiếp Vụ và Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Dalat.

Ngành Chiến Tranh Chính Trị, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà được tái tổ chức dưới thời đệ nhị cộng hoà, từ năm 1965 áp dụng theo sách lược của cố Tổng Thống Trung Hoa Quốc Gia Tưởng Giới Thạch, tức Đài Loan qua hình thái Lục Đại Chiến, bao gồm: Tư Tưởng Chiến, Tâm Lý Chiến, Quần Chúng Chiến, Tình Báo Chiến, Tổ Chức Chiến và Mưu Lược Chiến.

Trường quân báo, tâm lý chiến ở Cây Mai vùng Chợ Lớn-Saigon, thành lập vào năm 1956 được sát nhập với Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Dalat để bắt đầu khoá đào tạo sĩ quan hiện dịch hồi năm 1966. Đến tháng 4 năm 1975, Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Dalat đã đào tạo được trên 10 ngàn sĩ quan cho toàn thể quân lực từ cấp Chuẩn uý đến Đại tá.

Được biết, Thánh Tổ Ngành Chiến Tranh Chính Trị Việt Nam Cộng Hoà là vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, hiệu Ức Trai, 1380-1442. Ông là Khai Quốc Công Thần nhà Hậu Lê, mà theo sử sách thì cuộc đời tài trí vẹn toàn của Nguyễn Trãi cần đến hàng trăm pho sách mới diễn tả được đầy đủ công trạng.

Ông là tác gỉa Bình Ngô Đại Cáo, nói lên trọn vẹn chính nghĩa ngời sáng của đất nước và dân tộc Việt, luôn có tinh thần tự chủ và bất khuất từ ngàn xưa. Năm 1980, Nguyễn Trãi được UNESCO vinh danh là bậc danh nhân văn hoá thế giới, nhà Tâm Lý Chiến đại tài, với câu nói bất hủ "Đem Đại Nghĩa Thắng Hung Tàn, Lấy Chí Nhân Thay Cường Bạo".

So sánh với phía cộng sản Miền Bắc, họ cũng có hệ thống bí thư, đảng uỷ, chính uỷ, chính trị viên, từ trung ương xuống cấp đơn vị nhỏ nhất của quân đội nhân dân. Được đảng cắt cử, chỉ định, các chính uỷ nắm trọn quyền sinh sát tuyệt đối trong tay, cấp chỉ huy quân sự phải triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh của họ, cho dù phải trả giá bằng máu xương chồng chất của bộ đội "nón cối, dép râu", do sự kém hiểu biết của các chính ủy về chiến trận mà chỉbiết tuân hành mù quáng mọi mệnh lệnh của đảng cộng sản.

Trong thời gian tập sự tại Bộ Tư Lệnh Không Quân, Tân Sơn Nhất, tôi được tham gia vào các công tác biên soạn tài liệu thuyết trình, tiếp tay tổ chức các buổi học tập chính trị, biện luận, trình diễn văn nghệ dành cho quân nhân các cấp. Tôi cũng được phân công tiếp đón, hướng dẫn các nhà báo quốc tế muốn tháp tùng các cuộc hành quân trên phi cơ Không Quân Việt Nam, thực hiện các phóng sự chiến trường khắp bốn Quân khu. Ngoài ra, tôi còn có cơ hội phụ giúp vào việc thực hiện các chương trình phát thanh, truyền hình định kỳ do Không Quân thường xuyên đóng góp. Tôi cũng tháp tùng các phái đoàn vận động, tuyển mộ đến những trường đại học và trung học ở Saigon để kêu gọi sinh viên, học sinh gia nhập Không Quân Việt Nam. Thời giờ rảnh rỗi, tôi cũng có thể ra sân đá banh, chơi bóng chuyền, bóng rổ hoặc luyện tập nhu đạo tại Võ Đường Thần Phong.

Quen dần với công việc mới, tôi nghiệm được rằng vào thời điểm đó, giải pháp thuần tuý quân sự không thể đơn phương vãn hồi hoà bình, không thể giải quyết cuộc diện Việt Nam ngoài chiến trận. Các công tác ngành Chiến Tranh Chính Trị với môn chính huấn, trang bị tư tưởng vững chắc cho binh sĩ, hun đúc tinh thần chiến đấu vì lý tưởng quốc gia, rèn luyện thể dục. Tâm Lý Chiến lo hướng đến việc trình diễn văn nghệ, tổ chức giải trí, phát hành tạp chí, đặc san, thực hiện phim ảnh, phát thanh, truyền hình, giúp phương tiện cho người cai nghiện cần sa, ma tuý. Ngành Xã Hội chăm lo uỷ lạo thương bệnh binh, gia đình tử sĩ, giúp đỡ tài chánh cho những trường hợp khó khăn. Quân Tiếp Vụ cung cấp các loại nhu yếu phẩm với giá chính thức cho gia đình quân nhân. Các vị Tuyên uý hướng dẫn đời sống tâm linh, giảng đạo cho tín đồ, con chiên, giáo hữu trong căn cứ Tân Sơn Nhất, cầu kinh, tế lễ, tụng niệm cho tử sĩ.

Thời gian này, tôi học được hai điều mà đã gìn giữ như tôn chỉ của đời mình, một là "làm hết việc, không làm hết giờ", hai là lúc nào cũng cần có quyển sổ tay và cây viết mỗi khi gặp thượng cấp để nhận công tác. Mấy chục năm rồi, thói quen đó vẫn giúp ích tôi trong mọi công việc, mọi hoàn cảnh, mọi tình thế.

Cũng qua việc làm hàng ngày, tôi mới thấu hiểu "tu thân" là điều hết sức cần thiết, phải luôn học hỏi, trao dồi thêm kiến thức bằng sách vở, tài liệu, phim ảnh… vì điều mình biết chỉ là hạt cát, những gì mình chưa biết là cả một sa mạc mênh mông. May mắn sao, tôi lại được máy vi tính sắp cho đi ngành Chiến Tranh Chính Trị, một cơ hội làm thay đổi vận mạng, được phục vụ trong nghề mình ưa thích, đặt chân đến những khung trời mới lạ, bay khắp các vùng chiến thuật từ Cà Mau đến Bến Hải và chiến trường ngoại biên bên Xứ Chùa Tháp.

Nhờ ở trong ngành Chiến Tranh Chính Trị mà tôi thăng cấp nhanh, cũng chính vì vậy mà tôi bị cộng sản đầy đoạ lâu năm, ra tận miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, họ cho rằng tôi mang tội lớn với "Cách Mạng" với "Nhân Dân", trong vai trò tương tự như một "Chính Uỷ" trọn quyền sinh sát trong tay, qua mặt các cấp chỉ huy quân sự, như quân đội Miền Bắc thường làm.

Sự thật, người lính miền Nam luôn nhân đạo với đối phương, tử tế với những tù, hàng binh, thương binh cộng sản khi họ bị sa cơ, thất thế. Trong khi đó, người "anh em phía Bắc", kẻ cho là mình thắng trận đã đối xử nghiệt ngã, dã man, ác độc, cầm tù tàn binh Việt Nam Cộng Hoà khi rơi vào tay họ ngoài trận tuyến, hoặc bị lừa ra trình diện sau ngày 30 tháng 4 đen năm 1975.

Bao nhân chứng, tài liệu, kể lại rằng có người đã bị cộng sản chôn sống, như các anh em Thượng FULRO ở Tây Nguyên; bị cột tay chân, ném từ xe Molotova đang chạy nhanh xuống đất, như ông Xã Điểm tại Cần Thơ; cùng những hằng hà sa số trường hợp khác bị hành quyết dã man, bỏ đói, bỏ khát, lao động khổ sai đến sức cùng, lực kiệt mà vẫn phải lao lực đến hơi thở cuối cùng.

Những sự thật đó còn cần được phơi bày, cần được diễn tả, cần được nhắc nhớ bởi những ai từng chứng kiến tận mắt những gì ở hoả ngục đỏ, trong đó không thiếu những nhà báo, nhà văn, nhà thơ và các sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị, Chính Huấn, Tâm Lý Chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

***Đào Hi*ếu Thảo du lịch Hoa Kỳ**

1969 – Lính Không Quân du học Hoa Kỳ

Đào Hiếu Thảo

Căn cứ Không Quân Lackland, San Antonio, Texas, 1969

Vào lính tháng 9 năm Mậu Thân 1968, sau 8 tuần thụ huấn căn bản quân sự tại Trung Tâm Huấn Luyện Tân Binh ở Quang Trung, 6 tháng Trường Bộ Binh Thủ Đức và 3 tháng Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang, tôi được thuyên chuyển về Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất làm trong ngành Chiến Tranh Chính Trị, một công việc thật đúng với sở thích và rất gần gũi với các môn học ở đại học Văn Khoa Saigon ngành khoa học nhân văn như: văn minh, văn chương, triết, nhân chủng, chính trị học. Ba năm làm đài phát thanh, truyền hình cũng có phần nào ảnh hưởng trực tiếp, giúp tăng thêm sự mải mê với công việc hiện tại.

Làm quân nhân là phải chấp hành nghiêm chỉnh bất cứ việc gì được giao phó, tuy nhiên du học ngành chuyên môn trong tôi luôn là niềm mong ước, vả lại cũng rất cần thiết cho tương lai trong binh nghiệp.

Để được tuyển chọn du học Hoa Kỳ, có nhiều chặng đường phải qua, trong trường hợp riêng tôi, trước hết phải hội đủ điều kiện nhập ngành Chiến Tranh Chính Trị trong kỳ thi trắc nghiệm tâm lý và sở thích với 1500 câu hỏi. Thứ hai phải đạt điểm thấp nhất là 85 trên 100, trong những kỳ khảo sát trình độ Anh Ngữ. Sau hết là phải dự thí với các quân nhân khác cho một trong hai vị trí mà Không Lực Hoa Kỳ dành cho sĩ quan Chiến Tranh Chính Trị Không Quân du học Mỹ.

Hai người được chọn là Chuẩn uý Chu Văn Hải và tôi. Sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà du học Hoa Kỳ được chánh phủ lo lắng mọi phương tiện, Cục Quân Nhu chu cấp đủ loại quân phục cho: đại lễ mùa hè, mùa đông, chemise dài tay, ngắn tay cũng như quân phục kaki vàng đi phép. Tiếp Liệu Không Quân bổ sung thêm quần áo trận, áo ấm, các loại giày vớ, các loại nón… Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam phát hành Travelers' check và đổi mỹ kim cho chúng tôi làm lộ phí. Hàng tháng lãnh lương tại quân trường ở Mỹ.

Trước ngày lên đường, chúng tôi đến trình diện Phòng Du Học, Phòng Huấn Luyện Bộ Tư Lệnh Không Quân để nghe thuyết trình về chương trình học, sinh hoạt và đời sống tại Mỹ. Bổn phận, trách nhiệm, quân phong, quân kỷ của người sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà nơi xứ người cũng được nhấn mạnh rõ ràng. Mỗi sĩ quan du học đều phải ký giao ước phục vụ Không Quân thêm tám năm, ngoài 15 năm mình đã đồng ý dành cho Không Quân Việt Nam khi mới nhập ngũ, tổng cộng là 23 năm.

Ai có biết, ngày 30 tháng 4, 1975 với cuộc "đổi đời" nghiệt ngã! 23 năm binh nghiệp của tôi đã rút lại, vỏn vẹn còn 6 năm 7 tháng.

Vào một ngày đầu thu năm 1969, phi trường Tân Sơn Nhất hôm ấy, đông nghẹt người , máy bay lên xuống rợp trời, nhìn quanh quẩn chỉ thấy toàn quân nhân Mỹ, họ chờ lên phi cơ về nước, số khác mới đặt chân đến Saigon, đợi phân phối ra chiến trận, hoặc vừa xong ngày phép, sửa soạn trở lại đơn vị.

Phi cơ DC 10 của hãng hàng không Flying Tiger cất cánh từ phi cảng Tân Sơn Nhất chở theo trên 220 quân nhân, hầu hết là người Mỹ, không có hành khách dân sự, rất ít sĩ quan Việt Nam thuộc Hải, Lục, Không Quân. Riêng Không Quân chỉ có ba tân Chuẩn uý: Chương Bá Tráng, Chu Văn Hải và Đào Hiếu Thảo, nghiêm chỉnh trong bộ quân phục xuất ngoại màu xanh dương đậm (Air Force Blue), trên vai áo bên trái có tên nước Việt Nam màu trắng, thêu trên nền đỏ.

Máy bay của hàng không quốc tế sao tối tân, lịch lãm, tiện nghi thật, nhớ những lần đi Air Việt Nam, bằng vận tải cơ DC 3, DC 6 sao ồn ào quá, khi chui vào mây thì nhồi phát buồn nôn, ẩm thực rất sơ sài, tiếp khách qua loa. Còn máy bay quân sự Việt Nam C 47, C 119, C 123 thì có khi phải ngồi trên sàn, lắm lúc chở theo thương bệnh binh, hoặc các hòm đựng xác tử sĩ – buồn – chẳng ai có thể mở miệng nói nên lời. Trên nhiều loại máy bay vận tải quân sự Việt Nam còn không có cả chỗ đi vệ sinh, rất bất tiện cho hành khách không phải là lính.

Lần đầu tiên ngồi phi cơ Mỹ rộng rãi, thoải mái, tiện nghi, thức ăn, nước giải khát được các tiếp viên mời dọn đều đặn, ngoài ra còn có chiếu phim, nghe nhạc, đọc báo và tặng bộ bài để giải trí nữa.

Phi cơ đáp chặng đầu trên đảo Okinawa của Nhật Bản để lấy nhiên liệu và thực phẩm, hành khách ra khỏi máy bay hai giờ đồng hồ, rồi lên lại, bay tiếp đến vùng Wake Islands ngoài khơi Thái Bình Dương lấy nhiên liệu một lần nữa trước khi đáp Honolulu, thủ phủ của tiểu bang Hawaii. Xuống máy bay, mỗi hành khách đều được các cô gái trong trang phục địa phương, tặng vòng hoa , thưởng thức hoa quả và nước dứa tươi, một loại đặc sản của vùng này.

Rời Honolulu, phi cơ hướng đến đảo Guam và chặng đường cuối là đáp tại căn cứ Không Quân Travis ở San Francisco, CA. Kỷ niệm đầu tiên khó quên khi đặt chân đến Hoa Kỳ là lúc đang tiến gần sát cửa kiếng để ra khỏi phi trường, bỗng dưng cửa mở toang, làm giựt mình, suýt ngã toàn thân về phía trước… Ở nước mình lúc đó cửa đâu có tự động mở, phải bấm nút hay đẩy cửa bằng tay. Cảm tưởng thứ hai là sao bất cứ nơi nào ở Mỹ đèn cũng thắp sáng rực suốt đêm ngày, còn xứ mình luôn tiết kiệm năng lượng, hà tiện điện, tắt đèn, cúp điện liên miên, thường sống trong tranh tối, tranh sáng, tại sở làm cũng như ở nhà.

Nghỉ đêm trong phòng vãng lai tại căn cứ không quân Travis, ngày hôm sau anh Chương Bá Tráng bay đi căn cứ Không Quân Keesler, Mississippi, với tôn chỉ " Fly, Fight and Win" in Air and Space, anh học ngành bảo toàn phi cơ.

Anh Chu Văn Hải và tôi bay đi căn cứ Không Quân Lackland, San Antonio, Texas học tại Defense Language Institute, English Language School. Đến Lackland vào giữa đêm khuya, chúng tôi được đón về barack dành cho các sĩ quan độc thân, mỗi phòng chứa từ hai đến bốn người, nằm giường đôi.

Sáng hôm sau, đến trình diện Bộ Chỉ Huy, làm thủ tục hành chánh, sửa soạn nhập khoá học Anh Ngữ. Vào thời điểm của tháng 10, năm 1969, căn cứ Không Quân Lackland ở Texas tiếp nhận trên 100 ngàn khoá sinh đến từ khoảng 50 quốc gia trong thế giới tự do nhận viện trợ của Hoa Kỳ. Ngoài ra, căn cứ còn phụ trách huấn luyện căn bản quân sự và chuyên môn cho nam nữ hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc Không Lực Hoa Kỳ.

Căn cứ Không Quân Lackland là một thành phố lớn nằm cách thị trấn San Antonio chừng 45 phút đi xe bus, nơi ấy có di tích lịch sử thành Alamo với anh hùng Davy Crockett cùng 100 chiến hữu chống trả và đẩy lui cuộc xâm chiếm của quân Mễ Tây Cơ mà quân số lên tới 1500 lính, trong trận chiến năm 1836, kéo dài gần hai tuần. "The Battle of Alamo" được diễn tả lại trong phim ảnh và tivi của hãng Disney, do John Wayne đóng vai chính vào thập niên 1950. Series phim ảnh dã sử đó đã được khán giả Mỹ nhiệt liệt tán thưởng và chiến sử hào hùng của thành trì Alamo biến nơi đây làm một địa diểm hàng đầu, quanh năm thu hút du khách thập phương khi đến thăm San Antonio, Texas.

Trong chương trình trao dồi Anh Ngữ, mỗi người đều phải thi trắc nghiệm khả năng tiếp thu, để căn cứ vào kết quả bài thi mà xếp lớp cao thấp. 70 điểm trên 100 là trung bình, nếu đạt điểm cao hơn thì sớm được gởi đi học chuyên môn, điểm thi quá thấp sẽ phải dời đến một khu khác tập trung tất cả những khoá sinh điểm kém để học thêm ngoài giờ với các tân binh Mỹ. Nhiều lần không đạt điểm trung bình quy định sẽ bị loại và trả về nước, thuyên chuyển qua các đơn vị tác chiến.

Tôi thường đạt số điểm trên 85, nên được xếp theo học lớp đặc biệt (specialized), mỗi lớp tối đa là 10 khoá sinh chuyên về đàm thoại, nặng về ngữ vựng, làm quen với những chữ chuyên môn trong quân đội, chuẩn bị cho bước kế tiếp theo học Trường Thông Tin Báo Chí (Defense Information School).

Mỗi ngày, từ thứ hai đến thứ sáu đều có lớp học hai buổi sáng chiều, hàng tuần có giờ thi trắc nghiệm đo lường kết quả học hỏi, nghe nhận xét, góp ý của các giảng viên.

Giờ học buổi chiều thường chấm dứt lúc 4 giờ, sau đó khoá sinh được tự do sinh hoạt. Mọi người có thể ra phố, đi mua sắm, du ngoạn, xem ci nê, tập thể thao, tụ họp nấu thức ăn Việt Nam. Cuối tuần có buổi sinh hoạt chung, tất cả khoá sinh Việt Nam phải tập họp đông đủ để nghe thông báo, trao đổi tin tức trong việc học tập.

Ai đã từng thụ huấn tại căn cứ Không Quân Lackland ở Texas, "The Gateway to the Air Force", đều cho rằng thời gian học Anh Ngữ nơi đây là "huy hoàng nhất", chỉ dốc tâm chuyện học hỏi, cuộc sống hàng ngày đã có quân trường lo ngày ba bữa ăn giá rẻ, điểm tâm 35 cents, ăn trưa 55 cents, buổi chiều 70 cents. Giá thông thường bên ngoài gấp 4 hay 5 lần mà thức ăn không dồi dào như trong căn cứ Không Quân.

Tiền trợ cấp hàng tháng dư dùng nếu biết gói ghém cẩn thận, nhiều người thường xuyên gởi quà cho thân nhân ở Việt Nam, một số bạn khác đi du lịch sang Mexico vào những ngày nghỉ lễ.

Vào cuối khoá, khi đã đạt trên 90 điểm, chúng tôi tốt nghiệp khoá Anh Ngữ cao cấp và được thưởng mấy ngày phép trước khi bay đến tiểu bang Indiana vào đầu năm 1970 để theo học khóa Thông Tin, Báo Chí tại Defense Information School (DINFOS), Fort Benjamin Harrison, Indianapolis.

Rời căn cứ Không Quân Lackland ở Texas, trở lại với thực tế, chấm dứt 2 tháng mà mọi người cho là "vàng son, nhàn hạ" vì đoạn đường trước mặt rất gay go, đối với các khoá sinh đi học bay hoặc theo các khoá chuyên môn, nhất định sẽ có người đậu, kẻ rớt, cuộc đời với những dốc đèo, đá ghềnh, hầm bẫy, chứ không yên xuôi, êm thắm mãi.

Năm 1969, chiến trường đang bùng phát mạnh trên khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà. Cộng sản Bắc Việt sử dụng ngã đường băng qua Campuchia, vượt Trường Sơn, mở rộng Đường Mòn Hồ Chí Minh đưa hàng loạt "Công Trường" tức các sư đoàn chính quy của họ xâm nhập Miền Nam. Quân số Miền Bắc luôn áp đảo trong chiến thuật "Biển Người" họ huy động quân số gấp nhiều lần để tấn công, sẵn sàng "nướng quân", tiến chiếm các mục tiêu họ chọn trong chủ trương thôn tính trọn Miền Nam dù có đánh đổi bằng sinh mạng của hàng trăm, hàng ngàn cán binh dưới những trận mưa bom từ các pháo đài bay B 52 của Không Lực Hoa Kỳ.

Sau khi mãn khóa học chuyên môn thông tin, báo chí, mình sẽ về chung vai sát cánh với hàng trăm ngàn chiến hữu QLVNCH đang cầm súng chiến đấu ngoài trận địa để góp phần vào việc giữ vững Miền Nam tự do, cho dù ở đơn vị tác chiến hay phần hành tham mưu, yểm trợ.

Đào Hiếu Thảo

Anh Chu Văn Hải và tôi có duyên đồng hành qua năm quân trường trong nước và hải ngoại, cả hai chúng tôi đều là phóng viên chiến trường phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Không Quân VNCH và khi đến Hoa Kỳ định cư, rất may mắn còn làm trong nghề truyền thông, báo chí tại Washington DC. Anh Hải đầu quân bên VOA, từ năm 1992, tôi làm cho RFA, từ năm 1997 cho đến tuổi về hưu.

Học thông tin báo chí – 1970

Đào Hiếu Thảo

III-1 a. Colonel Drysdale dedicated the stone gate at the Post Road (Greene Avenue) entry to Fort Harrison in 1943. In the background of this 1970 photograph was the U.S. Army Finance Center. Identical gates were gradually added at all roads leading onto the post.

Chiến Tranh Chính Trị trong Không Quân VNCH gồm các Phòng: Chính Huấn, Tâm Lý Chiến, Xã Hội, Quân Tiếp Vụ, Tuyên Uý Công Giáo, Phật Giáo, Tin Lành, Ban: Văn Nghệ, Điện Ảnh, Thể Thao, Đại Nhạc Đoàn, Toán Chiến Sĩ Ca, Võ Đường Thần Phong...

Đa số các sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ theo học các khoá định nghiệp được huấn luyện chuyên môn tại trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Dalat hoặc tại Cục Chính Huấn, Cục Tâm Lý Chiến, Phòng Điện Ảnh hay Truyền Hình Quân Đội...

Một số tuyển chọn, được gởi du học tại Hoa Kỳ tuỳ khả năng, kiến thức chuyên môn, quan trọng là phải hội đủ điều kiện, thông thạo Anh Ngữ hầu theo kịp chương trình giảng dạy ở các quân trường chuyên đào tạo quân nhân Hoa Kỳ và đồng minh.

Những quân nhân thuộc ngành Chiến Tranh Chính Trị Không Quân xuất ngoại, học khoá Tâm Lý Chiến, Dân Sự Vụ tại các quân trường Fort Bragg, Fort Gordon ở tiểu bang North Carolina. Trường Defense Information School ở Fort Benjamin Harrison, Indiana huấn luyện chuyên môn để đào tạo các sĩ quan thông tin báo chí (Information Officer, Public Affairs Officer và Broadcast Officer).

Các sĩ quan Tuyên Uý Việt Nam học khoá chuyên môn tuỳ từng tôn giáo, vào thời đó, sĩ quan Tuyên Uý Công Giáo trong Quân Lực Hoa Kỳ phục vụ tại các đại đơn vị mang cấp bậc cao nhất là Trung tướng.

Sau khi tốt nghiệp khoá Anh Ngữ từ trường Defense Language Institute, Lackland Air Force Base, San Antonio, Texas, tôi được chuyển đến Defense Information School (DINFOS), Fort Benjamin Harrison, Indianapolis để theo học lớp Sĩ Quan Thông Tin Báo Chí và Giao Tế Nhân Sự.

Đây là một căn cứ Lục Quân thuộc Pentagon với các trường Tổng Quản Trị, Hành Chánh Tài Chánh, Quân Y, Quân Pháp và Thông Tin Báo Chí, đào tạo chuyên môn cho sĩ quan quân lực Hoa Kỳ và các quốc gia Đồng Minh từ Á, Âu, Úc, Phi Châu và Canada.

Từ Texas, miền nắng ấm nay về xứ lạnh Indiana giữa mùa đông giá buốt, học hành ra sao chưa biết, nhưng đối phó với cái lạnh thấu xương, tưởng chừng như đang ở vùng Bắc Cực, không biết mình có chịu đựng nổi không. Bên nước mình các phần hành chuyên lo cho quân nhân du học nước ngoài chưa hề dự trù sẽ có khoá sinh Việt Nam phải nếm mùi rét xuống -20 hay -25 độ C tức là -15 độ F. Khi về đến trước cửa phòng trọ, các ngón tay cứng ngắc vì quá lạnh, không thể nhúc nhích để thò tay vào túi lấy chìa khoá, phải hơ nóng bằng hơi thở rất lâu, ngón tay ấm dần, lúc đó mới cử động được, mở cửa, phóng nhanh vào nhà.

Ra khỏi cư xá sĩ quan độc thân, nhìn quanh mình thấy binh lính Mỹ đều mặc trang phục đặc biệt như trong phim Dr. Zivago (thời cách mạng Nga năm 1917), đầu và mặt phủ kín, chỉ chừa cặp mắt. Họ đi giày ủng cao như lính Đức, găng tay dầy cộm, trong khi ấy người Việt mình thì mang giày như đi dạo phố, chiếc áo kiên cố nhất là manteau thì như đi nghỉ phép ở Xứ Hoa Anh Đào, Dalat. Có mặc vào người bao nhiêu lớp dày mỏng, cũng không kham nổi khí hậu khắc nghiệt lần đầu tiên cảm thấy trong đời, nhất là nhìn thấy cảnh tuyết trắng bao phủ mọi cảnh vật, ngập đến đầu gối… Ban đầu thấy đẹp mắt quá, thích chụp hình gởi về nhà, nhưng về sau, lê chân không nổi, hai tai như đóng băng, phát sợ, lại nhớ đến những cảnh trong phim vượt núi Everest, khi họ bị mất liên lạc nhiều ngày, lương thực cạn kiệt, không chống chọi nổi cái rét giết người, các bộ phận bị đông thành đá, có người bị mất tay, chân hay rụng cả vành tai.

Trước ngày nhập học, chúng tôi phải yêu cầu nhà trường cấp phát gấp các loại quân phục cho mùa đông. Lúc đó mới biết họ phải mặc đến 5 hay 6 lớp áo, 2 lớp quần, 2 lớp vớ, 2 lớp găng tay, giày ủng mang ngoài giày lính. Lần đầu mặc quân phục đặc biệt đó, mình cảm thấy người nặng nề, như Kingkong, di chuyển khó khăn, nhưng làm sao bây giờ, cần bảo vệ sức khoẻ để dồn nỗ lực cho chương trình học tập, chắc chắn là gay go vì nhìn thấy mấy thùng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo nhà trường cấp phát cho mỗi khoá sinh, bỗng thấy ngao ngán! và tự nhủ "thôi chết rồi, cứ tưởng lầm được du học Mỹ là sung sướng, nào ngờ sự thật phũ phàng, không béo bở như người ta thường kể".

Sáng sớm thức giấc từ 5 giờ, xem lại bài bản, sách vở, chuẩn bị tài liệu, bài tập phải nộp, đến mess hall (câu lạc bộ) vội vàng ăn sáng rồi chờ xe bus đón tới trường, tuy đoạn đường không xa nhưng trời lạnh như cắt da, xẻ thịt, lên xe vẫn thích hơn. Mới bước lên xe bus, không ai ngồi ngay vào ghế được mà thường thì phải quỳ lên ghế vì làm như thế thì đỡ buốt giá toàn thân.

Khoá học gồm 44 sĩ quan từ cấp Chuẩn uý đến Thiếu tá, trong đó có 41 sĩ quan Mỹ , ba Việt Nam là Hải Quân Đại uý Lê Công Mừng, Chuẩn uý Không Quân Chu Văn Hải và tôi. Phần lớn khoá sinh là các nam nữ sĩ quan Hoa Kỳ thuộc thành phần tốt nghiệp chương trình ROTC (Reserved Officers Training Course) vừa hoàn tất 4 năm đại học, kèm lớp quân sự căn bản mà các đương sự phải thao dợt hàng năm, ngoài giờ học văn hoá và chuyên môn.

Ngoài ra còn có những sĩ quan Hoa Kỳ thuộc Hải, Lục, Không Quân, Thuỷ Quân Lục Chiến, các vị sĩ quan tuyên uý, lãnh đạo tinh thần đã ra đơn vị, từng phục vụ khắp 50 tiểu bang của Mỹ hoặc từ chiến trường hải ngoại trở về, được chuyển sang ngành Thông Tin Báo Chí. Trưởng lớp là Major Bộ binh (Thiếu tá) Robert Seams, người Mỹ da màu, năm ấy đã trên 40 tuổi, ông bị thương ở chiến trường vùng Cao Nguyên Việt Nam, từng có vợ người Việt nên ông nói tiếng Việt trôi chảy.

Trong những lần tâm sự với ba bạn đồng khoá người Việt chúng tôi, Thiếu tá Seams thường bày tỏ nỗi chán ghét chiến tranh, ông không tán thành chính sách của Washington muốn can dự vào cuộc chiến Đông Dương làm tiêu hao xương máu con dân nước Mỹ. Những suy nghỉ bộc trực này chỉ cho phép ông thố lộ bằng tiếng Việt, với ba chiến hữu người Việt Nam mà thôi, ngoài mặt thì ông tỏ vẻ tỉnh bơ, ai bảo sao làm vậy, lắm khi quá bực bội, ông chờ đến giờ nghỉ trưa, chạy tìm "3 thằng bạn Việt chúng tôi" để trút bầu tâm sự u uất.

Anh kể lại rằng, thời còn là sinh viên đại học, vì không chịu nổi sự chèn ép, bất công, anh cùng các bạn xuống đường biểu tình, đòi hỏi công lý, lẽ phải. Trong một lần xuống đường anh đã bị hành hung, gây thương tích nay còn mang vết sẹo nơi chân trái.

Chương trình đào tạo Information Officer gồm nhiều môn học như bang giao quốc tế, hành chánh công quyền, radio & television, kỹ thuật viết tin, viết bình luận, làm phóng sự, chụp hình, quay phim, tập đánh máy chữ với 10 ngón ...

Bài tập làm ban đêm, phải đánh bằng máy chữ, không được viết tay, buổi sáng khi đến lớp nộp vào ngăn dành cho từng giảng viên, sau khi chấm điểm họ giao lại cho các khoá sinh. Do tánh lười, ỷ lại tôi không chịu theo học lớp dạy đánh máy chữ đúng phương pháp, nên suốt đời cho đến bây giờ vẫn cứ "mổ cò".

Với cá nhân tôi thì môn "Research & Oral Communication" *(nghiên cứu & thuyết trình) là hấp dẫn nhất. Môn học ấy luyện cho người sĩ quan thông tin báo chí biết cách thức nói chuyện, thuyết trình trước toàn thể quân nhân trong đơn vị, hay nói chuyện trước đám đông vài trăm, vài ngàn người.*

Hàng tuần đều có thực tập, mỗi khoá sinh được chọn một trong số hàng chục đề tài được giao, hoặc tự mình đi tìm đề tài thích hợp và được sự ưng thuận của giảng viên. Thời gian nói chuyện trước nhóm mình gồm có 10 hay 12 người là 5 hay 6 phút. Sau đó tăng dần trong những kỳ thuyết trình về sau.

Mỗi lần đứng trên bục giảng để trình bày đề tài mình chọn, giảng viên phụ trách thu hình toàn bộ câu chuyện rồi hẹn giờ gặp riêng mình để phân tích, đánh giá cặn kẽ và bổ túc những điểm thiếu sót. Nhờ được hướng dẫn tận tình cộng với sự chuẩn bị cẩn thận từng bước một, tôi đã nhiều lần được chấm điểm nhất, nhì trong nhóm về môn thuyết trình trước công chúng.

Bài thuyết trình cuối khoá có thể kéo dài từ 10 tới 12 phút, thuyết trình cá nhân hoặc thuyết trình nhóm, tối đa là 3 người. Đề tài đòi hỏi phải có phần audio-visual aid tức là trợ huấn cụ bằng âm thanh, bằng hình ảnh, màu sắc, hầu giúp cho câu chuyện được phong phú, thu hút, hấp dẫn cử toạ.

Qua nhiều vòng loại, cuối cùng chỉ còn hai nhóm tranh giải chung kết. Nhóm của tôi có một khoá sinh Mỹ da trắng, một da màu, một Á Châu, nhìn qua là thấy "gánh hát" này ăn khách rồi, chưa biết nội dung, kết cuộc ra sao. Người đạo diễn tự nguyện, ngấm ngầm giúp chúng tôi không ai khác hơn là Trưởng lớp, Thiếu tá Seams "bạn thân của ba đứa người Việt chúng tôi".

Ba anh em trong nhóm chúng tôi họp bàn liên miên, phân công nhau xem đứa nào làm món gì, mục nào, vẽ vời ra sao, ghi âm nhạc gì, chọn tranh ảnh bắt mắt, dựng giá thuyết trình ghi rõ dàn bài cho cử toạ tiện theo dõi.

Trưởng toán là anh mục sư da màu Smith, hôm thi chung kết anh mặc âu phục của một nhà truyền giáo, kế đó là Đại uý Biệt Động Quân Roberts từ chiến trường Việt Nam về, tôi mặc quân phục Không Quân Việt Nam và cả ba xếp hàng nghiêm chỉnh bước ra trình diện trước toàn khoá.

Mấy chục năm sau nhớ lại chuyện cũ thấy sao nó "ứng" với thời thế quá, kỳ thuyết trình hôm ấy chúng tôi nói đến vấn đề nhân quyền, bình đẳng giới, đặc biệt là trong quân lực Hoa Kỳ. Anh Smith mở đầu bằng lời lẽ hùng hồn, sau một đoạn ghi âm quốc ca Hoa Kỳ, giọng nói mục sư của anh làm say mê người nghe, tiếp theo là phần trình bày của anh Roberts kèm những hình ảnh, tài liệu, bản đồ. Tôi được giao lo kết thúc câu chuyện bằng những lời kêu gọi vãn hồi hòa bình, những chiến dịch vận động cho nguyện vọng thiết tha đó. Sau hết tôi hát một đoạn trích từ bài ca "Nhớ Người Thương Binh" *của Phạm Duy, tựa đề tiếng Anh là* "The Wounded Soldier", *tôi kết thúc với câu* "I Want To Go Home!"…

Toán đối thủ của chúng tôi gồm ba nam, nữ sĩ quan Mỹ da trắng, thuộc đủ các ngành Hải, Lục, Không Quân, nói tổng quát về những cái đạt và những cái chưa đạt, trong khoá học Information Officer . Đề tài của họ có vẻ "nhạt" kém câu chuyện thiết thực mà nhóm chúng tôi chọn. Trợ huấn cụ do chúng tôi chuẩn bị phong phú, dồi dào hơn, nên được nhiệt liệt tán thưởng và kết quả chung cuộc, ai thắng, ai bại đã quá rõ ràng.

Sau lễ tốt nghiệp lớp Sĩ Quan Thông Tin Báo Chí, ba sĩ quan Việt Nam chúng tôi được Đại tá Chỉ Huy Trưởng Lacey và phu nhân mời đến tư dinh dùng cơm tiễn biệt. Suốt khoá học chỉ được cơ hội chào hỏi, trao đổi với ông rất ngắn.

Khi được dịp tâm tình mới biết ông bà có một người con trai duy nhất đã hy sinh tại chiến trường Việt Nam, lúc tuổi đời mới 23. Nhắc đến người con trai đã nằm sâu dưới lòng đất, hai ông bà rơi lệ. Có lẽ anh Major Seams nói đúng, chiến tranh oan nghiệt đã làm tiêu hao bao nhiêu xương máu của thanh niên Mỹ, mà những người đau khổ, thiệt thòi nhất trần gian, đang ngồi thổn thức trước mắt chúng tôi.

Rời trường Defense Information School, Fort Benjamin Harrison, Indianapolis, theo quy chế dành cho các sĩ quan Hoa Kỳ, chúng tôi cũng được nghỉ phép hai tuần tại California trước khi bay về Việt Nam.

Tôi nhớ đến câu hát "Đường vào Quân Trường là Đường về Quê Hương…" *nơi ấy, có một đất nước suốt bốn ngàn năm anh dũng chống ngoại xâm, một dân tộc bất khuất, hào hùng, khao khát tự do, dân chủ và hòa bình.*

***

Chiến Hữu Chu Văn Hải và tôi có duyên đồng hành qua năm quân trường trong nước và hải ngoại, cả hai chúng tôi đều là phóng viên chiến trường phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Không Quân VNCH và khi đến Hoa Kỳ định cư, rất may mắn còn làm trong nghề truyền thông, báo chí tại Washington DC. Anh Hải đầu quân bên VOA từ năm 1992, tôi làm cho RFA từ năm 1997 cho đến tuổi về hưu. Anh Chu Văn Hải hiện nay vẫn hành nghề thông dịch cho các cơ quan chánh phủ , quân lực Hoa Kỳ và các hội nghị quốc tế.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Việt Nam Cộng Hòa: Từ phát thanh Saigon đến truyền hình

Đào Hiếu Thảo

(Tưởng nhớ Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền 1927-2005, người thầy, bậc đàn anh khả kính đã dẫn dắt tôi, từ phòng vi âm khép kín của radio Saigon, ra trước ống kính và màn ảnh truyền hình băng tầng số 9 của Việt Nam Cộng Hòa)

Năm 1966

Tạm yên ổn, hài lòng với việc làm xướng ngôn viên tin tức-thời sự đài phát thanh Saigon, tôi tiếp tục theo học Ban Pháp Văn ở đại học Văn Khoa và mỗi tối kèm trẻ em tại tư gia, lợi tức hàng tháng gấp đôi lương bổng những công chức chính ngạch cấp thấp thời đó.

Cuộc đời với những bất ngờ mà con người không thể đoán hay lường trước được, sự đổi thay có khi mang lại may mắn, niềm vui, có lúc đưa đến vận rủi, tuyệt mệnh như ngày 30 tháng 4 đen năm 1975, khiến hàng trăm ngàn người không lâm cảnh tù đày thì cũng bị VC gạt gẫm hay xua đuổi đi "Vùng Kinh Tế Mới" sống kiếp như "trâu ngựa", trăm ngàn người khác phải đi tìm đường sống bằng cách vượt biên, vượt biển để rồi bỏ xác thân trong rừng sâu, nước độc hay biển cả mênh mông chỉ vì hai chữ "Tự Do".

Năm 1967 chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà muốn đưa tiếng nói đến thôn quê, vùng duyên hải và tận miền sơn cước hẻo lánh nên đã kiện toàn hệ thống truyền thanh quốc gia với đài phát thanh trung ương Saigon và các thành phố lớn như Cần Thơ, Nha Trang, Đà Lạt, Ban Mê Thuột, Huế, Đà Nẵng, Đông Hà… đều có đài phát thanh địa phương được thành lập...Tuy nhiên, theo sau Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Hoa Lục Địa, một số quốc gia láng giềng trong khu vực Á Châu cũng bắt đầu có truyền hình như Đài Loan, Singapore, Malaysia, Thái Lan ... nên để đáp ứng nhu cầu thông tin và phương tiện tuyên truyền, Bộ Thông Tin Việt Nam Cộng Hòa quyết định thiết lập đài TV Saigon/ Băng Tầng số 9, đặt trụ sở tại đường Hồng Thập Tự, quận Nhất, nằm sát với cơ sở truyền hình của quân đội Hoa Kỳ.

Từ cuối năm 1967, mỗi tối có chương trình phát hình đen trắng do quân lực Hoa Kỳ thực hiện bằng tiếng Anh phục vụ các quân nhân Mỹ đang tham chiến tại Việt Nam. Chương trình thường kéo dài vài giờ đồng hồ, phát từ phi cơ của không lực Hoa Kỳ, với phần tin tức, thời sự cùng các tiết mục ca nhạc, giải trí và phim ảnh.

Trong giai đoạn sơ khai TV Saigon (THVN 9) được các chuyên viên Hoa Kỳ yểm trợ về cơ sở, trang bị, đào tạo nhân viên chuyên môn và cố vấn kỹ thuật.

Ban Xướng Ngôn Viên của Đài Truyền Hình Saigon năm 1972

Thành phần xướng ngôn viên tin tức thời sự đa số do đài phát thanh Saigon tăng phái, một số ít tuyển từ bên ngoài. Các anh chị từ radio được cử sang TV có anh Hồng Phúc, Trần Nam và chị Mai Liên.

Thời đó, bên hệ thống A đài phát thanh Saigon, tôi phụ trách đọc tin tức thời sự live (trực tiếp) và mỗi khi trên hệ thống C - Sở Ngoại Ngữ cần người thay thế các đồng nghiệp, tạm thời đọc tin bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh, tôi được giao phụ đọc các bản tin ấy. Chương trình ngoại ngữ gồm các tiếng Hoa, Miên, Thái, Anh và Pháp, phát thanh trong vòng một tiếng đồng hồ hàng ngày mỗi buổi trưa và tối. Ngoài ra, cùng với các đồng nghiệp thâm niên công vụ tại đài phát thanh Saigon, mỗi trưa thứ ba hàng tuần, tôi được cử đến rạp Thống Nhất, đọc kết quả xổ số do Nha Xổ Số & Kiến Thiết Quốc Gia tổ chức, anh chị em nhận được món thù lao "nặng tay" vào những dịp đó.

Khi còn sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử ở chùa Giác Minh, Quận 3 Saigon vào những chiều chủ nhật, tôi thường thấy nhạc sĩ Nguyễn Hiền đến thăm và hầu chuyện cùng quý Thầy, nhà ông cũng gần chùa, trên đường Phan Thanh Giản.

Khi có trình diễn văn nghệ trước công chúng, nhạc sĩ Nguyễn Hiền thường hướng dẫn chúng tôi tận tình từng chi tiết để chương trình được hoàn hảo như ý, vào dịp Đức Phật Thích Ca Đản Sinh, có khi các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Giác Minh được mời lên TV đóng góp tiết mục ca nhạc kịch thì ông lại lo đạo diễn và sắp đặt cho chúng tôi từng bước một. Trong các buổi xuất hiện trên TV Saigon, tôi thường được phân công là người MC và cùng với các anh chị Huynh Trưởng khác hướng dẫn các tiết mục văn nghệ: hợp ca, đơn ca, hoà tấu nhạc, thoại kịch, ảo thuật, biểu diễn võ thuật...

Được biết, nhạc sĩ Nguyễn Hiền sinh hoạt văn nghệ rất sớm từ khi còn sinh sống ở Hà Nội, năm 1950, mới 23 tuổi ông là nhạc trưởng ban nhạc "Hotel de Paris". Di cư vào Nam năm 1954, ông đã phục vụ Ngành Chiến Tranh Tâm Lý, các Bộ Thông Tin, Dân Vận & Chiêu Hồi rồi Xây Dựng Nông Thôn. Tại Đài Phát Thanh Saigon ông giữ chức Chánh Sở Chương Trình kiêm Quản Đốc chương trình phát thanh Thương mại. Năm 1968, ông được cử sang TV Saigon làm Phụ tá Giám đốc cho ông Trần Văn Bửu, một chuyên gia truyền thông từng được đào tạo ở Pháp.

Những ca khúc nổi tiếng của nhạc sĩ Nguyễn Hiền để lại cho đời được ưa chuộng là: *Anh Cho Em Mùa Xuân, Hoa Bướm Ngày Xưa, Nghìn Năm Mây Bay, Tìm Đâu (1961, tặng ca sĩ **Lệ Thu**) Về Đây Nghe Anh* (soạn chung với Nhật Bằng), *Bước Chân Dĩ Vãng, Tiếng Hát Học Trò, Thầm Ước, Ân Tình Lên Ngôi, Buồn Ga Nhỏ ...*

Cố Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền

Ngay sau khi nhận lãnh trách vụ mới, ông xúc tiến kế hoạch kiện toàn, cải tiến nội dung chương trình THVN để thu hút sự theo dõi của khán giả trên toàn quốc, trong kế hoạch chánh phủ quốc gia đang đẩy mạnh chiến dịch "đấu tranh chính trị" với cộng sản miền Bắc.

Bộ mặt chính của TV Saigon cũng cần được tăng cường kịp thời mà ưu tiên là tuyển dụng thêm xướng ngôn viên tin tức thời sự, bình luận thời cuộc, đặc biệt nam giới và nói giọng Miền Nam là cần thiết trước khi TV Saigon tăng giờ phát hình từ 6 giờ chiều đến 11 giờ 30 hằng đêm. Nhân viên tân tuyển lúc bấy giờ có quý chị Phan Tuỳ, Hoàng Lê Hợp, Lệ Hoa, Oanh Oanh, Nguyễn Trịnh Thị Thứ và các anh Nguyễn Đình Khánh, Trần Công Việt.

May mắn cho tôi, theo đánh giá của "Anh Hiền" tức Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền thì tôi là một ứng viên có đầy đủ điều kiện, nhưng ông không nói rõ vì sao. "Anh Hiền" và "em" là cách xưng hô thân mật giữa ông và tôi từ khi biết ông ở radio Saigon và tại chùa Giác Minh đến mãi về sau, dù ông đáng tuổi cha, chú của mình.

Với tôi, khi được biệt phái sang TV mùa Xuân 1968 ngay sau cuộc tổng công kích của Việt Cộng vào Tết Mậu Thân, là một thay đổi hoàn toàn bất ngờ, một dịp may bằng vàng, vô cùng hiếm có cho một xướng ngôn viên phát thanh trẻ yêu nghề, hăng hái với công việc, nhưng âm thầm không tên tuổi. Lúc ấy, chuyện giới thiệu tên họ người trình bày tin tức, phóng sự vào mỗi đầu giờ, qua các chương trình radio là không cần thiết.

Thủ tục tuyển dụng rất đơn giản, tôi được anh Hiền đưa từ đài phát thanh qua truyền hình, tuy chỉ cách nhau trên một km, nhưng đoạn đường ngắn ngủi đó đã thay đổi cả đời tôi và *cái duyên, cái nghiệp* trong ngành *truyền thông* đã đưa tôi vào một ngã rẽ mà có nằm mơ tôi cũng chả dám kỳ vọng đến.

Sau này vào những năm 1972, 1973 đã từng có cả ngàn thí sinh dự thi những cuộc thi tuyển xướng ngôn viên tin tức, thời sự cho đài truyền hình Saigon, trong số đó chỉ có vài đồng nghiệp được chọn. Tính đến 30 tháng 4 năm 1975, ngày miền Nam tự do bị xoá tên, Hệ Thống Truyền Hình Saigon/ Băng Tầng 9 chỉ có tổng cộng 16 nam nữ xướng ngôn viên, do anh Trần Nam làm Trưởng Ban.

Công việc chính của tôi ở đài phát thanh và truyền hình Saigon là đọc tin tức-thời sự live, nội dung các bản tin quốc nội-quốc ngoại, bài bình luận, xã luận, nhận định, phóng sự do các biên tập viên, phóng viên biên soạn và chuyển về từ bốn Vùng Chiến Thuật. Bản tin thông thường được đánh máy trừ khi gấp rút, bất thình lình thì mới viết bằng tay. Mặc dù những bản tin chính rất dài, từ 30 đến 45 phút, nhưng do thói quen, sự may mắn, chuyện đọc sai sót, vấp váp hầu như không hề xảy ra, có thể vì nhanh mắt mà cũng có thể vì tôi được "Ông Tổ" đãi ngộ.

Từ Phủ Tổng Thống, Phủ Thủ Tướng và Bộ Thông Tin (sau này là Bộ Dân Vận & Chiêu Hồi) có những phần hành luôn theo dõi nội dung các bản tin, các chương trình radio & TV một cách sát sao, mỗi khi có sai sót là bị khiển trách theo hệ thống từ trên xuống dưới, tái phạm có thể bị cho thôi việc.

Năm ấy, với tuổi đời mới hơn 20, tôi làm nhiều công việc cùng một lúc, bây giờ tôi vẫn không thể hiểu sao mà mình có thể cáng đáng nổi, vừa học ở Văn Khoa, đọc tin đài phát thanh Saigon, đài truyền hình

Băng Tần số 9 và còn đi dạy kèm trẻ ở tư gia. Cứ luân phiên, ở đài phát thanh, tôi làm ca đêm từ 7 giờ chiều đến 7 giờ sáng hôm sau. TV thì từ 6 giờ chiều đến 11 giờ 30 đêm và làm một đêm, thì được nghỉ hai đêm kế đó.

Nội dung chương trình TV Saigon thời ấy gồm có: thông báo, tin ngắn, tin thời tiết, tin quốc nội, quốc ngoại, tin chiến sự, bình luận, phóng sự, điểm báo, ca nhạc tân cổ, cải lương, hát bộ, các chương trình văn học, nghệ thuật, xã hội, tìm hiểu về cuộc sống "muôn màu và quanh ta"... Phần lớn thời lượng được dành để phổ biến đường lối, chính sách quốc gia, hoạt động của vị nguyên thủ, cấp lãnh đạo hành pháp, lập pháp và chỉ huy quân lực.

Cái duyên, cái nghiệp với truyền thông phải gián đoạn vì khi đợt Tổng Công Kích Tết Mậu Thân đầu xuân 1968 bất thành, ít tháng sau, cộng sản Bắc Việt lại mở những đợt tấn công dồn dập khác, gây tổn thất nặng cho quân dân Miền Nam, chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa ra lệnh tổng động viên, gia tăng khả năng quốc phòng, cải tiến quân đội, hầu đẩy lui làn sóng xâm nhập và lấn chiếm của đối phương phía Bắc.

Dù hội đủ điều kiện được miễn dịch vì lý do nghề nghiệp và gia cảnh, nhưng vì muốn một nếp sống mới, muốn xa Saigon, muốn cơ hội du học Hoa Kỳ, tôi quyết định xin gia nhập Không Quân vào tháng 9, năm Mậu Thân 1968, theo lời kêu gọi "Tòng Quân, Giúp Nước, Diệt Cộng" của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa.

1974

Song song với điểm đậu cao của những môn học khác, nhờ được trực tiếp tham gia vào việc truyền tải tin tức hàng ngày, tôi đã nghiên cứu, tổng hợp, biên soạn và trình bày trọn vẹn về *"Phần tin tức, thời sự"* trên Hệ Thống Truyền Hình & Điện Ảnh Việt Nam trong đề tài cho luận văn tốt nghiệp cử nhân báo chí tại đại học Vạn Hạnh (niên khóa 1973-1974). Luận án này một phần nào đã giúp cho tôi được chấm đậu thủ khoa trong kỳ thi tốt nghiệp.

Năm 2002, gặp lại nhạc sĩ Nguyễn Hiền tại vùng thủ đô Washington khi ông về đây, ở lại nhà tôi để tham dự một buổi trình diễn văn nghệ, mục đích vinh danh ông. Trong câu chuyện thầy trò tâm tình nhạc sĩ Nguyễn Hiền cho tôi biết: cái quyết định "năm xưa đó là chỉ thị của Phủ Đầu Rồng" cần có một nam xướng ngôn viên tin tức thời sự, với giọng miền Nam, nên "anh đã chọn Thảo và được Trên chấp thuận ngay".

Xin được kết thúc bài viết này bằng lời tri ân chân thành đến Hương Linh Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền, Anh đã gầy dựng cho tôi một chỗ đứng trong ngành truyền thông suốt mấy chục năm từ Saigon qua Bruxelles đến Washington, mà cho tới hôm nay tôi vẫn còn được đóng góp tiếng nói phục vụ cộng đồng Việt Nam khi cần đến.

Lần chia tay với quý thính giả RFA để nghỉ hưu, kết thúc buổi phát thanh sáng thứ 7, 26 tháng 5, 2012, vì nhớ người Thầy, người Anh, tôi đã mời bà con nghe sáng tác nổi tiếng của nhạc sĩ Nguyễn Hiền *" Anh Cho Em Mùa Xuân"* qua tiếng hát Hồ Hoàng Yến.

Một lần nữa, xin chân thành biết ơn và tưởng nhớ Huynh Trưởng, Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền kính mến và cũng cảm tạ quý đọc giả đã đến với chúng tôi qua những lời tâm tình này.

Đào Hiếu Thảo/Th2

“Vượt biên” sang Kampuchia

Đào Hiếu Thảo

Năm 1970, trong chuyến thăm viếng Bắc Kinh, quốc vương Sihanouk của Kampuchia bị Trung tá Lon Nol, tỉnh trưởng tỉnh Battambang cầm đầu cuộc đảo chánh, tự phong cho mình cấp Thống Tướng mang 5 sao và lên làm tổng thống. Ông xoá bỏ chế độ quân chủ trên Xứ Chùa Tháp, lập nên nền cộng hoà Khmer.

Ông Hoàng Norodom Sihanouk có tiếng là thiên cộng, giao du mật thiết với Trung Quốc đồng thời có quan hệ ngấm ngầm với Hà Nội mà hành động cụ thể là cho phép quân cộng sản Miền Bắc Việt Nam sử dụng lãnh thổ Kampuchia để vận chuyển binh lính và chiến cụ do Nga-Tàu cung cấp, xâm nhập ồ ạt hầu mở rộng chiến trận xuống sâu lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà.

Với sự dàn xếp và thoả thuận của Hoa Kỳ, quân lực Việt Nam Cộng Hoà đã phản công mạnh mẽ bằng nhiều mũi nhọn phát xuất từ Quân Đoàn III và Quân Đoàn IV thọc qua những vùng Tây Ninh, Hồng Ngự, Châu Đốc, Thất Sơn… Các Sư Đoàn tham chiến gồm những đơn vị thuộc Sư Đoàn 5, 25 của Quân Khu III và Sư Đoàn 7, 9, 21 thuộc Quân Khu IV cùng lực lượng tổng trừ bị với một số tiểu đoàn Nhảy Dù, Thuỷ Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân được Không Quân , Hải Quân, Thiết Giáp và Công Binh Việt Nam yểm trợ.

Những trận đụng độ ác liệt giữa quân đội hai Miền Nam-Bắc được ghi lại trong Quân Sử xảy ra ở các địa danh như Krek, Snoul, Mimot, Dam Be, Takeo, Siem Reap, Lộc Ninh…

Vì có sự tham chiến của các phi đoàn trực thăng, vận tải, khu trục và không thám thuộc hai Sư Đoàn 3 và Sư Đoàn 4 Không Quân/Việt Nam Cộng Hòa phát xuất từ Tân Sơn Nhất, Biên Hoà, Cần Thơ, Sóc Trăng nên chúng tôi được phân công bám sát các phi vụ hành quân trên đất Kampuchia, hướng dẫn các phóng viên báo chí trong và ngoài nước muốn tháp tùng để làm phóng sự từ chiến trường nóng bỏng ngoại biên.

Những điều học hỏi từ trường huấn luyện thông tin báo chí DINFOS bên Hoa Kỳ và kinh nghiệm thu thập được khi sát cánh làm việc với các cố vấn Không Quân Mỹ, giờ là lúc được đem ra ứng dụng. Chúng tôi di chuyển bằng đủ các loại phi cơ của Không Lực Hoa Kỳ và Không Quân Việt Nam Cộng Hoà, bay từ vùng đồng bằng Miền Tây đến sát khu vực phi quân sự ở Đông Hà, vùng địa đầu giới tuyến Bến Hải.

Nhận sự vụ lệnh, tôi tháp tùng các phi đoàn trực thăng tác chiến và tản thương (MEDIVAC) thuộc Không Đoàn 74 Chiến thuật, Sư Đoàn 4 Không Quân, bản doanh đặt tại phi trường Trà Nóc, Cần Thơ.

Buổi sáng hôm ấy, thức giấc từ 2 giờ, được xe đưa ra phi đạo Tân Sơn Nhất đáp trực thăng Chinook CH 47 trực chỉ Cần Thơ. Đến nơi, nghe thuyết trình của Quân Báo về tình hình chiến sự mà đơn vị trực thăng Phi đoàn 217 sắp bao vùng, quanh khu vực tỉnh Prey Veng, bến phà Neak Lương, cách thủ đô Phnom Penh chừng 60 km về hướng Nam.

Hợp đoàn trực thăng gần 40 “tàu” chuẩn bị lên đường hành quân. Anh em Không Quân thường quen gọi “tàu” thay vì máy bay hay tàu bay, ví dụ như check tàu, đập tàu… Khi đến mục tiêu, mỗi phi đội, phi tuần hướng về nơi được cắt đặt trước để thi hành đúng theo tiêu lệnh hành quân.

Hành quân trực thăng vận (nguồn ảnh: Geographic)

Chúng tôi tháp tùng phi tuần gồm 12 chiếc trực thăng võ trang Gunship và C&C (Command & Control) do Đại uý Lộc chỉ huy, anh em Không Quân gọi ông là “Lộc Ròm”, bay giỏi, gan dạ, đánh giặc hay, chỉ huy khéo. Mấy chục năm sau gặp lại Trung tá ở Washinton DC trong Đại Hội Hoa Anh Đào Không Quân thì không nhận ra ông nữa, vì béo phì như “Ông Địa” nay có tên là “Lộc Bụng”.

Chỗ ngồi của tôi ở ngay sau ghế lái của Đại uý Lộc trưởng phi cơ, được cho là khá an toàn đối với một nhà báo, một "Thiếu úy sữa" mới ra trường với dáng dấp thư sinh, chưa biết trận mạc là gì. Đại uý Lộc giao cho tôi một khẩu M 16 với cấp số đạn trên một ngàn viên, một áo giáp chống đạn, để xử dụng trong tình huống xấu nhất và dặn dò tôi phải làm theo mọi mệnh lệnh để bảo toàn sinh mạng của chính mình và của cả phi hành đoàn.

Thông thường một trực thăng võ trang có hai sĩ quan là trưởng phi cơ và hoa tiêu phó, kế đó có ba hạ sĩ quan gồm cơ phi – lo bảo trì tàu bay, xạ thủ – lo bắn đại liên không giựt M 60 và y tá phi hành lo cứu thương, băng bó, vô nước biển trong trường hợp cần thiết. Bốn tàu bay trực thăng thành một phi đội, nhiều phi đội hợp thành phi tuần, với số tàu bay có thể lên tới 12, 18 hoặc 24 chiếc, tuỳ theo nhu cầu chiến trường và tình thế đòi hỏi.

Cất cánh khỏi phi trường Cần Thơ, hợp đoàn trực thăng do Thiếu tá Tâm chỉ huy nhắm xứ Chùa Tháp trực chỉ. Nửa giờ sau, bay ở cao độ thấp, nhìn xuống đất đã thấy cảnh vật khác hẳn nước mình với những ngôi chùa Miên, nhà sàn, cách ăn mặc của dân chúng, của binh lính, xe cộ, đường xá không phải là của Việt Nam. Vậy là mình đã vượt sang không phận một quốc gia khác mà không cần thông hành, không ai kiểm soát.

Phi đội trực thăng do Đại uý Lộc hướng dẫn có lệnh đến trình diện Lữ Đoàn B Thuỷ Quân Lục Chiến của Đại tá Tôn Thất Soạn mà Bộ Chỉ Huy được đặt tạm tại một cao ốc thuộc chánh quyền địa phương tỉnh Prey Veng gần bến phà Neak Lương, một vị trí trọng yếu trong kế hoạch vận chuyển binh lính và chiến cụ của quân đội Khmer.

Thuỷ Quân Lục Chiến là một trong bốn lực lượng tổng trừ bị thiện chiến nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà bên cạnh các Sư đoàn Nhảy Dù, Liên đoàn Biệt Kích Dù và Biệt Động Quân. Trọng trách tổng quát của Thuỷ Quân Lục Chiến là hành quân thuỷ bộ, kiểm soát hệ thống sông ngòi và vùng biển, địa bàn chiến đấu là khắp 4 vùng chiến thuật và mặt trận ngoại biên.

Trong khi đó, nhiệm vụ chính của các trực thăng Không Quân Việt Nam được tăng phái sang Kampuchia là đổ quân cho đơn vị bạn xuống một số mục tiêu mà bộ đội chính quy cộng sản Bắc Việt đang tập trung lực lượng quan trọng để tràn qua lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà.

Theo yêu cầu của Lữ Đoàn Thuỷ Quân Lục Chiến, phi đội trực thăng của Đại uý Lộc chuyên chở binh sĩ cùng trang bị, quân dụng, võ khí đến thả ngay trong lòng địch, phá vỡ đường giây xâm nhập từ phía Bắc xuống miền Nam Việt Nam, băng qua ngã Kampuchia.

Mỗi chuyến tàu chở một tiểu đội gồm 12 Thuỷ Quân Lục Chiến với đầy đủ súng ống, đạn dược, chất nổ. Khi tàu bay xà xuống gần sát mặt đất, các anh lính đu càng, phóng thật nhanh vào lòng tàu và trực thăng bốc lên cao trong nháy mắt, chậm trễ là đối phương có thể dò được toạ độ và rót hoả tiễn bắn hạ máy bay khi chưa kịp cất cánh.

Lúc đến mục tiêu, bên dưới đã dọn dẹp sạch sẽ, đoàn trực thăng nối đuôi nhau nhào xuống từng chiếc một, cách mặt đất chừng trên 2 mét, cả tiểu đội lao mình từ cửa máy bay xuống đất, lập tức ẩn núp và sắp xếp lại đội hình để chuẩn bị tiến quân. Đây là chiến thuật trực thăng vận do Đại tướng Mỹ Maxwell Taylor sáng tạo năm 1961 với khả năng di chuyển binh lính nhanh chóng, thảy họ vào lòng địch từ trên cao, tạo sự bất ngờ để đối phương không kịp trở tay. Chỉ có quân đội nhà giàu mới nghĩ ra cách đánh này, tuy có hữu hiệu nhưng cũng tiêu hao không ít vì ngoài những mạng sống vô giá của con người, mỗi chiếc trực thăng bị bắn rơi có thể trị giá tới hàng chục triệu đô la.

Sau cuộc hành quân, đơn vị Thuỷ Quân Lục Chiến được trực thăng Không Quân Việt Nam đón về dưỡng sức nơi hậu cứ để rồi lại tiếp tục xông pha. Trên đường bay về, thỉnh thoảng từ trực thăng nhìn xuống chúng tôi trông thấy rõ xác bộ đội Miền Bắc nằm ngổn ngang, đầu còn dính nón cối, chân đi dép râu Bình Trị Thiên, chưa được đồng đội mang đi cất dấu để phi tang chứng tích. Tại sao họ phải chết "như rạ" vậy? do đâu? vì ai? bao giờ cảnh binh đao *"nồi da xáo thịt này mới chấm dứt"?!*

Lúc bay ngang những ngôi chùa Miên, thấy các vị sư sãi vẫn sinh hoạt bình thản, họ chắp tay tụng niệm, không biết Đức Phật Thích Ca có chứng giám cho lòng thành này, để xứ sở của họ được an bình?

Lúc khác, khi tàu đáp nơi bãi đất trống của một ngôi làng, không còn thấy một bóng người, tiến sâu vào đến nhà dân thì nhiều nhà mâm cơm còn nguyên, chén đũa rơi rớt. Sau đó, theo lời dân làng thì bộ đội miền Bắc tràn vào, pháo binh Miên rót hoả tiễn, bắn đại bác để đẩy lui bọn chúng, súng đạn quanh mình, dân hoảng sợ bỏ mâm cơm chưa kịp ăn chạy giữ lấy mạng sống.

Có đơn vị tác chiến nào mà trở về trọn vẹn? Thương binh được trực thăng tải thương về các quân y viện ở Cần Thơ, tử sĩ được gửi về đơn vị gốc để gia đình nhận diện và lo tống tang, ma chay. Đó là những gia đình còn may mắn, được nhìn thấy người thân yêu lần cuối, biết bao nhiêu những gia đình khác chỉ được báo tin kèm theo tấm thẻ bài! Thật là một cuộc chiến tương tàn khốc liệt!

Ngoài công tác đổ quân ra chiến trận và đón quân về, trực thăng Không Quân Việt Nam còn thi hành các phi vụ tiếp tế lương thực, thuốc men, võ khí, đạn dược cho Lữ Đoàn B Thuỷ Quân Lục Chiến, bắn yểm trợ hoả lực khi được yêu cầu, tác xạ vào mục tiêu địch trong trường hợp bên ta bị bao vây hoặc cận chiến.

Khi gần cạn nhiên liệu, đoàn trực thăng của Việt Nam bay ra những nhánh sông do Hải quân Khmer kiểm soát, nơi đó các tàu dầu Hải quân Mỹ chờ sẵn để bơm thêm xăng. Các bạn người Mỹ cũng gởi tặng những thùng lương khô Ration C, cùng các gói chewing gum, bánh kẹo, thuốc lá. Chúng tôi đem về chia sẻ với các bạn Thuỷ Quân Lục Chiến để hy vọng làm ấm những đêm lạnh dưới giao thông hào hay canh thức thâu đêm. Sau đó, đoàn trực thăng quay về Cần Thơ hay Châu Đốc để máy bay được bảo toàn, sẵn sàng cho ngày mới công tác trên Xứ Chùa Tháp.

Có một hôm, khi tàu hạ thấp dần để chúng tôi đạp vội những kiện hàng gồm chiến cụ, lương khô tiếp tế thì từ dưới đất ném lên tới tập nhiều con gà bị trói chặt chân và những bao giấy báo bọc kỹ, cùng lúc nghe giọng quen thuộc của anh Thiếu uý Trung đội trưởng Thuỷ Quân Lục Chiến la lên dặn dò: "Về Cần Thơ, Châu Đốc nhậu đi nghe các bạn", anh đưa tay chào và biến nhanh vào chỗ an toàn. Về đến căn cứ, mở bọc giấy ra thì thấy mấy chai rượu mạnh, sản xuất ở Nam Vang, kèm theo những con gà mái tơ nặng chịch.

Phía Không Quân Việt Nam cũng gánh chịu một thiệt hại nghiêm trọng, trong khi cất cánh, tàu bay do Đại uý Trí điều khiển, chẳng may bị sức gió lôi cuốn mãnh liệt, mất kiểm soát, cánh quạt đuôi của chiếc trực thăng vướng vào giây điện đâm thẳng xuống rặng dừa không xa nơi chúng tôi đang chờ đến lượt tàu mình cất cánh theo sau. Phi hành đoàn gồm hai sĩ quan và hai hạ sĩ quan thuộc Sư Đoàn 4 Không Quân tử nạn. Chỉ trong một tích tắc, thấy đó rồi mất đó, mới sáng sớm này còn cùng nhau uống café ở câu lạc bộ trong căn cứ trước khi lên đường.

Ngoài những phi xuất hành quân trực thăng vận, chúng tôi cũng có dịp tháp tùng những phi vụ vận chuyển đồng bào Việt Nam làm ăn lâu năm nơi Xứ Chùa Tháp nay bị nạn "Cáp Duồng" tức là dân Miên chặt đầu người Việt, họ phải tìm đủ mọi cách để quay về nước. Máy bay vận tải C 47, C119, C 123 của Không Quân Việt Nam từ Tân Sơn Nhất bay qua lại phi cảng Pochentong trong thủ đô Phnom Penh mỗi ngày để rước hàng chục ngàn người Việt trở về quê Cha đất Tổ, làm lại cuộc đời.

Mặt khác, các loại máy bay vận tải lớn nhỏ của Không Quân Việt Nam cũng được cơ quan DAO (Defense Attache Office) của người Mỹ giao trách nhiệm đưa đón những hạ sĩ quan quân đội Khmer sang thụ huấn tại trường hạ sĩ quan Đồng Đế, Nha Trang. Sau giai đoạn huấn luyện cấp tốc kéo dài 4 tháng, với cấp bậc Thiếu uý tân thăng, họ về xứ chỉ huy các trung đội, đại đội thuộc Bộ Binh Kampuchia.

Sau thời gian trên một tháng tập sự ngay ngoài chiến trận bên Xứ Chùa Tháp để viết bản tin và phóng sự, tôi rời Sư đoàn 4 Không Quân, trở về nhiệm sở Phòng Thông Tin Báo Chí/ Bộ Tư Lệnh tại Tân Sơn Nhất, với bao kỷ niệm khó quên của những lúc cùng sát cánh với các chiến hữu hầu hoàn thành trách nhiệm của người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa yêu chuộng lý tưởng Tự Do và Nhân Bản.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Ngoài giờ công vụ

Đào Hiếu Thảo

Saigon 1972

Để chuẩn bị cho kế hoạch tái thiết và phát triển quốc gia thời hậu chiến, chính phủ và quân lực Việt Nam Cộng Hoà khuyến khích các công chức, quân nhân, cán bộ học hỏi thêm ngoài giờ công vụ. Đạt kết quả xuất sắc trong việc trau dồi thêm khả năng và kiến thức chuyên môn, các viên chức quân, dân, chính được tưởng thưởng xứng đáng như thăng ngạch, trật, cấp bậc và bổ nhiệm vào các chức vụ quan trọng hơn. Ngoài ra, chính phủ cũng cấp học bổng xuất ngoại du học cho những ứng viên tốt nghiệp bậc cử nhân sau một cuộc khảo sát để học bằng Master tại Hoa Kỳ. Một số sĩ quan Không Quân Việt Nam được gởi qua Mỹ theo ngành truyền tin, điện tử, khí tượng, quản trị, tài ngân, giáo dục, khoa học, kỹ thuật…

Một trong những Niên trưởng đi du học Hoa Kỳ là Trung tá Cung Thúc Cần, tức nhà thơ Không Quân Cung Trầm Tưởng được bà con biết đến qua bài thơ nổi tiếng *"Tiễn Em"* do Phạm Duy phổ nhạc. Tôi có duyên được gặp ông ba lần trong những hoàn cảnh khác biệt, lần đầu là trên chuyến bay hồi năm 1970 từ San Francisco về Saigon, ông Cần mới tốt nghiệp bằng cao học ngành khí tượng ở Colorado, tôi vừa hoàn tất khoá học căn bản ngành thông tin báo chí từ Indiana. Lần gặp nhau sau này là lúc hai anh em cùng bị Việt Cộng dồn xuống tàu Sông Hương tại Tân Cảng Thủ Đức vào tháng 7 năm 1976 để di chuyển ra miền Bắc mà các anh em gọi là đi "Đại Hộc Máu" lấy bằng "Phó Tiến Sĩ Lao Động Khổ Sai". Trung tá Cần và tôi không gặp nhau trong ngục tù nào ở miền Bắc cho đến khi Việt Cộng phóng thích tôi năm 1981. Rời những trại tù ngoài Bắc, xuôi Nam rồi đến trình diện xin việc tại Trung Tâm dịch thuật ở đường Pasteur, Saigon, tôi gặp lại ông ở đây, nơi mà nhiều trí thức thời VNCH chờ đợi hàng ngày, mong có được một việc làm chính thức để được vào "hộ khẩu" tức tờ khai gia đình và có nghĩa là mua được gạo theo tiêu chuẩn với giá chính thức thay vì ngoài chợ đen đắt gấp 10 lần, được trả lại "quyền công dân" và không bị đày đi "Vùng Kinh Tế Mới" ở Miền Tây, Miền Đông, Vùng Cao Nguyên nơi rừng thiêng nước độc để khai khẩn đất đai, làm ruộng, đào kênh, chăn nuôi, đốn gỗ…

Trở lại chuyện chuẩn bị cho thời kỳ hậu chiến, ngoài các sĩ quan xuất ngoại du học, nhiều bạn trong khoá Không Quân chúng tôi được gởi về Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ học các ngành kỹ sư công chánh, công nghệ, hoá học… Tất cả đều hưởng lương theo cấp bậc hiện tại trong lúc học toàn thời gian. Tôi không được cái may xuất ngoại du học hay học tiếp trong nước vì không có học bổng ngành khoa học nhân văn, báo chí, ngoại ngữ hay văn chương nên tôi chỉ có thể tự túc trở lại trường sau giờ hành chánh.

Sau khi hoàn tất khoá học thông tin báo chí, từ Mỹ trở về nước năm 1970, tôi ghi tên theo học Ban Pháp Văn tại Đại Học Văn Khoa Saigon. Tuy nhiên trong nhiệm vụ binh nghiệp đầu đời, làm phóng viên chiến trường, sĩ quan thông tin, giao tế báo chí, tôi thường đi công tác xa trên khắp bốn Vùng Chiến Thuật, có khi ở các mặt trận ngoại biên, mà trường Đại Học Văn Khoa thì lại không hoạt động ngoài giờ hành chánh nên việc học hỏi của tôi lúc ấy rất khó thực hiện.

Đến năm 1972, Viện Đại Học Vạn Hạnh của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất mở ra nhiều phân khoa và môn học mới, trong đó có Ban Báo Chí thuộc ngành Khoa Học Nhân Văn do Giáo sư Nguyễn Đăng Thục làm Khoa Trưởng. Thầy Thục từng là Khoa Trưởng Đại Học Văn Khoa Saigon và giảng dạy môn Triết, Văn Chương, Văn Minh Việt Nam mà tôi từng theo học.

Để tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời khuyến khích những quân nhân, công chức muốn học thêm, Đại Học Vạn Hạnh Saigon chấp thuận cho các ứng viên đã hoàn tất chương trình hai năm đầu đại học được thu nhận vào ngay năm thứ 3 để theo học hai năm chót bậc cử nhân. Đại Học Vạn Hạnh cũng tổ chức những lớp học ngoài giờ hành chánh và mở cửa suốt ngày thứ bảy.

Nhờ những sáng kiến được đại học tư thục này áp dụng mà giới “sinh viên già” gồm các công chức, quân nhân, cán bộ như chúng tôi hưởng ứng nhanh chóng. Trong ngày khai giảng niên khoá mới, lúc bước vào lớp học buổi tối tôi thấy rất nhiều anh em trong quân phục thuộc Hải, Lục, Không Quân, Cảnh sát Quốc gia, vài anh thương phế binh ngồi cạnh các bạn trẻ sinh viên thuần tuý vừa xong năm thứ 2 Ban Báo Chí. Một trong những người bạn học là Hải quân Đại uý Nguyễn Văn Tần, sau này có lúc anh là Chủ tịch Cộng đồng người Việt Quốc Gia tại Vùng Washington DC, Maryland và Virginia. Anh bạn quân nhân thứ hai là Thiếu tá Tạ Trần Quân, xuất thân khoá 17 trường Võ bị Quốc gia Dalat, nguyên là Tuỳ viên Quân sự toà đại sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Malaysia. Vợ anh là chị Nguyễn Thị Ngọc Oanh, đã tốt nghiệp Cao học Ngoại giao cũng ghi tên cùng theo học.

Nhiều bạn học khác đã tốt nghiệp bậc cử nhân từ các trường luật, văn khoa, kỹ sư Phú Thọ, quốc gia hành chánh, sư phạm cũng cùng học tiếp hai năm cuối Ban Báo chí, đây là một môn học mới, thực dụng mà các trường đại học của chính phủ chưa có.

Năm 1972 là thời điểm "đắc địa" đối với tôi vì tôi được chuyển qua Phòng Tâm Lý Chiến giữ nhiệm vụ biên tập, phát thanh, truyền hình, thoát khỏi sự chèn ép của Trung tá Đ T D, Trưởng Phòng Thông Tin & Báo Chí/Bộ Tư Lệnh Không Quân. Cùng năm, tôi được thăng cấp Trung uý hiện dịch và bổ nhiệm làm Quyền trưởng Khối Cổ động Tuyên truyền. Thời gian ấy tôi cũng được Bộ Tổng Tham Mưu và Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị/ Quân lực Việt Nam Cộng Hoà cấp phép cho hành nghề tư ngoài giờ công vụ để đọc tin tức, thời sự tại hai đài phát thanh và truyền hình Saigon vào ban đêm. Ngoài ra tôi cũng được hưởng sự châm chước của cấp trên nên ít khi phải tham gia vào công tác trực gác, ứng chiến, phòng thủ căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất. Một chiến hữu luôn giúp đỡ, thay thế tôi trong các phiên ứng chiến, trực hành quân là Trung uý, nhà thơ Phan Lạc Giang Đông. Lúc tôi mới về phục vụ Chiến Tranh Chính Trị Không Quân năm 1970, anh Đông mang cấp bậc Trung sĩ và có thời gian anh làm việc với tôi. Anh thuộc gia đình khoa bảng có cha và vợ đều là nhà giáo, anh Đông rất hiếu học, mê đọc sách, tôi khuyên anh nên tự học thi lấy bằng tú tài để có cơ hội vươn lên. Sau đó, anh Đông thi đậu liên tiếp tú tài I và II Ban Văn Chương rồi ghi tên học Đại Học Luật Khoa Saigon. Vì có người anh ruột là Đại uý Biệt Động Quân, đầu hàng cộng sản, nên anh Đông không được theo học khoá sĩ quan vì lý do an ninh. Về sau, nhờ tinh thần phục vụ đắc lực, khả năng vượt trội, tư cách gương mẫu, Trung sĩ Phan Lạc Giang Đông được gởi đi học khoá sĩ quan đặc biệt Thủ Đức và được Thượng Cấp can thiệp cho anh trở lại làm việc trong ngành Chiến Tranh Chính Trị Không Quân.

1975 đến – Sau sáu năm tù lao động khổ sai, anh Đông trở về Saigon, gia đình lâm cảnh khó xử, éo le nên anh vượt biển tìm tự do và tới định cư tại Seattle, Washington Hoa Kỳ giữa thập niên 80. Anh em chúng tôi cứ hẹn gặp nhau tại Washington DC, nhưng dịp may đã không bao giờ đến! Bạn thân của tôi, nhà thơ nổi tiếng Phan Lạc Giang Đông, một chiến hữu ưu tú của ngành Chiến Tranh Chính Trị Không Quân đã ra đi cách đây gần 20 năm.

Tiếp tục với chuyện học hỏi thêm, sau giờ tan sở hàng ngày từ căn cứ Tân Sơn Nhất tôi đến thẳng trường đại học Vạn Hạnh vào buổi chiều, nghe thầy cô giảng, làm bài tập, thuyết trình… Các vị giáo sư gồm có quý thầy cô: Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Lê Thái Bằng, Nguyễn Văn Ngôn, Trần Như Tráng, Huỳnh Văn Tòng, Nguyễn Đăng Thục, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Tường Tâm, Đại tá Nguyễn Đình Tuyến, cô Nguyễn Dương Xuân… Cô Xuân phụ trách môn Anh Văn thực hành là cựu sinh viên ngành cao học giáo dục tại Indiana University ở Bloomington, tôi có dịp gặp cô cùng các bạn sinh viên Việt Nam khác trong tiệc mừng Xuân đầu năm 1970 tại Indianapolis, Indiana, Hoa Kỳ.

Các môn được giảng dạy gồm có: đàm thoại, phiên dịch hai sinh ngữ Anh và Pháp, chính trị học, kinh tế, kỹ thuật viết tin, phóng sự, xã luận, nhận định thời cuộc, nhiếp ảnh, quay phim, thu và phát thanh, bang giao quốc tế, hành chánh, công quyền, thực tập phỏng vấn, nghệ thuật nói chuyện trước công chúng…

Cái may là hầu như toàn bộ những môn học vừa kể rất quen thuộc với tôi, một khi đã theo học ban Pháp Văn Đại Học Văn khoa Saigon, trường Thông tin & Báo chí Hoa Kỳ, cộng với kinh nghiệm của nhiều năm làm xướng ngôn viên đài phát thanh và truyền hình Saigon cũng như công việc đảm nhiệm hàng ngày trong các Phòng, Ban thuộc ngành Chiến Tranh Chính Trị Không Quân.

Lớp học có trên 100 nam nữ sinh viên được chia thành nhiều nhóm để cùng nghiên cứu, ôn bài, thuyết trình, luyện thi. Ngoài ra còn có những lần đến thăm các đài phát thanh, truyền hình Saigon, đài phát thanh quân đội, cơ sở báo chí, ấn quán, phim trường…

Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng là môn tôi được học hỏi kỹ lưỡng từ trường DINFOS bên Hoa Kỳ, nên nhóm chúng tôi tại năm thứ ba Ban Báo Chí, Đại Học Vạn Hạnh Saigon thường có ưu thế mỗi khi tranh tài về môn thuyết trình. Trong lúc hội họp bàn bạc, chúng tôi đồng ý với đề nghị của nhóm là sử dụng nhiều bản vẽ hoặc hình ảnh đầy đủ màu sắc, ghi rõ dàn bài từng bước một cho mỗi đề tài quảng cáo cộng thêm âm thanh khi có thể.

Nhờ công trình nghiên cứu tập thể, chuẩn bị các trợ huấn cụ, biên soạn và in các tài liệu tóm lược về nội dung thuyết trình, anh chị em được phân công, mỗi người lo soạn một đoạn văn, tìm những hình ảnh phù hợp để dẫn chứng cụ thể, thực hiện giá thuyết trình để sinh viên trưởng toán trình bày từng chi tiết (như kiểu power point của thời hiện đại) giúp cử toạ tiện theo dõi nội dung muốn truyền đạt. Toán của chúng tôi đoạt giải nhất qua đề tài *"Quảng Cáo Thương Mại tại Việt Nam"*.

Chúng tôi đã chứng minh được rằng câu nói truyền khẩu *"Hữu Xạ Tự Nhiên Hương"* là lỗi thời và không chính xác. Mời quý đọc giả cùng chúng tôi nhớ về khung cảnh của thủ đô Saigon trên nửa thế kỷ trước:

Bà con chúng ta vẫn biết là từ lúc lọt lòng mẹ, đứa bé ngoài sữa mẹ đã cần đến sữa bột Guigoz, bình sữa plastic an toàn, tã lót thấm nước nhanh. Đến khi trẻ đi học thì cần bình mực không đổ Hondo, bút Bic Hồng Hoa rất bền, quần áo kiểu Pháp hiệu Du Jardin… Lúc người lớn nhức đầu, xổ mũi thì cần dầu cù là Mac Xu, khuynh diệp của bác sĩ Tín, đau yếu thì dùng thuốc bổ Multivitamin của Dược sĩ Cao Thăng, muốn trắng răng nên chọn kem Perlon, Hynos… Áo dài đẹp phải tới nhà may Thiết Lập, đường Pasteur, veston khéo nên tìm đến hiệu may Quân, trên đường Catinat, xe gắn máy thì dùng Vespa lịch lãm, xe hơi thì nên sắm Peugeot 403 của Pháp, ít tốn xăng. Cuối cùng thì lúc nhắm mắt, xuôi tay có hiệu bán hòm Tobia, đường Hai Bà Trưng là đắt khách nhất…Hình ảnh minh họa của những sản phẩm kể trên được nhóm chúng tôi sưu tầm để minh chứng cho bài nói chuyện được phong phú và thu hút.

Kết luận là tất cả những sản phẩm mà con người cần đến hàng ngày, trong suốt cuộc đời này được khách hàng biết và tìm đến đều là nhờ quảng cáo mà nổi tiếng và đắt hàng.

Vậy quảng cáo thương mại thật sự là cần thiết, hữu ích cho con người chứ không phải theo quan niệm cũ là *"Hữu Xạ, Tự Nhiên Hương"*.

Qua khóa học này làm tôi nhớ tới người bạn học thân thiết, tốt bụng là Thiếu uý Không Quân Hoa Kỳ Larry Kieffer, cùng học với tôi tại Indiana năm 1970, anh xuất thân từ một hạ sĩ quan, nhờ tinh thần cầu tiến, óc hiếu học mà Larry đã đậu bằng tiến sĩ môn quảng cáo. Việc chí tâm học hành đã hoàn toàn thay đổi cuộc đời của anh, từ đó tôi cũng nghiệm ra rằng quyết định học thêm ngoài giờ công vụ cũng sẽ dẫn tôi đi trên một con đường khác hy vọng là sẽ thoải mái, vững chãi hơn.

Sau khi tốt nghiệp bằng cử nhân Khoa Học Nhân Văn, Ban Báo Chí, tôi trúng tuyển vào năm thứ nhất Ban Cao Học Quản Trị Doanh Thương thuộc Viện Đại Học Minh Đức. Chưa xong năm thứ nhất thì Miền Nam Việt Nam bị cộng sản Bắc Việt thôn tính vào ngày 30 tháng tư đen năm 1975 gây ra cuộc "đổi đời, nước mất, nhà tan" chưa từng có trong lịch sử nước nhà, khiến hàng trăm ngàn quân nhân, công chức bị cầm tù, hàng trăm ngàn đồng hương phải bỏ thân ngoài biển cả trên bước đường tìm tự do. Cùng với bao chiến hữu khác, tôi bị Việt Cộng đày đọa trong các trại lao động khổ sai hai miền Nam Bắc suốt 6 năm trời.

Năm 1982 – Nhờ những năm cố gắng học thêm văn hóa, trau dồi kiến thức mà khi đến định cư tại Bruxelles, vương quốc Bỉ tôi may mắn được làm công chức trong ngành giáo dục, sau đó qua Hoa Kỳ làm công việc truyền thông. Tôi thật sự tin tưởng là con người có số mạng, có sự an bài của Ơn Trên và điều mà người xưa từng dạy *"có công mài sắt, có ngày nên kim"* là câu châm ngôn bất di, bất dịch.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Cá chậu chim lồng

Đào Hiếu Thảo

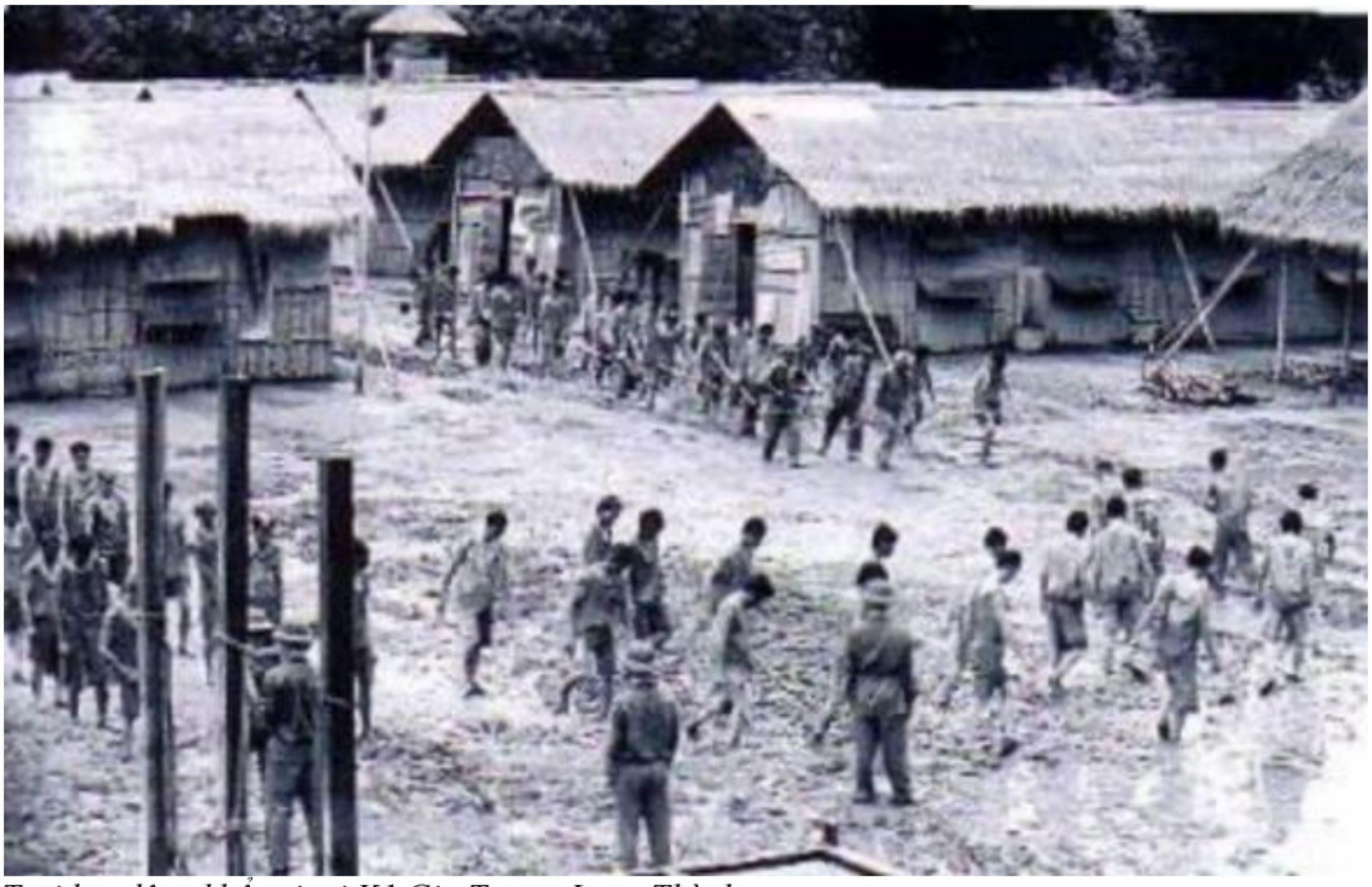

Trại lao động khổ sai tại K1 Gia Trung, Long Thành

Cố Thủ tướng Anh Quốc Winston Churchill đã nói về chế độ tư bản và chủ thuyết cộng sản như sau: *"Tư bản là tạo điều kiện cho mọi người giàu có, nhưng không bằng nhau, còn Cộng sản là đưa mọi người tới chỗ nghèo khó như nhau!"*

Cuộc "đổi đời" ở Miền Nam Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 đen năm 1975 đã minh chứng rõ rệt điều ấy, ra đường phố thấy toàn dân đi xe đạp, xăng dầu khan hiếm, các cây xăng tư nhân bị đóng cửa, giá cả thì tăng đến chóng mặt, trên khắp nẻo đường Saigon mọc lên những điểm bán xăng lẻ, trong những chai một lít hay 75 cl.

Khách mua xăng/dầu toàn là cán binh, bộ độ nón cối, "những người chủ mới" của đất nước, không biết từ đâu và bằng cách nào họ đã nhanh chóng sở hữu đủ loại xe gắn máy Honda, Yamaha, Suzuki và tai nạn lưu thông xảy ra như cơm bữa. Từ rừng núi, đường mòn, mật khu, tràn về ngập Saigon, nào bộ đội Hồ Tặc có biết luật đi đường trong xã hội văn minh là gì?

Dân chúng Saigon kể với nhau những chuyện không thể nín cười như: "Đang luồn lách trên đường phố, lọng cọng vì chưa biết chạy xe gắn máy, một bộ đội đụng phải bà lão đang băng qua đường, làm bà té nhào. Tên bộ đội gắt-Tôi cố tránh né không muốn va xe vào người bà, bà có biết không? Bà lão thản nhiên đáp-Tôi cũng cố tránh né các cậu từ năm 54 đến giờ, chẳng may phải gặp lại, thế cậu có biết không hả?".

Trong xã hội mới, dân tình còn chưa hết âu lo, băn khoăn, sợ sệt "chính quyền cách mạng", một cái chánh quyền chuyên quản lý con người bằng súng đạn, hơi cay thì không ai bảo ai, mọi người đều tự mặc những bộ quần áo cũ cho ra vẻ dân lao động để tránh bị nhà cầm quyền CS liệt kê vào thành phần tư sản, mại bản, bị gán cho là "giai cấp bóc lột, ăn trên ngồi trước, làm giàu trên xương máu dân lành" và rồi, sớm muộn gì cũng bị họ tìm cách trấn lột tận xương tủy.

Bao nhiêu quần áo còn tươm tất hoặc mới, đồ đạc và máy móc trong nhà đều lần lượt theo nhau ra các chợ trời, những món đồ này được bộ đội đặc biệt chiếu cố, vơ vét và chuyên chở hết mọi "chiến lợi phẩm" ra ngoài Bắc bằng đủ mọi phương tiện. Ngoài đường chỉ còn thấy người ta mặc những bộ áo quần

màu sậm, nâu, xám hay toàn đen trắng như để tang cho một đất nước đang tan biến, đang bị xoá bỏ cũng như quyền làm người ngày càng bị công khai tước đoạt.
Ngày qua ngày, tôi không tài nào tìm được một công việc dù nhỏ nhoi, dù phải lao động chân tay để đổi ra chút ít cơm gạo, buôn bán thì không vốn liếng và cũng chưa bao giờ biết mua bán ra sao, hơn nữa những anh em quân nhân chế độ cũ như tôi luôn bị an ninh phường khóm bám sát, theo dõi.
Để có tiền sống cầm hơi, cứ vài ba hôm tôi lại soạn ít đồ đạc cũ từ đôi giày đến chiếc nhẫn đưa ra chợ trời tiêu thụ. Anh em bạn gọi đó là nghề "chà đồ nhôm" tức chôm đồ nhà đi bán. Món cuối cùng tôi phải rời xa là gia sản quý nhất mà tôi cố cầm cự, đành bán chiếc xe Vespa Spring cũ.
Một hôm trong lúc đang đi bộ trên vỉa hè, bỗng có hai bộ đội rất trẻ, mỗi người đeo một khẩu AK 47, chạy theo và hỏi tôi có đồng hồ Nhật muốn bán không? Đang đeo chiếc đồng hồ Seiko còn khá mới, chưa tính bán ngay, nhưng vì có người hỏi mua nên tôi muốn thử thời vận xem có được giá không. Đến hàng cà phê ở góc phố, hai bộ đội nói họ thích mua đồng hồ ngoại gởi về Hà Nội làm quà, họ nói như nằm lòng là đang tìm đồng hồ "không người lái, hai cửa sổ, 12 trụ đèn, không thấm nước" có nghĩa là tự động có ngày, tháng, có chấm lân tinh, sáng vào ban đêm.
Họ trầm trồ, mân mê, nhìn chăm bẩm, lúc lắc cái đồng hồ Seiko của tôi, thấy đã đạt đúng sở thích mà họ ước ao. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời hai cán binh cộng sản này cầm được trong tay chiếc đồng hồ mà dân chúng trong Nam có thể sắm bất cứ lúc nào mình cần.
Khi nói chuyện giá cả, hai tay bộ đội dốc hết túi, đếm bạc lớn, bạc nhỏ tính ra được trên 5 ngàn tiền Hồ, mà thời giá chiếc Seiko phải gấp ba, bốn lần như thế. Họ nài nỉ quá, họ nói đồng lương bộ đội rất kém, phải chiến đấu gian lao, sinh hoạt hạn hẹp, cho nên cuối cùng tôi xiêu lòng, tháo Seiko ra, nhận nắm tiền ít ỏi, dù sao cũng mua được chút ít thực phẩm trên đường về nhà.
Cầm nắm tiền Hồ trong tay, nhìn lại mới thấy giấy in phẩm chất rất xoàng, dễ nhầu nát, dễ rách, hình vẽ thô sơ, toàn là những chân dung Hồ Chí Minh, nào là bác Hồ nghe đài hình nghiêng, bác Hồ xem tivi chụp thẳng. Người dân Saigon xem những tờ giấy bạc đó không khác nào toa thuốc bọc dầu Nhị Thiên Đường, mà những đường nét và màu sắc trong toa còn có phần hấp dẫn hơn tiền Hồ.
Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Uỷ Ban Quân Quản Saigon-Chợ Lớn-Gia Định ra lệnh đổi tiền theo tỷ lệ một đổi một, giữa tiền cũ của Việt Nam Cộng Hoà và tiền của chính quyền mới Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (Cộng Sản Bắc Việt).
Vào tháng 6 năm 1975, sau khi chúng tôi đã ra trình diện và đang bị nhốt trong ngục tù, họ lại khẩn ban hành lệnh đổi tiền tại Vùng Giải Phóng tức là từ vĩ tuyến 17 trở vào tận Cà Mau, các loại tiền đang lưu hành mất hết hiệu lực. Mỗi cá nhân có tên trong hộ khẩu, từ 18 tuổi trở lên chỉ được đổi mỗi người 200 đồng tiền mới phát hành. Trước ngày đổi tiền thì có lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24, trong 2 ngày (48 tiếng đồng hồ), không ai được ra khỏi nhà (để đổi chác, chạy chọt, đầu cơ) mọi vi phạm đều bị nghiêm trị. Sau khi giới nghiêm giải toả mọi người bắt đầu được phép mang tiền ra đổi, số tiền mà mỗi cá nhân dự trữ lâu nay vượt quá 200 đồng tiền mới, trở thành những tấm giấy lộn, vậy là nhà nước đã cướp đoạt tiền của dân một cách trắng trợn và công khai. Chưa một quốc gia nào trên thế giới, ngoại trừ Việt Nam lại cho áp dụng biện pháp đổi tiền phi lý như vậy, một cách "bóc lột con người tận xương tuỷ". Câu nói "cộng sản biến mọi người thành nghèo như nhau" trong hoàn cảnh này quả thật là chính xác, chẳng sai trật chút nào.
Chắc nhiều người còn nhớ, sau khi Bức Tường Ô Nhục Bá Linh sụp đổ hoàn toàn, hai nước Đông và Tây Đức thống nhất vào tháng 11 năm 1989, tiền Mark tức đồng Đức Kim bên Cộng sản Đông Đức chỉ bằng một phần sáu đồng Đức Kim phía Dân Chủ Tây Đức. Nhưng chính phủ Liên Bang Tây Đức quyết định nâng giá trị đồng tiền của Đông Đức lên ngang hàng với tiền của Tây Đức, có nghĩa là tài sản, vốn liếng của người dân từng sinh sống dưới chế độ cộng sản được nhân lên gấp sáu lần. Thời ấy, 72 triệu dân Tự Do Tây Đức đồng ý dùng biện pháp kinh tế, tài chánh để thống nhất đất nước trong hoà bình, thịnh vượng với 16 triệu dân Cộng Sản Đông Đức dù họ còn thấp kém về mọi mặt sau gần một phần tư thế kỷ sống trong chính quyền Cộng Sản Đức dưới sự kềm kẹp, thống trị bằng bạo lực của Erik Honecker.
Chỉ vài năm sau đời sống của người dân Đông Đức được cải tiến, phát triển nhanh chóng, hàng loạt xí nghiệp, hãng xưởng, nhà máy sản xuất được chuyển từ Tây sang Đông, xã hội Đông Bá Linh chẳng bao lâu trở nên trù phú, phồn thịnh.

Còn chuyện "Saigon Giải Phóng", đảng và nhà nước cũng hô hào thống nhất, Nam Bắc quy về một mối, không còn sự phân biệt giữa chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà với chính phủ Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam (tên gọi của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam).
Lúc tiến vào Saigon, các chiến xa, xe tải Molotova đều treo cờ Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, nửa trên màu xanh dương, nửa dưới màu đỏ, chính giữa có ngôi sao vàng. Bộ đội cũng mang trên nón cối của họ huy hiệu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nhưng chỉ ít hôm sau, cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đột nhiên biến mất, thay vào đó là lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện đều khắp, nhà nhà phải tự mua và treo ở ngay mặt tiền, để "ăn mừng chiến thắng".
Vào tuần lễ cuối tháng 5, năm 1975, radio, tivi, báo chí phổ biến lệnh trình diện tập thể đối với tất cả các hạ sĩ quan, binh sĩ chế độ Việt Nam Cộng Hòa từ cấp binh nhì đến Chuẩn uý, nơi tập họp là trụ sở quận, phường, khóm, để tham gia lớp học tập gọi là "bồi dưỡng chính trị", kéo dài 3 hôm. Sau khi hoàn tất khoá học các anh em được cấp giấy chứng nhận và tự do ra về làm ăn, sinh sống. Ai không tuân thủ lệnh triệu tập sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.
Nhớ lại Tết Mậu Thân 1968, sau khi cộng quân xâm chiếm khu vực Thừa Thiên-Huế, công chức, quân nhân của chánh quyền Saigon cũng có lệnh phải ra trình diện với "Cách Mạng", nhưng sau đó mới biết đã có trên 10 ngàn người dân vô tội bị giết hại, chôn sống và lấp dưới những nấm mồ tập thể, khắp cố đô Huế.
Các anh em hạ sĩ quan, binh sĩ VNCH tham gia lớp học chính trị kể lại là họ được cán bộ cộng sản tiếp đón niềm nở, không khí buổi sinh hoạt vui vẻ, mọi người thấy yên tâm, bớt ái ngại vì thấy kẻ chiến thắng kêu gọi xoá bỏ hận thù, hoà hợp, hoà giải, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước hùng mạnh.
Sau khoá học chính trị kéo dài 3 hôm tổ chức ngay tại địa phương các anh em hạ sĩ quan, binh sĩ chế độ VNCH được tự do ra về. Chính quyền "thành Hồ" toan tính gì đây? Họ thường rêu rao là "Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh kẻ quay trở lại", việc thả hết các anh em hạ sĩ quan, binh sĩ về là chính sách "khoan dung, độ lượng" hay chỉ là mánh khoé bịp bợm, thả con tép riu, bắt con cá mập? để đưa anh em chúng tôi vào cảnh "cá chậu, chim lồng" lâu dài?
Nhớ đến câu nói bất hủ của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu: "Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm". Phân vân, mình có tin được vào những lời hứa hẹn, kêu gọi, khuyến dụ của chính quyền cộng sản hay không?
Chế độ chuyên chính vô sản có bao giờ chấp nhận quyền tư hữu, chấp nhận lề lối quản lý kinh tế của tư bản mà họ cho là "người bóc lột người", toàn dân Miền Nam Việt Nam đã bắt đầu phải đi vào phương thức làm ăn tập thể, hoàn toàn do nhà nước chỉ đạo, định đoạt và điều hành.
Giai cấp tư bản và tiểu tư sản bao gồm những công thương kỹ nghệ gia toàn Miền Nam cũng phải trình diện, học tập chính trị để biết cách thức làm ăn mới mà với họ chính là "đi vào cửa tử" hay "chết dần chết mòn", vì mọi phương tiện sinh sống của họ đều bị đảng và nhà nước tước đoạt sạch từ những ngày đầu tháng 5 năm 1975.
Không quen với công việc lao động tay chân nay lại bị ép buộc vào sinh hoạt tập thể những người lâu nay chỉ biết sống bằng nghề buôn bán, bây giờ phải làm thợ, làm công nhân trong các hợp tác xã, nhà máy, hãng xưởng quốc doanh với đồng lương cầm hơi, họ cảm thấy cuộc sống của mình đang "đi vào ngõ cụt". Tin tức truyền khẩu cho nhau nghe là đã có một số thương gia giàu có, tiền rừng, bạc bể phải đi tìm cái chết để tự giải thoát. Bên cạnh đó, người ta rỉ tai nhau là chỗ này, chỗ kia có những tổ chức bí mật đưa người ra khơi, trốn chạy cộng sản, nhưng cần phải chi rất nhiều vàng làm lộ phí.
Chính quyền mới cũng ban hành hàng loạt quy định (rất vô lý) trong đó có việc ngăn cấm dân chúng không được tiếp xúc với người nước ngoài với bất cứ lý do gì, mọi cuộc gặp gỡ bị xem là trái phép, lén cung cấp thông tin hoặc làm "gián điệp cho ngoại bang" là những "thế lực thù nghịch với Cách Mạng". Việc dạy và học ngoại ngữ cũng bị triệt để ngăn cấm, các loại nhạc của Saigon trước đây bị cấm phổ biến, họ cho "Nhạc Vàng" là nhạc bệnh hoạn, uỷ mị, ru ngủ. Cấm hát, cấm nghe, sách báo, văn hoá phẩm của Miền Nam bị tịch thu và thiêu huỷ đồng loạt, bị phê bình là do ảnh hưởng của tư tưởng Mỹ Nguỵ không phù hợp với "đạo đức thế hệ Hồ Chí Minh". Đám đông trên ba người không được tụ họp nơi công cộng nếu không xin phép trước, điều này có nghĩa là tại các giáo đường, đình chùa, thánh thất, hội quán, người dân không được tự ý đến cầu kinh, lễ bái, các vị lãnh đạo tinh thần không được phép cử hành những nghi thức tôn giáo mà cần phải có ý kiến của chính quyền sở tại.

Người ta vẫn thường nói rằng chế độ cộng sản Miền Bắc chủ trương "ngu dân" nay sự thật phơi bày, dân chúng Miền Nam ai nấy đều "sáng mắt" khi phải sống dưới "gông cùm cộng sản" và chứng kiến những gì xảy ra quanh mình mỗi ngày, từ khi cả nước bị nhuộm một màu đỏ của máu.
"Bao giờ sấm trước có mưa, bao giờ cộng sản mà ưa dân mình" là câu nói truyền khẩu mà bà con rao truyền cho nhau nghe, một khi thấy rõ dã tâm của phương Bắc chiếm đoạt trọn vẹn Miền Nam, thống trị cả nước bằng sắt máu, bằng súng đạn, để tiến thẳng đến chủ nghĩa Xã Hội, Chủ Nghĩa mà người cộng sản cho là "ưu việt", là tuyệt vời.
Việc Uỷ ban Quân quản kêu gọi các anh em hạ sĩ quan, binh sĩ của chế độ Saigon trình diện, tham dự các khoá "bồi dưỡng chính trị Mác-Lê" kéo dài 3 hôm, tổ chức ngay tại phường khóm, rồi sau đó cho tất cả ra về được dư luận bàn tán không ngớt, có người xem đó là một cách đối xử tử tế, rộng lượng, cũng không ít người nghĩ đó chỉ là những màn dàn dựng chứa đựng thâm ý nhằm thực hiện kế "điệu hổ ly sơn", thi thố các chiêu độc hại đối với những người bại trận.
Đến đầu tháng 6 năm 1975, báo chí, radio, tivi Saigon Giải Phóng ra rả những thông báo yêu cầu tất cả sĩ quan từ cấp Thiếu tá đến cấp Trung tướng thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà phải ra trình diện để được hưởng sự khoan hồng và tham gia khoá học tập chính trị, mỗi người cần mang theo quần áo, đồ dùng cá nhân và tiền mặt đủ dùng trong một tháng. Bất cứ ai không tuân hành lệnh này sẽ bị Cách Mạng xử phạt thích đáng. Thông cáo cũng nhắc lại rằng tất cả anh em hạ sĩ quan, binh sĩ của chế độ Saigon được gọi tập trung đi học tập chính trị, nhưng sau đó toàn bộ được tự do ra về và sinh sống yên ổn ở địa phương.
Thời hạn trình diện là hai ngày 14 và 15 tháng 6 năm 1975, tại các địa điểm tập trung, tuỳ theo nơi mình cư trú, là những trường đại học, trung học, tiểu học. Các cơ sở giáo dục này đang đóng cửa vì lúc ấy là thời gian sinh viên, học sinh nghỉ hè.
Theo lời kể của các thân nhân thì khi đến trình diện tại những cơ sở giáo dục được chỉ định, các sĩ quan cấp tướng và cấp tá được bộ đội tiếp đón tử tế. Buổi trưa có nhân viên thuộc những nhà hàng nổi tiếng ở Saigon, từng là nơi tổ chức tiệc cưới, mang cơm nước thịnh soạn đến phục vụ tận nơi. Bà con Saigon lại bàn bạc cho rằng mấy ông tướng, ông tá được chăm sóc chu đáo, ân cần như thế thì học tập chỉ một tháng trời, đâu có gì nhọc nhằn, gay go mà phải lo lắng quá đáng.
Nhưng bước qua sáng ngày 16 tháng 6 năm 1975 thì tất cả các vị trí tiếp nhận sĩ quan cấp tướng và cấp tá của Miền Nam đều vắng lặng, không còn một bóng người, không biết họ được di chuyển đi đâu trong đêm tối?
Dân chúng Saigon hoài nghi chủ trương của chính quyền mới, họ thắc mắc tại sao người cộng sản chỉ ra tay trong đêm tối. Trong thời kỳ chiến tranh du kích quân cộng sản cũng chỉ hiện về trong đêm tối, thu thuế, ám sát, giết hại quan chức, đặt mìn, phá cầu, cắt đường, đắp mô...
Sau khi bắt gọn toàn bộ sĩ quan cấp tướng và cấp tá thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, cho tất cả vào rọ một cách khoa học (bịp bợm, láo khoét), chính quyền cộng sản chuẩn bị kế hoạch "hốt hết, thà bắt lầm còn hơn bỏ sót" sĩ quan cấp Thiếu uý đến Đại uý của miền Nam mà quân số có thể lên tới hàng trăm ngàn người.
Mười hôm sau khi các sĩ quan cấp tướng và cấp tá của Miền Nam lên đường vào trại tập trung, Uỷ Ban Quân Quản ra lệnh cho các sĩ quan cấp uý trình diện đi học tập. Cấp Đại uý trình diện vào hai ngày 23 và 24 tháng 6 năm 1975, cấp Trung uý và Thiếu uý trình diện vào hai ngày 25 và 26 tháng 6 năm 1975. Địa điểm tập họp vẫn là những cơ sở giáo dục trong phạm vi Saigon-Chợ Lớn-Gia Định, mỗi người phải mang theo ít tiền, quần áo, thức ăn, đồ dùng đủ cho 10 ngày.
Đã từng đọc qua nhiều sách báo, nghiên cứu, thuyết trình về chủ nghĩa cộng sản quốc tế và cộng sản Việt Nam, tôi nghi ngờ là rồi đây tương lai của những "tù, hàng, bại binh" theo cách gọi của Cách Mạng sẽ không bình an, vô sự như họ thường rêu rao, tuyên truyền, khuyến dụ.
Theo tinh thần thông tư yêu cầu các sĩ quan cấp uý ra trình diện, tôi phải có mặt trong các ngày 23 và 24 tháng 6 năm 1975, dành cho cấp Đại uý, nhà tôi thuộc Quận 10, Saigon nên địa điểm tập trung là trường trung học Trần Hoàng Quân.
Tôi chuẩn bị ít quần áo cũ, mùng mền, gọn nhẹ, vét món tiền mọn dành dụm còn lại, tính ra chỉ đủ dùng trong vòng 10 hôm, vì hai con tôi, cháu trai, Khiêm mới 19 tháng và con gái út, cháu Trâm vừa được 6 tháng, cần tiền mua sữa hơn. Tôi tin rằng "Trời sinh voi, sinh cỏ", ai sao mình vậy, thua trận, đầu hàng,

rơi vào tay địch thì kẻ thắng cho sống mình nhờ, mà họ buộc phải chết thì đành chịu thôi, có than vãn mấy cũng vô ích.

Tôi đến trình diện bộ đội Bắc Việt sáng ngày 24 tháng 6 năm 1975 vì muốn được sống tự do, quây quần với gia đình thêm một ngày nữa. Nào biết, bước chân đi lần ấy biền biệt sáu năm sau mới may mắn quay về, tôi nói may mắn vì có rất nhiều bạn lính, bạn tù đã mãi mãi không về nữa. Họ đã nằm xuống trong những ngục tù cộng sản ở hai miền Nam-Bắc, không một người thân, không một nắm mồ!

Hôm 24 tháng 6, 1975 buổi trưa trước khi lãnh phần ăn, mọi người phải ra sân tập họp, ngồi dưới đất, phơi nắng, nghe cán bộ giảng về những nội quy, điều lệnh phải nghiêm chỉnh chấp hành, nói chung là cái "thòng lọng" cứ siết chặt dần, cho đến khi người ta bị ngộp thở, gục ngã.

Sau màn phơi nắng sơ khởi, mỗi người được phát một phần cơm, lon nước ngọt do các nhà hàng Tàu trong vùng thủ đô Saigon cung cấp. Cơm trưa xong là màn kê khai lý lịch, mỗi người phải xếp hàng, gặp cán bộ hỏi han một số chi tiết về mình.

Anh bạn xếp hàng khai báo lý lịch trước tôi kể lại rằng, bộ đội cộng sản hỏi anh thuộc đơn vị nào, anh đáp: "Lữ Đoàn Dù", tay cán bộ viết xuống: "Nữ Đoàn Dù"...

Đến phiên tôi, họ hỏi tên tuổi, cấp bậc, chức vụ, tôi khai: 28 tuổi, cấp bậc Đại uý Hiện dịch, chức vụ Chánh Văn Phòng Tham Mưu Trưởng Không Quân, trình độ học vấn, trên đại học...Bộ đội cộng sản nhìn mặt tôi và nói "Gớm! lên cho nhanh để đi giết người ấy", các bạn đứng gần cười ồ lên, tay cán binh cộng sản không hiểu vì sao, cho tôi thông qua và gọi người kế tiếp.

Sau buổi cơm chiều, mọi người lo tìm chỗ nghỉ tạm qua đêm, rồi sẽ tính tới nữa. Nhiều anh bạn đi trình diện tay không, cho rằng nếu chỉ học tập có 10 ngày thì mang theo hành lý làm gì, một bộ quần áo mặc vào người, một bộ khác để thay đổi là quá đủ.

Đang ngồi, nằm la liệt dưới đất, mọi người bị tiếng còi inh ỏi đánh thức lúc 12 giờ khuya, bảo phải tập họp gấp, đội ngũ chỉnh tề, chuẩn bị "cơ động hành quân"? Hết bắn nhau rồi, còn "hành quân" cái quái gì nữa? Sau này mời hiểu lệnh ấy có nghĩa là mọi người sắp di chuyển, lên đường đến vị trí khác.

Bên ngoài trời mưa tầm tả, giông gió liên hồi, tiếng máy nổ của đoàn xe vận tải vang rền. Chúng tôi thu dọn hành trang và ra tập họp ngoài sân, lúc ấy mưa như trút nước, từng nhóm 30 người xếp hàng chờ lên xe Molotova, mui vải bịt bùng. Lúc luống cuống leo lên xe, tôi bị trượt chân, trèo lên tuột xuống mấy lần, nên bị một tên bộ đội la mắng và dọng cho một báng súng AK vào bả vai, đó là một đòn thù đầu tiên trong kiếp sống tù tội.

Tiếng còi, tiếng thét vang dội, thúc hối mọi người phóng nhanh lên xe, ai còn chần chờ, khó xoay trở vì mang theo túi hành lý kềnh càng thì bị bộ đội lấy báng súng nện sau lưng, quát tháo, xô đẩy, nhồi nhét cho đủ số người, rồi sập mui xuống, tối mù, ngộp thở.

Sao đêm hôm ấy trời lại mưa ngập nước, sấm chớp, giông tố kéo tới trên vùng Saigon, phải chăng đây là dấu hiệu cho thấy kiếp sống tù tội "cá chậu chim lồng" sẽ vô cùng cay đắng, khắc nghiệt, khổ ải triền miên ?

Xin thành kính tưởng niệm vong linh các bậc tiền bối, chiến hữu, đồng cảnh đã vĩnh viễn nằm lại trong chốn ngục tù cộng sản, cầu nguyện cho oan hồn của quý anh, quý chị được siêu thoát Cõi Vĩnh Hằng.

Viết nhân tưởng niệm Ngày Quốc Hận 30 tháng tư năm thứ 45 (1975-2020) và để nhớ lại những ngày, tháng tù đày qua các trại lao động khổ sai: Hóc Môn, Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái, Nghệ Tĩnh.

Đào Hiếu Thảo/ KBC 3011

1975 – Noel trong tù

Đào Hiếu Thảo

Hóc Môn, *tháng 12 năm 1975 nằm trong trại tù Thành Ông Năm đã trên sáu tháng. Việt Cộng cho những người lính Việt Nam Cộng Hòa là "ngụy quân", "không đáng để làm phân bón cho cây cỏ", hàng ngày chúng tôi phải đối diện với cái đói triền miên cộng với cái giá rét bất thường chưa bao giờ có ở miền Nam mà người tù nói với nhau có lẽ là do gió bấc thổi vào từ miền Bắc. Số tù nhân đau yếu, kiệt sức vì phù thủng và ghẻ lở ngày càng gia tăng, những "bộ xương biết đi" xuất hiện đều khắp trong trại giam.*

Cái chính sách "khoan hồng, độ lượng" mà người cộng sản Miền Bắc rêu rao, khuyến dụ bằng "những bánh vẽ" không khác gì bó cỏ cột lơ lửng trên cái cần trước đầu con ngựa đói đang kéo cỗ xe, hai bên mắt bị bịt kín, chỉ nhìn thấy phía trước, ngựa cứ chạy hoài, chạy mãi mà vẫn không làm sao đụng được tới bó cỏ đến khi gục ngã.

Việt Cộng còn có chủ trương "bắt lầm hơn bỏ sót", chúng tôi gặp những người đáng tuổi cha hay ông mình cũng bị bỏ tù dù các chú, các bác đó đã giải ngũ lâu năm, họ từng phục vụ trong quân đội Pháp trước khi đất nước mình bị chia đôi vào tháng 7 năm 1954. Có vài trường hợp cả ba thế hệ trong một gia đình bị nhốt cùng trại, ông Nội hay ông Ngoại ở lứa tuổi gần 70, cha trạc 45 tuổi và người con là thanh niên ngoài 20, vừa tốt nghiệp trường sĩ quan Dalat, Thủ Đức, Đồng Đế hay Long Thành. Chuyện cha con ruột hay cha vợ và con rể bị giam cầm cùng một nhà tù là cảnh mà chúng tôi thấy không ít qua nhiều trại tù lao động khổ sai khắp hai miền Nam-Bắc.

Họa hoằn, khi thoáng gặp các bạn bị giam trong những khu khác cũng tại Thành Ông Năm-Hóc Môn lúc đi lãnh lương thực, nhu yếu phẩm thì được biết nghĩa trang ngày một dày thêm những phần mộ mới mà trong đó có mộ của anh Bảo, nguyên là Trung sĩ Không Quân nhưng hàng ngày anh thường mặc "đồ bay" của phi công, mang lon Đại uý đi thăm người đẹp; sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, anh Bảo không ra trình diện, bị dân phòng đến nhà vây bắt, giao nạp cho trại giam. Anh bị nhốt riêng, bị ghép tội trốn cải tạo, âm mưu phản nghịch, bị tra tấn tàn nhẫn, theo kiểu "không có tội, đánh cho lòi ra tội". Uất ức, điên đảo, anh Bảo mắng chửi cộng sản thậm tệ nên bộ đội bỏ đói, đánh đập anh cho đến chết.

Chúng tôi cũng nghe một số bạn từng nằm điều trị ở trạm xá kể về Đại uý Vân, nữ quân nhân thuộc Tổng Y Viện Cộng Hoà, khi bà bịnh họ chuyển bà lên trạm xá thì bà nhịn ăn, từ chối nhận thuốc men do cộng sản phát. Bọn y tá bộ đội có hành động xàm sở, thay phiên nhau sờ mó bà, thừa lúc không ai để ý Đại uý Vân đã tự kết liễu đời mình bằng cách nuốt trọn những viên Chloroquine (thuốc ngừa sốt rét) mà bà mang theo bên mình để phòng thân. Năm ấy bà Vân được 43 tuổi, bà là bạn học với Dì ruột của tôi, hai gia đình quen nhau từ xa xưa ở Saigon, tôi biết là bà chưa bao giờ lập gia đình. Năm nay, nếu còn sống Dì Vân được đúng 88 tuổi.

Cán bộ cộng sản thường răn đe chúng tôi bằng những luận điệu tuyên truyền thối phồng, huênh hoang, khoác lác, ca ngợi chủ nghĩa Mác-Lê Nin, "tán dương" công lao "bác và đảng" đưa đất nước Việt Nam tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội văn minh, tiến bộ, công bằng, dân chủ, nhân đạo nhất loài người.

Tiến bộ sao lại phải dùng đến cuốc xẻng để canh tác, tại sao phải dùng sức người để đào giếng lấy nước, đun nấu bằng củi, tối thắp đèn dầu mù u, nhân đạo sao không biết sử dụng nhân lực có trình độ, có kiến thức hầu xây dựng đất nước mà lại toa rập với cộng sản Nga Tầu gây chiến tranh tàn phá quê hương mình rồi bây giờ nhốt hàng trăm ngàn công chức, cán bộ, quân nhân Việt Nam Cộng Hoà vào ngục thất, hành hạ tinh thần và thể xác họ đến chết dần, chết mòn?

Tại sao biến Miền Nam Việt Nam thành những nhà tù khổng lồ? Nếu Miền Nam thắng trận chiến này, thì đồng bào Miền Bắc chắc không phải nếm những gì chúng tôi đang phải chịu đựng mà được ấm no, hạnh phúc, thanh bình thật sự !

Họ ấu trĩ nói cách mạng như trái thơm có 100 con mắt, việc gì anh em chúng tôi mưu toan, tạo phản nhằm phá hoại chế độ mới, không khác nào "cây kim trong túi", lâu ngày cũng bị phanh phui nên hành động chống phá Cách Mạng mà chúng tôi theo đuổi chỉ là chuyện "đội đá vá trời" và sẽ bị họ trừng phạt nghiêm khắc. Những trò ma giáo, lừa phỉnh, láo khoét của họ rồi lâu ngày cũng sẽ bị dân chúng Miền Nam lật tẩy như cái cây kim trong bọc mà họ ví von thôi.

Sau những "bài học chính trị" kéo dài lê thê nhiều tuần lễ, họ bắt anh em chúng tôi thảo luận ngày đêm, tóm lược nội dung viết tờ tường trình mà họ gọi là những bài thu hoạch, họ giải thích những bài thu hoạch đó được xem xét, chấm điểm, đánh giá mức độ tiến bộ của từng người để được đảng tha về với gia đình. Cho đến khi tù nhân chúng tôi phải làm tạp dịch, dọn dẹp, tu sửa doanh trại và nhà cửa nơi họ ở thì…ôi thôi, cả đống những bài thu hoạch đó nằm trong nhà vệ sinh, nhà bếp của cán bộ. Chúng tôi mới vỡ lẽ, thì ra mọi luận điệu đều là láo lếu, bịp bợm, xảo trá. Ngoài ra, cộng sản ép buộc chúng tôi phải "tự giác" nhận những tội chúng tôi không hề phạm (như: ôm chân đế quốc Mỹ, bắn giết nhân dân…) để họ cầm tù chúng tôi lâu dài mà không đưa ra xét xử.

Một người tù bất khuất mà anh em từng bị cộng sản giam cầm thường nhắc tới là anh Kha Tư Giáo, sinh năm 1942, anh tốt nghiệp khoá I chính trị kinh doanh Dalat, xuất thân từ khoá 9/68 sĩ quan trừ bị Thủ Đức, được biệt phái về Kỹ thương ngân hàng tức Ngân hàng quân đội. Sau 10 bài chính trị "tẩy não", anh Giáo nhất quyết không nhận là mình có tội bằng cách viết duy nhất một câu trong tờ khai "TÔI KHÔNG CÓ TỘI" và nộp cho cán bộ, mười lần như một, không chỉ vậy mà anh còn nhiều phen lớn tiếng tố cáo kẻ có tội với tổ quốc và dân tộc chính là Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam. Nhiều cán bộ cao cấp cộng sản trong đó có Đại tá Võ Đông Giang từng là Đại diện Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tham dự hoà đàm Paris, được phái tới biện luận cùng anh. Có lần một cán bộ cộng sản bị đuối lý, bắn liền hai phát súng nhưng may mắn không trúng anh. Anh Kha Tư Giáo bị cộng sản còng tay, cùm chân, bỏ đói. Anh chết thảm vào tháng 6, năm 1977 trong trại tù Long Giao vì kiệt sức, chín tháng sau cộng sản mới báo tin cho gia đình anh biết , họ lý giải rằng anh "nhịn ăn đến chết? "

Một người bạn tù cùng làm việc với anh Kha Tư Giáo tại Kỹ thương ngân hàng là anh Duy Thân kể lại trong bài viết "Người Không Nhận Tội" rằng trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh Giáo thều thào hai chữ "Huyền Trân". Sau này khi tìm đến thăm gia đình anh Kha Tư Giáo, mới biết Huyền Trân là người yêu của anh.

Trước tình hình tinh thần, sức khoẻ của mấy ngàn trại viên sa sút, mất tin tưởng sau khi anh Ch, nguyên Đại Úy Pháo Binh treo cổ tự tử. Ban Chỉ Huy trại lúc đó mới hiểu thế nào là "tức nước vỡ bờ" nên họ cho anh em chúng tôi được chút ít thoải mái hơn, không lao động quá sức nặng nhọc như trước, bớt hội họp Tổ, Đội, học tập sáng, trưa, chiều tối. Anh em được sinh hoạt đánh cờ tướng, cờ domino (do tự tay mình đẽo gọt), dạy nhau tướng số, dịch lý, tử vi, phong thuỷ, đông y, ngồi thiền, nấu ăn... Nhiều bạn khéo tay làm ra đồ vật kỷ niệm, từ cọc lều bằng nhôm, đập cho thẳng, mài nhẵn nhụi, khắc tượng Chúa, tượng Phật, làm thành lược, vòng đeo tay, muỗng ăn cơm ...

Một số anh em khác thích cuốc đất, trồng khoai lang, rau cải, hành ớt, làm dưa chua, để có thêm gia vị và chất rau tăng cường cho bữa ăn hàng ngày quá ít ỏi với gạo mốc, cá mối ươn làm chuẩn. Theo các bạn tù là bác sĩ quân y thì ăn thịt chuột cống, cóc, ếch, nhái nếu làm sạch, nấu chín sẽ vô hại trái lại cho người ta thêm chất proteine. Khi bắt được các loài vật vừa kể là cho vào đĩa nhôm, đặt lên lớp than hồng lúc ghế chảo cơm, sau đó trở bề thì sẽ cháy vàng, thơm ngon như gà vịt quay bán ở Chợ Cũ/Saigon, nhờ vậy mà chúng tôi được thêm một chút gì gọi là bổ dưỡng tạm thời.

Trại tù cộng sản là nơi tập họp cả xã hội Miền Nam thu gọn, không thiếu bất cứ ngành nghề nào từ ngành lập pháp, hành pháp, tư pháp, quân đội các cấp cho đến các nghề nghiệp tự do.

Tại trại tù Thành Ông Năm, Hóc Môn, anh em chúng tôi gần 200 người bị nhốt trong khu chuồng nuôi bò của đơn vị Công Binh VNCH trước đây. "Khu Chuồng Bò" của chúng tôi có anh Nguyễn Cao Thăng, là một nhạc sĩ tài ba, nguyên là sĩ quan thuộc Nha Tuyên Uý Công Giáo Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, thay vì cuốc đất, trồng khoai, làm vật kỷ niệm, đánh cờ tướng, bắn chim, bắt chuột thì anh thích ngồi soạn nhạc. Giờ rảnh rỗi anh Thăng đi săn nhặt những đinh, ốc, bù lon, mảnh vụn kim khí, vòng sắt thép, nhôm lớn nhỏ, giây đồng, thanh tre ...

Anh dựng lên một dàn nhạc với những món đồ phế thải mà anh thu lượm được quanh trại, nhờ có năng khiếu về nhạc lý, anh biết tận dụng tiếng vang, tiếng rung của những vòng kim khí, đinh ốc treo lên giàn với nhiều khoảng cách khác nhau mà phát ra âm thanh réo rắc, trầm bổng, ngân vang.

***Đêm Giáng sinh năm 1975**, anh Thăng đánh lên những bài **"Jingle Bell", "Silent Night", "Hang Bê-Lem", "Bài Thánh Ca Buồn", "Tiếng Chuông Giáo Đường"…** cùng rất nhiều bản nhạc quen thuộc khác làm mọi người xúc động, bồi hồi đến lặng người. Ai nấy nhắm mắt thả hồn về kỷ niệm của những **đêm Noel** trước trên khắp mọi miền đất nước tự do, sống yên vui với gia đình hay dự tiệc ở đơn vị. Không phân biệt tôn giáo, anh em tù chúng tôi người thì lẩm nhẩm hát theo, người thì âm thầm cầu nguyện cho đất nước mình bớt lầm than, khốn khó, được cởi trói và thân phận tù đày của mình sớm thấy được "ánh sáng ở cuối đường hầm." Không hiểu sao bọn cán bộ cai ngục không có phản ứng gì với những giai điệu thánh nhạc trong đêm trừ tịch đón Chúa Hài Đồng! Hay những người vô thần vừa từ rừng rú về thành không biết "mô tê, ất giáp" gì về ngày lễ truyền thống từ ngàn xưa này?!*

Trong dư âm ngày lễ, ai ai cũng tự hỏi mình còn phải trải qua bao nhiêu mùa Noel nữa mới được tự do theo cái gọi là chính sách "khoan hồng, nhân đạo của bác và đảng" đây!?

Cũng đúng vào đêm Noel năm ấy, một trường hợp được cứu chữa trong "đường tơ kẽ tóc" do bàn tay như phép lạ của một lương y, một sự mầu nhiệm mà tôi chứng kiến từng giây phút. Hôm ấy, trại được cấp phát cá ngừ, một loại cá biển tương tự như cá thu nhưng thịt màu đỏ sẫm. Sau khi vừa ăn xong cơm với mấy miếng cá ngừ (xơi dùm luôn cả phần của tôi tặng, do không biết ăn cá), anh Trí bỗng ú ớ, không nói thành tiếng, mắt anh đỏ lừ, cả người giựt mạnh như bị kinh phong, sờ trán anh thấy sốt nặng, không thở được, tình trạng khá nguy kịch. Tôi tri hô lên và báo là cần gấp một bác sĩ đến giúp anh Trí, tức khắc bác sĩ Thìn, (nguyên Y sĩ Sư Đoàn Dù) chạy nhanh đến, khám bệnh và cho biết anh bị ngộ độc, bác sĩ Thìn bấm khai thông huyệt đạo, châm cứu giải độc cho anh Trí và xin anh em quậy cho người bệnh một ly nước đường. Mỗi người góp chút ít, tôi lo pha ly nước đường đút cho anh Trí uống.

Chừng nửa giờ sau, anh Trí đã qua cơn nguy hiểm, hết sốt, nhịp thở bình thường trở lại, đã cười được và cám ơn bác sĩ Thìn cùng mọi người lo lắng cho anh. Nếu chờ bộ đội đến cứu chữa hay chuyển đi trạm xá, có lẽ anh Trí đã vĩnh viễn nằm xuống trong trại tù Thành Ông 5 ở Hóc Môn.

Năm 1999, trong một chuyến công tác cho Radio Free Asia ở New Orleans, tôi đã may mắn và thật là mừng vui được gặp lại người bạn tù, nhạc sĩ Thăng với những âm thanh Giáng Sinh trên giàn nhạc tự chế năm nào, nay Anh phục vụ trong ca đoàn Giáo Xứ Maria Nữ Vương Việt Nam ở tiểu bang Louisiana.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Cái Tết đầu tiên trong trại tù Cộng Sản - Hóc Môn năm Bính Thìn

Đào Hiếu Thảo

Tiếng nhạc réo rắt, trầm bổng, vang vọng phát ra từ dàn nhạc dã chiến có một không hai, do anh bạn tù là nhạc sĩ Thăng thuộc Nha Tuyên Úy Công Giáo sáng chế, làm toàn bằng ống sắt, thép đủ cỡ, bù lon, đinh ốc lớn nhỏ, trổi lên những bản nhạc quen thuộc : Đồn vắng chiều Xuân, Hoa Xuân, Xuân này con không về, Xuân và tuổi trẻ, Bến Xuân, Cánh thiệp đầu Xuân...nhắc nhớ anh em chúng tôi là xuân Bính Thìn, 1976 sắp đến và cũng là lần đầu tiên chúng tôi (phải) đón cái Tết trong đơn côi ở chốn ngục tù cộng sản.

Từ khi vào trại tù này, chúng tôi hoàn toàn sống trong bóng tối về đêm. Các bạn tù ngày trước thuộc ngành Công Binh Kiến Tạo cố sửa chữa suốt mấy tuần làm sao cho nhà máy đèn của trại hoạt động trở lại. Thật không thể ngờ, tối hôm 11 tháng 11 năm 1976, sinh nhựt thứ 28 của tôi khi đang họp sinh hoạt tổ thì bỗng dưng đèn sáng lên khắp trại, mọi người reo vui mừng. Một niềm hy vọng lóe lên, tôi thầm nghĩ chắc là thân phận mình không đến nỗi hẩm hiu, bất hạnh như người bạn tù xấu số, Đại Úy C…

Trở lại với chuyện lo ăn Tết, Ban Chỉ Huy trại cải tạo Thành Ông 5/ Hóc Môn thông báo nhân dịp đón mừng mùa Xuân đầu tiên Miền Nam "được hoàn toàn giải phóng", "toàn đảng, toàn dân hân hoan vui Xuân, hưởng Tết". Chúng tôi, bị họ đặt cho cái tên mới là "tù, tàn binh Mỹ Ngụy" hay "cải tạo viên" được phép nhận quà từ gia đình gởi qua bưu điện và nghỉ một tuần học tập, không phải lao động. Trại cung cấp cho các Tổ, các Đội phương tiện làm báo tường (bích báo), tổ chức thi đấu bóng chuyền giao hữu, phần ăn được tăng cường với vài lát thịt heo nái, thịt gà băm nhuyễn trộn vào nồi canh rau muống, trong ba ngày đầu Xuân.

Anh em chúng tôi họp bàn đón Tết nguyên đán năm Rồng với thân phận tù đày trong những vòng thép gai ngày càng dày đặc đã 8 tháng nay. Các bạn khéo tay được giao làm trống chầu, phèng la, bện đầu lân, mặt nạ ông Địa, Tề Thiên, với các vật liệu như tre, mây, giấy báo, bột màu, giây nhợ, giẻ rách....

Làm đầu lân đòi hỏi nhiều công phu, cần những vật liệu khó kiếm trong tù, nên anh em bện giấy bao xi măng, săn nhặt cạc tông rồi tô vẽ thành đầu con cá mối, đơn giản hơn và hợp với thực tế, vì cá mối ươn là thức ăn chính được dùng để nuôi tù. Làm xong, đầu cá mối có hình dáng nhọn như mõm cá sấu chứ không tròn trịa như đầu lân, anh em nói đùa là vì phải nuốt thường xuyên cá mối hôi tanh nên hình ảnh con cá mối ăn sâu vào đầu, muốn làm lân sau cùng cũng thành con cá mối ươn sình.

Ở đàng trước khu chuồng nuôi bò trước kia của đơn vị Công Binh mà bây giờ làm nơi ăn ở lâu dài, chúng tôi bỏ bao công khó nhọc kiếm tre già dài, mất nhiều ngày dựng thành cây nêu kèm tràng pháo dỏm đỏ và làm bánh chưng độn giấy màu xanh, dựng sừng sững giữa sân. Cán bộ cộng sản, từ rừng núi về thành lấy làm lạ hỏi chúng tôi làm cái "quái" gì? và bắt chúng tôi phải giải thích rành rẽ, nghe hữu lý, hữu tình thì công khó của chúng tôi mới được để yên còn họ nghĩ nếu có ẩn ý tuyên truyền, phản động, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa thì sẽ bị dẹp bỏ tức khắc và những ai chủ trương sẽ bị trừng phạt thích đáng.

Một hôm, khoảng một tuần trước Tết, mới sáng sớm, chúng tôi được lệnh tập họp khẩn cấp, mọi người phải mang hết đồ đạc của mình ra sân để chuẩn bị chuyển trại. Ai bỏ quên, bỏ xót lại bất cứ vật dụng gì quanh nơi mình ăn ở, ngủ nghỉ sẽ bị tịch thu và thiêu huỷ.
Trên 950 anh em chúng tôi bị lùa hết ra sân, xếp hàng ngang dọc, "bày hàng" ra trước mặt như bán chợ trời. Cách soát xét hành lý của tù được cán bộ cộng sản gọi là "điểm nghiệm" có nghĩa là cơ hội để họ soi mói, ăn cắp công khai những đồ vật có giá trị mà người tù còn cất giữ để phòng thân, khi đau yếu có thể đổi thành thuốc men hay thực phẩm cứu đói. Cán bộ VC giải thích sở dĩ họ phải kiểm soát tỉ mỉ hành lý của tù nhân là để bảo đảm an ninh cho kế hoạch mừng Xuân, đón Tết, tất cả những vật bén nhọn, có thể gây thương tích đều bị tịch thu. Nói vậy, nhưng sự thật thì cán bộ cộng sản tạo dịp thu nhặt "vô tư", họ vơ vét tất cả những gì họ ưa thích, đút túi lấy làm của riêng như đồng hồ đeo tay, kiếng mát, giây nịt da, bật lửa chẳng hạn….
Cuộc điểm nghiệm kéo dài trọn buổi sáng đến quá một giờ trưa mới xong, lúc ấy cán bộ tuyên bố ai về lại chỗ người nấy và bắt đầu lo nấu cơm trưa, đặc biệt cứ hai Đội với 90 người thì 'được' lãnh một con heo nái, già ốm còn sống để làm thịt ăn Tết.
Anh em tù chúng tôi lại bị họ lừa phỉnh một lần nữa, không hề có chuyện chuyển đi trại tù nào khác, mà chỉ có màn "ăn cướp ngày công khai", phải nói là một màn 'phỉnh lừa' mà họ cho là rất "khoa học, tinh vi".
Nhờ được nhận quà của gia đình qua bưu điện, anh em tù chúng tôi có chút ít trà, mứt bánh, đường, đậu để cùng chia sẻ trong mấy ngày Tết, được thong thả, dễ thở hơn lúc phải "học tập chính trị" căng thẳng hoặc những ngày lao động mệt nhọc, chán chường vì không thấy ngày về.
Anh em chúng tôi được nghỉ ngơi mấy hôm, chơi cờ tướng, đánh cờ Domino (làm bằng vỏ bình accu), uống trà nóng, nếm bánh kẹo, xơi mứt, trong khi bên ngoài trời se sắt lạnh, bất thường, chưa bao giờ có dưới Trời Nam vào những ngày đầu Xuân trước tháng tư đen năm 1975.
Trong lá thơ gởi về thăm gia đình, tôi viết cho mẹ: Má ơi, Tết này anh em được làm "mứt cúc". Thơ này không bị xé bỏ nên khi đọc nội dung trên, người nhà biết rõ thân phận người tù, Tết cũng đi múc c...
Chúng tôi cũng có dịp nấu chè đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ với đường tán hoặc nấu canh rau với mì vụn. Dụng cụ để nấu ăn là cái lon sữa bột Guigoz của Pháp, làm bằng nhôm nguyên chất, không rỉ sét, có dung tích đúng một lít nước, là một tài sản vô giá, quý báu đối với người tù. Lon Guigoz được dùng để lấy nước, đánh răng, súc miệng, rửa mặt buổi sáng, trưa và chiều thì dùng nó để đựng cơm, canh rau hoặc nước chín, lúc ra giếng tắm giặt thì dùng lon Guigoz xối nước. Mỗi lon Guigoz đều được chúng tôi tự gắn quai bằng cọng nhôm chung quanh và phía trên nắp để đặt lên lửa khi nấu và thò que gỗ hay đũa bếp móc lon ra lúc thức ăn đã chín.
Lon sữa Guigoz sử dụng lâu ngày bị chất mặn làm thủng lỗ thì cố vá lại bằng rivet (đinh tán), đến khi quá sức, tàn tạ, móp méo, không còn "phục vụ" anh em tù được nữa thì mang ra lò rèn, nhờ các bạn nấu nhôm chảy ra thành khối, rồi cưa khoét, đục đẽo, mài nhẵn, khắc nên tượng Chúa, tượng Phật hay bông hoa, hình ảnh, chữ viết và se chỉ đeo vào cổ. Mỗi khi "điểm nghiệm" cán bộ tịch thu hết các loại tượng Phật, tượng Chúa, chúng tôi không chịu thua, ít hôm sau lại làm những tượng mới khác với niềm tin vững chắc rằng chế độ vô thần, độc ác sẽ không thể tồn tại mãi với thời gian.
Cán bộ cộng sản gọi lon này là "gô, ca, cống" thường hay tịch thu khi họ bắt gặp anh em chúng tôi nấu ăn bằng lon Guigoz, họ đập bẹp và bỏ thùng rác vì triệt để ngăn cấm chúng tôi không được "cải thiện" tức là nấu ăn riêng, ngoài khẩu phần được trại cấp phát ngày hai buổi. Họ nói rằng nếu chúng tôi cứ lo chăm chú nấu ăn sẽ xao lãng chuyện "học tập", không yên tâm "nao động", khó "tiến bộ", lâu về nhà.
Anh em tù chúng tôi thường nói đùa, có lẽ người Pháp, đặc biệt là nhà sáng chế ra cái lon sữa Guigoz đắc dụng, không bao giờ nghĩ tới những công dụng đa năng của cái lon này, xin đề nghị với bạn nào còn gìn giữ nó sau bao nhiêu năm tháng tù đày thì tặng cho hãng Guigoz làm kỷ vật lưu truyền muôn đời sau. Ai là nhà văn thì có thể viết cả một cuốn sách về sự hiện hữu và công dụng đa năng của lon sữa Guigoz đối với mấy trăm ngàn tù cải tạo trong hoả ngục cộng sản, sau tháng 4 năm 1975.
Năm 1982, tôi và gia đình đi tỵ nạn chính trị và được định cư tại thủ đô Bruxelles, vương quốc Bỉ, ngay khi có dịp sang Pháp, tôi tìm kiếm mãi mà không thể nào mua được một lon sữa Guigoz. Người Pháp giải thích loại lon nhôm chỉ được sử dụng để xuất cảng sản phẩm ra ngoại quốc chứ không lưu hành trong nội địa. Trên thế giới ngày nay, đâu đâu người ta cũng chỉ sản xuất các loại lon bằng hợp chất kim khí, không

rỉ sét chứ không bao giờ tìm ra được cái lon Guigoz là "gia sản báu vật" của những người tù lao động khổ sai sau 1975.

Trở lại chuyện tù tội, người cộng sản luôn chủ trương "mềm nắn, rắn buông", chúng tôi chưa quên vụ anh Đại uý C. thuộc ngành Pháo Binh là người đầu tiên treo cổ tự sát, dù đã chết rồi vẫn bị đem ra đấu tố.

Sau này, gặp lại những anh em từng bị nhốt tù sau tháng 4 năm 1975 thì được biết vào thời điểm đầu năm 1976 đã có nhiều vụ tự tử xảy ra trong những trại tù vì không chịu nổi sự trả thù thâm độc của Bắc Việt, lùa người thua trận vào tù, bắt lao động khổ sai, cho ăn cầm hơi, thiếu thốn thuốc men lúc đau yếu, khiến bao nhiêu anh em tuyệt vọng, chán sống, không muốn kéo dài thêm kiếp "trâu ngựa".

Vì vậy, để lừa bịp công luận quốc tế và thân nhân của các tù nhân chính trị, nhà cầm quyền cộng sản cho ban hành chính sách khoan hồng, nhân đạo đối với tù binh chúng tôi, họ tái xác nhận sự "độ lượng", không trả thù, không sát hại, không bỏ tù những người họ gán cho là "lầm đường lạc lối".

Trong nhà tù anh em chúng tôi lại phải đến lớp nghe cán bộ thuyết giảng, tối về thảo luận, "đào sâu suy nghĩ" về chủ trương "sáng suốt" này. Được biết, song song với lúc chúng tôi phải nhai đi nhai lại cái gọi là chủ trương "khoan hồng" của đảng và nhà nước dành cho "nguỵ quân, nguỵ quyền" thì ở nhà, nó cũng được mang ra bắt mọi người học tập, thảo luận tại các Tổ Dân phố và nhất là những ai có chồng, cha, con, anh em đang đi "học tập cải tạo" đều phải tham gia lớp "tẩy não" tại trụ sở phường, khóm, trong các buổi sinh hoạt, kiểm điểm mỗi đêm.

Khi chúng tôi nêu thắc mắc với cán bộ cộng sản lúc học tập chính trị là chủ trương của đảng khẳng định không trả thù, không sát hại, không bỏ tù những viên chức của chế độ Saigon, vậy tại sao, theo như thông báo chính thức , anh em chúng tôi chỉ tập trung không quá 10 ngày, nhưng đến nay xa gia đình đã quá lâu? Cán bộ cộng sản giải thích "các anh được đảng cho đi học tập lao động, chứ không ai bị nhốt tù cả?" . Đúng là luận điệu của cộng sản "nói xuôi, nói ngược, nói sao cũng được".

Gần một năm sau ngày nhập trại tù Thành Ông 5/Hóc Môn, có một số ít bạn tù là chuyên gia, bác sĩ, kỹ sư, chiếu theo nhu cầu và được các phần sở xin về làm công tác chuyên môn, được phép rời trại. Thỉnh thoảng cũng có nhiều anh em khác được gọi tên, thu gom gấp toàn bộ hành lý, rồi lên đường nhưng không ai rõ là họ đi đâu, về hay chỉ là chuyển đến một nơi giam cầm khác?

Nhiều năm sau, khi thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng, tình cờ tôi may mắn gặp lại vài bạn tù cũ trong những lần phải đi trình diện xin "đăng ký" để được tạm trú, thường trú, hoặc vào "hộ khẩu" thì mới hay là lúc đó họ bị chuyển đi trại tù khác, vậy mà chúng tôi đã ngây thơ đồn đoán và thầm cầu xin cũng như tin tưởng rằng họ đã may mắn hơn mình được đảng tha về. Lại một trò bịp bợm của bọn cộng sản, chuyên đánh lừa mọi người, không biết đến bao giờ màn kịch láo khoét ấy mới chấm dứt?

Đào Hiếu Thảo/Th2

Trại tù Long Giao 1976

Đào Hiếu Thảo

Tuần lễ cuối tháng 6 năm 1975, cùng với hàng trăm ngàn nam nữ quân nhân, công chức Việt Nam Cộng Hòa, chúng tôi phải đến trình diện Ủy Ban Quân Quản Saigon-Gia Định. Rồi vài ngày sau đó, bị lùa vào các trại tập trung mà chánh quyền VC cho là đi học tập, cải tạo để "trở thành người dân lương thiện cho xã hội"?

Nhà tù đầu tiên chúng tôi bị "bên thắng cuộc" giam cầm là Thành Ông Năm/Hóc Môn, doanh trại cũ của Liên Đoàn 5 Công Binh Kiến Tạo, cách Saigon 20 km về hướng Tây Bắc.

Chúng tôi bị nhốt ở đây khoảng một năm, bằng mọi cách họ nhồi nhét cho hết 10 bài gọi là "bồi dưỡng chính trị" chứa đựng những nội dung nhằm tẩy não và khủng bố tinh thần chúng tôi, những người bị họ cho là "lính đánh thuê, là tàn dư Mỹ Ngụy, là kẻ thù của nhân dân". Hàng ngày phải khai báo lý lịch cho đầy cuốn vở 100 trang, phải kể chi tiết ba đời giòng họ nội, ngoại của mình cũng như bên người phối ngẫu. Một hôm, có nhiều dấu hiệu cho thấy lại sắp có đợt chuyển trại, nghe nói họ đóng cửa hai trại giam ở Côn Sơn và Phú Quốc, chuyển toàn bộ tù nhân về Hóc Môn, các cấp Thiếu tá ở đây đã lần lượt bị chuyển đi nơi khác. Bọn bộ đội cai ngục chuẩn bị võ khí, lương khô, hành trang cho kế hoạch họ gọi là "cơ động hành quân" dài ngày…

Vào một buổi chiều, cơm vừa xong, toàn bộ trại tù chúng tôi được lệnh mang hành lý ra sân tập họp để "điểm nghiệm". Màn lục soát, tịch thu, vơ vét "tài sản xơ xác, còm cõi" của anh em tù chúng tôi lại tái diễn như bao nhiêu lần trước. Lục soát xong, mấy trăm tù nhân gồng gánh đồ đạc của riêng mình lên xe Molotova chuyển trại ngay tức khắc.

Số còn lại thì trở về buồng giam theo danh sách Tổ, Đội, vừa "biên chế" (sắp đặt) lại. Những anh em này thuộc thành phần ít nguy hiểm hơn theo đánh giá của cộng sản như: công binh, quân nhu, quân y, quân vận, quân nhạc, quân huấn, quân cụ, hành chánh, tài chánh, quân tiếp vụ…

Nhìn sơ qua thành phần chuyển đến trại tù khác thì thấy có những thành phần bị cộng sản buộc tội là nguy hiểm, ác ôn, độc hại, như an ninh quân đội, tình báo, quân cảnh, quân pháp, chỉ huy đơn vị tác chiến, chiến tranh chính trị, tuyên uý, nhảy dù, biệt động quân, thuỷ quân lục chiến, biệt kích, hắc báo, pháo binh, viên chức biệt phái… Cá nhân tôi từng phục vụ ngành chiến tranh chính trị, được đào tạo chuyên môn tại Hoa Kỳ, chức vụ sau cùng là Chánh Văn Phòng Tham Mưu Trưởng Không Quân bị xem là "thành phần ác ôn, ngoan cố" nên có tên lên xe Molotova đợt đầu tiên. Trong suốt thời gian bị giam ở Hóc Môn, thỉnh thoảng tôi bị gọi lên "văn phòng" gặp các cán bộ cao cấp cộng sản, họ hạch hỏi về nhân lực, trang bị, bố trí của các sư đoàn, đại đơn vị Không Quân Việt Nam Cộng Hoà khắp bốn Vùng Chiến Thuật.

Đoàn xe vài chục chiếc Molotova bắt lầu lăn bánh hướng ra cổng chánh Thành Ông 5 Hóc Môn lúc xế chiều hôm ấy, không hiểu vì lý do gì mà cán bộ cộng sản cho phép để mui trần, không phủ kín đến ngộp thở như lần họ đưa chúng tôi rời Saigon ngày đầu trình diện vào một đêm u tối hồi tháng 6 năm 1975.

Lúc đoàn công voa di chuyển nhanh ra ngoài tỉnh lỵ Hóc Môn thì hai bên đường bà con cô bác vẫy tay chào, có người hỏi chúng tôi "Được về hả?", anh em chỉ lắc đầu, đồng bào ném vội lên xe cho chúng tôi những bọc kẹo đậu phọng. Xe chạy theo hướng Thủ Đức, Lái Thiêu, Biên Hoà, Hố Nai, Bùi Chu, Phát Diệm là nơi những Xứ Đạo Công Giáo kiên cường, từng nổi lên chống cộng sản lúc còn sống ở Miền Bắc sau năm 1954. Bà con cũng ném tới tấp lên xe Molotova những bọc quà bánh, trẻ em chờ hai bên đường

ném đá cuội vào những tên bộ đội võ trang, có nhiệm vụ canh chừng chúng tôi. Các em hét lớn " Đ…m… mầy bộ đội, nhảy đại đi mấy chú, tụi VC nó không dám bắn đâu"!

Người dân ruột thịt Miền Nam, bà con, cô bác đứng chờ hai bên đường ném lương khô, bánh ích, bánh ú cho tù, trẻ nít mắng chửi, ném đá tới tấp vào bộ đội khiến chúng tôi phải suy nghĩ, một năm rồi mình bị hoàn toàn cô lập với bên ngoài, không biết gia đình sinh sống ra sao, ai còn, ai mất, ai đi, ai ở, nếu sống sót thì sống bằng cách nào dưới chính sách đổi tiền mà mỗi đầu người chỉ được sở hữu 200 đồng tiền "giải phóng"?. Khó khăn và chật vật vậy, tại sao đồng bào lại bóp bụng cho anh em tù chúng tôi những quà bánh bất ngờ, hiếm hoi như thế, tại sao trẻ nhỏ lại ném đá, chửi mắng bộ đội cộng sản thậm tệ?! Vậy, Chỉ sau một năm cộng sản Bắc Việt xâm chiếm Miền Nam, ai thật sự được lòng dân? Và, trong cuộc chiến quốc-cộng này, ai thắng ai?

Suy nghĩ mông lung, màn đêm buông xuống từ lúc nào, đoàn xe vận tải Molotova rời quốc lộ, rẽ vào thị xã Long Khánh và hướng đến Long Giao, căn cứ đóng quân và khu trại gia binh trước đây thuộc Trung đoàn 52, Sư đoàn 18 Bộ binh Việt Nam Cộng Hoà. À, thì ra nơi đây đã được biến thành trại tù để giam giữ người thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi.

Xuống xe, tập họp, điểm danh, phân chia Tổ, Đội, vào buồng giam nhận tạm chỗ là đã quá hai giờ sáng. Tiếng kẻng báo thức vang lên lúc 6 giờ, lại phải lục tục ra sân tập họp làm các động tác thể dục trong 20 phút, sau đó ăn sáng với bát cháo trắng, nước nhiều hơn cái.

Trại tù này đã được thiết lập để giam cầm trên 1200 sĩ quan cấp tá và cấp uý Việt Nam Cộng Hoà từ tháng 6 năm 1975. Với đợt tù mới tới thì đây là trại tù thứ hai, sau Thành Ông 5 Hóc Môn.

Long Giao là vùng đất đỏ, thời tiết về đêm lạnh gần giống như Lâm Đồng, Bảo Lộc, công việc lao động mà anh em tù chúng tôi phải làm là cuốc đất, trồng khoai mì, khoai lang, rau muống, bắp, ngoài ra còn phải sửa sang doanh trại mà đa số đã bị tróc mái tôn, sụp tường, tăng cường hệ thống kẽm gai bao bọc căn cứ cho cao thêm và dày lên để nhốt chính mình và các bạn đồng cảnh, trong khi bọn cai tù thì nói làm vậy là "để bảo vệ chúng tôi" khỏi bị "dân chúng vì thù hận mà tràn vào tàn sát!" Thật là những luận điệu láo khoét của bọn Vẹm, đúng là cười ra nước mắt! Chuyện nặng nhọc và nguy hiểm nhất là phải đào giếng nước, vì Long Giao là vùng đất gò nên phải đào rất sâu, thông thường là trên 23 mét mới chạm đến mạch, ở Hóc Môn chỉ 4 mét là đã có nước trong vắt để dùng.

Dụng cụ đào giếng được cấp phát rất thô sơ bao gồm cuốc, xẻng, cuốc chim (có mỏ nhọn) thùng xách nước, giây thừng. Vì phải kéo đất từ độ sâu lên tới mặt đất, rồi mang đổ thành đống cao, nên không giây thừng nào chịu đựng nổi với thời gian. Các bạn tù mới có sáng kiến lấy giây thép gai, cắt thành từng cọng dài khoảng 10 cm rồi uốn làm khoen tròn, móc vào nhau như giây xích, nối dài hàng chục mét. Nhờ những giây làm bằng thép gai nối dài, quấn quanh một thân cây tròn, dùng làm trục, nằm ngang trên hai cột, có cây sắt xuyên qua để quay, anh em tù chúng tôi mới đưa được người xuống giếng và kéo những thùng đất lên. Không có ngày nào qua đi mà không có người bị thương, tuy nhiên với vài chục người tù rồi cũng đào xong một cái giếng nước mà không bao giờ tin rằng chỉ bằng sức người mà có thể làm được, đúng là "chuyện đội đá vá trời". Vì là miền đất đỏ nên nước giếng ở Long Giao rất đục, có màu đất sét, phải lóng bằng bột vôi trắng cho trong mới nấu ăn được.

Đất Long Giao rất lầy lội, trơn trợt nhất là sau những trận mưa lớn, các loại dép râu kiểu Bình Trị Thiên mà chúng tôi làm bằng vỏ và ruột xe GMC hay xe Jeep khi còn ở Hóc Môn, không còn dùng được nữa, bước đi mấy bước là sút quai ngay. Chúng tôi phải lấy gỗ, xà ngang trên trần những căn nhà bị đổ nát để cưa, đẽo, đóng quai cao su, làm thành guốc mộc, mới đi được trên đất ở Long Giao. Nhiều người không tìm ra phương tiện làm guốc thì đành phải thường xuyên đi chân đất.

Khi ra ngoài lao động, gặp lại các bạn đã đến đây từ một năm trước được nghe họ kể lại trường hợp trốn trại của hai anh Thịnh và Bé, không may bị bộ đội bắt lại, hai anh bị đưa ra toà án "nhân dân" xét xử và kết tội tử hình. Hôm xét xử hai anh Đại Úy Thịnh và Bé bị VC ghép tội "chống phá cách mạng", họ cho tất cả tù nhân nghỉ lao động, bắt ngồi nghe diễn tiến phiên xử qua loa phóng thanh. Vừa nghị án xong, hai anh bị bộ đội nhét giẻ vào miệng, trói tay, bịt mắt và kéo lê ra sân bắn, hai anh lãnh một tràng đạn AK vào người. Tối hôm trước, xe lam đã chở hai cái hòm vào trại, một số bạn tù phải đi đào huyệt mộ trong đêm. Xưa nay, với VC vẫn là thế, chưa xử đã có sẵn bản án rồi!?

Anh em tù cũng cho hay, một số lớn thanh niên Miền Nam trong thành phần phản kháng, phục quốc và những thành phần nghiện ngập xì ke, ma tuý, tệ đoan xã hội bị bắt đưa vào trại tù Long Giao. Họ không được đối xử như tù cải tạo tức là không được nhận quà do gia đình gởi vào qua bưu điện, không được cung cấp thuốc men lúc đau yếu nên số tử vong khá cao. Cứ vài ba ngày là có những thanh niên tử vong được bạn tù khiêng xác ra vùi lấp ở nghĩa trang gần bờ rào trại.

Mỗi ngày chúng tôi phải đi đào giếng, canh tác hoa màu, rào thêm mấy lớp kẽm gai quanh vòng đai, ban đêm phải sinh hoạt Tổ, Đội, ôn 10 bài học tập chính trị, phải tự phê bình, tự kiểm thảo để "thấy rõ tội lỗi của mình đối với đảng và nhân dân".

Cán bộ quản giáo ngồi nghe anh em chúng tôi "liên hệ bản thân" "thành khẩn" khai báo "tội ác tày trời" do mình gây ra, luôn phê phán là chúng tôi chưa giác ngộ, còn lẩn khuất, quanh co, che dấu, khó tiến bộ. Đối với người cộng sản thì khai báo bao nhiêu họ cũng cho là chưa đủ, chưa đúng, chưa thật, chưa sâu, chưa sát? Không biết mình mắc phải tội gì, giết hại, bóc lột, "ăn gan, uống máu ai" theo như cộng sản tố khổ, nhiều anh em tù phải cố thổi phồng, tô vẽ, phóng đại tội lỗi của mình như một hình thức bị ép cung cho vừa lòng cán bộ cộng sản để sống còn qua ngày!

Một hôm, trời nắng chói chan, tôi mang quần áo vừa giặt xong tiến gần tới hàng rào kẽm gai phơi cho mau khô, đồng thời cũng dễ trông chừng, vì nếu sơ ý một chút là áo quần "như cánh vạc bay đi". Từ chòi canh gần đó, có tiếng thét của bộ đội không cho tôi đến sát hàng rào, chưa kịp thu hồi quần áo mang đi nơi khác thì nghe một loạt tiếng đạn AK nổ tung ngay sát bên tôi, theo phản ứng tự nhiên tôi ôm đầu nằm sát xuống đất và bò ra xa hàng rào kẽm gai. Suýt chút nữa thì toi mạng, tôi đã quên là bất cứ vì lý do gì, không ai được phép đến sát hàng rào thép gai.

Chính tại Long Giao tôi đã chứng kiến một vụ vượt ngục thành công vô cùng hiếm có. Đó là trường hợp đào thoát của anh Trương Văn Út, biệt danh Út Bạch Lan, Đại uý Nhảy dù, xuất thân khóa 22 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, một sĩ quan nổi tiếng có nhiều thành tích chiến đấu xuất sắc.

Vào một đêm tối trời, một thân một mình, anh Út đã vượt hàng rào thép gai, lẩn tránh trong rừng rồi tìm đường ra thế giới bên ngoài. Chiều hôm trước, khoảng 5 giờ, anh tươi cười ghé thăm vài người bạn cùng buồng giam với tôi, rồi đêm đó anh biến mất. Anh em cùng cầu nguyện cho anh Út được bình an, may mắn vì nếu bị cộng sản bắt lại anh Út sẽ bị xử bắn như trường hợp của hai đồng đội là Đại uý Thịnh và Bé.

Sau này, chúng tôi được biết anh Út Bạch Lan đã may mắn đến định cư tại Texas, Hoa Kỳ.

Trong các nhà tù cộng sản hai miền Nam Bắc, anh em chúng tôi thường bị thay đổi buồng giam, thay đổi người thuộc các Tổ, Đội mà VC gọi là "biên chế" có nghĩa là xào xáo, "trộn bài" sắp xếp lại nhân sự, họ không muốn để tù nhân sống lâu ngày bên nhau, trở nên thân thiện rồi dễ bề toan tính tìm cách vượt ngục, thoát thân.

Đày biệt xứ: Miền Bắc, nước tôi?

Quyết định đưa anh em tù chúng tôi từ Hóc Môn lên Long Giao, nhốt đó là để phân loại thành phần sẽ bị đưa ra miền Bắc để giam giữ lâu dài và chia cách họ với gia đình.

Qua tin tức do các báo đài cộng sản phổ biến mà tù nhân được theo dõi hàng ngày, như một hình thức học tập, thảo luận về chính trị thì quốc hội đã thành công tốt đẹp trong đại hội hiệp thương thống nhất hai miền Nam-Bắc Việt Nam, tổ chức tại Hà Nội vào tháng 6 năm 1976.

Đối với nhà cầm quyền cộng sản thì một khi đất nước đã thống nhất, việc đưa các tù hàng binh ra Bắc lao động khổ sai là biện pháp hữu hiệu để giam giữ những thành phần đầu não của "nguỵ quân, nguỵ quyền Saigon" bị liệt kê vào danh sách nguy hại, ác ôn, cực kỳ phản động, cần phải khai trừ bằng mọi cách. Trại tù Long Giao là địa điểm tập trung, sàn lọc, chuyển tiếp những đối tượng bị ghi tên vào sổ đen, với tổng số tù nhân mà VC cho là nguy hiểm cho xã hội, có thể lên tới vài chục ngàn người.

Vào một buổi chiều sau giờ cơm, lệnh tập họp khẩn cấp được phổ biến, toàn thể trại viên phải mang hết hành trang ra sân để "điểm nghiệm". Màn lục soát lại tái diễn cho dù qua bao lần vơ vét, đồ đạc của tù nhân nay chỉ còn lại mớ quần áo cũ và những vật dụng cần thiết cho cuộc sống lao lý trước mắt.

Từ suốt buổi trưa, bên ngoài trại tù, nhiều xe tăng bao quanh, đại bác hạ nòng, họng súng chỉa thẳng vào buồng giam chúng tôi, các bộ đội súng AK cầm tay, trong tư thế xung phong đang nhìn chúng tôi chăm chăm.

Sau màn lục soát hành lý, cán bộ quản giáo đọc tên những tù nhân sắp chuyển trại đi nơi khác. Ai không được gọi tên thì mang hành lý trở vào láng trại.

Tôi có tên trong số những người phải lên đường, anh em chúng tôi gồng gánh đồ đạc, xếp hàng chờ lên xe Molotova, lần này các xe tải đều phủ kính bằng mui vải. Sau khi người cuối cùng lên xe, bộ đội khoá chặt tấm bửng sắt và dùng giây thừng buộc xung quanh tấm mui vải. Tiếng còi phát xuất vang vọng, đoàn xe bắt đầu lăn bánh, rời vùng đất đỏ Long Khánh, trong đêm tối.

Số người bị nhồi nhét lên xe Molotova quá đông, ngồi chồng chất lên nhau, chen chúc với những bao hành lý ngổn ngang, một số anh em bị đè đến ngộp thở, rất may là có vài bạn tù còn cất dấu kỹ vài lưỡi lam cạo râu, dùng rọc đường dài trên mui vải, làn gió mát hiu hiu bên ngoài lọt vào xe giúp không khí bớt ngột ngạt và dễ thở hơn.

Chừng một giờ đồng hồ sau, đoàn xe Molotova dừng lại, bộ đội vén mui vải lên, hạ bửng xe, chúng tôi được lệnh bước xuống xe và tập họp trên một bãi đất trống bao la, đèn chiếu sáng rực tứ phía. Nhận ra đây là khu vực Tân Cảng, nằm cạnh xa lộ Saigon, Thủ Đức, Biên Hoà là nơi các tàu buôn cặp bến để bốc dỡ hàng hoá xuất nhập cảng tiếp tế cho vùng thủ đô Saigon.

Toán tù nhân đầu tiên xếp hàng chuẩn bị lên tàu Sông Hương, mọi người phải leo bằng thang giây cao ngất, bề ngang rất hẹp, bước đi gập ghềnh, đong đưa, trơn trợt, lúc lắc, nhiều người bị trợt chân, guốc, dép rơi xuống giòng nước. Bên dưới cầu thang giây có giăng lưới như trong các gánh xiệc đề phòng khi nghệ sĩ biểu diễn rủi ro rơi xuống. Chưa bao giờ tôi thấy run như thế, nhưng cũng lấy hết can đảm, tự nhủ nếu anh em "làm được, mình phải làm cho được", tại sao người ta không dựng chiếc cầu bằng sắt di động, gắn trên bánh xe, như loại thường dùng để bước lên, bước xuống các chiến hạm hay tàu buôn lúc cặp bến cảng? Sau này nghe kể lại thì đã có trường hợp tù nhân bị trợt chân rơi xuống sông và bị nước chảy siết cuốn trôi mất tích.

Khó khăn lắm chúng tôi mới bám được vào thành của thang giây, lần mò từng nấc, tiến lên, vừa đặt chân đến boong tàu, mấy tên bộ đội tay cầm roi quất vào đầu, vào lưng chúng tôi và hét lớn, thúc dục chúng tôi bước nhanh hơn để họ đếm từng người một. Nhóm chúng tôi bước vào một hầm sắt khá rộng, căng thẳng và mệt mỏi, chưa biết họ đưa mình đi đâu mà phải cần dùng đến tàu thuỷ có trọng tải vài chục ngàn tấn như tàu Sông Hương này, trong khi hai trại giam ở Côn Sơn và Phú Quốc đã đóng cửa, chúng tôi nằm dài trên sàn tầu rồi thiếp đi lúc nào không hay.

Đang lúc mơ màng, tiếng động ồn ào khua chúng tôi dậy, nhiều bạn tù bước vào cùng khoang tàu, các anh em khác đến từ những trại tù ở Tam Hiệp, Suối Máu, Kà Tum, Phước Long, Xuân Lộc…Gần sáng, thêm nhiều tù nhân nữa bước vào đây, chỗ ngồi của mỗi người cứ bị thu hẹp dần, sau cùng ai nấy đều phải chen chúc, co quắp, nép sát vào nhau, chạm lưng, đụng vai, bó gối, mồ hôi nhỏ giọt, mặc dù chúng tôi chỉ mặc quần đùi, cởi trần ngay lúc mới bước vào hầm sắt.

Khoang tàu nhốt anh em chúng tôi ở ngay phía trước boong tàu Sông Hương là kho chất chứa hàng hoá, súc vật, tứ bề toàn bằng sắt, bịt bùng, không có lỗ thông hơi, ánh sáng mù mờ khi cửa hầm đóng chặt, dĩ nhiên là nóng bức đến nghẹt thở. Mỗi khi cần đi tiểu tiện hay đại tiện, phải chứa trong bao nylon được bộ đội phân phát, rồi lần bước đến bỏ vào mấy thùng phuya loại 200 lít dựng ở cửa ra vào khoang thuyền. Khi những phuya này đầy thì các anh em ngồi gần đó phải mang lên boong tàu, trút thùng phân và nước tiểu xuống biển.

Các anh bạn tù là cựu sĩ quan Hải Quân hay tình nguyện đi đổ thùng để xem phương hướng, biết tàu đang di chuyển như thế nào. Kết quả do các anh Hải Quân báo lại cho anh em biết thì tàu Sông Hương đang chạy ra miền Bắc.

Lúc mới bước xuống tàu Sông Hương, mỗi người chúng tôi được nhận một túi lương khô giống như loại bánh đậu xanh cứng có vị ngọt, chưa bao giờ chúng tôi nếm thử món ăn đó nhưng dễ nuốt vì lạ miệng. Không ai ngờ rằng, ăn lương khô mà không uống nhiều nước thì sẽ bị táo bón và nín tiểu, quả thật là "cách mạng" có "trăm, ngàn con mắt", biết tính toán trước mọi sự việc một cách nham hiểm!

Đếm số thứ tự thì biết khoang tàu chứa chúng tôi có tất cả 351 người, cần biết chính xác như thế để bộ đội phân phát khẩu phần ăn hàng ngày. Mỗi buổi sáng, nóc cửa hầm sắt mở ra, bộ đội thòng ống cao su xuống cho anh em chúng tôi hứng nước trong lon để giữ lại uống trọn ngày. Kế đó, họ ném từng bọc lương khô cho đúng số 351 tù nhân trong khoang, bộ đội vừa ném lương khô vừa bắt loa hô chúng tôi phải giữ trật tự, mỗi người chỉ được một phần ăn, không được giành giựt, nói xong họ cười ngạo mạn, còn chúng tôi thì cảm thấy mình không khác nào những con khỉ nhốt trong chuồng ở sở thú, chờ người qua lại ném, bố thí cho chút ít thức ăn. Phát thức ăn xong, bộ đội đóng nắp hầm sắt lại, màn đêm u tối bao phủ, mùi hôi thối xông lên nồng nặc, nhiều người say sóng, nôn mửa, bài tiết tại chỗ, cái nóng hực lửa làm chúng tôi như đang lên cơn sốt.

Đến ngày thứ 5 từ khi tàu Sông Hương nhổ neo ra khơi, nắp hầm mới được mở, bộ đội cộng sản bắc loa báo là tàu sắp đến Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa, nơi đây là địa điểm thuận lợi nhất để chúng tôi được "đảng và nhân dân giúp đỡ tận tình trong việc lao động cải tạo" cho sớm có kết quả tốt.

Ngày 7 tháng 5 năm 1976, tàu Sông Hương cặp vào Bến Bính, Hải Phòng. Tàu lớn nên phải đậu xa bờ, chúng tôi cũng xuống bằng thang giây, bước lên những con tàu nhỏ chỉ chở được vài chục người mỗi bận. Khi còn cách xa bờ vài chụt mét, mọi người phải xuống lội nước bì bõm, vì tàu nhỏ không thể tiến xa hơn, theo như giải thích của lái tàu. Nước dâng cao tới ngang ngực, bao nhiêu hành lý mang vác theo bị thấm nước trở nên rất nặng nề.

Đến đất liền thì chúng tôi đã thấy đàn chó săn chờ chực sẵn, sủa vang, phóng tới như muốn táp vào mặt mình, nếu không có mấy tên bộ đội giữ chúng níu kéo lại. Chúng tôi phải xếp hàng, điểm danh, được

chích ngừa (không biết là thuốc gì) sau đó lãnh một bọc nhỏ có 3 củ khoai lang luộc, rồi mọi người được dẫn vào một nhà kho chứa hàng rất rộng để ngủ đêm trên nền đất. Buốt lạnh.

Đêm hôm ấy, vì không đủ nhà vệ sinh, mấy trăm anh em chúng tôi phải phóng ra bên ngoài nhà kho giải quyết gấp nhu cầu "bị chất chứa" suốt mấy ngày đêm khi phải ngồi chen chúc trên tàu Sông Hương từ Nam hướng ra Bắc.

Khi nói về ngục tù cộng sản, trên mạng lưới Internet toàn cầu, nhiều bạn tù bị đưa ra Bắc như chúng tôi vào thời điểm của tháng 7 năm 1976, sau khi hai miền Nam-Bắc thống nhất, cũng cùng suy nghĩ rằng chuyến hải hành trên tàu Sông Hương là "địa ngục chốn trần gian".

Sáng sớm hôm sau, cán bộ cho biết, chúng tôi được nghỉ ngơi một ngày, được tắm giặt, chờ phương tiện di chuyển đến các trại khác. Lâu ngày không tắm gội, nghe nói được đi tắm thì quá mừng rỡ, tôi theo các anh em tù phóng xuống cái ao ngay trước nhà kho. Theo bộ đội cộng sản thì đây là vết tích của hố bom B 52, khi không quân Mỹ mang bom ném vào khu vực bến cảng Hải Phòng trong thời chiến tranh.

Vừa trầm mình xuống ao, chân phải của tôi bỗng đau nhói vì chạm vào một vật nhọn từ đáy nước nhô lên, tôi vội phóng nhanh lên bờ, chạy lấy khăn mouchoir băng vết thương trên đầu gối chừng 3 cm, mấy bạn gần đó nhín cho chút thuốc lào, đắp cầm máu. Cái may của tôi là tôi có một thói quen từ bé, lúc nào trong túi cũng phải có 1 cái khăn mouchoir nên dù trong tù, tôi cũng xé một vuông vải và luôn để trong túi làm khăn dùng để băng bó, cầm máu vết thương.

Một trong những bạn tù đến hỏi thăm tôi là Trung tá Chu Trọng Đễ, Chánh Văn Phòng Tư Lệnh Phó Không Quân, bậc đàn anh cùng làm việc với tôi trước tháng 4, 1975, khi phục vụ tại Tư Lệnh Bộ Không Quân ở Tân Sơn Nhất. Giờ chót, ông bị kẹt lại Saigon, đi tù, vợ và bốn con đã được di tản qua Mỹ trước.

Nhìn quanh mình, tôi nhận được nhiều bạn tù từ cấp Đại uý đến Trung tá nằm xếp lớp trên nền xi măng trong nhà kho ở bến cảng Hải Phòng, không biết phải chờ đến bao giờ rồi sẽ đi đến đâu và những đoạn đường nào trên đất Bắc đang chờ đợi bước chân tù chúng tôi. Đây, một phần quê hương Viêt Nam của tôi, nơi quê ngoại, Ông tôi người Bắc Ninh, Bà tôi từ Hải Dương mà sao tôi thấy sông nước này thật ahHhhhHHHHHHHHH xa lạ, chẳng một chút tình. Lại một ngày nữa, tự bảo mình "ai sao mình vậy" phải cố gắng sống để còn thấy lại mặt người thân.

Xin thành kính tưởng niệm vong linh các bậc tiền bối, chiến hữu đồng cảnh đã vĩnh viễn nằm lại trong chốn ngục tù cộng sản, cầu nguyện cho oan hồn của quý anh, quý chị được siêu thoát Cõi Vĩnh Hằng.

Viết nhân tưởng niệm Ngày Quốc Hận 30 tháng tư năm thứ 45 (1975-2020) và để nhớ lại những ngày, tháng tù đày qua các trại lao động khổ sai: Hóc Môn, Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái Khu A & C, Nghệ Tĩnh K1 & K3.

Đào Hiếu Thảo/ KBC 3011

Cách đây đúng 45 năm, 24 tháng sáu 1975, ngày bắt đầu cuộc sống tù đày trong hỏa ngục cộng sản kéo dài suốt 6 năm

Nghệ Tĩnh và trại tù lao động khổ sai Tân Kỳ K3

Đào Hiếu Thảo

Đầu năm 1980

Trại tù mà chúng tôi vừa bị chuyển đến chiều nay do công an quản lý, mang tên K3 thuộc vùng Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh. Nghe nói ở đây tổng số trên ngàn người, phần lớn là anh em quân nhân Việt Nam Cộng Hoà đủ các quân binh chủng, khoảng 100 sĩ quan cảnh sát quốc gia, vài chục tù hình sự là những thành phần bất hảo của miền Bắc. Đây là trại tù thứ sáu mà tôi bị VC giam cầm sau tháng tư đen năm 1975.

Sáng sớm hôm sau họ phân phối chúng tôi, những người vừa đến vào các đơn vị sản xuất đã được thành lập từ trước và lập tức lên đường ra lao động. Tôi bị vào đội rau xanh do anh Trần Nhật Tân thuộc Cục Quân Y làm đội trưởng, đội phó là anh Nguyễn Văn Thời, khoá 19 Dalat, tiểu đoàn trưởng tác chiến lúc trước. Tổng số cải tạo viên trong đội này là trên 100 người.

Công việc của đội rau xanh là gieo trồng bầu, bí, mướp, su hào, bắp cải, rau lang, rau muống…Nói nghe thì đơn giản thế đó nhưng đất là đất rừng đầy rễ cây quá cứng và sỏi đá, bằng sức người tù nhân phải cuốc đất, đào ao, lên luống, dựng giàn, tuỳ theo từng loại hoa màu, nước phải ra suối gánh về tưới rau, sau khi bằng tay trần xúc phân bắc (chữ b không viết hoa, vì đây là để chỉ phân người vừa thải ra hôm qua hay sáng nay có khi đến tay chúng tôi còn chưa nguội hẳn) đem pha với nước tiểu rồi làm "phân bón" cho các loại rau xanh, giúp chúng mọc nhanh, mau thu hoạch để nuôi bọn cai tù và chúng tôi.

Trong các nhà tù cộng sản miền Bắc, phân người và nước tiểu là sản phẩm rất đắc dụng cho việc trồng trọt hoa màu. Hàng ngày đều có các tù nhân chính trị vét phân người từ những nhà cầu (hố xí) cũng như múc nước tiểu (nước giải) gánh ra giao cho các vườn rau xanh. Một trong những người tù thường xuyên phải gánh phân là Thiếu tá Hoa Hải Đường, sĩ quan tuỳ viên của nguyên Đại tướng Quốc trưởng Dương Văn Minh (Tổng Thống VNCH 24 tiếng đồng hồ sau cùng của Miền Nam Việt Nam trong cơn hấp hối)

Là một trong những lính mới ở trại tù này, tôi phải học qua đủ các "khâu" cho quen việc như: gánh nước tưới rau, xuống ao trồng rau muống, lên luống trồng rau lang, cắt bầu bí, mướp, bí rợ, chất lên xe cút kít kéo về nộp cho cai ngục. Chuyện ghê tởm nhất mà cho đến bây giờ, 45 năm sau tôi mãi còn bị ám ảnh là lúc lần đầu tiên lội ao, cắm cộng rau muống sâu xuống đất, thấy phân người và giòi bọ nổi lình bình gần ngay sát mặt mình! Cán bộ cộng sản tên Khiêu bắt anh em tù phải bóp nhuyễn phân ra cho hoà tan với nước, theo lời hắn thì làm như vậy rau muống mới tươi tốt và cho "năng suất cao" ?

Hôm ấy, khi lãnh phần cơm trưa có lưng bát rau muống luộc đầy rẽ, cộng già, dai nhách, tôi ngẫm nghĩ tại sao ở thế kỷ thứ 20 rồi mà con người còn sống như thời "đồ đá", thuở ăn lông, ở lỗ như thế. Tôi không làm sao nuốt trôi mấy cộng rau đó, thấy tôi ngần ngừ, anh Bảo, Thiếu tá phi công trực thăng, đang ngồi cạnh hỏi " Bồ không ăn rau sao, cho tôi nghe", tôi gật đầu… Nhìn vào bàn tay mình thấy mười móng tay mới ngâm dưới nước trộn phân người và nước tiểu hoà với sình bùn vài tiếng đồng hồ mà đã vàng khè ra, tựa như vừa được phết lên một lớp verni dùng để sơn gỗ. Thường thì trước khi ăn, anh em chạy vội ra bờ suối rửa tay, lấy nước làm sạch, chứ làm gì có xà bông, lắm lúc không tìm đâu ra chút nước thì vò lá rừng hay chùi vào nắm cỏ, cũng xong.

Tôi biết anh Bảo trước đây có thân hình cao lớn, nay gặp lại anh thì trơ xương sống, xương xườn, má hóp, nét mặt xanh xao khác thường, có lẽ anh mất đi cũng vài chục kí lô. Anh được giao việc trộn, ủ phân người, rồi gánh ra các vườn rau xanh, xong việc sớm, anh đi quanh quẩn trong phạm vi diện tích do đội tôi canh tác nhặt rau úa, khoai vụn rơi vãi để giúp chống cơn đói luôn hành hạ!

Một hôm, lúc xuất trại sớm khoảng 6 giờ sáng, khi mới bước chân ra khỏi cổng nhà tù CT 3 Tân Kỳ, tôi nhận thấy có Vũ Tuấn Lân (được anh em bạn tù chúng tôi xem là một cai tù có lòng nhân mà trước đây tôi có lần đã dưới quyền cai quản của y ở Khu Gang Thép Thái Nguyên) trong số những "Bò Vàng" đang đứng chờ để dẫn chúng tôi ra công trường. Anh nhìn tôi chăm chăm và nhếch mép cười, tôi gật đầu chào rồi bước đi trong đoàn tù có cả mấy trăm anh em để bắt đầu một ngày lao động dưới ánh nắng chói chan, gay gắt của vùng Nghệ Tĩnh, suốt năm chỉ được vài cơn mưa, nhưng cái lạ là thỉnh thoảng lại có cơn giông bão liên tục kéo đến làm lụt lội, tàn phá ruộng vườn, gây đổ nát nhà cửa của dân làng.

Ra đến vườn rau, tiếp tục công việc của "một ngày như mọi ngày", trong cái quần xà lỏn, ở trần, chân đất, đầu đội nón lá (do trại phát) xuống ao bốc phân, bóp nhuyễn, rải đều, kế đó đi cắt rau muống cột thành bó, chuyển lên bờ cho bạn tù khác gánh về trại.

Mặt trời chưa đứng thì anh Đội trưởng Tân từ xa vẫy tay lia lịa và lấy hai bàn tay úp vào nhau, che làm loa, nói lớn "Thảo ơi, lên trình diện cán bộ, Tuấn, Tĩnh nhảy xuống thay cho Thảo nghe". Bước vào cái chòi tranh dùng làm nơi "ngồi chơi, xơi nước" cho các cán bộ công an, cán bộ Lân đã ngồi chờ sẵn và muốn gặp riêng tôi.

Mở đầu câu chuyện, anh "đánh giá cao" những sự đóng góp của tôi trong các công tác thống kê, thi đua, "nâng cao nếp sống văn hoá mới", cùng các chương trình thể thao, văn nghệ, trang trí…được Ban Giám Thị "biểu dương". Anh cho biết, Ban Giám Thị muốn điều tôi từ Đội rau xanh về làm những công tác tương tự như tôi đã từng làm ở các trại Phú Sơn 4 A và 4 C, ở Khu Gang Thép Thái Nguyên. Tôi bắt đầu các công việc này ngay từ ngày hôm sau.

Đúng là một tin sét đánh, thực không hay tôi nằm mơ? đang phải bốc phân người, gánh nước tiểu bây giờ lại chuyển về làm lao động trí óc, làm sao có thể tin được, trước mắt là khoẻ cái thân đã, mọi chuyện sẽ tính sau, nhưng tôi cũng không khỏi lo âu, nghĩ ngợi, nếu mình cứ làm được những công việc như cộng sản họ bày vẽ, thì chẳng lẽ phải ở tù suốt đời sao?

Tại K 3, công tác văn hoá do tù hình sự Châu phụ trách, anh là cựu giáo viên, can tội dâm ô, sắp mãn hạn tù, vì vậy tôi được chọn thay thế. Người thứ 2 là anh Toàn, cựu Trung uý bộ đội, can tôi giết tình địch, lãnh án 20 năm, người thứ 3 là anh Quý, cựu kiến trúc sư , can tội ăn hối lộ, 10 năm tù. Châu ra về, hai anh Toàn và Quý có nhiệm vụ phải phụ giúp tôi vì họ được ra vào nhà tù tự do, trong khi đó tôi không thể đi đâu một mình. Mỗi lần tôi xuất trại phải có cán bộ công an mang súng AK, đến dẫn đi. An ninh, trật tự, y vụ do các tù hình sự miền Bắc đảm trách, anh Hiền, y tá bộ đội can tội trộm cắp, lo việc chích, cấp thuốc cho anh em tù, hai tay thanh niên trẻ Tuấn và Mỹ, ngồi tù vì lường gạt, lừa đảo, lo trật tự tức là khám xét người, tịch thu, vơ vét, đập phá đồ đạc của các tù nhân chính trị chúng tôi.

Được sự tận tình giúp sức của các anh em bạn tù thuộc chế độ Saigon cũ, tôi thấy nhiệm vụ của mình hoàn thành thuận lợi hơn: mấy anh hoạ sĩ là Đỗ Văn Rỉ, Đỗ Đại, Lê Lương, trưởng đội văn nghệ là giáo sư nhạc sĩ Nguyễn Văn Đăng, trưởng đội bóng đá, bóng chuyền là anh Đoàn Sanh (nay là Mục Sư Tin Lành tại Hội Thánh Calgary, Buffalo, New York. Anh đã được Chúa gọi về tháng tư năm nay, 2020) y tá trưởng là Y sĩ Trung Tá Hải Quân Nguyễn Văn Ngân, Chủ Tịch Uỷ Ban Y tế Hạ Viện Việt Nam Cộng Hoà… Nay anh chị cùng gia đình sinh sống tại Australia. Bạn tù cao niên nhứt luôn ủng hộ tinh thần chúng tôi là huynh trưởng Ba Đôn, khóa 3 Thủ Đức, nguyên Trung Tá Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu Bạc Liêu. Năm 2018 may mắn gặp lại anh chị và gia đình tại Quận Cam, California. Gia đình anh sum họp trọn vẹn, các con, các cháu an cư, lạc nghiệp và thành đạt.

Nhận việc không bao lâu, tôi phải xúc tiến chương trình lo tổ chức đón Xuân Kỷ Mùi 1980 với công tác trang trí, múa lân, văn hoá, văn nghệ, thể thao… Dù phải loay hoay, bận rộn suốt ngày, nhưng được cầm bút cầm cọ vẫn hơn cầm cuốc, gánh nước hay bị đày đi bốc c… Anh Toàn, Trung uý bộ đội, tự nhiên thân thiện hẳn với tôi, nên khi cần đến anh, dù phải làm bất cứ việc gì, anh cũng sẵn lòng và hết sức nhiệt tình.

Ít hôm sau Tết nguyên đán năm đó, toàn trại rúng động khi hay tin tối hôm trước Thiếu tá Vân, Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù, Thiếu tá Gắt, Quận trưởng Thủ Đức, Đại uý Ri, phi công trực thăng Sư Đoàn 4 Không Quân đã vượt rào, trốn trại. Nhiều anh em tù, trong đó có tôi bị cán bộ kêu lên, kêu xuống hoài, bị hạch hỏi đủ điều để tìm hiểu về "âm mưu vượt ngục của ba tên phản động, ngoan cố này".

Hai tuần sau khi ba chiến hữu này ra đi vẫn chưa nghe động tĩnh gì, tôi vẫn hàng ngày thầm cầu nguyện cho các anh thoát ra được bến bờ tự do. Ít hôm sau, đang nằm ngủ trong buồng giam, chúng tôi nghe súng nổ tứ phía, vang dội cả một góc trời, kèm tiếng kẻng liên hồi, loa từ Ban Chỉ Huy Trại báo tin nói là cả ba tên " ngụy ác ôn" đã bị bắt lại.

Mọi người thở dài, lời cầu xin khẩn khoản của mình chắc đã không được Chúa, Phật chứng giám, phò hộ, một khi bị bắt lại thì các bạn tù kém may mắn này thể nào cũng bị công an đánh đòn "hội đồng", sau này mới hay tin là các anh bị chúng đánh gẫy cả hai hàm răng. Ngay hôm sau, bọn cai tù ăn mừng lớn, đồng thời răn đe chúng tôi là địa phương đã phái một trung đoàn bộ đội có chó săn tháp tùng để lùng bắt các anh Vân, Gắt, Ri tận biên giới Việt-Lào. Anh Vân ở tù gần 15 năm, cùng gia đình qua Mỹ diện HO, hiện sinh sống tại Seattle, Washington, anh và tôi đã liên lạc với nhau, hai anh Gắt và Ri thì không biết bây giờ trôi dạt ra sao?

Cái may không thường xuyên đến với con người, "lên voi, xuống chó" là chuyện thường tình, đang lúc mạnh khoẻ, nghĩ là mình làm được nhiều việc hữu ích, phục vụ cho sinh hoạt tinh thần của tập thể bạn tù, một hôm bỗng tôi lên cơn sốt nặng, toàn thân ngã màu vàng. Bác sĩ Ngân chẩn đoán và cho biết là tôi bị sốt vàng da. Ông xin thuốc Penicilline của China đã quá date nhiều năm, chích thử cho tôi, rất may là chỉ sau mấy mũi trụ sinh ấy thì có phần thuyên giảm. Suốt cả tuần tôi chỉ nuốt được ít cháo cầm hơi, các bạn thân, mỗi người cho tôi vài viên trụ sinh giúp qua khỏi cơn bạo bệnh hiểm nghèo. Bác sĩ Ngân lo ngại nếu trên khắp người tôi nổi đầy mụn đỏ thì khi ấy hết thuốc chữa, đành phải bó tay ra đi thôi.

Mất tinh thần, hết hy vọng, tôi xuống sắc, sụt cân rất nhanh, để râu tóc mọc dài, sống cầm hơi nhờ cháo với chút muối hay đường cát trắng do bạn bè được gia đình thăm nuôi tặng cho. Nhiều đàn anh khuyên tôi phải ráng sống, chờ ngày về, nên hớt tóc, cạo râu sạch sẽ, cầu nguyện Trời Phật phò hộ cho qua khỏi.

Tôi thầm nghĩ từ thuở bé, chưa bao giờ câu cá, bắn chim, săn thú hay làm hại bất cứ ai, không lẽ mình gặp số kiếp hẩm hiu, đến hồi mạt vận, phải chịu nằm xuống vĩnh viễn trên đất Bắc như rất nhiều anh em bất hạnh khác? Tự bảo lòng hãy cố lên, hãy vượt qua mọi khó khăn, hãy cầu Ơn Trên cho mình bình an, vô sự.

Nhờ sức mạnh của ý chí, sự an ủi, chăm sóc của mấy anh em thân thiết quanh mình, tôi hồi phục và sinh hoạt trở lại bình thường, năm ấy tôi 33 tuổi, có lẽ gặp năm xui, tháng hạn nên vướng phải căn bệnh ngặt nghèo, bị viêm gan mà tôi còn mang trong cơ thể suốt gần 40 năm sau.

Nghe Mẹ tôi kể khi lần đầu gặp lại Bà ở Bruxelles, Belgique năm 1982 là mấy năm sau khi tôi bị nhốt từ Nam ra Bắc, quá tuyệt vọng Bà tìm đến một vị Linh Mục quen ở Saigon, rất giỏi tướng số, dịch lý nhờ Cha xem số cho tôi, Cha trấn an Mẹ tôi rằng: "Mặc dù con bà bị cầm tù khổ sai, nhưng anh ấy cũng được bình an và dễ thở hơn nhiều người đồng cảnh khác". Hình như lời Cha nói cũng ứng phần nào thì phải.

Xin thành kính tưởng niệm vong linh các bậc tiền bối, chiến hữu đồng cảnh đã vĩnh viễn nằm lại trong chốn ngục tù cộng sản, cầu nguyện cho oan hồn của quý anh, quý chị được siêu thoát Cõi Vĩnh Hằng.

Viết nhân tưởng niệm Ngày Quốc Hận 30 tháng tư năm thứ 45 (1975-2020) và để nhớ lại những ngày, tháng tù đày qua các trại lao động khổ sai: Hóc Môn, Long Giao, Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái A & C, Nghệ Tĩnh K1 & K3.

Đào Hiếu Thảo/ KBC 3011

I Was There: The Monstrous Atrocities that Marxism Has Committed Against Humankind
by Thao Dao

- Mr. Dao was imprisoned in hard labor camps in Vietnam for six years. He was a reporter with Radio Free Asia starting in 1997.

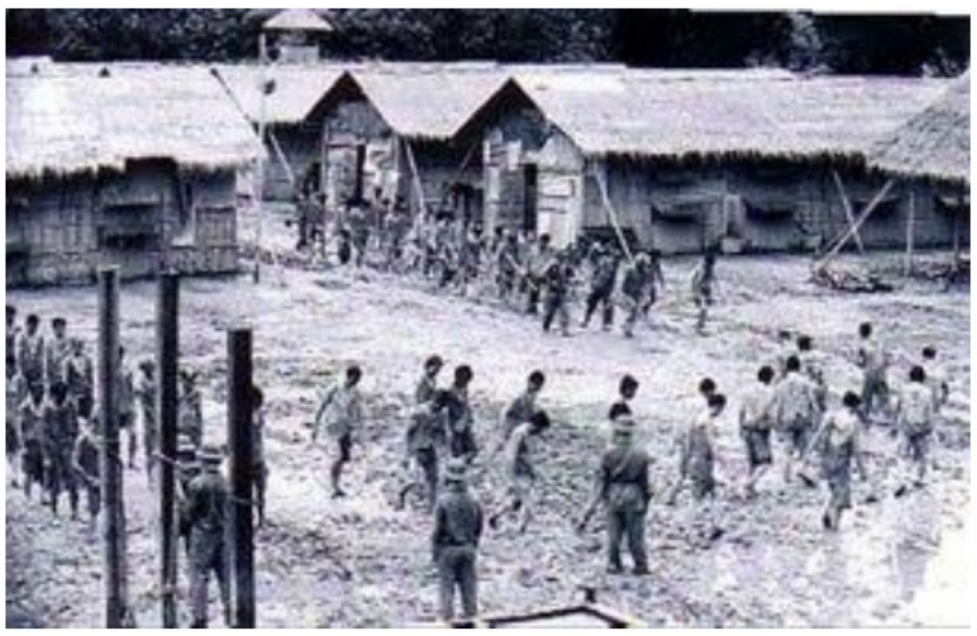

As a journalist and a victim of communism, I have collected stories from many authors enumerating the crimes that the communist committed. These authors have put in words what they themselves experienced, as well as what humankind elsewhere in this world were put through, that includes my "beloved country" Vietnam.

The most Venerable Dat Lai La Ma has said:

- *"Communism was born from poverty and ignorance, developed by lies, falsities and violence, will die in the damnation and disdainfulness of humanity."*

The late president of the Republic of Vietnam (The free Vietnam prior to 1975) said : Do not listen to what the communists say but look closely at what they've done.

Before I present to you what happened to the free South Vietnam, let's talk about the atrocious acts of the Russian & Chinese communists, which patterns the North Vietnamese communists follow to the 'T'. Viet Cong General Secretary Le Duan (1907-1986) declared: We fought the US for the USSR, Red China and for our brethren Socialist/Communist countries.

It's unfathomable to fully describe the crimes they have committed for over 100 years, from Russia to China and throughout the whole world, even with movies, books, reports and speeches.

In 1997, six French historians published an 846-page book titled *"Le Livre Noir Du Communisme" (the Black Book of Communism)* which described in detail the 80-year period from 1917 to 1997. From the time the Russian Communist took power under the symbol of the "hammer & scythe", there were over 100 million innocent human lives wasted.

I believe that many of you have seen the film "Doctor Zhivago" that came out in 1965 based on the book of the famous writer Boris Pasternak, a literature Nobel prize winner in 1958, circulation of which was banned in Russia.

Meanwhile, in Red China, according to Historian Frank Dikotter under Mao Tse Tung's rule, over 45 million people were killed between 1958 -1962 during the "Great Leap forward", Mao's most ferocious

policy was to assemble people from all over China into gigantic communes, creating a utopian paradise, in which all possessions or assets belong to the Commune. Mao forced people to hard labor in building dams at the expense of agricultural land, resulting in public famine; those who resisted this policy would suffer torture or death by public execution – such as being buried alive, hanged, choked to death or dissected piece by piece. Case in point, when a starved youth stole a handful of grain from Ho Nam Village, "Red Army/Chinese Gestapos" forced his father to bury him alive. Out of grief and remorse the father committed suicide a few days later.

Black April 1975 (April 30th, 1975) marked the invasion of South Vietnam and the incarceration of hundreds of thousands of innocent people who served under the Republic of (South) Vietnam. Millions of South Vietnamese citizens risked their lives to escape from this barbaric regime by sea, knowing that 9 out of 10 might never reach the free world. I believe that "the crimes of the Communists can never be washed clean with water from all oceans and all the leaves in the world would not be enough to contain the writings of their atrocities" and "evil treatments of their compatriots". There is a popular saying that: "even lamp posts would escape from the Ha Noi barbaric regime if they could walk"

But the biggest exodus of the Vietnamese people happened in 1954, when over a million north Vietnamese, seeking freedom, ran away from the inhuman northern regime and left everything behind but the shirt on their back, to find refuge in South Vietnam. The ship that carried them southward had multiple banners with the message "Passage to Freedom" hung all over its deck.

In North Vietnam, under Ho Chi Minh's reign, citizens were forced to worship Russian and Chinese leaders by hanging their pictures in private homes and were prohibited from criticizing the communist ideology. Whoever opposed the communist policies in any way would be labelled as enemies of the nation, as foreign spies, as abusers of democracy, as violating national security with the penalty of 15 to 20 years imprisonment. Communist ideology contradicts Asian traditional spiritual belief and the idealistic nationalism of the Vietnamese people.

Unlike the North, the South Vietnamese people were never forced to do such things.

My dear compatriots,

This year marks the 50th anniversary of the Tet Mau Than (1968 Tet Offensive, year of the Monkey); recently there are numerous writings about the barbaric killings of the communists with the expression "human blood is still fresh in the city of Hue as of today," where 6,000 innocent citizens were murdered with metal picks, shovels, scythes and were decapitated with machetes, were bounded with barbed wires and buried alive in mass graves during the 28 days that the northern Viet Cong attacked the central part of Vietnam. Most of the victims killed were priests, monks, women, teachers, students, civil workers, and military personnel.

Surviving family members of these victims could only identify the deaths by their clothing, photos, identification cards, jewelry, or shoes while digging up those mass graves.

All in all 40% of houses and properties in Hue were totally destroyed. Over 627,000 people who lost their homes, rice fields, etc. ran toward safer South Vietnamese-controlled zones.

According to the statistics of the Republic of South Vietnam 120,000 people had been killed or had vanished without a trace during this killing spree.

Author Matthew White stated that the Hue massacre was among the 100 highest in the number of lives lost.

This is indeed the ‘‘bloody stain” in Vietnamese history caused by Ho Chi Minh and his gang. They violated the cease-fire during the first three days of the traditional Lunar New Year. Their massive invasion and barbaric killing on New Year eve 50 years ago were the crime of genocide, instilling horror and deep emotional wounds that are still oozing up to this day, generating perpetual hatred that the South Vietnamese and Hue’s dwellers would never forget.

For the past 50 years, instead of showing remorse or apologizing to descendants of their victims, the Ha Noi regime celebrates the Mau Than victory with fanfares on the occasion of Tet. How in the world could they rejoice upon the act of viciously taking the lives of their own countrymen!! They will be cursed perpetually!

Those North Vietnamese communists killed their own teenagers by sending them to fight in the South with the false belief they would be liberating the South from an imagined foreign domination

Here is a short list of atrocities and crimes committed by Ho Chi Minh and the Vietnamese Communist Party:

1949-1956: Five waves of agrarian reforms: 500,000 victims.
1954: Almost 1 million people left everything for freedom in the South.
1958: Obeying Ho Chi Minh’s decision, Pham Van Dong sent a letter officially approving the claims China made to the sea area in the East, including the Paracel and Spratley islands.
1968: Tet Offensive, more than 14,000 civilians killed, and more than 2,000 among them buried alive.
1974: Acting in collusion with the Government of Hanoi, China invades the Paracel archipelago belonging to the Republic of Vietnam.
1975:
– Invasion of South Vietnam two years after signing the Peace Treaty of Paris.
– Concentration Camps: Half a million soldiers held prisoner, thousands and thousands died while there.
1975-1985: More than 1.7 million Vietnamese escaped out of their country (about 400,000 – 500,000 boat people died in the sea, maybe more)
1979: War between two communist regimes (Vietnam and China), in which perhaps 100,000 lost their lives.
1999-2000: Treaties, signed secretly, yielding national territories to China (the frontier regions in the North, the quasi-totality of the sea in the East including the Paracel and Spratley archipelagos. Since then, not a treaty revealed, not a map published…
Leading to the actual situation in communist Vietnam today:
– Loss of quasi-totality of the sea region in the East and one part of the frontier region.
– The majority of the people live in poverty despite 42 years of absolute peace.
– Vietnamese fishermen are openly maltreated, avowedly terrorized, and even killed by Chinese forces in the traditional fishing regions. Vietnam has kept quiet, showing no reaction.
– Brutal repression of political dissidents and also religious believers not belonging to state-controlled religious organizations.
– In its 2017 classification in regard to liberty of expression, Reporters Without Borders ranked Vietnam 175th among 190 nations in the world.
– Human trafficking in children and women for sexual slavery.
– Sending cheap labor all over the world (in reality, selling slaves).
– “Leasing” entire strategic zones of the fatherland to China (our thousand-year perennial enemies) for the mining of bauxite (very polluting), with its own workers from the mainland.
– The cadres in the Communist Party have become multi-millionaires in US dollar terms.
– Vietnam is still among the poorest countries in the world, always begging for international aid, even in 2018.

China schemes to assimilate all Asian countries in all cultural and educational aspects. In Vietnam, this work was carried on by Bui Hien, a high-level Vietnamese communist cadre. He invented a new Vietnamese alphabet to eliminate the current Vietnamese language, in favor of Chinese sounding words thus transforming our language into Chinese.

Just recently, luc luong 47 (task force #47) with 10,000 or so workers, was established to prevent and to crush all opposing views, comments, and remarks on the Internet.

On December 4, 2017, on the occasion of the reception for the Honorable Daniel Kritenbrink, the new US Ambassador to Vietnam, I had the opportunity to present to him a number of concerns of the Vietnamese Community in view of the crimes committed by the Ha Noi Regime. Below are the main talking points:

Freedom of Religion – While this is being touted in their propaganda as a freedom, in fact freedom to worship is forbidden in the remote areas and when put into practice must be masked.

Freedom of Speech – This is often condemned as an attempt to:
– Disturb the peace and commit a crime prejudicial to National Security
– Engage in espionage/spy for Foreign Governments
– Conspiracy to overthrow the Government

When charged with violations of these "crimes" the verdicts are always harsh, even for women, who are with very young children and only struggle peacefully for democracy, freedom and human rights.

There have been more than 250 individuals who incomprehensibly died while in police captivity. These dead bodies have come home, some with their throats slit and others with evidence of barbaric torture. When questioned regarding the deaths, the Vietnamese authorities claimed that they committed suicide while incarcerated at the police station.

One of these days, when communism collapses, how much time, how much paper and ink would it take to expose all the atrocities, the cruelty, and the crimes that Marxist dictatorships have committed against humankind?

Please remember the sacrifice of the 100 million people who perished in concentration camps or were otherwise mercilessly killed under communist regimes worldwide..

Expose Their Methods
Hold Them Accountable for Their Results

Tu Tù Tụ

Đào Hiếu Thảo

Theo cổ nhân thì *"Tu, Tù, Tụ"* là ba phương pháp giúp rèn luyện, hun đúc cá tính, nhân cách, bồi đắp khả năng, kinh nghiệm, vốn liếng trí thức của mỗi một con người.

Cá nhân tôi đã từng có cơ may trải qua ba giai đoạn ấy nên trước hết xin được nói về chữ Tu hay "Tu thân" mà theo suy nghĩ cá nhân chính là thời gian được cha mẹ cho ăn học, cắp sách đến trường, sau đó tới lúc tự lực cánh sinh, khi mới bước vào đời kiếm ăn năm 1965, thì vừa đi làm, dạy kèm học sinh, dạy trường Cửu Long vừa đi học đại học Văn Khoa Saigon. Thời gian phục vụ trong Không Quân khi có thời giờ rảnh rỗi cũng thích trở lại trường theo học bậc cử nhân báo chí và cao học quản trị vì tin rằng đây cũng là một phương thức tu thân rất hữu ích và thiết thực trong cuộc sống.

Sau này đến vương quốc Bỉ sinh sống năm 1982 theo diện đoàn tụ gia đình, được hưởng quy chế tỵ nạn cộng sản, ban ngày làm nghề thợ in, buổi tối từ công xưởng tôi đến thẳng trường huấn nghệ dành cho người lớn tuổi để học thêm môn điện toán và sinh ngữ Hoà Lan. Nhờ những lớp học ngoài giờ ấy, luyện được thêm một ngoại ngữ thứ 3, ngoài tiếng Anh và tiếng Pháp , đồng thời trang bị cho mình một số kiến thức căn bản qua lớp học nhập môn về computer. Kết quả học hỏi suốt trong ba năm, sau này đã giúp tôi được tuyển chọn vào làm công chức tại Viện Đại Học Bruxelles (ULB) năm 1988.

Tu cũng còn có nghĩa là "Tu hành" đối với các vị lãnh đạo tinh thần, tu sĩ, đạo sĩ, tu sinh, tăng lữ, thuộc các tín ngưỡng khác nhau, quyết hy sinh trọn cuộc đời mình để phụng sự cho tôn giáo, đạo pháp, cho xã hội, chúng sinh, đồng loại, tín hữu. Xin được miễn bàn về chuyện xuất gia "Tu hành" vì mình chỉ là người phàm, thế gian thì kính trọng và xem đó là những bậc cao tăng, chân tu, hàng giáo phẩm, chức sắc, dày công tu luyện, đều có diện mạo, tâm tính, phong cách hiền lành, lương thiện, đức độ, gương mẫu, nói một cách tương đối.

Với cá nhân tôi Tu còn có nghĩa là "Tu học" hay "Tu tập" là những sinh hoạt từng tham gia suốt 10 năm trong Phong Trào Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại chùa Giác Minh, Saigon, từ khi lên 10 đến tuổi đôi mươi, bước chân vào đời lính. Trong suốt thời gian đó, vào mỗi buổi trưa chủ nhật, tôi đến với đoàn tham gia các hoạt động thanh niên, học tập giáo lý, kinh sách Phật Giáo, đi cắm trại, chơi các trò chơi, tổ chức triển lãm, tham gia các khoá huấn luyện, làm công tác cứu trợ, xã hội, từ thiện.

Mười năm hoạt động thanh niên trong Gia Đình Phật Tử Việt Nam, được luyện tập về đức, trí và thể lực, làm quen với nếp sống tập thể, dễ thích ứng với mọi hoàn cảnh, mọi tình thế, nên khi vào quân đội hoặc cam chịu kiếp tù đày, biết sống một cách linh động, uyển chuyển, biết xoay trở, không ngại khó, không sợ khổ, cố gắng chịu đựng khi gặp thử thách, hoạn nạn, nghịch cảnh.

Nhờ những năm tu học dưới mái chùa Giác Minh và Vĩnh Nghiêm, nên trong thời gian đầu được huấn luyện ở quân trường Quang Trung, biết khép mình vào khuôn khổ kỷ luật sắt thép, nhanh chóng làm quen với đời sống tập thể, tạm thời đòi hỏi nhiều hạn chế đối với quyền tự do cá nhân. Sau này, lúc mới bị giam cầm trong ngục tù cộng sản, ngày đầu tiên tôi đã biết cùng các bạn cải tạo dựng bếp, xây lò, nấu chín cơm, luộc rau, kho cá mối ươn, nuôi ăn cả trăm bạn tù tại trại Thành Ông Năm, Hóc Môn, vào tháng 6 năm 1975. Mấy "ông Quan" khác, từ trước tới giờ lúc nào cũng có thuộc cấp phục dịch thường xuyên, kể cả chuyện buộc giây giày botte-de-saut, vì bụng của họ quá bự, không cúi rạp mình xuống thấp được; bây giờ mình cũng bụng quá bự, nên rất thông cảm với các chiến hữu nặng cân, eo lớn hết cỡ.

Một khi đã vào tù cộng sản, đứng trước mấy tạ gạo, đống củi, xoong chảo ngổn ngang, mấy ông bạn mình chỉ biết đứng nhìn, bàn bạc, loay hoay mãi, chứ không biết cách nào để có được bát cơm, tô canh cầm hơi, những ngày đầu bị VC bắt đi " trình diện, học tập, cải tạo".

Đến Miền Bắc Xã hội Chủ nghĩa bằng tàu Sông Hương, hồi giữa năm 1976, bị thả xuống vùng đất hoang vắng, bộ đội cộng sản cung cấp lều trại, các ông bạn tù cũng không biết dựng lều làm nơi trú ẩn tạm, tránh nắng mưa, trong những ngày đầu tiên đặt chân tới đất Yên Bái, Hoàng Liên Sơn. Biết cách dựng lều, tôi nhờ mọi người tiếp tay nhau, xúm lại dương lều vải, lập kế hoạch lo đào rãnh thoát nước, kê bếp, đào hố vệ sinh, dẫn nước sinh hoạt, từ suối vào trại…Lại thầm cám ơn kinh nghiệm của những trại hè trong Gia Đình Phật Tử sống gần thiên nhiên từ thời niên thiếu.

Tôi vẫn luôn tin rằng "Tu" có nghĩa là tu thân, tu học, tu tập hay nói một cách đơn giản là học tập, học hành, học thêm, học hoài, tự học là chuyện rất hiệu quả, hữu ích, thiết thực trong đời này. Bất cứ có lớp tu nghiệp, huấn nghệ, hay có khoá hội thảo, buổi thuyết trình nào, tôi đều tình nguyện tham gia. Mẹ tôi thường khuyên tôi từ thuở còn thơ ấu là nên đọc sách, vì sách là một bạn tốt, đây là một cách tự học hỏi, trau dồi kiến thức, cầu tiến, tăng cường sự hiểu biết cho bản thân mình.

Ứng dụng câu nói của người xưa cho rằng "Tù" (hay tù đày, tù tội, tù ngục) là môi trường có thể làm thay đổi tâm tính và phong cách của một cá nhân, vì cổ nhân đã dạy *"Phú quý sinh lễ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc".*

Trở lại với chữ "Tụ", có nghĩa là tụ họp, tụ tập, đoàn tụ, qua những kinh nghiệm bản thân, nên tin rằng Tụ là sinh sống, hoạt động tập thể, một cơ hội có thể làm cho một con người thay đổi toàn diện. Đối với tôi Tu và Tụ có ảnh hưởng qua lại và tác động lẫn nhau, trong suốt 10 năm tham gia các hoạt động thanh niên, là cơ hội để được tu học đồng thời cũng là một môi trường tạo cho mình những dịp gặp gỡ, hội họp, kết đoàn, sống tập thể, quây quần bên nhau, nói tóm lại đó chính là sự tụ họp hay tụ tập.

Tu và Tụ được thể hiện rõ nét trong thời gian tôi nhập ngũ, thụ huấn, tu nghiệp tại các quân trường như Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, Trường Bộ Binh Thủ Đức, Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang, hai quân trường tại Hoa Kỳ, Defense Language Institute, Texas và Defense Information School, Indiana. Hai năm trải qua các trường quân sự và chuyên môn đó là thời gian được học tập, sinh hoạt, mỗi ngày cận kề với hàng trăm, hàng ngàn khoá sinh, đồng môn khác, những điều hay của mỗi cá nhân, mình nên học hỏi, những cái xấu thì cần phải tránh.

Ngoài ra "Tu và Tụ" cũng là những cơ hội đến với tôi trong binh nghiệp vào giai đoạn từ 1970 đến 1975 trong khi phục vụ ngành Chiến Tranh Chính Trị tại căn cứ Không Quân Tân Sơn Nhất, trong các vị trí phóng viên chiến trường, Trưởng Ban Biên Tập, Phát Thanh, Truyền Hình, Chánh Văn Phòng Tham Mưu Trưởng Không Quân. Ngoài giờ công vụ tôi cũng được phép làm việc thêm ban đêm, đọc tin tức, thời sự ở đài Phát Thanh và Truyền Hình Saigon. Ngoài ra, lúc rảnh rỗi cũng tham gia hoạt động với Tổng Cục Túc Cầu Việt Nam để biết thêm về môn thể thao bình dân được cả triệu người trong nước nhiệt liệt hưởng ứng.

Trong khoảng thời gian phục vụ trong quân chủng Không Quân gần 5 năm ấy, thường xuyên có dịp bay khắp lãnh thổ Việt Nam Cộng Hoà cũng như chiến trận ngoại biên, bên Xứ Kampuchia. Trong bất cứ tình huống nào, tôi cũng được cơ hội học hỏi từ những kinh nghiệm, cách ứng xử của tha nhân.

Mặt khác, trong suốt sáu năm tù lao động khổ sai qua các hoả ngục cộng sản ở hai Miền Nam-Bắc, cả nguyên lý "Tu, Tù, Tụ" đã ít nhiều giúp tôi giữ vững niềm tin vào "ngày mai trời lại sáng" vì trong chốn lao tù, cộng sản giam cầm mình trong cảnh đói rét triền miên, không chút vệ sinh nên tật bệnh lan tràn, rất nhiều bạn đồng cảnh gục ngã, con người theo đó mà biến chất, xuống tinh thần, lạc phương hướng và có người còn mất cả chính mình, trong tình huống vô vọng như vậy, điều duy nhất tồn tại được nơi mỗi người tù chính là vốn liếng văn hoá, kiến thức và giáo dục gia đình.

Từ những bài học về Tu (học) và Tụ (họp) thu thập được nên sau khi được định cư tại vương quốc Bỉ năm 1982, tôi tham gia việc thành lập Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tại Bruxelles và Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà tại Châu Âu để kết hợp và thống nhất hành động của các chiến hữu Hải, Lục, Không Quân, Cảnh Sát Quốc Gia.

Đến lập nghiệp tại Hoa Kỳ từ năm 1997, trong suốt 22 năm qua, tôi cũng phụ giúp vào những sinh hoạt đa dạng trong Cộng Đồng tại Washington DC, Maryland và Virginia cũng như Liên Hội cựu Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hòa Vùng Hoa Thịnh Đốn.

Người Việt chúng ta có câu nói: *"Học mười, hiểu một, hiểu mười làm được một, làm mười để đạt được một"*, từ lời dạy chí lý đó, luôn tin tưởng vào phương châm của cổ nhân nói rằng có ba phương cách đúng đắn để học tập, rèn luyện, tiến thân, cải số, vươn lên trong xã hội đó là *"Tu, Tù và Tụ"*.

Đối với bản thân thì thấy rằng nhờ ý chí không ngừng học hỏi, thích hoạt động, thường giao tiếp với tập thể, từ khi vào đời, lúc làm lính, cộng với những năm tù cộng sản, con người tôi đã thay đổi trên nhiều phương diện. Cá tính cứng rắn hơn, sống thực tế, yêu chuộng lẽ phải, bênh vực sự công bằng, không chấp nhận sự chèn ép, hà khắc hay phân biệt đối xử, *"Thượng đội, hạ đạp"* vì luôn tin rằng *"Trời cao có mắt"*, gieo gì thì gặt nấy, quả báo nhãn tiền.

Đào Hiếu Thảo

Rồi … Xuôi Nam

Đào Hiếu Thảo/Th2

Sau sáu năm bị VC giam cầm trong nhiều trại tù lao động khổ sai từ Hóc Môn qua Long Giao (Long Khánh) rồi ra tận vùng Hoàng Liên Sơn, Bắc Thái, Nghệ Tĩnh. Đầu tháng giêng năm 1981, họ phóng thích chúng tôi từ trại K3 ở xã Lạc, huyện Tân Kỳ, khoảng 30 người chúng tôi bị lùa lên xe vận tải Molotova để ra nhà ga Vinh. Đường xe chạy gồ ghề, khúc khuỷu, nhiều đoạn chúng tôi phải xuống, xăn ống quần lội nước, xúm lại ỳ ạch đẩy cho xe vượt qua đầy rẫy những hố sâu trên suốt quãng đường dài trên 80 cây số.

Hình minh họa: xe lửa (tàu hỏa) của Việt Nam 50 năm trước

Đến sân ga Vinh lúc xế trưa, anh cán bộ công an đưa cho nhóm chúng tôi vé xe lửa và giấy ra tù, trên giấy ghi rõ là phải trình diện chính quyền địa phương trong thời hạn sớm nhất khi về đến nhà. Rồi anh ta quay lưng đáp ngay chuyến xe đò trở về Hà Nội.

Ngồi chờ đến gần 12 giờ khuya thì có chuyến tàu chợ chạy về Huế. Đoàn tàu vừa dừng lại, hàng trăm hành khách chen lấn nhau lên wagon, thấy họ tranh giành, sợ không đủ chỗ phải chờ cả ngày sau mới có chuyến kế tiếp, anh em chúng tôi cũng bắt chước theo. Sát bên tôi là anh Phạm Văn Sắc, Khóa 16 Võ Bị Quốc Gia/Dalat, thuộc Thuỷ Quân Lục Chiến, nguyên Quận Trưởng Thủ Đức, bỗng nghe tiếng gọi lớn: "Bác ơi đưa cháu đỡ hộ túi hành lý của bác, cháu giữ chỗ cho bác nhé", mừng quá anh chuyền ngay cái ba lô của mình qua cửa sổ toa tàu, tay thanh niên sốt sắng nâng lấy nó. Xô đẩy một hồi, mấy anh em mới lọt vào bên trong tàu hoả, anh Sắc dòm ngó quanh mình mong tìm "người tốt bụng kia", nhưng y đã mất hút từ lúc nào. Từ bài học cay đắng ấy, nhóm chúng tôi ôm chặt lấy túi hành lý của mình trước ngực, ai nấy ngồi la liệt trên sàn gỗ mà không dám chợp mắt.

Đêm hôm sau, đoàn tàu chợ vào đến nhà ga Huế, nhóm chúng tôi xuống xe tại đây, chờ đoàn tàu Thống Nhất… xuôi Nam. Đang lớ ngớ, đầu óc, thân thể mệt mỏi vì thiếu ăn, mất ngủ, trong suốt hành trình trên xe lửa từ Vinh tới Huế, tôi tìm một chỗ trên nền xi măng, dựa tường, ngồi nghỉ tạm, trước khi lo bước kế tiếp xem mình phải làm gì thì trước mắt tôi một cảnh tượng thương tâm đến không ngờ, một cô gái khoảng đôi mươi, đầu tóc rối bời, gương mặt xanh xao, gầy gò, thân thể cô chỉ được che bằng cái bao bố gai thủng lỗ tròng qua đầu, dài đến đầu gối, hai cánh tay như xương ống thò ra ngoài. Chân không giày dép, cô lê bước đi không muốn nổi trên bãi sình lầy, tay cầm cái lon sữa bò để xin ăn… trời thì đang mùa đông mưa lất phất đến tê buốt trên cố đô Huế. Phận mình cũng có gì hơn để giúp đỡ cô!

Xã hội chủ nghĩa Việt Nam *"ưu việt, văn minh, tiến bộ"* bây giờ là thế sao ?!?!

Người dân địa phương cho chúng tôi biết mỗi tuần chỉ có hai chuyến xe lửa tốc hành Hà Nội-Saigon, đoàn tàu Thống Nhất Bắc-Nam này có ghé qua Huế đón khách, nhưng gay go lắm mới kiếm được vé hay "đăng ký" chỗ ngồi, vì nạn mua bán chợ đen đang hoành hành trong ngành hoả xa.

Để dễ dàng lúc xê dịch, tránh tụ họp một nhóm đông người, anh em chúng tôi phân thành toán nhỏ, ba bốn người bám theo nhau trong thời gian dừng chân tại Huế, chờ mong tàu Thống Nhất sớm đưa về Saigon. Tôi thuộc nhóm 4 người do anh Lâm Tùng dẫn đắt, anh nguyên là một Tiểu Đoàn Trưởng thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh, từng chiến đấu tại mặt trận Thừa Thiên-Huế, Quảng Trị, Đông Hà. Việc đầu tiên là kiếm chút gì lót dạ, khác với những bữa ăn trong tù, mà hấp dẫn nhất là bún bò Huế, ly cà phê đen, chung trà nóng và điếu thuốc thơm Thái Lan Samit.

Bước vào một quán nhỏ ven đường với ngọn đèn dầu leo lét, lúc ấy đã gần 2 giờ sáng, anh Tùng chào hỏi, mở lời với bà chủ quán, nói cho bà biết là chúng tôi vừa ra khỏi trại tù từ Nghệ An, đang trên đường về lại Miền Nam. Bà bỗng nghẹn ngào, rơi lệ, mừng cho chúng tôi "chết đi sống lại", bà nói hiện vẫn còn mấy ngàn anh em "lính tráng Miền Nam" bị đày đoạ tại các nhà tù khổ sai quanh vùng Thừa Thiên-Huế, ở Đập Đá, Mang Cá… Bà hạ thấp giọng, kể lại rằng dân tình nghèo khổ, khốn đốn trăm bề, thiếu ăn thiếu mặc, bà con mặc toàn áo vá, "than trời không thấu" từ khi Miền Nam "được Bác và Đảng giải phóng".

Bà cho con cái dọn thức ăn, mời cà phê, châm điếu thuốc, chúng tôi trả chút tiền bà không nhận, mấy đứa con bà còn tặng luôn bao thuốc lá mới mở và nói: "mấy chú ở tù khổ lắm rồi, cứ hút thoải mái đi". Là những người khách cuối cùng, chúng tôi hỏi đường để tìm tới chỗ trọ nghỉ qua đêm, nhưng chủ quán bảo các con đóng chặt cửa, dọn dẹp bàn, ghế đẩu, trải chiếu trên sàn nhà cho bốn đứa chúng tôi tạm ngả lưng.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi được xách nước giếng, tắm gội và thưởng thức tách cà phê đen rồi đi bộ ra nhà ga chờ guichet mở cửa để trình vé, ghi danh lấy số trên chuyến tàu Thống Nhất Bắc-Nam. Đến nơi thì đã thấy bao nhiêu người xếp hàng chờ đợi, lúc ấy chúng tôi mới biết có nhiều hành khách ngủ lại ở ga để giữ chỗ. Cám ơn các tấm lòng vàng đã nhường cho anh em chúng tôi lên xếp hàng phía trên.

Chờ đợi từ sáng tới chiều mới xong các thủ tục, mười mấy đứa tôi rất vui mừng khi đã nắm trong tay vé tàu để trở về quê quán.

Lúc đi ngang qua bến xe xích lô đậu chờ khách, tình cờ một anh đạp xích lô nhận ra anh Tùng, bước tới chào anh và nhắc lại rằng anh tên Phong, cựu Trung uý, trước đây anh là một thuộc cấp của anh Tùng, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 bị tù vài năm ở trại Đập Đá, nay anh Phong sống bằng nghề đạp xích lô. Anh cho anh Tùng và tôi lên xe đạp lòng vòng quanh thành phố để có dịp thấy tận mắt Huế giờ ra sao và hàn huyên thêm, nói chung là quang cảnh vắng lặng, đổ nát.

Một dịp may vô cùng hiếm có đối với anh Tùng và tôi là được anh Phong đưa đến sân vận động Huế nơi Trung tá Phạm Văn Đính đang làm Giám đốc. Trung tá Đính, nguyên xuất thân từ khoá 9 trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức là một sĩ quan ưu tú, lập nhiều chiến công, thăng cấp rất nhanh chỉ 5 năm từ cấp Thiếu uý anh đã lên Trung tá, được ân thưởng một số huy chương kỷ lục. Chức vụ sau cùng của anh là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 56 thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Trong một trận đánh ác liệt hồi tháng 4 năm 1972 nơi vùng hoả tuyến, đơn vị do Trung tá Đính chỉ huy bị quân chính quy Bắc Việt bao vây nhiều ngày, hứng mỗi ngày vài ngàn quả đạn pháo kích gây thương vong trầm trọng cho binh lính. Không được Quân Đoàn 1 cho tăng viện, không được Sư Đoàn 3 Bộ binh tiếp ứng, trong tình thế cam go, tuyệt vọng, Trung tá Đính họp khẩn 13 sĩ quan dưới quyền lấy quyết định chung là quyết tử thủ, mở đường máu hoặc đầu hàng cộng sản? Một sĩ quan duy nhất là Thiếu tá Tôn Thất Mãn, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1, cùng vài chục binh sĩ không chịu đầu hàng, được trực thăng Mỹ bốc về hậu cứ, thành phần còn lại gồm có gần 2000 sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ của Trung Đoàn 56 đã kéo cờ trắng tại căn cứ Carroll, Tân Lâm, Quảng Trị và đầu hàng "phía bên kia chiến tuyến" để bảo toàn sinh mạng đơn vị mình, trong một hoàn cảnh vô vọng chẳng đặng đừng.

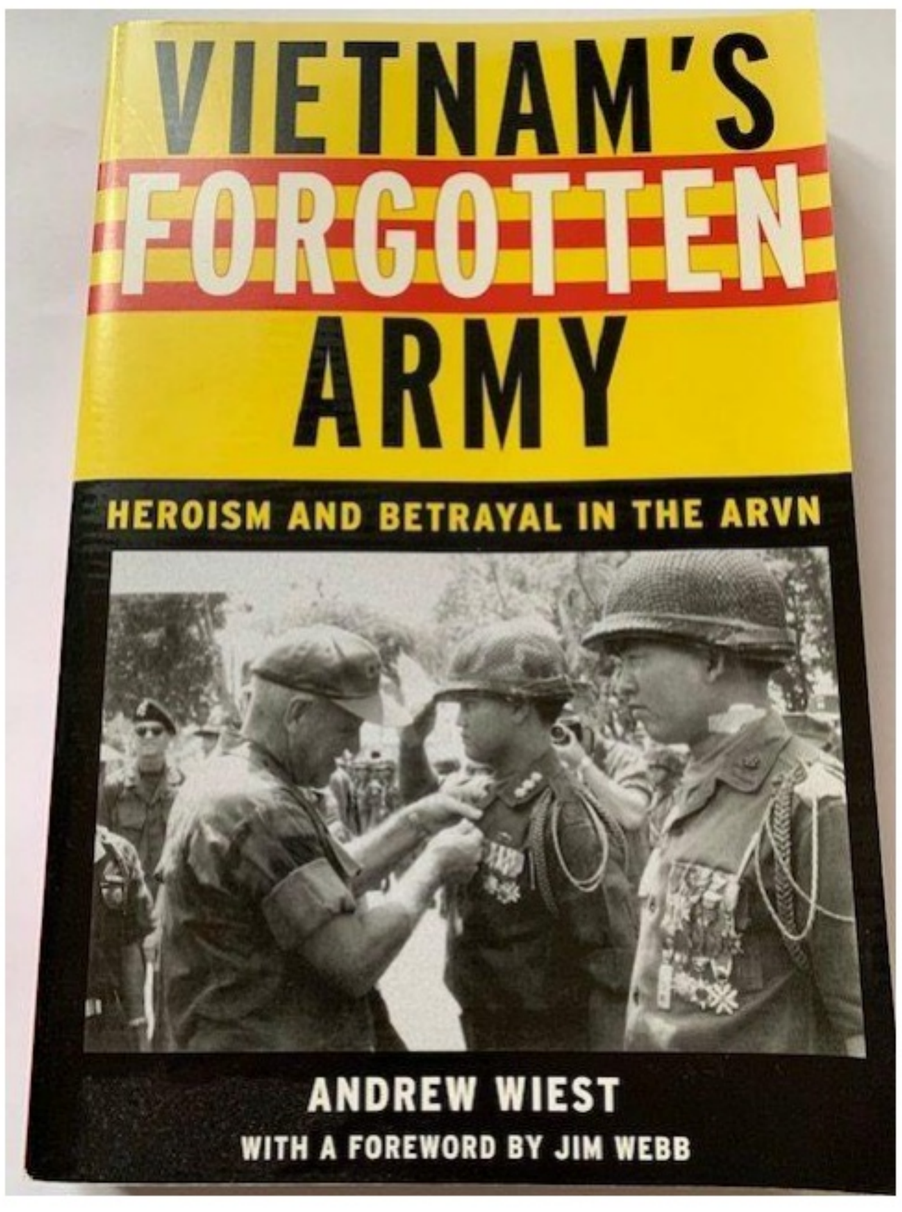

Hình bìa: Thiếu tá Phạm Văn Đính và Đại úy Trần Ngọc Huế

được ân thưởng huy chương Hoa Kỳ tại Quân Đoàn I năm 1968

Lâu ngày đột ngột gặp lại các chiến hữu cũ, Trung tá Đính được dịp trút bầu tâm sự, phơi bày nỗi niềm, sự oan khiêng mà anh phải gánh chịu khi nắm trong tay mạng sống của mấy ngàn thuộc cấp cùng vợ con họ. Lúc chia tay với Trung tá Đính, anh chúc anh em chúng tôi bình an, may mắn. Trong đôi mắt anh, không dấu được sự nghĩ ngợi, đăm chiêu, một thoáng buồn và nhiều tiếc nuối… Anh Đính đã qua đời hơn 12 năm nay tại Saigon, thọ 68 tuổi, nhớ đến anh, tôi tin tưởng là con người có phần số, từ một anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, anh bất đắc dĩ trở thành "kẻ bội phản" tuy nhiên phía bên kia luôn nghi ngại anh nên đã phân tán mỏng Trung Đoàn do anh chỉ huy, giao cho các thuộc cấp của anh những công tác hậu cần, không được cầm súng, riêng Trung tá Phạm Văn Đính thì cộng sản Hà Nội chuyển anh về làm Trưởng sân vận động ở Huế.

Mấy anh em chúng tôi quay trở lại quán cóc bên đường, xin tá túc thêm một đêm nữa vì hôm sau mới có tàu vào Saigon. Bà con Huế báo cho chúng tôi biết là nếu hên gặp đoàn tàu Thống Nhất do toán anh chị em tiếp viên người Nam thì kể như "trúng số", trái lại nếu xui xẻo mà gặp nhóm tiếp viên người miền Bắc thì "khó sống". Người dân trong Nam thì xem chúng tôi là "người nhà", còn người dân Bắc thì nhìn chúng tôi như "bọn nguỵ, phản động". Họ còn nói theo lịch được phân công thì nếu lượt đi từ Nam ra Bắc, nhóm tiếp viên là người Nam thì lượt về từ Bắc vào Nam là người Bắc, hoặc ngược lại. Không hiểu vì sao, lúc ấy Cục Đường Sắt VC không có sự cắt đặt nhân sự hoà hợp của cả hai Miền, để phục vụ trên các tuyến xe lửa Thống Nhất?

Cái may lại đến một lần nữa với chúng tôi, nhóm tù vừa được thả, khi phóng lên xe lửa thì gặp các nam nữ tiếp viên trong đồng phục nói giọng Nam, ngay phút đầu tiên họ nhận ra tức khắc chúng tôi là tù khổ sai mới được phóng thích, thế là bọn mình "trúng số" rồi. Sau khi thăm hỏi làm quen thì các anh chị tiếp viên nói nhìn quần áo, dáng điệu và qua câu chuyện họ đã biết chúng tôi là ai.

Thế là trên suốt đoạn đường mấy ngàn cây số, anh em chúng tôi được các anh chị tiếp viên "Toán Người Nam" mua cho thức ăn, nước uống, thuốc lá…dư dùng. Tôi tự hỏi, như vậy trong cuộc chiến Quốc-Cộng, giữa Nam-Bắc, kéo dài trên 20 năm với cái gọi là chiến thắng của Hà Nội, "giải phóng Miền Nam và thống nhất đất nước", *ai thắng ai*? Lòng dân nghiêng về phía nào trong cuộc chiến Quốc-Cộng? Vì sao đám trẻ nít mắng chửi, ném đá cuội vào bộ đội cộng sản, còn dân chúng thì tung bánh kẹo cho đám tù chúng tôi, khi đoàn xe tải Molotova băng qua khu vực Hố Nai, Gia Kiệm giữa năm 1976? Và bây giờ đã mấy năm sau, lúc dừng chân tại Đất Thần Kinh, Xứ Huế, mấy anh em tù lại được bà chủ quán tiếp đãi ân cần, cho ăn ở miễn phí, đến cả đoàn tiếp viên người Nam trên tuyến tàu Thống Nhất cũng mua tặng đủ thứ bánh trái, nước giải khát, thuốc lá… cho đến khi đoàn tàu ngừng lại ở ga Bình Triệu, Thủ Đức.

Vậy là sao? Có phải nhà nhà, người người đã thật sự thấy thế nào là những con người theo chủ nghĩa cộng sản? Đã thấy những gì người cộng sản nói và làm? Và, niềm tin vào cái gọi là "độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc " đã vỗ cánh bay cao như những con diều băng vào vũ trụ bao la, vô định!

Để tạm kết thúc loạt bài về ngục tù cộng sản, xin được gợi lại những con số thống kê do công luận quốc tế đúc kết về tổng số nạn nhân bị giết hại từ khi cộng sản lên cầm quyền tại Nga vào năm 1917 và sau đó lan rộng qua các Châu Lục khác.

Le Livre Noir Du Communiste tức Sách Đen Về Chủ Nghĩa Cộng Sản do các tác giả Stephane Courtois, Mark Kramer và nhóm chuyên gia, học giả cùng biên soạn, dày 858 trang, do nhà xuất bản Robert Laffont phát hành tại Pháp năm 1997 cho biết trong thế kỷ 20, chế độ cộng sản quốc tế đã giết hại hơn 100 triệu nạn nhân trên khắp hoàn cầu.

Tại Việt Nam thì trên các trang mạng xã hội có thông tin đúc kết về thiệt hại nhân mạng sau hơn 75 năm đảng cộng sản thống trị miền Bắc rồi đến cả miền Nam bằng sắt máu và bạo lực. Xin được gợi lại các chi tiết đó như sau:

Những con số kinh hồn

Nhà văn Yung Krall, tác giả Thousand Tears Falling, đã dựa vào những tài liệu của quốc tế, liệt kê và sơ kết ra con số sau:
Từ 1975 dến 1987 Cộng Sản Viet Nam đã :
_Đày đi tù cải tạo: 1,040,000 .
_Chết trong tù cải tạo 95,000.
_CS xử tử hình hơn 100,000.
_Đày ải hơn 100.000 người đi Vùng KINH TẾ MỚI
_Vượt biên chết trên biển 500,000.
Con số người Việt chết vì Cộng Sản sau khi "hòa bình" lập lại gần 750.000 người Việt Nam !!
Một hậu chiến đầy tù đày và chết chóc dù tiếng súng không còn.

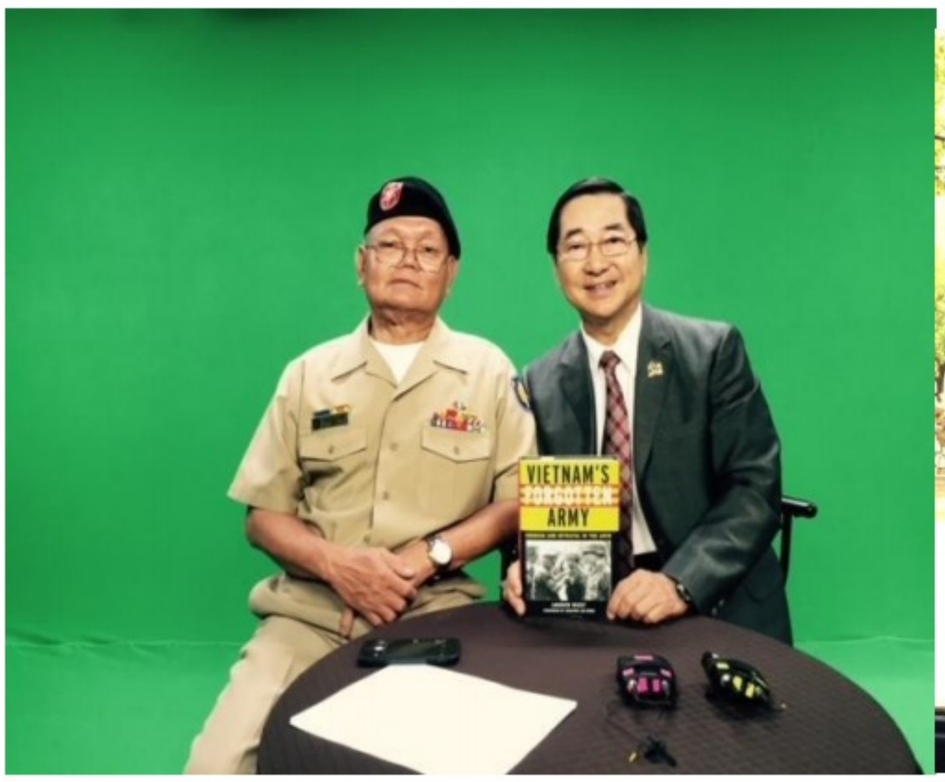

Giáo viên bất đắc dĩ – Saigon 1981

Hình minh họa: Trường trung học Pétrus Ký, Saigon

Sau khi bóc 6 quyển lịch lao động khổ sai qua bảy trại tù hai miền Nam Bắc, năm 1981 tôi được thả về, đến nhà tôi mới hay ông ngoại và bà nội của tôi đã quy tiên, ông bà thường than thở phải chờ đợi mỏi mòn mà các con, các cháu bị VC giam cầm vẫn chưa thấy ngày về, không biết rồi có còn thấy được mặt nhau không!

Bà nội tôi thì buồn khổ đến tột cùng vì cha tôi và cô thứ 3 mất khi mới trên 30 tuổi, cô Út thì bị công an bắn chết ngoài biển khi vượt biên tìm tự do ở Châu đốc năm 1979, lúc đó cô cũng chỉ được 33 tuổi. Nghe kể lại là vào thời gian cuối đời, ông ngoại và bà nội tôi, lúc ấy đã trên dưới 90, vì không đủ gạo, hàng ngày cả nhà phải ăn cơm độn khoai, bắp, bobo, có được bát cơm trắng thì ông bà lại chia cho mỗi người một tí chứ chẳng chịu ăn một mình, lắm khi gạo độn cũng chỉ đủ nấu được thành cháo ăn với rau.

Mẹ tôi được em trai kế tôi, Đào Hiếu Liêm du học ở Bỉ từ năm 1969, được Liên Hiệp Quốc (UNHCR) cứu xét cho bảo lãnh mẹ qua sum họp và sinh sống tại Bruxelles, vương quốc Bỉ năm 1979.

Trong phim Docteur Zhivago, diễn tả sự đổi đời bên Nga sau khi cộng sản lên cầm quyền ở Liên Bang Sô Viết năm 1917 ra sao thì Miền Nam và Saigon cũng đổi thay y như thế, toàn dân sống nghèo khó, đi xe đạp, mặc áo quần cũ, rách, vất vả vật lộn với cuộc sống để kiếm miếng ăn hàng ngày, xã hội chậm tiến hẳn lại, nền văn minh đi giật lùi vì chế độ "chuyên chính vô sản" đã lên ngôi.

Mọi sinh hoạt trong nhà cũng khác xưa, không còn tủ lạnh, quạt máy vì bị cúp điện thường xuyên, không còn bếp ga mà phải trở lại dùng củi đun nấu, khói mịt mù, tường trắng dần ngả sang đen, nước máy bị hạn chế, phải thức khuya hứng nước hoặc phải tự đào giếng trong sân nhà để ít ra có một loại nước màu vàng đục, đầy chất phèn mà lóng đi để dùng.

Mọi thứ nhu yếu phẩm như gạo, thịt heo, mỡ heo, đường cát, dầu ăn…đều được địa phương phân phối nhỏ giọt, theo tiêu chuẩn qua hộ khẩu (tờ khai gia đình) do phường khóm xác nhận số miệng ăn để mua với giá chính thức.
Người dân nói chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) là "Xếp Hàng Cả Ngày" quả không sai, ai nấy đều xếp hàng chờ đợi dài dài để "được" mua cái thứ gạo tồn kho từ mật khu đem về cùng các loại thực phẩm khan hiếm khác. Người lớn phải lao mình vào kiếm sống, nên có lúc con trai lớn của chúng tôi, cháu Khiêm vừa 8 tuổi cũng phải ra trụ sở phường, xếp hàng mấy tiếng đồng hồ chờ đến phiên gia đình mình được mua gạo.

Theo quy định của Cục Quản Lý Trại Giam thuộc Bộ Nội Vụ, sau khi được thả về với gia đình, tôi phải chịu lệnh quản chế hành chánh trong vòng một năm, phải trình diện hàng tuần và báo cáo mọi sinh hoạt với công an khu vực lúc đó là Trung uý công an Thu, người Hà Nội. Mọi sự di chuyển ra khỏi nội thành đều phải xin phép trước và khi quay về cũng phải đến trình diện. Mọi sai phạm sẽ không được cho nhập hộ khẩu và không được xét trả quyền công dân. Ngoài ra tôi cũng phải lao động xã hội chủ nghĩa, khi có lệnh triệu tập thì phải trình diện ngay để nhận công tác như làm thuỷ lợi, cứu trợ thiên tai, làm vệ sinh cho sạch gọn phường khóm…

Nếu không tìm được việc làm chính thức, "ăn không ngồi rồi" hoặc buôn bán chợ trời, chạy xích lô hay Honda ôm thì phải chấp hành lệnh của thành phố đi lao động tại vùng kinh tế mới, nơi những vùng đất hoang vu xa xôi, một hình thức đày đoạ, đẩy các quân nhân, công chức của chế độ Việt Nam Cộng Hòa sau khi bị tù đày, giờ phải ra xa thành phố, bắt làm ruộng, chăn nuôi gia súc, không sách báo, không tin tức, cộng sản muốn biến người trí thức không những thành nông dân mà còn phải quê mùa và lạc hậu. Bác sĩ quân y Nguyễn Quốc Cang, một người bạn học của tôi thuở nhỏ, sau mấy năm tù lao động khổ sai, bị đày về đất U Minh làm nông dân. Rất may mắn Anh Cang đã vượt biển tìm tự do, nay cùng gia đình định cư tại California.

Trong khi đang cố tìm một phương cách vừa để sinh nhai qua ngày cho bản thân và gia đình vừa để khỏi bị chính quyền mới cho là "ăn không ngồi rồi" mà đẩy đi vùng kinh tế mới thì may làm sao qua liên lạc với anh em bạn tù cũ, tôi nghe nói phong trào học tiếng Anh đang nở rộ khắp Saigon vì số người vượt biển tìm tự do ngày càng gia tăng cũng như những người Việt gốc Hoa được nhà cầm quyền tổ chức cho vượt biên bán chính thức với những số tiền của kếch sù đóng góp cho bọn lãnh đạo. Đi đến đâu cũng nghe dân chúng bàn tán chuyện "làm một chuyến đi xa lập nghiệp", nhà này, nhà kia có người đến định cư được ở Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Úc, Nhật…đều khá giả, sung túc và gởi đều đều những thùng quà giá trị về cho thân nhân ở Việt Nam.

Hiệu trưởng Trung Tâm Ngoại Ngữ Trần Bội Cơ trong Quận 5, Chợ lớn là anh Nguyễn Văn Nùng, cựu phi công chiến đấu Mig 21 của Miền Bắc, được đào tạo bên Nga, bị thương trong một trận không chiến với máy bay Không Lực Hoa Kỳ hồi đầu năm 1970, giải ngũ và được chuyển sang phục vụ ngành giáo dục trong Nam. Nhiều bạn tù của tôi là cựu giảng viên trường Sinh Ngữ Quân Đội Saigon được tuyển dụng dạy tiếng Anh ở đây, trong số đó có anh cựu Thiếu Úy Đinh Minh Tĩnh, sau mấy năm tù cải tạo lao động về, được bổ nhiệm làm Hiệu Phó. Anh Nùng chỉ biết chút ít ngoại ngữ Nga và Đức, nên mọi công việc về hành chánh và giảng huấn do anh Tĩnh hoàn toàn phụ trách.

Anh bạn tù Trần Gia Thịnh, bạn học văn khoa, bạn cùng trường sĩ quan Thủ Đức của tôi, trước kia dạy tại trường Sinh Ngữ Quân Đội Saigon với anh Tĩnh, đưa tôi đến gặp anh Tĩnh tại văn phòng trường Trần Bội Cơ. Dù mới gặp lần đầu, anh Tĩnh rất sốt sắng, vồn vã, anh hỏi tôi vài điều để ghi hồ sơ lý lịch, thu nhận tôi làm giảng viên Anh và Pháp Ngữ, vào việc ngay đêm hôm sau, nghe anh Hiệu Phó Tĩnh nói như vậy, tôi cứ tưởng mình nằm mơ, chân bước không đụng đất, như chấp cánh bay bổng, được cầm sách vở, làm việc với phấn trắng, bảng đen thay vì phải lao động chân tay nặng nhọc, làm phu khuân vác, đạp xe xích lô, vá vỏ xe, bán hàng chợ trời, hoặc đi làm ruộng rẫy…

Trung Tâm Ngoại Ngữ Trần Bội Cơ nằm trên đường Khổng Tử cũ, gần công trường Đèn Năm Ngọn, Chợ Lớn, thuộc quận 5, trước đây là một khu thương mại sầm uất, phồn thịnh của người Hoa. Trường học này là một nhà lầu đồ sộ có 6 tầng, với hàng trăm lớp học, thu nhận tới 5 ngàn học viên. Ban ngày, nhà trường có Ban Giám Hiệu giảng dạy chương trình phổ thông cấp 2 & 3. Các lớp ngoại ngữ chỉ hoạt động ban đêm với 2 xuất, một từ 6 giờ đến 8 giờ, xuất sau từ 8 giờ đến 10 giờ, quy tụ số học viên tối đa lên tới 10 ngàn người, đa số là người Hoa.

Nói là Trung Tâm Ngoại Ngữ Trần Bội Cơ nhưng hầu như mọi người đến đây để học tiếng Anh, tiếng Nga thì chỉ có một lớp duy nhất dành cho cán bộ cộng sản có dịp đi Liên Sô tu nghiệp, tiếng Đức, tiếng Tiệp cũng chỉ có một lớp, tiếng Pháp có 2 lớp (Các học viên đang chờ gia đình bảo lãnh đi Pháp).

Tiếng Anh có tất cả 100 lớp, mỗi lớp có gần 100 học viên, đa số là những người ở lứa tuổi từ 15 đến 30. Trong khi đó đối với các ngôn ngữ như Nga, Đức, Tiệp, Pháp, mỗi lớp chỉ có độ trên dưới 30 người. Đến giờ nghỉ giải lao, hàng trăm giảng viên Anh Ngữ tề tựu chật kín cả phòng họp, còn giảng viên Nga, Đức, Tiệp chỉ có mấy người. Dạy Pháp Văn là vợ chồng anh chị Tuấn-Loan, cựu giáo sư tốt nghiệp đại học sư phạm Saigon, tôi là người đứng thay lớp Pháp Văn, trong trường hợp có một giảng viên vắng mặt.

Tài liệu giảng dạy là bộ sách English 900 với phần đàm thoại, tập đọc, văn phạm, ngữ vựng, làm bài tập…Tôi phụ trách cả hai xuất từ 6 giờ đến 10 giờ đêm. Các học viên được nghe thầy Hiệu Phó Tĩnh giới thiệu vài nét về tiểu sử của tôi, trong đó có chi tiết tôi là cựu quân nhân Không Quân, tốt nghiệp đại học, du học Hoa Kỳ ngành thông tin báo chí đầu thập niên 70. Sau mỗi buổi học tiếng Anh, thầy cũng như trò đều mệt mỏi và căng thẳng với bài vở, các học viên cũng không bỏ lỡ cơ hội hỏi thăm tôi về cuộc sống bên Mỹ, vùng đất hứa mà họ luôn nuôi hy vọng sẽ có ngày đặt chân đến.

Tôi phụ trách lớp 1, hai tháng sau, lúc lớp 1 kết thúc, các học viên lên lớp 2, tôi tiếp tục được giao giảng dạy lớp 1. Cả lớp trên 100 người, ùn ùn kéo đến văn phòng Thầy Hiệu Trưởng Nùng và Thầy Hiệu Phó Tĩnh, yêu cầu Ban Giám Thị chuyển tôi theo các em lên lớp 2. Học trò găng quá, làm áp lực nên các Thầy đành phải chiều theo nguyện vọng của các học viên và chuyển tôi lên dạy lớp 2. Thật là chuyện lạ đời, học trò thì theo thầy chứ có đâu thầy phải theo hoc trò như tôi?!

Sau giờ tan học ban đêm, ngày nào cũng vậy, các bạn học viên người Hoa hùn tiền đãi tôi một bữa ăn thịnh soạn, sang trọng mà người dân thường lúc ấy, hiếm khi có được. Người Hoa "rất biết điều" nhất là với các "ông bà lớn", dù thời nào, chế độ nào cũng vậy, nhờ tài giao tế khéo léo nên họ dễ dàng làm ăn, mua bán, làm giàu thật nhanh chóng. Cứ vào đến khu Chợ Lớn là cái cảnh phồn thịnh, tấp nập vẫn như còn đó…

Nhờ các bạn hiền (chiến hữu) hết lòng giúp đỡ mà tôi có việc làm chính thức, được Sở Giáo Dục & Đào Tạo cấp giấy chứng nhận hợp lệ, nhận thẻ "giáo viên Anh Ngữ" để nộp bản sao cho địa phương, được miễn làm lao động xã hội chủ nghĩa và nhất là không bị ép buộc đi vùng kinh tế mới. Đúng là con người có số, may rủi có phần, nếu tôi được thả về sớm hơn, thì trung tâm ngoại ngữ đâu đã thành hình ở Saigon thì cũng như bác sĩ Cang, chắc là tôi đã phải cùng gia đình dắt díu nhau mà đi cày ruộng nơi chốn "khỉ ho, cò gáy" tận vùng U Minh hay Đồng Tháp Mười, Cà Mau, miền Hậu Giang xa xôi biết đâu …đến cuối đời.

Với "nhãn hiệu" giáo viên Anh Ngữ thuộc Sở Giáo Dục thành phố tôi được nhận vào nhiều trường dạy ngoại ngữ khác trong vùng Saigon-Chợ Lớn-Gia Định. Một dịp may khác lại đến với tôi khi Tổng Công Ty Đường Mía thuộc Bộ Lương Thực & Thực Phẩm cần tuyển dụng một giáo viên dạy Anh Ngữ căn bản cho các viên chức cao cấp sắp đi nước ngoài tu nghiệp.

Trước đây họ được cử qua du học ở các nước xã hội chủ nghĩa bên Nga, Đông Âu, Cuba và Trung Quốc, nay có dịp đến thăm các quốc gia tư bản Tây Phương, mà ngôn ngữ chính được sử dụng là tiếng Anh. Em trai út của tôi tên Đào Hiếu Để được học bổng quốc gia sang Đài Loan học ngành sản xuất đường mía, lúc đó đang phục vụ tại nhà máy đường Hiệp Hoà, chị vợ của Để làm cán bộ phòng tổ chức nhân lực cùng đứng ra bảo lãnh về lý lịch và hành vi chính trị của tôi, hơn nữa khi đó không ứng viên nào khác có đúng các điều kiện do công ty đề ra, nên đơn xin việc của tôi được chấp thuận.

Hai học viên của tôi là anh Vinh, người Huế, giám đốc nhà máy đường Quảng Ngãi, anh Quyền, người Biên Hoà, giám đốc nhà máy đường La Ngà (Bảo Lộc). Hai anh đều là kỹ sư tốt nghiệp tại Liên Sô, tu nghiệp tại Trung Quốc, Đông Đức và Tiệp Khắc, cả hai chưa bao giờ đụng đến tiếng Anh.

Ở tù, lao động khổ sai suốt 6 năm, dù niềm hy vọng luôn nhen nhúm trong lòng, nhưng cũng nhiều khi nghĩ như đời mình đã xong, nhất là lúc tôi bị đau gan nặng với cơn sốt vàng da, thập tử nhất sinh trong ngục tù. Nay, được làm thầy giáo, chuyên lao động trí óc thì quả thật là "vàng son", cho dù mỗi ngày tôi phải lên đường lúc 8 giờ sáng, đạp xe đi dạy đến trưa, ghé về nhà ăn vội chén cơm, dội mấy gáo nước giếng cho mát và tỉnh người, rồi lên yên "ngựa sắt" tiếp tục đi kiếm cơm đến tối mới về. Nhờ có việc làm toàn thời gian, hưởng đồng lương khá "xộp" gấp 5, 6 lần lương tháng của các công nhân viên nhà nước, cuộc sống của gia đình tôi trở nên dễ thở hơn nhiều. Hai con tôi Khiêm và Trâm được bát cơm có tí thịt, cá thay vì thường xuyên ăn cơm độn với đậu hũ và rau luộc.

Nhờ có công việc chính thức mà tôi được chính quyền thành phố xét cho thường trú ở Saigon, nhanh chóng lấy lại quyền công dân và tôi cũng được dịp bổ túc hồ sơ xin xuất cảnh. Gia đình tôi đoàn tụ cùng Mẹ và các em, các cháu tại Bruxelles, vương quốc Bỉ vào ngày 21 tháng giêng năm 1982.

Ngẫm lại, những câu ngạn ngữ như "may hơn khôn" hay "tốt số hơn bố giàu" đối với cá nhân tôi quả thật là quá đúng!

Đào Hiếu Thảo/ Th2

Nhà bếp, nhà in, nhà trường, trên quê hương mới

Đào Hiếu Thảo

Năm 1982, đặt chân tới Bruxelles, thủ đô vương quốc Bỉ vừa được đúng một tuần, tôi bắt tay vào việc kiếm ăn, đầu tiên là xin một chỗ làm phụ bếp cho nhà hàng Tầu tên Wing Hong do một cặp vợ chồng người Hồng Kông tên Lok làm chủ, Á Cẩu là bếp chính người Hoa, chỉ một mình tôi người Việt nên trao đổi với nhau bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hay dùng tay để nói chuyện.

Đây là một việc làm chui (không hợp pháp), không khai báo với cơ quan lao động, không bảo hiểm sức khoẻ, không được hưởng quyền lợi an sinh xã hội, không trợ cấp thất nghiệp, không có ngày phép, ngày nghỉ bệnh, lãnh lương bằng tiền mặt, tương đương với 500 đô la, một tháng, phải làm suốt 6 ngày một tuần và mỗi ngày làm từ 14 đến 15 giờ đồng hồ.

Trước tôi, có hai đồng hương người Việt đã phụ bếp cho nhà hàng Tầu này là bác sĩ Giang, cầm cự được vài tháng, sau đó gia đình bảo lãnh, anh qua định cư bên Canada, kế đó là anh Thành, một cựu quân nhân cũng từng nếm mùi ngục tù cộng sản như tôi vào thay, nhưng anh không đủ kiên nhẫn trong tình cảnh "dầu sôi, lửa bỏng" thường xuyên trong nhà bếp, theo cả nghĩa đen, lẫn nghĩa bóng, nên anh xin vào làm nhân viên parking, giữ xe hơi trong một hotel thượng hạng ngoài phố Bruxelles, một công việc ngon lành hơn làm bếp ở nhà hàng.

Mỗi ngày đi xe bus hay xe Tram (xe điện chạy trên đường và dưới hầm) đến chỗ làm, sau tách cà phê là lo lau chùi, dọn dẹp sạch gọn từ trong bếp ra phòng ăn chính và cả nhà vệ sinh. Kế đó, tuỳ theo phân công hàng ngày của trưởng bếp tôi lo thái thịt, xé gà, cắt hành, sắt nấm, rửa gía, làm bánh tráng, nấu nước sốt chua ngọt, cuốn chả giò, nấu cơm, rồi rửa xoong, chảo, nồi. Nặng nề nhất là chùi sạch cái lưới của máy thải lọc không khí, bám đầy dầu mỡ, quyện mùi nấu nướng nhà bếp, một việc làm rất nhọc nhằn… cho dù tôi đã từng nhiều năm cuốc đất qua 7 trại tù Nam Bắc, sau tháng tư đen 1975.

Mỗi ngày tôi đều được giao việc nấu chín mấy kí thịt bò loại ngon để nuôi bốn con chó Berger cao lớn như quân khuyển, chúng không chịu ăn thức ăn còn thừa lại của thực khách. Nhìn mấy miếng thịt bò lớn bằng nắm tay mà mấy con chó này xơi mỗi ngày, nhiều khi chúng không chịu nuốt hết, phải mang thịt bỏ thùng rác, tôi lại nghĩ đến những ngày tù tội trong hoả ngục cộng sản, nhớ tới những bộ xương biết đi, những cơn đói rét hành hạ, khiến con người bị biến chất, bị gục ngã, nhiều anh bạn tù nằm thoi thóp "đuổi ruồi, không bay", cảnh tượng mà mình không bao giờ quên . Số lượng thịt trâu, thịt heo mà người tù binh Miền Nam trong tù lao động khổ sai dưới chế độ cộng sản cho ăn trong một năm, không bằng phần ăn của một con chó Berger ở xứ giàu có trong vòng chỉ một tuần. Lắm lúc đang nấu thịt bò cho chó ăn tôi ước ao mấy kí thịt đó mà cho mình làm một nồi bò kho hay cà ri đặc sắc cho cả gia đình thưởng thức thì quá tuyệt vời!

Nhà hàng Tầu cho nhân viên ăn một ngày ba bữa, 12 giờ trưa, 5 giờ chiều và 11 giờ đêm, trưởng bếp và tôi muốn ăn món gì cũng được, cứ lấy thực phẩm chứa trong tủ lạnh ra tự tay mình xào nấu, chủ nhân cấm không cho chúng tôi ăn những gì thực khách để lại, dù có còn gần như nguyên vẹn, tất cả đều phải trút bỏ vào thùng rác, đúng là sự phí phạm của xã hội tư bản.

Nếu tin rằng có luật bù trừ của trời đất thì quả thật tôi được ưu đãi đặc biệt, từ một xứ sở nghèo khó, đói kém, mới thoát khỏi chiến tranh, ăn bữa nay lo bữa mai, bữa cơm độn, bữa cháo rau, hàng triệu người còn thiếu ăn, thiếu mặc, riêng mình thì được làm việc trọn ngày trong bếp Tầu, kể như lúc nào cũng được xơi cơm ở restaurant Hồng Kông hay Chợ Lớn vậy. Mới phụ bếp được một tháng, tôi lên gần 10 kí lô, còn nhớ vào năm 1969, lúc đến du học tại căn cứ Không Quân Lackland, San Antonio, Texas, chỉ hai tuần sau tôi lên 15 pounds.

Khi bị nhốt tù ngoài Bắc tôi chỉ còn 39 kí, so với lúc phục vụ trong quân đội tôi cân nặng 75 kí lô.

Qua câu chuyện với các đại gia người Tầu cũng như giới truyền thông quốc tế và dư luận nói về phong trào vượt biển tìm tự do của hàng trăm ngàn thuyền nhân Việt Nam theo báo chí cộng sản, thì đó là thành phần tỵ nạn kinh tế, giới bất hảo, không còn đất sống, phần lớn là dân đánh cá. Ông Lok, chủ nhà hàng vội tin đó là sự thật, nên xem các anh bác sĩ Giang, anh Thành và cá nhân tôi cũng thuộc thành phần cặn bã xã hội như luận điệu tuyên truyền mà cộng sản Hà Nội gán ghép cho tập thể người Việt Quốc Gia tỵ nạn ở hải ngoại. Ai ai cũng đều là "danh ca" (chữ "đánh cá" viết không dấu).

Khi nhà hàng vắng khách, thiếu sở hụi thì chủ nhân kém vui nhưng nhân viên được rảnh rỗi đôi chút, còn vào dịp lễ hội, những ngày cuối tuần khách ra vào tấp nập, ông bà chủ hớn hở, tiền thu vào như nước thì hai nhân viên chúng tôi xoay sở liền tay, liền chân, sơ ý một chút là dầu sôi, lửa bỏng xảy ra, hoặc khiến khách phải đợi lâu, có khi nhầm lẫn món này với đĩa khác…bị họ phiền hà.

Quá đông khách ai nấy đều căng thẳng chủ tớ đều dễ nổi nóng, đôi khi lớn tiếng, thúc hối, không khí ngộp thở hơn, những lúc như vậy tôi nghĩ đến đổi việc khác, không muốn tiếp tục làm công việc này nữa vì ngoài sự vô cùng nặng nhọc lại không có tương lai, xui xẻo thì bị phiền hà với luật pháp, nếu có thanh tra sở lao động bất ngờ đến nhà hàng khám xét. Có lần, ông chủ hối thúc tôi phải làm nhanh tay hơn, vì khách kéo đến đông, tôi nói đã cố gắng hết sức rồi, con người chỉ có hai tay thôi. Ông vào nhà bếp đến trước mặt tôi quát lớn, "nếu không muốn làm việc nữa thì có người khác thay thế tức khắc". Mới bị phỏng tay vì gấp rút chạm phải ấm nước đang sôi sục, tôi chán ngán cho tình đời xem trọng đồng tiền, phân biệt giai cấp lại bị chủ quở, tôi nắm cổ áo nhấc anh lên khỏi mặt đất, vợ anh chạy lại can, rồi ai nấy tiếp tục công việc của mình. Đến tối trước khi ra về, bà chủ nói tôi nên bỏ qua mọi chuyện cứ tới làm việc như bình thường. Đối với tôi đây là việc làm để gia đình sinh tồn trong bước đầu, làm lại cuộc sống mới nơi xứ lạ, dù có vất vả nhưng tự do, nhân quyền là trên hết, hơn nữa hai con tôi, Khiêm 9 tuổi, Trâm 8 tuổi được sung sướng đến trường như bao đứa trẻ khác chứ không bị liệt vào thành phần "con cái nguỵ" bị cản trở mọi bước tiến vì lý lịch "xấu", nếu chúng còn sống ở một đất nước (XHCN) nơi mà mọi người đều phải "xếp hàng cả ngày" chờ mua mấy kí gạo, lon sữa, bịch đường, chút thịt, tí dầu…. thì tương lai hai con tôi không biết đi về đâu!?

Một hôm, đang ngồi uống tách cà phê sáng, cầm tờ báo La libre Belgique đọc tin tức, thời sự (có ai đó bỏ lại trên xe bus), ông Lok hỏi tôi biết đọc tiếng Pháp sao? Tôi nói là biết đọc, biết viết tiếng Pháp và cả tiếng Anh luôn, trước đây tôi được du học tại các quân trường của Mỹ. Ông chủ nhà hàng hỏi tôi có thể chỉ dẫn cho hai đứa con, một trai tên Wing Tai, một gái tên Shu Shiang, cả hai mới lên bậc trung học, tôi nói rất sẵn sàng.

Kể từ hôm ấy, tôi được bớt một số công việc, chia lại chút ít cho bà chủ và trưởng bếp làm thay để làm thầy giáo bất đắc dĩ dạy kèm cho hai con của ông bà chủ nhà hàng Tầu.

Do tập thể dục, bơi lội với các bạn trong trường, Shu Shiang bị lây chí mén, lo sợ và bị hành ngứa đến phát khóc, em hỏi tôi biết cách nào chữa trị không? Tôi viết trên mảnh giấy một trong hai loại thuốc Pyrethrin hoặc Permethrin, trao cho ông Lok dặn ra pharmacie hỏi mua ngay. Khi mang thuốc về, tôi đọc cách sử dụng và hướng dẫn cho Shu Shiang cách sát trùng, trị liệu. Vài hôm sau, bệnh chí mén của Shu Shiang đã khỏi hoàn toàn.

Hai vợ chồng anh Lok cám ơn tôi rối rít, mời tôi ra phố Bruxelles, đến ăn tại một resto số 1 của người Tầu, tặng tôi một chai rượu Porto thượng hạng và một cây thuốc 555. Khi ấy ông chủ Tầu mới tin tôi không phải là cặn bã, không thuộc thành phần bất hảo trong xã hội như VC thường rêu rao . Ông Lok tăng lương cho tôi thêm 500 quan Bỉ (trên 12 đô la) một tháng và thường cho mang thịt, cá tươi, rau sống, giá, về cho gia đình dùng.

Tôi cũng đề nghị với ông chủ Tầu là nên mang cái lưới nặng nề trong máy lọc không khí dưới bếp, đến tiệm car wash xịt bằng vòi nước có áp xuất cao, mau sạch, tiết kiệm được sức người và thời gian. Hàng ngày khi tháo tấm lưới nặng nề của máy lọc không khí đi tẩy rửa, tôi phải tự khiêng lên đến tầng lầu 3, cho vào bồn tắm ngâm hoá chất rồi xả nước cho thật sạch, việc này kéo dài hàng giờ, không khác nào một màn đấu võ thuật mà tôi phải thường xuyên bỏ công sức ra. Ông chủ đồng ý làm theo đề nghị của tôi và tự tay anh mang tấm lưới đến tiệm car wash để tẩy rửa ba lần mỗi tuần.

Tôi ráo riết tìm kiếm một công việc hợp pháp, hợp lệ để được hưởng các quyền lợi về an sinh xã hội vì làm cho nhà hàng chỉ là sống bên lề xã hội, không bảo hiểm sức khỏe, không được mở trương mục ở ngân hàng, không được cấp thẻ tín dụng, không thể mua xe, mua nhà trả góp…

Sau hơn 6 tháng làm chân phụ bếp, tôi được người quen giới thiệu đến một nhà in nhỏ ở vùng ngoại ô Bruxelles, xin làm phụ thợ in. Cơ sở kinh doanh này chuyên in các sản phẩm thủ công trên lụa, vải, gỗ, kim khí, PVC (bảng nhựa)… có tất cả 6 nhân viên nam, nữ người Bỉ, kể cả ông chủ Jacques Lemaire.

Đây là công việc tôi trông chờ đã lâu, được chính thức khai báo, có đóng thuế cho chính phủ và đương nhiên được hưởng mọi quyền lợi của một công nhân lao động tay chân, tức là chỉ làm 5 ngày mỗi tuần, mỗi ngày 8 tiếng, một năm có 4 tuần nghỉ hè, được bảo hiểm sức khoẻ cho cả gia đình và sau 18 tháng làm việc toàn thời gian được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi cần.

Từ nhà bếp chuyển sang nhà in, tôi cho rằng mình may mắn đạt được ý nguyện, việc nào cũng có sự vất vả, nhọc nhằn của nó nhưng cảm thấy mừng vì kiếm được một công việc hợp pháp.

Sau sáu năm làm thợ qua ba nhà in trong thủ đô Bruxelles, tháng tư năm 1988, dự một kỳ thi tuyển, tôi được nhận vào làm công chức phục vụ tại trường kỹ sư bách khoa (Faculté Des Sciences Appliquées/Ecole Polytechnique), Viện Đại Học ULB (Université Libre De Bruxelles) trong trách nhiệm quản lý ấn quán, chuyên lo in, sao chép văn thư, tài liệu giáo khoa, luận án tốt nghiệp cho hàng chục ngàn giáo sư, nhân viên, sinh viên của toàn trường.

Lúc còn bị giam cầm trong các hỏa ngục Miền Bắc cuối thập niên 70, có mấy bạn tù giỏi tướng số, tử vi, dịch lý tiên đoán, sau này tôi sẽ có may mắn được trở về với gia đình và xã hội bên ngoài và kiếm sống bằng một nghề có dính dáng đến máy móc kết hợp với chữ nghĩa. Tôi rất hoang mang, không biết nghề nghiệp gì sẽ đón chờ tôi!

Gần 40 năm nay, đúng như lời của các thầy bói toán, từ vương quốc Bỉ qua Washington năm 1997 đến giờ tôi vẫn sinh sống bằng nghề phóng viên báo chí, phát thanh, truyền hình, là những phương tiện truyền thông sử dụng chữ viết và các loại máy móc, dụng cụ như camera, video, recorder, micro, computer, mixer, speaker, monitor, screen, Iphone, Ipad…

Công việc này giúp tôi thực hiện lời nguyền đối với những bậc tiền bối đã gục ngã trong các ngục tù Miền Bắc, đã bị tập đoàn cộng sản tàn ác, đòn roi, đày đọa, hãm hại, hoạn nạn, trong cảnh đói, rét, tật bệnh, kiệt sức, chết dần mòn… Mỗi lần ngậm ngùi đưa tiễn một bạn tù về thế giới bên kia, tôi đều có lời khấn hứa là sẽ không làm thinh, không làm biếng khi đến được bến bờ tự do.

Viết ngày 4 tháng 6 năm 2019

Tưởng niệm 30 năm cuộc thảm sát đẫm máu tại Thiên An Môn

Xin thắp nén hương lòng cầu siêu cho hàng ngàn sinh viên, dân lành vô tội vì lý tưởng Tự Do, Dân Chủ đã bị quân lính Trung Cộng giết hại bằng xe tăng và súng đạn năm 1989.

Sinh hoạt với Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà Âu Châu

Đào Hiếu Thảo

Sự hiện diện của cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hoà tại các quốc gia Bắc và Tây Âu bắt đầu từ những năm đầu thập niên 1980, gồm thành phần vượt biển tìm tự do được những tàu buôn, tàu dầu của các nước Âu Châu cứu vớt hoặc được thân nhân bảo lãnh qua chương trình sum họp gia đình do Phủ Cao Uỷ Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR) tiến hành và tài trợ.

Mãi mười năm sau đó, các cựu quân nhân, cựu tù lao động khổ sai Việt Nam mới được chánh phủ và người dân Hoa Kỳ chấp thuận cho đến định cư trên đất Mỹ qua chương trình nhân đạo HO, nhờ vậy hàng trăm ngàn gia đình cựu quân nhân, cựu viên chức Việt Nam Cộng Hoà được làm lại cuộc đời mới trên một xứ sở tự do, dân chủ hàng đầu thế giới.

Bên Âu Châu các cựu quân nhân Việt Nam đến sinh sống nhiều nhất là nước Pháp, kế đó là vương quốc Anh, cộng hoà Liên Bang Đức, vương quốc Hoà Lan, Thuỵ Sĩ, vương quốc Bỉ, Đan Mạch, Thuỵ Điển, Phần Lan, Na Uy, Hy Lạp, Ý. Tại Pháp có vài ngàn gia đình cựu quân nhân Việt Nam còn bên Bắc Âu và Nam Âu, có nước chỉ tiếp nhận vài chục hoặc vài trăm gia đình từ Việt Nam Cộng Hoà đến tỵ nạn chính trị.

Quốc kỳ của các nước thành viên Liên Hiệp Châu Âu (EU)

Phần lớn các cựu quân nhân Việt Nam đến sinh sống và lập nghiệp tại Vương Quốc Bỉ từ đầu thập niên 80 đã được tàu dầu FINA của Bỉ cứu vớt ngoài khơi đưa về đất liền, ngoài ra là những cựu chiến sĩ QLVNCH được thân nhân bảo lãnh.

Ngoài nỗi buồn mất nước, tình quân dân vẫn nặng trĩu trong lòng, nhất là mỗi độ Xuân về nên vào dịp Tết Nguyên đán đầu năm 1983, những người chiến sĩ bị bức tử này đã hợp lại và thành lập Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việc Nam Cộng Hoà tại vương quốc Bỉ do cựu Thiếu tá Không Quân Trần Châu Thuỷ làm Chủ Tịch, với mấy chục thành viên thuộc đủ các quân binh chủng Hải, Lục, Không Quân và Cảnh Sát Quốc Gia.

Các quốc gia Âu Châu khác, đặc biệt là ở Pháp, Hội Cựu Quân Nhân VNCH đã được thành lập từ năm 1976 và hoạt động hữu hiệu bên cạnh các hội đoàn quốc gia, lúc ấy đã có trên nửa triệu người Việt định

cư tại Pháp, vì đất nước mình là thuộc địa cũ của Tây nên người Việt Nam đã có mặt nơi đây từ đầu thế kỷ 20.
Qua liên lạc rồi tìm đến bên nhau hội họp, bàn thảo về chương trình hoạt động chung, các hội cựu quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hoà lần lượt được thành lập tại nhiều quốc gia Tây Âu.
Chúng tôi ghi nhận có sự tham gia và khuyến khích của các bậc đàn anh trong quân ngũ như: bên Pháp có Trung Tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, Thiếu Tướng Chương Dzềnh Quay, Phụ Tá Tư Lệnh Quân Đoàn 4, Thiếu Tướng Phạm Đăng Lân, Cục Trưởng Cục Công Binh, Phó Đề Đốc Đinh Thành Châu, Tư Lệnh Hạm Đội, Đại Tá Phạm Văn Liễu Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân, Đại Tá Không Quân Châu Hữu Lộc, Phan Huy Long, Đại Tá Mai Viết Triết, Trưởng Phái Bộ An Ninh tại hoà đàm Paris. Tại Hoà Lan có Đại Tá Phạm Ngọc Ninh, Trung Đoàn Trưởng Bộ Binh, ở Đức có Đại Tá Bùi Văn Hiền, Thứ Trưởng Thông Tin, bên Thụy Sĩ có Trung Tá BĐQ Trần Hữu Kinh, Y Sĩ Trung Tá Không Quân Nguyễn Gia Tiến ...
Trở lại với các sinh hoạt của Hội Cựu Quân Nhân VNCH tại vương quốc Bỉ từ khi thành lập vào năm 1983, là hợp tác với các tổ chức người Việt để phục vụ cộng đồng trong các công tác chính trị, văn hoá, nghệ thuật, xã hội như Hội Việt Bỉ, Hội Lạc Việt, Hội Hướng Đạo Việt Nam, Hội Phật Giáo Chùa Linh Sơn, Chùa Hoa Nghiêm, Trung Tâm Văn Hoá Xã Hội Việt Nam tại Bruxelles...
Hội Cựu Quân Nhân tại Bỉ họp nội bộ thường xuyên vào mỗi tối thứ sáu để thảo luận chương trình hoạt động trong tháng và kế hoạch tổ chức phục vụ đồng hương vào các dịp lễ hội trong năm như Tết Nguyên Đán, Noel, Tết Trung Thu, Ngày Quân Lực 19 tháng 6, Ngày Quốc Hận 30 tháng 4 đen ...
Mỗi năm Hội Cựu Quân Nhân Bỉ tổ chức trại hè tại các quốc gia Âu Châu như Pháp, Hoà Lan, Thuỵ Sĩ, Đức, Anh, Tây Ban Nha... tạo cơ hội gặp gỡ đồng hương, chiến hữu và gia đình, cũng là dịp thăm viếng danh lam thắng cảnh các nước láng giềng của Bỉ.
Tương tự như những cộng đồng người Việt Tự Do hải ngoại khắp nơi, mỗi khi có phái đoàn lãnh đạo hay quan chức cao cấp của Hà Nội, hoặc các đoàn văn công cộng sản đến từ Việt Nam, Hội Cựu Quân Nhân Bỉ phối hợp với các hội đoàn VNCH bạn để tổ chức xuống đường biểu tình, cực lực phản đối sự hà khắc, độc đoán, toàn trị của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội đang bỏ tù hàng triệu người, ép buộc con người thay sức trâu cày ruộng, cuốc đất ở những "Vùng Kinh Tế Mới" đến nỗi hàng trăm ngàn người bằng mọi cách vượt biên, vượt biển đi tìm sự sống trong cái chết.
Có lần Thủ tướng cộng sản Phan Văn Khải đến thăm chính thức vương quốc Bỉ, đồng bào tập trung biểu tình rầm rộ trên các đường phố trung tâm thủ đô Bruxelles để chống đối lãnh đạo Bắc Bộ Phủ. Đoàn xe chở phái đoàn Phan Văn Khải được cảnh sát Bỉ hộ tống hùng hậu, khi đi qua một khúc đường hẹp, một số anh em cựu quân nhân Việt Nam chờ sẵn và ném một lon sơn đỏ vào đúng xe Khải ngồi. Lực lượng an ninh vây bắt những người bị nghi là tác giả của hành động phản kháng kịch liệt này, giải anh em lên xe, kiểm soát căn cước, lý lịch và sau đó chở chúng tôi đến một khu phố khác, thả tất cả mọi người xuống xe, cho tự do ra về vui vẻ.
Hội Cựu Quân Nhân VNCH tại Bỉ cũng hô hào đồng hương tẩy chay các hoạt động của Cộng Sản Việt Nam đội lốt dưới danh nghĩa "Maison Du Việt Nam" (Nhà Việt Nam) với chiêu bài mời mọc người Việt về thăm quê hương, khuyến khích gởi tiền, gởi quà về, họ bày bán hàng hoá, sản phẩm đưa từ Saigon, Hà Nội qua thị trường Bỉ tiêu thụ, tổ chức triển lãm hoạt động & thành tích của nhà nước cộng sản sau khi "Giải Phóng Miền Nam" và "Thống nhất đất nước"!?! đưa các đoàn văn công sang Bỉ trình diễn ca nhạc, cải lương, hát chèo, múa rối nước...
Hội cũng phụ giúp tập thể người Việt Quốc Gia trong việc tổ chức các lớp dạy Việt Ngữ cho người mình và con em vào hai ngày cuối tuần, ủng hộ các sinh hoạt tôn giáo, tranh tài thể thao, bảo tồn văn hoá truyền thống. Là một tổ chức có kỷ luật, có lập trường, có uy tín, có nhân lực, nên mọi chủ trương, chương trình hoạt động do Hội Cựu Quân Nhân VNCH khởi xướng đều được bà con cô bác tán thành, tham gia và ủng hộ mạnh mẽ.
Hội Cựu Quân Nhân VNCH tại Bỉ còn thường xuyên tiếp đón các phái đoàn đấu tranh của người Việt hải ngoại đến từ Bắc Mỹ, Úc Châu, Âu Châu, trong đó có Đại Tá Trần Văn Liễu, Thuỷ Quân Lục Chiến đại diện Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, Chủ Tịch Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, Chủ Tịch Việt Nam Cách Mạng Đảng, Đại Tá Võ Đại Tôn, Liên Minh Quang Phục Quê Hương/ Chiến Sĩ Kháng Chiến Phục Quốc, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chức,Thứ Trưởng Xây Dựng Nông Thôn và Hải

Quân Thiếu Tá Trần Quốc Bảo cùng phái đoàn thuộc Tổ Chức Phục Hưng đã sang Nga lập đài phát thanh chống Cộng tại thủ đô Mạc Tư Khoa để đưa tiếng nói trung thực về Việt Nam...
Năm 1989, đồng bào và anh em cựu quân nhân Việt Nam tại vương quốc Bỉ đã tổ chức tiếp rước Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, cựu Tổng Thống, Tổng Tư Lệnh Quân Lực VNCH, từ Boston, Hoa Kỳ đến họp mặt.
Nhờ đã ra khỏi nhà bếp, không còn phải làm lụng nặng nhọc mỗi ngày 15 tiếng đồng hồ, không ngày nào nghỉ và tìm được công việc toàn thời gian tại các hãng ấn loát, nên tôi có điều kiện thuận lợi để sát cánh với các huynh đệ cựu quân nhân trong mọi sinh hoạt, ngay từ ngày đầu tiên thành lập Hội vào năm 1983.
Khi Tổng Thống Thiệu đến thăm nước Bỉ năm 1989, tôi đang làm công chức tại Université Libre De Bruxelles/Viện Đại Học Tự Do Bruxelles, nhờ vị trí đó mà tôi thỉnh cầu Giáo sư Georges Verghagen, Viện Trưởng ULB, cho phép sử dụng một đại giảng đường có sức chứa 1500 chỗ ngồi để "Tonton Thiệu" nói chuyện với "quốc dân đồng bào" của ông. Viện Trưởng Đại Học chấp thuận cho Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam mượn miễn phí giảng đường đó đồng thời cử các nhân viên an ninh và chuyên viên kỹ thuật yểm trợ cho Ban Tổ Chức, Giáo sư Bùi Bách Diệp Chủ Tịch Hội làm Trưởng Ban, tôi được cử làm phụ tá cho Chiến Hữu Diệp.
Trong lần hội ngộ bất ngờ ấy, bà con cô bác từ khắp Âu Châu tề tụ rất đông về xứ Bỉ, đi xa nhất có các đồng hương từ Đan Mạch, Thuỵ Điển, Na Uy và hội trường không còn một chỗ trống.

Kỷ niệm với Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu tại Bỉ năm 1989

Dù ông không còn tại chức nhưng đây là lần đầu tiên người dân được nhìn thấy tận mắt, được bắt tay, thăm hỏi, tâm tình với Tổng Thống Thiệu, được nghe ông phân tích về thời cuộc Việt Nam và quốc tế cũng như nhắc nhớ "chuyện xưa tích cũ" khi đất nước mình chưa bị cộng sản Hà Nội nhuộm đỏ.
Tối ngày 9 tháng 11 năm 1989 cái gọi là "Tường Thành Bảo Vệ Chống Phát Xít" mà thế giới tự do còn gọi là "Bức Tường Ô Nhục Bá Linh" được xây dựng từ ngày 13 tháng 8 năm 1961 để phân chia Đông và Tây Berlin đã bị dân chúng Đức phá huỷ hoàn toàn.
Dịp này, anh em cựu quân nhân VNCH tại Bỉ cử người tháp tùng Trung Tướng Thiệu đi thăm Berlin, con trai tôi cháu Khiêm 16 tuổi cùng tôi, theo chân phái đoàn vượt đoạn đường dài, bận đi và lượt về trên 2300 km. Ban Tổ Chức là Hội Cựu Quân Nhân VNCH tại Đức do Trung Uý Không Quân Huỳnh Ngọc Đương điều động các công tác đã tổ chức buổi hội ngộ để Tổng Thống Thiệu gặp và tâm tình với đồng hương tại một khách sạn ở Berlin. Trên một ngàn người có mặt hôm ấy.

Trong quá khứ, lúc còn đọc tin tức thời sự tại radio & TV Saigon, mỗi năm anh chị em xướng ngôn viên truyền hình được tiếp đón Tổng Thống Thiệu đến đài thu hình chúc mừng năm mới hoặc đọc hiệu triệu gởi toàn dân. Chúng tôi cũng có dịp vào Dinh Độc Lập nhận quà Tết, nên tôi được gặp Tổng Thống và Phu nhân nhiều lần, nhất là lúc ông bà Thiệu đến thăm gian hàng của Không Quân Việt Nam mừng chiến thắng vào Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Đại tá Võ Dinh, Tham Mưu Trưởng Không Quân dặn tôi tiến lên chào vị nguyên thủ quốc gia và trình bày với ông về thành tích của Không Quân VNCH trên khắp bốn Vùng Chiến Thuật.

Lúc trình diện vị Tổng Tư Lệnh Quân Lực khi ông đến thăm Bruxelles năm 1989, Trung Tướng Thiệu nói ngay "Xướng Ngôn Viên truyền hình Saigon đây mà..." Nghe vậy, anh em trong Hội liền cử ngay tôi tạm thời làm tuỳ viên cho ông, từ đó không rời ông nửa bước để bảo vệ an ninh và giúp đỡ ông khi cần.

Ông vẫn được các thuộc cấp cũ tôn kính, nhưng có lẽ vì xuất thân từ hàng ngũ quân đội nên Trung Tướng Thiệu rất thân mật, hoà đồng, gần gũi và đùa giỡn với mọi người. Ban đêm ông không chịu ngủ ở phòng riêng hay nằm trên salon mà thích nằm đất trên sac couchage và muốn có tôi nằm cạnh để cùng nói chuyện đời xưa về quê hương Việt Nam Cộng Hoà của mình mà nay không còn tên trên bản đồ thế giới.

Trong những năm dày bị tù đày biệt xứ, dù cố nuôi hy vọng nhưng tôi nào có biết bao giờ được gặp lại người thân rồi khi được thả, vì không thể sống với những con người cộng sản, tôi đã đi tỵ nạn bên Âu Châu và nào có dám mơ đến chuyện gặp lại hay sinh hoạt với các bạn lính ngày xưa, nói chi đến những bạn trong chốn ngục tù lao động khổ sai, làm sao có thể nghĩ là mình có cơ hội cận kề cựu Tổng thống Việt Nam Cộng Hoà Nguyễn Văn Thiệu ở một khung trời tự do như bây giờ!!

Qua câu chuyện với Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu trong những buổi sinh hoạt, mạn đàm ở Bruxelles, Paris, Berlin, London, các đồng hương và chiến hữu đều thấy rõ là ông có trí nhớ thật phi thường, ông kể lại tường tận từng chi tiết, uẩn khúc, sự kiện lịch sử từ khi ông là một sĩ quan cấp nhỏ trong quân đội quốc gia Việt Nam lúc mới thành lập đầu thập niên 1950. Sau đó ông được cất nhắc lên cấp Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, hai lần đảm nhiệm chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Dalat, Tham Mưu Trưởng Liên Quân, Bộ Trưởng Quốc Phòng, Chủ Tịch Uỷ Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà từ 1965 đến 1975.

Nói chung, người dân Miền Nam Việt Nam cho rằng Trung Tướng Thiệu và chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà có công giữ vững và ổn định đất nước trong thời gian cuối của nền đệ nhị cộng hoà. Phe phái chính trị đối lập thì cáo buộc là chính quyền của ông tham nhũng, bè phái, quân phiệt, cá nhân ông là một người đa nghi, mưu lược, bỏ chạy lúc tổ quốc lâm nguy. Nếu so sánh giữa hai chế độ quốc gia và cộng sản thì triệu triệu đồng bào Miền Nam đều khẳng định "giữa hai cái xấu thì mình phải chọn cái nào ít xấu hơn".

Trong suốt mấy ngàn năm lịch sử, dưới thời đô hộ khắc nghiệt của Tàu, cai trị ác độc của Pháp, chưa bao giờ người dân Việt Nam phải bỏ xứ, lũ lượt ra đi bằng đủ mọi phương tiện để tìm tự do và đất sống, trong đó có hàng trăm ngàn đồng bào bỏ thân xác trong rừng sâu nước độc hoặc chìm đắm ngoài biển cả mênh mông. 14 năm qua (1975-1989) quê hương đi giật lùi thành lạc hậu, chậm tiến, cái bao tử cũng bị "đảng và nhà nước" nắm chặt lấy, cái đầu bị kiểm soát, não bị tẩy, nhà tù mọc lên khắp nơi, tham nhũng hoành hành từ trên xuống dưới, muốn mua 1 ký gạo hay cân đường thì cả nước phải "Xếp Hàng Cả Ngày", XHCN có khác!

Đối với anh em quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà thì Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu là bậc Thầy, bậc Đàn Anh, cấp Chỉ Huy cao nhất, nên mọi người tìm đến với ông trong tình huynh đệ chi binh gắn bó, thân tình, hoà đồng. Ai nấy đều thấy mừng vui, thoải mái, cười giỡn trong những lúc anh em lính tráng chúng tôi gặp Tonton. Ban đêm, khi nằm trên sàn nhà, chia nhau tấm nệm tại tư gia các chiến hữu, Trung Tướng Thiệu thường muốn nghe tôi kể về chuyện tù tội lúc bị cộng sản đày đi lao động khổ sai khắp hai miền Nam-Bắc.

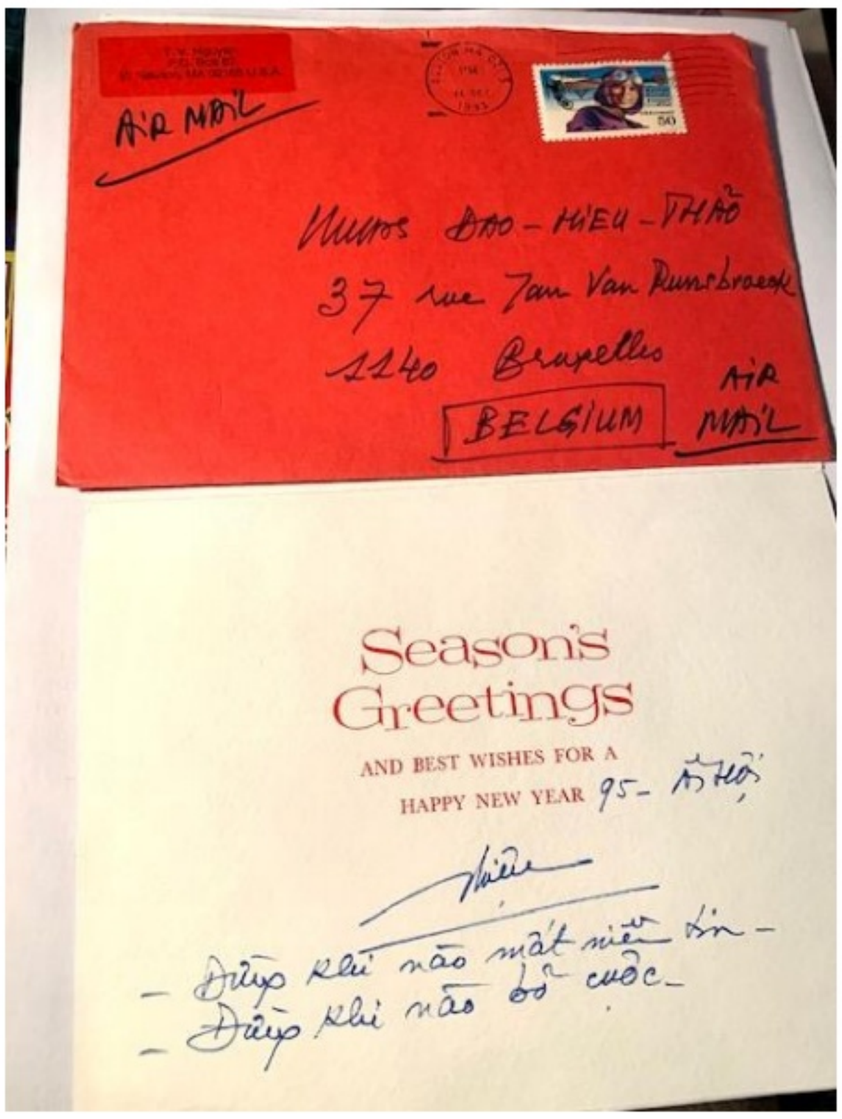

Ít tháng sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đến thăm và gặp đồng bào tại Bruxelles, Đại Tướng Nguyễn Khánh, cựu Quốc Trưởng, Thủ Tướng, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà từ San Diego, Hoa Kỳ qua thăm các nước Tây Âu cũng có ghé thăm anh em cựu quân nhân tại vương quốc Bỉ và nói chuyện với cộng đồng Người Việt tại một hội trường của Viện Đại Học Bruxelles.

Trở lại với các sinh hoạt do Hội Cựu Quân Nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tại vương quốc Bỉ thực hiện, trước những đợt thuyền nhân vượt biển tìm tự do ngày càng gia tăng mạnh mẽ đầu thập niên 80, Hội đã nhiều lần gây quỹ yểm trợ cho BPSOS/Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển tại Hoa Kỳ do Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng phụ trách. Hội cũng yểm trợ cho các con tàu nhân đạo Lumière của Pháp, Cap Anamur của Đức cứu vớt thuyền nhân Việt Nam ngoài biển khơi.

Trong công tác truyền thông, Hội Cựu Quân Nhân phát hành bản tin nội bộ hàng tháng, ấn hành đặc san Xuân và vào các dịp lễ hội quan trọng trong năm. Anh em chúng tôi cũng được mời đi thuyết trình về cuộc vận động cho dân chủ, tự do tại Việt Nam trước cử tọa người Bỉ và người Hòa Lan.

Sau khi thành lập vào năm 1983, Hội Cựu Quân Nhân tại Bỉ phát động chiến dịch "Gởi Lửa Về Rừng" để vạch trần những tội ác của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội sau khi họ xâm chiếm Miền Nam, bằng một bức thư lên án sự độc tài, toàn trị, xoá bỏ tự do, tước đoạt dân chủ, vi phạm nhân quyền của chế độ cộng sản được gởi về Việt Nam qua bưu điện Bỉ đến tất cả các cơ quan đầu não của Bắc Bộ Phủ và các địa phương khắp mọi miền đất nước cũng như một số cơ sở doanh nghiệp tại Việt Nam.

Sau này nhiều đồng hương đến định cư hay du lịch tại Bỉ có kể lại họ đã là nhân chứng biết đến việc anh em cựu quân nhân ở hải ngoại gởi thư về Việt Nam buộc tội cộng sản Hà Nội yêu cầu họ cởi trói cho dân, phóng thích tù nhân chính trị, tôn trọng quyền làm Người.

Để thống nhất và phối hợp hoạt động cho hữu hiệu hơn trong giai đoạn cần đẩy mạnh cuộc vận động tự do, dân chủ, nhân quyền cho Việt Nam, năm 1987 các Hội Cựu Quân Nhân tại Anh, Pháp, Đức, Thuỵ Sĩ, Hoà Lan và Bỉ cùng quyết định thành lập Uỷ Ban Điều Hợp Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà tại Âu Châu.

Ban Chấp Hành nhiệm kỳ đầu tiên do Chiến Hữu Bùi Bách Diệp làm Chủ Tịch, hai Phó Chủ Tịch là Chiến Hữu Ngô Hữu Thạt/Anh Quốc và Chiến Hữu Tôn Quang Tuấn/Đức Quốc, Tổng Thư Ký là Chiến Hữu Mai Viết Triết/Pháp, Thủ Quỹ là Chiến Hữu Nguyễn Khắc Sơn/ Bỉ, Đào Hiếu Thảo/Bỉ được đề cử làm Phó Tổng Thư Ký.

Hội Cựu Quân Nhân VNCH vẫn duy trì các sinh hoạt như bấy lâu nay theo sắc thái đặc biệt và hoàn cảnh thực tế tại mỗi nước nhưng đồng ý gặp nhau thường xuyên mỗi tháng, mỗi tam cá nguyệt, hàng năm vào dịp hè và xuân để phối hợp công tác chung, duy trì và phát triển tổ chức.

Mỗi quốc gia trực thuộc Uỷ Ban Điều Hợp luân phiên tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để báo cáo hoạt động, trao đổi kinh nghiệm, đánh giá thành quả đạt được, phổ biến tài liệu, tổ chức thuyết trình về thời sự, nhận định tình hình...

Qua sự hình thành Uỷ Ban Điều Hợp Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà tại Âu Châu, anh em có dịp để hội họp tại khắp các quốc gia Âu Châu, đến Geneve, Paris, Marseille, London, Amtersdam, Frankfurt, Bonn, Bruxelles...tham gia biểu tình với đồng bào mỗi khi có phái đoàn lãnh đạo cộng sản Hà Nội qua xin viện trợ kinh tế hay mở rộng ngoại thương.

Hồi tháng 11 năm 1989, sau khi bức tường ô nhục ngăn cách Đông và Tây Bá Linh bị phá sập hoàn toàn, nhân một buổi trình diễn văn nghệ do anh em quân nhân Việt Nam tại Âu Châu tổ chức đã có gần hai ngàn khán giả tham dự, đa số là "tường nhân", tức những công nhân miền Bắc đi "xuất khẩu lao động" vượt thoát từ Đông sang Tây Đức xin đào tỵ. Các công nhân này thích đến sinh hoạt với các "Anh Lính Cộng Hoà" và rất ham mộ các tiết mục ca nhạc kịch của Miền Nam, đặc biệt hơn hết là tranh nhau chụp hình, quay video với các anh lính Saigon, với lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ để dễ dàng xin tỵ nạn chính trị, thoát ly chế độ cộng sản.

Mỗi năm vào dịp nghỉ hè tháng 7 hay tháng 8 là phiên họp khoáng đại của Uỷ Ban Điều Hợp Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà tại Âu Châu. Các thành viên và gia đình cùng tổ chức đi cắm trại, sống tập thể, những ai có chức việc thì hội họp, thảo luận, nghe thuyết trình, người nhà thì du ngoạn, mua sắm, giới trẻ tranh tài thể thao, tập nói và viết tiếng Việt, sinh hoạt văn nghệ, giải trí.

Đến Tết Nguyên Đán, các Hội Cựu Quân Nhân Việt Nam Cộng Hoà tại Âu Châu tập trung đến một trong số các nước Anh, Bỉ, Pháp, Hoà Lan, Đức, Thuỵ Sĩ để cùng đón xuân, liên hoan, trình diễn văn nghệ, vui chơi theo truyền thống của dân tộc Việt Nam. Mỗi dịp xuân về, đến phiên mình tổ chức tiệc hội ngộ, Hội Cựu Quân Nhân tại vương quốc Bỉ thường xuyên tiếp đón trên 300 chiến hữu, quan khách cùng gia đình đến chung vui.

Có những lúc chợt suy nghĩ lại thân phận bé nhỏ, mong manh, phiêu bạt của một con người mà cá nhân tôi là một trường hợp điển hình, từ một đứa trẻ mồ côi cha rất sớm, vào đời kiếm ăn lúc mới lên 16, bắt đầu nghiệp dĩ là truyền thông khi tuổi đời vừa đôi mươi, rồi làm lính chiến, trở thành cấp chỉ huy trong Không Quân. Sau cuộc đổi đời ngày 30 tháng 4 năm 1975, như bao triệu dân quân Miền Nam, bị đày đoạ, lao động khổ sai, vướng bệnh gan hiểm nghèo, cái chết gần kề trong hoả ngục cộng sản, rồi được thả về, làm thầy giáo Anh Văn bất đắc dĩ. Đến năm 1982 được Mẹ và Em trai bảo lãnh cùng vợ con sang định cư tại Bruxelles, vương quốc Bỉ, phải làm nhà bếp, nhà in cực nhọc, vất vả đến khi bị bệnh nan y thì Ơn Trên sắp đặt cho làm công chức đại học Bruxelles nên mới có điều kiện hoạt động với anh em cựu quân nhân ở xứ Bỉ và Âu Châu. Bất ngờ được tiếp đón cựu Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu và sau này được Phu Nhân của ông và cựu Tổng Trưởng Dân Vận & Chiêu Hồi Hoàng Đức Nhã nhờ làm MC trong thánh lễ trước khi hoả táng vị nguyên thủ quốc gia vào ngày 7 tháng 10 năm 2001 tại Boston, Massachusetts.

Tôi vẫn tin tưởng vững chắc vào Hồn Thiêng Sông Núi, vào các đấng anh hùng dân tộc đã hy sinh cho đất nước, các đàn anh đã gục ngã trong ngục tù cộng sản, luôn che chở, phò hộ cho tôi ra được thế giới bên ngoài, những nơi mà quyền tự do của con người là trên hết, để tôi có thể làm tròn lời khấn nguyện: "nói lên tất cả sự thật, những gì mắt thấy, tai nghe, những gian khổ cùng chịu đựng với các anh khi cộng sản thống trị Miền Nam nước Việt bằng sắt, máu, súng đạn và gông cùm".

Đào Hiếu Thảo/Th2

Từ Bruxelles, Belgique đến Washington DC, USA

November 6, 2019 luongtruong Văn, Văn Hóa 0

Đào Hiếu Thảo/ Đỗ Hiếu

Với mẩu nhắn tin ngắn trên tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong xuất bản tại Hoa Kỳ do TTM nhờ đăng mà một buổi trưa, khi nhận được báo biếu, Giáo sư Vũ Ký đã đến tìm tôi ở văn phòng trường Đại học Bruxelles vào cuối tháng 8 năm 1995. Như một cơn gió lốc! Sau khi kiểm chứng thì đúng là Diệu Hòa, người yêu đầu đời của tôi. Quen nhau từ thuở vừa 17, cùng sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử Giác Minh ở Quận 3 Saigon năm 1964. Gần 30 năm rồi, chưa một lần biết tin nhau. Tôi, muốn sang Mỹ!

Nhà báo Đào Hiếu Thảo & phu nhân.

Qua liên lạc với các bạn cùng khoá Không Quân đang định cư tại Hoa Kỳ, được biết VOA đang cần tuyển thêm phát thanh viên Việt Ngữ, làm việc tại thủ đô Washington, DC. Tức tốc gởi đơn xin dự thi, đúng một tháng sau, tôi được gọi đến toà đại sứ Mỹ tại Bruxelles, cuộc thi tuyển mà tôi là ứng viên duy nhất, với các phần dịch tin tức, viết bài feature, soạn cuộc phỏng vấn và ghi âm giọng đọc của mình qua băng cassette.

Theo ông Johnson, tuỳ viên báo chí sứ quán Hoa Kỳ thì toàn bộ bài thi của tôi được gởi về VOA chấm điểm và thẩm định. Hai tháng sau, tôi nhận được văn thư báo tin trúng tuyển và họ sẽ mời sang Hoa Kỳ cộng tác với đài, khi có chỗ trống.

Tháng 9 năm 1996, tôi có mặt tại Fruitland, Idaho. Thăm người của hơn 30 năm trước. Đến gần ngày trở về Bruxelles thì bắt liên lạc được với người bạn thân cùng khoá Không Quân, anh Huy Phương một cộng tác viên lâu năm ở VOA, anh cho biết đài Á Châu Tự Do/RFA mới thành lập, cần tuyển xướng ngôn viên cho Ban Việt Ngữ (Vietnamese Service/VNS), điều kiện ắt có và đủ: phải là phái nam với giọng miền Nam Việt-Nam và có bằng cử nhân Báo Chí hay Anh Văn. Anh giới thiệu tôi với giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, Giám Đốc VNS, nguyên Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã Việt Nam Cộng Hòa.

Qua cuộc điện đàm, tôi trình bày với giáo sư Bích về thời gian và kinh nghiệm nhiều năm làm xướng ngôn viên tại các đài phát thanh và truyền hình Saigon, đài phát thanh Quân Đội; cũng như sau khi tình nguyện vào Không Quân Năm Mậu Thân 1968, làm phóng viên chiến trường và sĩ quan ngành chiến tranh chính trị, thông tin báo chí, tâm lý chiến tại Bộ Tư Lệnh Không Quân Việt Nam trong Tân Sơn Nhất.

Suốt thời gian 15 năm định cư tại vương quốc Bỉ, tôi thường xuyên tham gia các sinh hoạt cộng đồng, hoạt động đấu tranh với các anh em cựu quân nhân VNCH tại Âu Châu, nên có dịp may quen biết các quý vị lãnh đạo tinh thần, thân hào, nhân sĩ và gặp gỡ các chiến hữu cùng gia đình sinh sống ở các nước Bắc Âu và Tây Âu.

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích gửi cho tôi đơn xin việc qua máy fax, dặn kèm lý lịch, giấy tờ chứng minh gởi gấp về RFA và chuẩn bị một chuyến đến Washington dự thi khả năng chuyên môn.

Ngày 3 tháng 3 năm 1997 từ Bruxelles tôi hạ cánh tại Washington, DC. 6 tháng 3 là cuộc thi tuyển ở RFA. Chỉ hai người, anh Lê Quang Nghĩa từ London, Anh Quốc và tôi từ Bruxelles, vương quốc Bỉ.

Các đề tài thi kéo dài 5 tiếng đồng hồ, cô Tamara Bagley làm giám thị và cũng là người phỏng vấn tôi. Cuộc thi khá cam go, phân vân không biết sẽ ra sao! Tôi bay về Fruitland, Idaho để tìm sự an bình trong thời gian chờ đợi.

Sáu hôm sau ngày thi, giáo sư Bích gọi điện thoại đến Idaho, ông nói: "Chúng tôi cần anh, anh có thể bay về DC nhận việc trong thời hạn sớm nhất". Thật là một niềm vui khó tả. Số là trước đó, bạn gái của tôi phải trải qua hai lần giải phẫu, có thể nói là thập tử nhất sinh và đã thoát cơn hiểm nguy, sức khoẻ dần bình phục nên tôi ở lại hai tuần trước khi rời Idaho đi DC nhận nhiệm sở vào những ngày cuối tháng tư năm 1997.

26 tháng 4 năm 1997, là ngày đầu tiên tôi được hân hạnh góp tiếng nói trong chương trình phát thanh với thời lượng 30 phút của anh chị em Ban Việt Ngữ Đài Á Châu Tự Do, qua short wave về Việt Nam và toàn thế giới. Sau 22 năm xa rời cái micro của radio & TV/Saigon, trải qua bao thăng trầm thế sự, có lúc tưởng chừng như kề với cái chết trong chốn ngục tù cộng sản hai miền Nam Bắc suốt 6 năm trời. Tôi may mắn được trở lại với cái duyên? hay cái nghiệp? của ngành truyền thông mà tôi đã bắt đầu từ lứa tuổi đôi mươi, khi trúng tuyển vào làm xướng ngôn viên tin tức, thời sự tại Đài Phát Thanh Saigon năm 1966, sau được biệt phái sang đài truyền hình Saigon năm 1968.

Thời gian 3 tháng đầu nhận việc, tôi được anh chị Khanh Lan cho tá túc, lúc ấy cháu Tuấn Anh con anh chị mới lên bậc trung học, sau này được dịp chúc mừng cháu tốt nghiệp đại học, có công việc thích hợp, rồi lập gia đình, nay vợ chồng Tuấn Anh đã có bé gái đầu lòng và quý tử sau đó. Xin cám ơn anh chị Khanh Lan đã tận tình giúp tôi trong công việc và đời sống khi "chân ướt, chân ráo" đến lập nghiệp ở Washington, DC. Vùng Đất Hứa, thủ đô của chính trị, của ngoại giao và là quyền lực của Thế Giới Tự Do.

Làm lại cuộc sống trên xứ lạ lúc tuổi đời đã gần 50 đòi hỏi rất nhiều cố gắng, nhất là trong công việc hàng ngày tại RFA, luôn chạy theo đồng hồ, không thể nào chậm trễ dù là chỉ vài giây ngắn ngủi, hơn nữa, đây cũng là một trọng trách phục vụ cho hàng triệu thính giả người Việt khắp năm châu, nên càng phải vô cùng thận trọng trong mọi "lời ăn, tiếng nói, ngôn từ, giọng điệu, lập trường, quan điểm" theo nguyên tắc và đạo đức của đài.

Trong suốt thời gian gần 10 năm làm công chức tại Viện Đại Học Bruxelles, tôi chưa có cơ hội sử dụng đến computer, đánh máy thì chỉ mổ cò bằng hai ngón nên lúc đầu, tự đánh máy tin tức, bài vở là một chuyện căng thẳng làm đau đầu thường xuyên. Mặt khác, lúc ở quê nhà phục vụ các đài phát thanh và truyền hình quốc gia, cộng tác trong phần hành làm xướng ngôn viên tin tức, thời sự, bình luận, có nghĩa là chỉ đọc những nội dung do các biên tập viên, phóng viên cung cấp, vấn đề kỹ thuật do các hoà âm viên, chuyên viên vô tuyến điện phụ trách.

Sang Mỹ làm việc cho Đài Á Châu Tự Do, mọi thứ đều thay đổi: thức giấc lúc 4 giờ sáng, lên đường từ 5 giờ, trời mùa đông cũng như tiết hè, đến sở là gấp rút search tin tức, chọn lựa những "hoa hậu, á hậu" tức là tin nổi bật, nóng bỏng, đáng chú ý, loại bớt những tin xoàng, tin muộn, tin nhảm. Kế đó là phải đọc thật nhanh, tìm ý chính chất chứa trong nguyên bản tiếng Anh, tóm lược, viết lại trên computer, nói cho người Việt mình nghe và dễ hiểu.

Việc update (cập nhật) tin tức cũng hết sức cần thiết vì không thể bỏ sót những tin sốt dẻo đang xảy ra dồn dập trên toàn cầu, phải chạy đua với các đài bạn VOA, BBC, RFI để loan tải nhanh chóng kịp thời và đúng lúc.

Xong phần tin tức là bắt tay ngay vào việc viết bài feature (một hai năm đầu RFA/VNS còn dùng bài chay, không cần gắn sound bite (thực âm). Ngoài việc viết tin, bài nằm, anh chị em cũng được huấn luyện thông thạo trong công tác làm producer, ráp bài vở, gắn nhạc, tính giờ cho thật chính xác để sẵn sàng gởi tiếng nói đến đồng hương ở Việt Nam và khắp các châu lục. Trong những năm đầu, chương trình Việt Ngữ RFA có thời lượng 30 phút, phát "live", sau tăng lên 60 phút. Các bài feature và magazine luôn được thu thanh và hoàn chỉnh trước.

Theo học chương trình Pháp từ mẫu giáo, tôi được cho học tiếng Anh vỡ lòng năm 1957, lúc lên 10 với Đại Đức Thích Quảng Độ, khi thầy mở lớp bình dân tại Chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản, Quận 3 Saigon, đối diện với hẻm nhà tôi, xóm lao động Bàn Cờ. Sau này, tuy tôi có được du học ngành thông tin báo chí tại Hoa Kỳ lúc phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất và cũng có cơ hội làm việc chung với các cố vấn Mỹ, cố vấn Đài Loan, nhưng sau 6 năm tù cộng sản, 15 năm định cư tại Âu Châu, hàng ngày chỉ sử dụng tiếng Pháp và Hoà Lan, tôi không có dịp nói hay viết tiếng Anh, nên tất cả công việc dồn dập, tới tấp, tại RFA khiến tôi bị "điên đầu", lắm lúc muốn buông tay, bỏ cuộc.

Những khi xuống tinh thần, tôi lại nghĩ tới hàng trăm ngàn đồng hương chìm đắm trong lòng đại dương trên bước đường đi tìm tự do, hàng trăm ngàn chiến hữu, thương, phế binh, cô nhi, quả phụ còn sống lây lất, đói kém nơi quê nhà, nhớ tới lời khấn nguyện trước vong linh các bậc đàn anh đã gục ngã trong chốn ngục tù cộng sản trên khắp mọi miền đất nước và… cái ước mơ được gặp lại người bạn gái đầu đời tại Mỹ đã toại nguyện, tôi trở về với thực tại, quyết tâm và tự hứa phải cố gắng, phải tiến bước vững vàng, không được nản lòng, không được bó tay hay bỏ cuộc.

Dù làm bất cứ việc gì nặng nhọc, mệt mỏi, cơ cực như thời còn làm 15 tiếng mỗi này trong nhà bếp, rồi nhà in ở Bruxelles, vương quốc Bỉ, hay khi bị đày đoạ trong hoả ngục cộng sản suốt 6 năm phải lao động khổ sai, sống kiếp như loài trâu ngựa chứ không phải là con người, nay đã đến được Washington, tôi quá sức may mắn, thật là một diễm phúc, một sự màu nhiệm, một phép lạ của Ơn Trên, dù đó là từ Đức Chúa hay Đức Phật ban cho tôi.

Nhờ sự khuyến khích, nâng đỡ, tiếp tay của Ban Giám Đốc VNS/RFA, của các anh chị em đồng nghiệp, trong đó có những người tôi quen biết hay cùng sinh hoạt nơi quê nhà và người bạn đời luôn bên cạnh đồng cam, cộng khổ, săn sóc tôi từ miếng cơm, tấm áo, bác sĩ, thuốc men, nên những khó khăn, rắc rối, trở ngại, khó nhọc đã làm tôi điên đầu được giải toả dần với thời gian, giúp tôi thấy say mê, thích thú, gắn bó với công việc truyền thông đại chúng, hầu nói lên tất cả sự thật một cách trung thực, nhanh chóng để góp phần tích cực trong công cuộc vận động Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền cho quê hương Việt Nam.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập và buổi phát thanh đầu tiên vào ngày 5 tháng 2 năm 1997, chương trình Việt Ngữ/RFA được đón nghe hàng ngày bởi hàng triệu thính gỉa và là món ăn tinh thần quý giá, không thể thiếu vắng, được sự tin cậy từ phía người nghe.

Mặc dù đã về hưu từ bẩy năm nay, hàng ngày tôi vẫn theo dõi và biết là RFA/VNS luôn có sáng kiến mới trong việc thực hiện tin tức, phóng sự, tạp chí, bằng video, phát qua Youtube, qua cell phone, audio now, internet và computer, nên số khán, thính, đọc giả đã tăng tới trên 7 triệu lượt người nghe, xem và đọc các nội dung hàng tháng. Hiện nay, RFA đang thực hiện show TV thời sự quốc tế và Việt Nam mỗi ngày.

Dù sinh sau, đẻ muộn so với các đài phát thanh quốc tế như VOA, BBC, RFE, RFI, nhưng RFA đã nhanh chóng bắt kịp các đồng nghiệp và tạo được cho mình những kỷ lục tuyệt vời, đáng khích lệ.

Ngày nay, bất cứ diễn biến thời sự nào xảy ra tại Việt Nam, RFA/VNS có ngay tin tức cập nhật với những thực âm ghi nhận tại chỗ từ các nhân chứng, nạn nhân, người trong cuộc như các cuộc biểu tình, những phiên toà xét xử lãnh đạo tôn giáo, tù nhân lương tâm, nhân vật bất đồng chính kiến, những blogger, các vụ đàn áp, sách nhiễu, bắt bớ, ám hại những tiếng nói đối lập trong nước, tức khắc đài Á Châu Tự Do có bài tường thuật với đầy đủ chi tiết và hình ảnh.

Từ bước đầu vô cùng khó khăn trong việc tìm kiếm thực âm (sound bite), ngày nay do sự tin cậy vào uy tín của RFA, các viên chức cao cấp trong chính quyền Hà Nội kể cả cấp bộ trưởng, thứ trưởng, viện trưởng, tổng giám đốc, giám đốc cũng mạnh dạn lên tiếng, khi được yêu cầu. Bên cạnh đó các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, những nhân vật dân chủ, tiếng nói đối lập, dân oan, người người đều sẵn sàng cung cấp thông tin nhanh chóng, xác thực, cụ thể và liên tục lên tiếng về những "điều mắt thấy tai nghe" qua RFA, họ không còn sợ hãi trước bạo quyền, tù đầy, súng đạn, hơi cay, vì: chân lý, lẻ phải, sự thật, công bằng đang đẩy lui chế độ toàn trị, độc đoán, khắc nghiệt của Bắc Bộ Phủ.

Không chế độ phi nhân, bạo ngược nào có thể tồn tại mãi mãi mà, sẽ sớm bị xóa bỏ bởi trào lưu tiến hóa của nhân loại.

Kính dâng Hương Linh Giáo Sư Tâm Việt Nguyễn Ngọc Bích.

Đào Hiếu Thảo/Th2

Letter to the Honorable Daniel J. Kritenbrink

December 4th, 2017

To the Honorable Daniel J. Kritenbrink

U.S. Ambassador to Vietnam

Dear Mr. Ambassador,

I would like to share with you some of the concerns the Vietnamese Community has regarding human rights issues in Vietnam. I retired after 16 years, from Radio Free Asia, which provided me the opportunity to keep current on issues affecting the people of Vietnam.

While I am sure that you are aware of the plight of the common people in Vietnam, I would like to bring your attention to just a few of the concerns our community has regarding the Vietnamese Government's violations. Specifically:

Freedom of Religion – While this is being touted in their propaganda as a freedom, in fact freedom to worship is forbidden in the remote areas and when put into practice must be masked.

Freedom of Speech – This is often condemn as an attempt to:

– Disturb the peace and commit a crime prejudicial to National Security

– Espionage/spy for Foreign Governments

– Conspiracy to overthrow the Government

When charged with violations of these "crimes" the verdicts are always harsh, even for women, who are with very young children and only struggle peacefully for democracy, freedom and human rights.

There have been more than 250 individuals who incomprehensibly died while in the police's captivity. These dead bodies have came home, some with their throats slit and others with evidence of barbarous torture. When questioned regarding the deaths, the Vietnamese authorities claim that they committed suicide while at the police station.

May I wish you and your family a Joyful Holiday season with good health, luck and success for the New Year of 2018.

Best regards,

Thao Hieu Dao

Former Vietnamese Air Force Officer
Former Political Prisoner
Broadcaster, Journalist
8057 Morning Meadow court
Alexandria, VA 22315
Tel 703-508-3086
Email: daohthao@yahoo.com

Những ngày tháng khó quên

Đào Hiếu Thảo

Defense Information School (DINFOS-Trường Thông Tin & Báo Chí) toạ lạc trong căn cứ Lục Quân Hoa Kỳ Fort Benjamin Harrison, thị trấn Lawrence, thành phố Indianapolis, tiểu bang Indiana, được xây dựng từ đầu thế kỷ 20. Benjamin Harrison là tên vị tổng thống thứ 23 của Mỹ, ông sinh trưởng tại Indianapolis.

Fort Benjamin Harrison đã đào tạo và cung cấp dồi dào nhân lực cho cả hai cuộc thế chiến thứ I và thứ II. Năm 1941 nơi đây được dùng làm trung tâm tuyển mộ, tiếp nhận, bổ sung và phân phối chiến binh cho các mặt trận Hoa Kỳ đang tham chiến bên Âu Châu. Đến năm 1943, Fort Benjamin Harrison là trung tâm nhập ngũ lớn nhất của toàn thể quân lực Hoa Kỳ, có khả năng đón nhận hàng trăm ngàn quân nhân trước khi gởi họ ra chiến trận khắp các lục địa.

Khi thế chiến thứ II kết thúc, Fort Benjamin Harrison được giao một phần cho Không Lực Hoa Kỳ để đặt bản doanh của Đệ Thập Không Lực (The Tenth Air Force) và biến cải thành phi trường dã chiến. Một số doanh trại còn lại thuộc trách nhiệm quản lý của Lục Quân Mỹ và nhiều quân trường huấn luyện chuyên môn được hình thành.

Gần 100 năm phục vụ Quân Lực Hoa Kỳ, Fort Benjamin Harrison ngưng hoạt động vào năm 1996, theo kế hoạch tiết giảm ngân sách và tái phối trí lực lượng. Ngày nay tại căn cứ lịch sử cổ kính này chỉ còn lại trụ sở phụ trách về tài chánh và kế toán thuộc Pentagon và doanh trại của đơn vị phòng vệ quốc gia thuộc tiểu bang Indiana.

Trường huấn luyện chuyên môn ngành thông tin báo chí mà chúng tôi theo học là Defense Information School, với tên gọi tắt DINFOS, thành lập từ năm 1965 trong căn cứ Fort Benjamin Harrison. Tiền thân của DINFOS là The Army Information School thành lập năm 1946 tại căn cứ Carlisle Barracks.

Nhiệm vụ tổng quát của quân trường này là huấn luyện kỹ thuật chuyên môn cho quân nhân Hoa Kỳ và các quốc gia đồng minh, truyền đạt kiến thức, phương pháp để có thể nói, viết, phổ biến mọi hoạt động về truyền thông của quân lực bằng các phương tiện như radio, tivi, phim ảnh, báo chí, ấn loát…

Theo quy định của Ngũ Giác Đài (Pentagon), để được thu nhận vào DINFOS các ứng viên phải trải qua những cuộc tuyển chọn kỹ lưỡng và đạt số điểm 85/100 mới được tốt nghiệp.(Military students must pass rigorous standards to enter, and scores 85/100 on tests to graduate).

Năm 1995, DINFOS dời đến Fort George Meade, Maryland. Chương trình huấn luyện được cải tiến cho phù hợp với kỹ thuật IT hiện đại như thêm phần Social Multi-Media, Photojournalism, Public Affairs Leadership, Combat Correspondent Course… (The American Council on Education recommends college credit for most DINFOS courses).

Còn nhớ lúc ở đại học Văn khoa Saigon, chân trong chân ngoài vì phải lo chạy kiếm ăn phụ giúp gia đình, nên học ít, làm việc nhiều, thường khi còn phải đi tập quân sự và canh gác Saigon vào ban đêm, đây cũng là nhiệm vụ của Sư Đoàn sinh viên bảo vệ thủ đô, năm Mậu Thân 1968.

Trong thời chinh chiến của đất nước mình, nhiều khó khăn, khi đến giảng đường đại học mỗi ngày thường phải chen chúc, giành ghế, giành chỗ, tới trễ phải đứng ngoài hành lang vừa nghe nghóng vừa ghi chép. Không bắt kịp bài bản ngày nào thì phải bỏ tiền mua "cua" (cours) cho ngày đó. Chuyện này các "tay thầu" có tổ chức, có đường giây, lắm phương tiện làm ăn, nên họ bán ra với giá "cắt cổ" mà lại thiếu sót, không đầu đuôi rõ rệt.

Ở Hoa Kỳ tại các quân trường thì việc học hành khác hẳn với xứ mình, lúc mới nhập học Anh ngữ "Entry class" ở căn cứ Không Quân Lackland, San Antonio, Texas, bà giáo ân cần hỏi han, chăm sóc từng học viên, giải quyết mỗi thắc mắc hoặc đề nghị, khuyến khích khoá sinh sao cho việc học tập mau chóng đạt kết quả. Sách giáo khoa, sổ ghi chép, giấy bút được cung cấp theo nhu cầu. Lớp học có tối đa 10 người, thường gồm nhiều quốc tịch khác nhau để bắt buộc khoá sinh phải trao đổi bằng tiếng Anh. Giảng viên tận dụng nhiều trợ huấn cụ như băng ghi âm, hình ảnh, slide, phim tài liệu trong việc giảng dạy… Mỗi người chúng tôi đều có máy thu âm, máy nghe riêng trong giờ đàm thoại, luyện giọng cũng như khi thi trắc nghiệm cuối tuần.

Đến trường thông tin báo chí ở Indiana thì chương trình học kéo dài suốt 8 tiếng đồng hồ mỗi ngày, ăn trưa chỉ đúng 30 phút, lúc mới đầu nghe tiếng Anh phát nhức đầu, lùng bùng lỗ tai, các giáo sư giảng nhanh như trong cinê, trong tivi, dường như họ không biết có 3 khoá sinh người Việt là Hải Quân Đại Úy Lê Công Mừng, hai Chuẩn Úy Không Quân Chu Văn Hải và Đào Hiếu Thảo, luôn chăm chú theo dõi, nhưng nghe chữ được, chữ mất.

Nhờ đọc thêm tài liệu mỗi ngày, tối xem bài vở trước, làm bài tập chuyên cần, nên chuyện học hành quen dần với tâm niệm phải hết sức cố gắng, phải "khổ luyện". Sinh viên xuất thân từ nước nghèo như mình, chinh chiến triền miên, nên học tập thiếu thốn mọi phương tiện mà lắm người nên danh phận, mình được du học ở một xứ sở hàng đầu thế giới Tự Do, thì quả thật là một ưu đãi hiếm hoi khi biết rằng chi phí đào tạo cho một sĩ quan đồng minh, tuỳ từng ngành nghề, tiêu tốn hàng chục, hàng trăm ngàn đô la trích từ ngân sách viện trợ của Hoa Kỳ, riêng đối với các phi công phản lực cơ chiến đấu như F 5, oanh tạc cơ A 37 chi phí đào tạo có thể vượt hơn triệu đô la, một người.

Tại DINFOS, sau mỗi giờ lý thuyết đều có phần thực hành như tập viết tin, viết bình luận, chụp hình, quay phim, phỏng vấn, học các kỹ thuật in ấn, thu âm, thu hình, ráp nối, thực tập thuyết trình trước quần chúng. Mỗi khoá sinh được nhận một bàn máy đánh chữ để làm việc ở nhà vào buổi tối và những ngày nghỉ cuối tuần. Mỗi toán 3 người được trang bị một máy chụp hình và một máy quay phim 8 mm. Cuối khoá, mỗi nhóm phải nộp một đoạn phim phóng sự với thời lượng từ 10 đến 12 phút. Một thành công đáng kể của nhóm chúng tôi là thực hiện cuốn phim ngắn với đề tài "giới thiệu bệnh xá của DINFOS" giải thích hoạt động của phần sở y tế này, khi đau ốm phải làm gì, bệnh nhân được chẩn đoán, chữa trị ra sao, người bệnh nghĩ sao về tinh thần phục vụ của các chuyên viên y tế tại cơ sở này.

Ngoài những giờ lý thuyết và thực hành, khoá chúng tôi cũng được nhà trường tổ chức những cuộc thăm viếng, quan sát một số cơ sở kinh doanh trong vùng, các ngân hàng, công ty thương mại, toà soạn báo, trụ sở phát thanh, truyền hình, ấn quán…

Cuối tuần, chúng tôi được tổ chức du ngoạn qua tiểu bang Illinois kế cận, đi nhà thờ, hát thánh nhạc, đến sinh hoạt với các trường đại học, trung học quanh thành phố Indianapolis.

Ba anh em Việt Nam chúng tôi được gia đình ông bà Mục Sư Veach đỡ đầu. Ông đã từng chiến đấu tại Việt Nam nên xung phong giúp khoá sinh người Việt. Cuối tuần ông bà Mục Sư thường tổ chức những bữa họp mặt với sự tham gia của các tín hữu thuộc nhiều sắc dân khác nhau. Đây là dịp để mọi người trổ tài làm bếp, giới thiệu đặc sản ẩm thực của nước mình, sau đó ai cũng được dịp thưởng thức những món ăn quốc tế Âu, Á, Mỹ, Phi… Chúng tôi trộn gỏi bắp cải, làm chả giò, đồ chua, pha nước mắm. Đại uý Mừng được phân công đi chợ, Chuẩn uý Hải lo dọn dẹp rửa chén, tôi là đầu bếp chính.

Món ăn thuần túy Việt Nam được khen là "hết xẩy", riêng tôi thì thấy xót xa, không biết phải ăn nói làm sao khi tưởng mặt bàn bằng gỗ màu nâu, tôi đặt nồi nóng bỏng lên, nhưng thật ra làm bằng nhựa quá khéo, không thể phân biệt được, đến lúc mùi khét bốc lên thì đã quá muộn rồi… lúc ấy không tìm đâu ra tấm khăn trải bàn vừa vặn để che đậy lỗ thủng quá lớn! chủ nhà phải chạy vội đi Home Depot sắm gấp một cái bàn khác!

Chúng tôi cũng được cơ hội đến sinh hoạt chung với các học sinh trung học lớp 11 và 12, ngồi cùng lớp với các em trong một vài môn học chính. Tôi được mời trình bày về phương pháp nói chuyện trước quần chúng, mà các học sinh lớp 12 phải nghiên cứu, biên soạn và thực tập.

Trong giờ ngoại ngữ pháp văn, với môn "Impromptu Speech" (không biết trước đề tài phải thuyết trình), học sinh bốc thăm một trong số hàng chục đề tài do thầy cô chọn sẵn để trong chiếc nón. Mục đích bài thực tập là tạo cho học sinh khả năng ứng phó, đối đáp bất ngờ, không được chuẩn bị trước mà vẫn nhanh trí nói thao thao bất tuyệt. Đề tài được thầy cô chọn thường dựa vào những câu ngụ ngôn như: "Lời nói là bạc, im lặng là vàng"; Tốt số hơn bố giàu"; "Càng cao danh vọng càng dày gian nan"; "Cái nết đánh chết cái đẹp"; "Tài không đợi tuổi"; "Vàng thật không sợ lửa…"

Tôi được mời tham gia cuộc thi đua thuyết trình này, với tư cách một người khách, một người bạn và nói thông thạo tiếng Pháp, tôi được quyền tự chọn cho mình một đề tài, trình bày bằng tiếng Anh và tóm lược bằng tiếng Pháp. Đề tài tôi chọn được gợi ý bởi một bài thơ ngụ ngôn của La Fontaine " Rien ne sert à courir, il faut partir à point" xin tạm dịch là "chẳng cần phải chạy nhanh, mà cần phải lên đường đúng lúc". Cả lớp có vẻ thích thú với người khách đến từ phương xa và tôi được thầy cô cùng các em đãi một bữa ăn vui vẻ.

Điều tôi vô cùng ngạc nhiên là được thăm các lớp thực hành dành cho nam sinh như: lái máy cày, sửa sơ cấp các loại máy móc gia dụng, làm mộc, nề, bắt điện, thay ống nước, chăn nuôi gia súc, làm nông nghiệp. Các học sinh được chia thành nhiều nhóm tuỳ theo sở thích từng người.

Nữ sinh theo học các khoá như nữ công, gia chánh, may mặc, trang trí nhà cửa, chăm sóc nhi đồng, cứu thương, dự bị hôn nhân, quản lý kinh tế gia đình…

Nam nữ đều được học bơi lội, võ thuật tự vệ, tập cưỡi ngựa, lái xe…Nhờ đến sinh hoạt với các em học sinh mà tôi biết lái máy cày, biết cưỡi ngựa băng rừng, lội suối. Có nhiều bà trong xóm làng khuyên tôi ở lại vì hàng ngày họ xem tivi thấy bao cảnh chết chóc, máu lửa rợp trời. Họ nói tôi sẽ kiếm được việc làm dễ dàng, có bà còn hứa gả con gái cho tôi, họ nói thà có rể Á Châu chứ không chịu cho con mình lấy người da màu! Tôi hỏi lại các bà là hàng trăm ngàn con em của nước Mỹ được gởi ra toàn thế giới để bảo vệ lý tưởng tự do, dân chủ, khi xong nhiệm vụ thì gia đình, người thân có muốn họ trở về hay muốn họ ở luôn xứ người? Các phụ nữ ấy không trả lời, họ chỉ lặng lẽ để những giọt nước mắt dâng trào và chúc cho tôi được may mắn trong đường đời.

Ngày rời DINFOS, hai vợ chồng anh Larry và Joy Kieffer, bạn thân nhất trong khoá, tiễn tôi ra tận cửa phi cơ để bay về San Francisco. Thiếu uý Larry là hạ sĩ quan Không Quân Hoa Kỳ, tốt nghiệp BA, MA và Ph.D, nên được theo học khoá sĩ quan. Anh Larry và tôi được xếp cùng nhóm để học tập, thực hành, sinh hoạt chung.

Trong thời gian phục vụ tại Tây Đức, Larry làm quen và kết hôn với Joy là ái nữ của Đại sứ Anh Quốc ở Cộng Hoà Liên Bang Đức. Hai người sắm được căn nhà vừa ý ở vùng Columbus, Ohio.

Sau khi tốt nghiệp khoá Information Officer, Larry được bổ nhiệm đến phục vụ tại căn cứ Không Quân gần nhà, nơi đó là một căn cứ bí mật, có hầm chống bom nguyên tử nằm sâu dưới mặt đất, để cất giữ những dụng cụ đo đạc chính xác của Không Quân Hoa Kỳ.

Điều ngạc nhiên khác làm tôi phải suy nghĩ, thứ nhất là nơi xứ người ai muốn học hỏi thêm thì luôn được khuyến khích, nâng đỡ , thứ hai là bất cứ ngành nghề nào cũng có khoá đào tạo đến nơi đến chốn và sau hết là quân đội Mỹ thì không đặt ra giới hạn nào, không có quota, trong kế hoạch đào tạo nhân tài, bất cứ ai muốn tiến thân như trường hợp anh Larry đều được chánh phủ tận tình giúp đỡ.

Larry là một tấm gương sáng đối với tôi, anh luôn phấn đấu, vươn lên trong cuộc đời, từ một anh lính binh nhì, nhà nghèo vì cầu tiến, vừa làm, vừa học miệt mài, anh được học bổng của Không Quân Hoa Kỳ. Trước khi theo học trường DINFOS anh đã tốt nghiệp Ph.D về Advertising của đại học IU, Indiana.

Larry đã chỉ cho tôi cách đánh Chess, tương tự như Cờ Tướng của mình, anh cũng chỉ dẫn cách ráp bàn nghế, tủ đựng quần áo, kệ sách…

Năm mươi năm qua, tôi luôn nghĩ đến người bạn chí thân này và những kỷ niệm êm đềm ngày xa xưa từng chia sẻ với nhau tại DINFOS, rất tiếc mọi liên lạc với vợ chồng anh Larry & Joy đến nay vẫn hoài công. Cầu mong cho đôi uyên ương này được bình an, may mắn như mong ước của các bà mẹ người Mỹ dành cho tôi khi rời Indiana về Việt Nam để tiếp tục làm nhiệm vụ của một quân nhân trong cuộc chiến quốc-cộng, bảo vệ Miền Nam Tự Do.

Đào Hiếu Thảo/ Th2

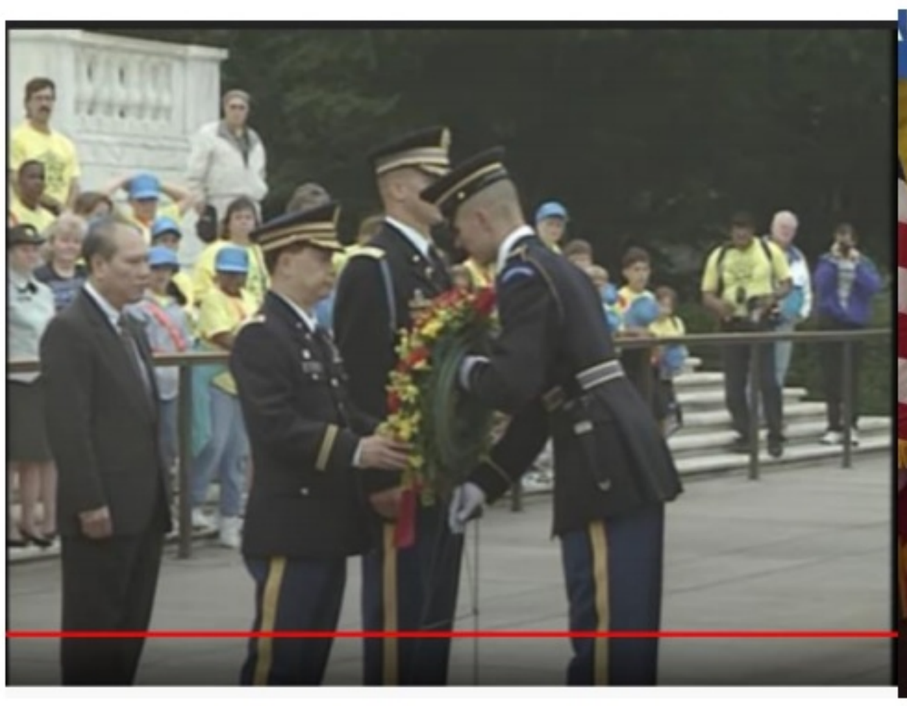

Truyền thông: Cái Duyên hay Cái Nghiệp

Đào Hiếu Thảo/Đỗ Hiếu

Xong cái tú tài 2 ban Pháp Văn năm 1965, tự thấy mình không đủ sức thi tuyển vào các đại học như Y, Dược, Nha, hoặc Trung tâm Kỹ thuật Phú Thọ với các ngành kỹ sư công chánh, công nghệ, hàng hải, hoá học, đại học sư phạm, quốc gia hành chánh, nông lâm súc, vả lại vì mê văn chương, triết học và ngoại ngữ, nên chỉ còn đường duy nhất là ghi tên vào đại học Văn khoa Saigon.

Chọn ban nhiệm ý Pháp Văn, với ý tưởng sau này làm thầy giáo dạy ngoại ngữ ở trung học đệ nhất, đệ nhị cấp, các trường công, bán công hay tư. Những môn học được giảng dạy gồm Pháp văn là chính, kế đó là Anh văn, triết Đông và Tây (thay cho Sử Địa) và Việt văn.

Năm đầu tôi lên đại học, niên khoá 1965-1966, sao thấy thoải mái, tự do chi lạ, muốn đến trường thì đến, không đi học cũng không sao, còn giờ thì nhận kèm tiếng Pháp nhiều nơi, thù lao khá, ngoài phụ với mẹ lo cho các em còn rủng rỉnh quà bánh. Nhớ lại khuôn phép gò bó, không khí căng thẳng, kỷ luật thép, khi ở trường Jean Jacques Rousseau, mỗi khi phạm lỗi lầm, bị mấy ông thầy có máu "thực dân Tây" khẻ tay, bắt úp mặt vào góc tường, có ông còn bắt phạt phải đến trường vào ngày nghỉ, làm thêm bài tập. Lúc viết luận văn, nếu dùng chữ lập đi lập lại nhiều lần, trong cùng một đoạn thì thầy đánh bằng thước kẻ, có lẽ nhờ vậy mà mãi về sau này, tôi luôn nhớ biện pháp mạnh đó mỗi khi viết bài, điều này cũng giúp tôi thường được chấm hạng nhất, khi nộp bài thi luận văn hàng thàng và mỗi tam cá nguyệt.

Niên khoá đó cũng là năm học ngắn ngủi nhất trong cuộc đời sinh viên của tôi, vỏn vẹn có bốn tháng, ảnh hưởng bởi phong trào đấu tranh của các sinh viên, học sinh xuống đường, biểu tình rầm rộ chống chế độ "quân phiệt, độc tài" do Đại tướng Nguyễn Khánh lãnh đạo, người chủ trương "Cuộc Chỉnh Lý" ngày 30 tháng giêng năm 1964 và " Hiến Chương Vũng Tàu", hầu củng cố quyền lực của phe nhóm.

Trường Văn khoa Saigon là cơ sở cũ của Thành Cộng Hoà, tọa lạc ở đầu đường Thống Nhất, đối diện với Dinh Thủ tướng và là nơi lực lượng an ninh đóng quân, có nhiệm vụ bảo vệ Dinh Độc Lập nên thường xuyên bị phong toả bằng giây thép gai, được canh phòng cẩn mật, mọi cuộc tập họp đều bị ngăn cản, khi cần thì bị giải tán bằng hơi cay, dùi cui.

Năm học thất bại, một phần vì hoàn cảnh chính trị bất ổn của đất nước với bao cuộc bãi thị, đình công, biểu tình, chống thi cử, cộng với sự xao lãng chuyện học hành của cá nhân, thiếu cố gắng, không tập trung, kém chuyên cần, nên tôi phải đi tìm việc làm chắc chắn, hơn là cứ bay nhảy đi kèm trẻ học, không tương lai nhất định.

Cuối năm 1966, Cục Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam, đài phát thanh Saigon tuyển nam, nữ xướng ngôn viên tin tức thời sự, nói giọng miền Nam, trình độ học vấn tú tài 2 trở lên. Thông báo tuyển dụng nhân viên được phổ biến qua các chương trình phát thanh hàng ngày suốt 24 giờ, cũng như trên một số nhật báo thời đó. Tôi nộp đơn xin dự thi.

Ngày thi tuyển, khi đến trước đài phát thanh ở số 4 đường Phan Đình Phùng, quận Nhất, Saigon, tôi do dự, phân vân, không biết mình có nên vào trình diện? Tần ngần, suy nghĩ mãi, đến phút chót, mới lấy hết can đảm bước vào.

Tổng số thí sinh ghi tên dự thi lên tới gần 100, bài thi gồm luận văn với đề tài "vì sao bạn muốn làm xướng ngôn viên?", tôi được giao cho đọc nhiều bản văn, thể loại khác nhau như: bình luận thời cuộc, tin tức, phóng sự, đọc truyện. Trong một số bài được giao có nhiều chữ Anh, Pháp và những con số thật dài.

Thi xong, rời đài phát thanh, không hy vọng gì sẽ quay trở lại nơi ấy.

Kết quả kỳ thi tuyển nam, nữ xướng ngôn viên tin tức thời sự, phục vụ tại đài phát thanh trung ương Saigon được phổ biến trong các buổi phát thanh và đăng tải trên vài nhật báo vùng thủ đô.

Còn nhớ ba thí sinh trúng tuyển gồm có: Trần Lê Phúc, Đặng Thị Ánh Nguyệt và Đào Hiếu Thảo, được yêu cầu trình diện để hoàn tất thủ tục hành chánh và nhận việc trong thời hạn sớm nhất.

Thế mà, tính đến nay đã 53 năm trong nghề xướng ngôn viên phát thanh và truyền hình, từ trong nước ra đến hải ngoại, kể cả khi ở tù cộng sản trên đất Bắc, cũng có lúc ban giám thị giao cho việc đọc báo (Nhân Dân) đến bạn tù trong các buổi họp kiểm thảo hàng đêm để tuyên truyền những tin tức về xã hội bên ngoài.

Làm xướng ngôn viên là một công việc khá thích hợp đối với tôi vì gần với văn chương, chữ nghĩa, lại gần trường Văn khoa Saigon, chỉ 5 phút chạy xe Solex, qua lại sở làm và trường học. Anh Phúc bỏ nghề ít lâu sau, vì được tuyển vào Nha Hàng Không Dân sự, Ánh Nguyệt (RFI) và tôi vẫn phục vụ ngành truyền thông cho đến lúc nghỉ hưu (RFA).

Ngày đến trình diện nhận việc, gặp nhạc sĩ Lê Dinh, ông xếp trực tiếp đầu đời của tôi, Chủ sự Phòng Sản Xuất thuộc Sở Chương trình do nhà thơ Thái Thuỷ phụ trách. Tổng Giám đốc Cục Vô Tuyến Truyền Thanh Việt Nam là Trung tá Không Quân Vũ Đức Vinh, tốt nghiệp cùng khoá 1 trường sĩ quan Nam Định với Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Phụ tá của Trung tá Vinh là Đại uý Vũ Đức Minh, cùng khoá 4 sĩ quan trừ bị Thủ Đức với Trung tướng Ngô Quang Trưởng.

Sau năm 1975, ông Minh, cấp bậc Thiếu Tá, bị giam cầm ngoài Bắc với anh em chúng tôi, nay ông sinh sống tại California, viết sử sách tài liệu qua bút hiệu Minh Võ.

Công việc hàng ngày của tôi là đến trình diện sở làm đúng 8 giờ sáng, ngồi chờ được phân công, trong khi đó có thể mang sách học và bài vở ra làm.

Các chương trình tôi đọc đều được ghi âm trước như chương trình Hương Quê, Gia Đình, Hải Ngoại, giới thiệu nhạc, đọc truyện Cổ Học Tinh hoa, Gia Đình Bác Tám, Nhật Ký truyền thanh…

Hoà âm viên là người chịu trách nhiệm thu băng nhựa, với kích thước bằng một đĩa bàn, đường kính trên 25 cm, đọc hư đoạn nào, được cho nghe lại và đọc tiếp. Mỗi lần vấp váp, cần thu lại cho hoàn chỉnh là mỗi lần khó nhọc, nên phải cố gắng dò trước cho thông suốt, tránh làm phiền đồng nghiệp, làm việc cam go suốt ngày, nếu cứ sai hoài, dễ đâm ra khó chịu, gắt gỏng.

Làm việc một thời gian nơi Phòng Sản Xuất, mỗi khi có dịp nghe lại tiếng nói, giọng đọc của chính mình qua radio, tôi không nhận ra tiếng của tôi, thấy ngượng ngùng, thiếu tự nhiên, không trung thực, nên tự hỏi không biết mình chọn đúng nghề chưa, hay đài phát thanh trung ương Saigon chấm thi, tuyển dụng nhân viên không chính xác, giọng nói này có xứng đáng để "duy trì tiếng nói quốc gia qua làn sóng phát thanh?" như bản tuyên dương công trạng mà Thủ tướng Trần Văn Hương ân thưởng cho một số nhân viên hữu công, xuất xắc, sau trận tổng công kích của cộng quân vào những ngày đầu xuân Mậu Thân 1968, trong đó có xướng ngôn viên Đào Hiếu Thảo.

Khi bắt đầu cảm thấy nhàm chán với công việc thu âm đều đặn mỗi ngày, không có gì hấp dẫn, hứng thú, hay mới lạ, tôi lại toan tính bay nhảy, thay đổi công việc. Bỗng dưng, một dịp may hiếm có lại chờ đón tôi, Phòng Điều Hợp do nhạc sĩ Hoài An phụ trách đang cần xướng ngôn viên đọc live, phần sở này có các xướng ngôn viên bậc đàn anh, đàn chị như Đại uý Văn Thiệt, người chuyên đọc nhật lệnh của Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, anh Trần Nam, anh Văn Hưng, anh Hồng Phúc, chị Mai Liên, Minh Tần, Minh Diệu, Cúc Hoa, Song Hạnh, Nghi Xuân, Ngọc Nga… Tôi xin thử việc và được nhận đọc tin tức thời sự live tức là không cần phải ghi âm trước nữa.

Mỗi đầu giờ, suốt 24 tiếng trong ngày, 7 ngày một tuần, đều có bản tin từ 7 đến 10 phút, đặc biệt lúc 7 giờ sáng, một giờ trưa, 7 giờ chiều, 10 giờ tối, có phần tin quốc nội và quốc tế, tình hình chiến sự, bản tin thường kéo dài trên 30 phút . Đến 11 giờ đêm có phần tổng kết tin tức thời sự trong ngày, từ 25 đến 35 phút. Tất cả các bản tin trong suốt 24 giờ đồng hồ đều do anh chị em xướng ngôn viên đọc live, ngay cả lúc giữa đêm khuya.

Chiến cuộc ngày một leo thang, quân lực Hoa Kỳ và đồng minh Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Đại Hàn, Thái Lan trực tiếp tham chiến tại Việt Nam. Đài Loan cũng gởi các cố vấn bên cạnh những đại đơn vị, quân binh chủng Việt Nam, có lúc quân số tổng cộng lên tới trên 5 trăm ngàn người, để đương đầu với đối phương miền Bắc đã gia tăng các cuộc pháo kích, đắp mô, gài mìn, sử dụng võ khí hiện đại do Nga-Tàu cung cấp và mở những đợt tấn kích khắp các vùng chiến thuật của Việt Nam Cộng Hoà, từ Cà Mau ra đến Bến Hải.

Năm 1968, Tết Mậu Thân, quân đội chính quy Miền Bắc phối hợp với quân "giải phóng Miền Nam", du kích, đặc công, đồng loạt tấn công bất ngờ, giữa lúc quân dân Miền Nam, tin tưởng vào lệnh hưu chiến, ngừng bắn để vui xuân đón Tết, thiếu cảnh giác, lơ là chuyện phòng thủ.

Thủ đô Saigon cùng với tất cả các vùng chiến thuật, tiểu khu, chi khu bị bộ đội Bắc Việt tràn ngập, họ bắt bớ, bắn giết thường dân vô tội, mấy ngàn người dân bị chôn sống, bị thảm sát ở Cố Đô Huế. Ngay trên đường phố trung tâm Saigon, các quận nội thành đều bị bộ đội và du kích cộng sản xâm nhập, nhiều thường dân bị bắn chết trên khắp nẻo đường.

Đài phát thanh Saigon là một trong những mục tiêu chiến lược hàng đầu mà cộng quân lấn chiếm, nửa đêm họ giả dạng lính quân cảnh giết nhân viên an ninh, với ý định buộc chuyên viên kỹ thuật cho phát băng ghi âm chúc Tết "đồng bào ruột thịt Miền Nam" của Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là mật lệnh tổng tấn công toàn lãnh thổ VNCH.

Vì không thông suốt kỹ thuật phát thanh, đối phương không ngờ rằng chiếm được Đài phát thanh Saigon họ cũng không thể phát những nội dung đã chuẩn bị sẵn, mà phải cần đến trung tâm phát tuyến Quán Tre, đặt trong nội vi trung tâm nhập ngũ Quang Trung, thường xuyên có hàng chục ngàn khoá sinh thụ huấn. Vì thế chuyện Việt Cộng muốn phát băng lời ông Hồ hoàn toàn thất bại.

Trận tổng công kích đợt ấy bị quân dân Miền Nam bẻ gẫy tan tành, thế phản công như "chẻ tre", chính quyền Saigon ổn định nhanh chóng tình hình, san bằng hoang tàn, đổ vỡ và tái thiết một đất nước tự do, dân chủ.

Nhớ lại những ngày cả nước bị rơi vào cảnh loạn lạc, máu đổ, thịt rơi, trong lúc đang mừng đón Tết Mậu Thân, ngồi nhà nghe thông báo trên Đài phát thanh Saigon, cần gấp các xướng ngôn viên tin tức thời sự, tôi đến trình diện phần sở, nhận ngay công tác, tình nguyện ở lại đó, sống nhờ cơm nước do các anh lính Dù, lính Biệt Động chia sẻ.

Chung quanh cơ sở đài, những bức tường, mái ngói, cột nhà đổ sụp, nằm ngổn ngang, chắn hết lối đi, mùi khét của những căn nhà cháy dở, hoà cùng với thuốc súng còn phảng phất đâu đây. Bên ngoài nhiều xác chết của các anh lính Dù, của thường dân xấu số, còn nằm đó, chưa được di chuyển.

Phòng vi âm được đơn vị Công binh dựng tạm bằng những mền len màu áo trận (cứt ngựa), ghế ngồi được đóng bằng các thanh gỗ palette. Nhờ một số lớn nhân viên tình nguyện, khẩn cấp trở lại nhiệm sở, nên chương trình phát thanh được nhanh chóng tái lập, quan trọng và cần thiết nhất là các bản tin cập nhật, những mục nhắn tin, chương trình nhạc quân hành, lời kêu gọi của các cấp lãnh đạo quốc gia, những đoàn thể chính trị, tôn giáo, xã hội… Gia đình biết tôi còn sống và vẫn làm việc, nhờ nghe các bản tin đều đặn mỗi giờ.

Ngồi đọc tin suốt mấy chục phút trong lều căng bằng mền, mặc quần đùi, xoay trần cả ngày, mồ hôi nhễ nhại, vẫn cảm thấy mình còn may mắn hơn bao nhiêu anh chiến sĩ khác phải trực tiếp đương đầu với địch quân và hàng hàng lớp lớp đồng bào vô tội khác gục ngã trước họng súng oan nghiệt của bộ đội Miền Bắc, vì tham vọng điên cuồng của lãnh đạo Bắc Bộ Phủ.

Tình cờ bước vào nghề truyền thông và sau biến cố Tết Mậu Thân 1968, song song với công việc ở đài phát thanh, tôi được tuyển đọc cả tin tức, thời sự tại đài truyền hình Saigon, thì thấy mình gắn bó, yêu nghề hơn, cần học hỏi, tăng tiến thêm với hy vọng được phục vụ lâu dài và hữu hiệu sau này. Thế mới biết trong cuộc sống, suốt một kiếp người, gần như mọi việc đều có sự an bài, sắp đặt từ trước mà mình không thể đoán biết, tiên liệu hay định đoạt được.

Ông "Xếp đầu đời" tại đài phát thanh Saigon là Nhạc sĩ Lê Dinh, ông "Xếp cuối đời" Nhà Binh của tôi là Chuẩn tướng Võ Dinh, Tham Mưu Trưởng Không Quân VNCH, một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay có sự sắp đặt nhiệm mầu nào?

(Bài được đăng trong Tuyển Tập Văn Bút Miền Đông Bắc Hoa Kỳ 2019)

Việt Nam Cộng Hòa: Từ phát thanh Saigon đến truyền hình

Đào Hiếu Thảo

(Tưởng nhớ Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền 1927-2005, người thầy, bậc đàn anh khả kính đã dẫn dắt tôi, từ phòng vi âm khép kín của radio Saigon, ra trước ống kính và màn ảnh truyền hình băng tầng số 9 của Việt Nam Cộng Hòa)

Năm 1966

Tạm yên ổn, hài lòng với việc làm xướng ngôn viên tin tức-thời sự đài phát thanh Saigon, tôi tiếp tục theo học Ban Pháp Văn ở đại học Văn Khoa và mỗi tối kèm trẻ em tại tư gia, lợi tức hàng tháng gấp đôi lương bổng những công chức chính ngạch cấp thấp thời đó.

Cuộc đời với những bất ngờ mà con người không thể đoán hay lường trước được, sự đổi thay có khi mang lại may mắn, niềm vui, có lúc đưa đến vận rủi, tuyệt mệnh như ngày 30 tháng 4 đen năm 1975, khiến hàng trăm ngàn người không lâm cảnh tù đày thì cũng bị VC gạt gẫm hay xua đuổi đi "Vùng Kinh Tế Mới" sống kiếp như "trâu ngựa", trăm ngàn người khác phải đi tìm đường sống bằng cách vượt biên, vượt biển để rồi bỏ xác thân trong rừng sâu, nước độc hay biển cả mênh mông chỉ vì hai chữ "Tự Do".

Năm 1967 chánh phủ Việt Nam Cộng Hoà muốn đưa tiếng nói đến thôn quê, vùng duyên hải và tận miền sơn cước hẻo lánh nên đã kiện toàn hệ thống truyền thanh quốc gia với đài phát thanh trung ương Saigon và các thành phố lớn như Cần Thơ, Nha Trang, Đà Lạt, Ban Mê Thuột, Huế, Đà Nẵng, Đông Hà… đều có đài phát thanh địa phương được thành lập...Tuy nhiên, theo sau Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Hoa Lục Địa, một số quốc gia láng giềng trong khu vực Á Châu cũng bắt đầu có truyền hình như Đài Loan, Singapore, Malaysia, Thái Lan ... nên để đáp ứng nhu cầu thông tin và phương tiện tuyên truyền, Bộ Thông Tin Việt Nam Cộng Hòa quyết định thiết lập đài TV Saigon/ Băng Tầng số 9, đặt trụ sở tại đường Hồng Thập Tự, quận Nhất, nằm sát với cơ sở truyền hình của quân đội Hoa Kỳ.

Từ cuối năm 1967, mỗi tối có chương trình phát hình đen trắng do quân lực Hoa Kỳ thực hiện bằng tiếng Anh phục vụ các quân nhân Mỹ đang tham chiến tại Việt Nam. Chương trình thường kéo dài vài giờ đồng hồ, phát từ phi cơ của không lực Hoa Kỳ, với phần tin tức, thời sự cùng các tiết mục ca nhạc, giải trí và phim ảnh.

Trong giai đoạn sơ khai TV Saigon (THVN 9) được các chuyên viên Hoa Kỳ yểm trợ về cơ sở, trang bị, đào tạo nhân viên chuyên môn và cố vấn kỹ thuật.

Ban Xướng Ngôn Viên của Đài Truyền Hình Saigon năm 1972

Thành phần xướng ngôn viên tin tức thời sự đa số do đài phát thanh Saigon tăng phái, một số ít tuyển từ bên ngoài. Các anh chị từ radio được cử sang TV có anh Hồng Phúc, Trần Nam và chị Mai Liên.

Thời đó, bên hệ thống A đài phát thanh Saigon, tôi phụ trách đọc tin tức thời sự live (trực tiếp) và mỗi khi trên hệ thống C - Sở Ngoại Ngữ cần người thay thế các đồng nghiệp, tạm thời đọc tin bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh, tôi được giao phụ đọc các bản tin ấy. Chương trình ngoại ngữ gồm các tiếng Hoa, Miên, Thái, Anh và Pháp, phát thanh trong vòng một tiếng đồng hồ hàng ngày mỗi buổi trưa và tối. Ngoài ra, cùng với các đồng nghiệp thâm niên công vụ tại đài phát thanh Saigon, mỗi trưa thứ ba hàng tuần, tôi được cử đến rạp Thống Nhất, đọc kết quả xổ số do Nha Xổ Số & Kiến Thiết Quốc Gia tổ chức, anh chị em nhận được món thù lao "nặng tay" vào những dịp đó.

Khi còn sinh hoạt trong Gia Đình Phật Tử ở chùa Giác Minh, Quận 3 Saigon vào những chiều chủ nhật, tôi thường thấy nhạc sĩ Nguyễn Hiền đến thăm và hầu chuyện cùng quý Thầy, nhà ông cũng gần chùa, trên đường Phan Thanh Giản.

Khi có trình diễn văn nghệ trước công chúng, nhạc sĩ Nguyễn Hiền thường hướng dẫn chúng tôi tận tình từng chi tiết để chương trình được hoàn hảo như ý, vào dịp Đức Phật Thích Ca Đản Sinh, có khi các đoàn sinh Gia Đình Phật Tử Giác Minh được mời lên TV đóng góp tiết mục ca nhạc kịch thì ông lại lo đạo diễn và sắp đặt cho chúng tôi từng bước một. Trong các buổi xuất hiện trên TV Saigon, tôi thường được phân công là người MC và cùng với các anh chị Huynh Trưởng khác hướng dẫn các tiết mục văn nghệ: hợp ca, đơn ca, hoà tấu nhạc, thoại kịch, ảo thuật, biểu diễn võ thuật...

Được biết, nhạc sĩ Nguyễn Hiền sinh hoạt văn nghệ rất sớm từ khi còn sinh sống ở Hà Nội, năm 1950, mới 23 tuổi ông là nhạc trưởng ban nhạc "Hotel de Paris". Di cư vào Nam năm 1954, ông đã phục vụ Ngành Chiến Tranh Tâm Lý, các Bộ Thông Tin, Dân Vận & Chiêu Hồi rồi Xây Dựng Nông Thôn. Tại Đài Phát Thanh Saigon ông giữ chức Chánh Sở Chương Trình kiêm Quản Đốc chương trình phát thanh Thương mại. Năm 1968, ông được cử sang TV Saigon làm Phụ tá Giám đốc cho ông Trần Văn Bửu, một chuyên gia truyền thông từng được đào tạo ở Pháp.

Những ca khúc nổi tiếng của nhạc sĩ Nguyễn Hiền để lại cho đời được ưa chuộng là: *Anh Cho Em Mùa Xuân, Hoa Bướm Ngày Xưa, Nghìn Năm Mây Bay, Tìm Đâu (1961, tặng ca sĩ **Lệ Thu**) Về Đây Nghe Anh* (soạn chung với Nhật Bằng), *Bước Chân Dĩ Vãng, Tiếng Hát Học Trò, Thầm Ước, Ân Tình Lên Ngôi, Buồn Ga Nhỏ ...*

Cố Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền

Ngay sau khi nhận lãnh trách vụ mới, ông xúc tiến kế hoạch kiện toàn, cải tiến nội dung chương trình THVN để thu hút sự theo dõi của khán giả trên toàn quốc, trong kế hoạch chánh phủ quốc gia đang đẩy mạnh chiến dịch "đấu tranh chính trị" với cộng sản miền Bắc.

Bộ mặt chính của TV Saigon cũng cần được tăng cường kịp thời mà ưu tiên là tuyển dụng thêm xướng ngôn viên tin tức thời sự, bình luận thời cuộc, đặc biệt nam giới và nói giọng Miền Nam là cần thiết trước khi TV Saigon tăng giờ phát hình từ 6 giờ chiều đến 11 giờ 30 hằng đêm. Nhân viên tân tuyển lúc bấy giờ có quý chị Phan Tuỳ, Hoàng Lê Hợp, Lệ Hoa, Oanh Oanh, Nguyễn Trịnh Thị Thứ và các anh Nguyễn Đình Khánh, Trần Công Việt.

May mắn cho tôi, theo đánh giá của "Anh Hiền" tức Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền thì tôi là một ứng viên có đầy đủ điều kiện, nhưng ông không nói rõ vì sao. "Anh Hiền" và "em" là cách xưng hô thân mật giữa ông và tôi từ khi biết ông ở radio Saigon và tại chùa Giác Minh đến mãi về sau, dù ông đáng tuổi cha, chú của mình.

Với tôi, khi được biệt phái sang TV mùa Xuân 1968 ngay sau cuộc tổng công kích của Việt Cộng vào Tết Mậu Thân, là một thay đổi hoàn toàn bất ngờ, một dịp may bằng vàng, vô cùng hiếm có cho một xướng ngôn viên phát thanh trẻ yêu nghề, hăng hái với công việc, nhưng âm thầm không tên tuổi. Lúc ấy, chuyện giới thiệu tên họ người trình bày tin tức, phóng sự vào mỗi đầu giờ, qua các chương trình radio là không cần thiết.

Thủ tục tuyển dụng rất đơn giản, tôi được anh Hiền đưa từ đài phát thanh qua truyền hình, tuy chỉ cách nhau trên một km, nhưng đoạn đường ngắn ngủi đó đã thay đổi cả đời tôi và *cái duyên, cái nghiệp* trong ngành *truyền thông* đã đưa tôi vào một ngã rẽ mà có nằm mơ tôi cũng chả dám kỳ vọng đến.

Sau này vào những năm 1972, 1973 đã từng có cả ngàn thí sinh dự thi những cuộc thi tuyển xướng ngôn viên tin tức, thời sự cho đài truyền hình Saigon, trong số đó chỉ có vài đồng nghiệp được chọn. Tính đến 30 tháng 4 năm 1975, ngày miền Nam tự do bị xoá tên, Hệ Thống Truyền Hình Saigon/ Băng Tầng 9 chỉ có tổng cộng 16 nam nữ xướng ngôn viên, do anh Trần Nam làm Trưởng Ban.

Công việc chính của tôi ở đài phát thanh và truyền hình Saigon là đọc tin tức-thời sự live, nội dung các bản tin quốc nội-quốc ngoại, bài bình luận, xã luận, nhận định, phóng sự do các biên tập viên, phóng viên biên soạn và chuyển về từ bốn Vùng Chiến Thuật. Bản tin thông thường được đánh máy trừ khi gấp rút, bất thình lình thì mới viết bằng tay. Mặc dù những bản tin chính rất dài, từ 30 đến 45 phút, nhưng do thói quen, sự may mắn, chuyện đọc sai sót, vấp váp hầu như không hề xảy ra, có thể vì nhanh mắt mà cũng có thể vì tôi được "Ông Tổ" đãi ngộ.

Từ Phủ Tổng Thống, Phủ Thủ Tướng và Bộ Thông Tin (sau này là Bộ Dân Vận & Chiêu Hồi) có những phần hành luôn theo dõi nội dung các bản tin, các chương trình radio & TV một cách sát sao, mỗi khi có sai sót là bị khiển trách theo hệ thống từ trên xuống dưới, tái phạm có thể bị cho thôi việc.

Năm ấy, với tuổi đời mới hơn 20, tôi làm nhiều công việc cùng một lúc, bây giờ tôi vẫn không thể hiểu sao mà mình có thể cáng đáng nổi, vừa học ở Văn Khoa, đọc tin đài phát thanh Saigon, đài truyền hình

Băng Tần số 9 và còn đi dạy kèm trẻ ở tư gia. Cứ luân phiên, ở đài phát thanh, tôi làm ca đêm từ 7 giờ chiều đến 7 giờ sáng hôm sau. TV thì từ 6 giờ chiều đến 11 giờ 30 đêm và làm một đêm, thì được nghỉ hai đêm kế đó.

Nội dung chương trình TV Saigon thời ấy gồm có: thông báo, tin ngắn, tin thời tiết, tin quốc nội, quốc ngoại, tin chiến sự, bình luận, phóng sự, điểm báo, ca nhạc tân cổ, cải lương, hát bộ, các chương trình văn học, nghệ thuật, xã hội, tìm hiểu về cuộc sống "muôn màu và quanh ta"... Phần lớn thời lượng được dành để phổ biến đường lối, chính sách quốc gia, hoạt động của vị nguyên thủ, cấp lãnh đạo hành pháp, lập pháp và chỉ huy quân lực.

Cái duyên, cái nghiệp với truyền thông phải gián đoạn vì khi đợt Tổng Công Kích Tết Mậu Thân đầu xuân 1968 bất thành, ít tháng sau, cộng sản Bắc Việt lại mở những đợt tấn công dồn dập khác, gây tổn thất nặng cho quân dân Miền Nam, chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa ra lệnh tổng động viên, gia tăng khả năng quốc phòng, cải tiến quân đội, hầu đẩy lui làn sóng xâm nhập và lấn chiếm của đối phương phía Bắc.

Dù hội đủ điều kiện được miễn dịch vì lý do nghề nghiệp và gia cảnh, nhưng vì muốn một nếp sống mới, muốn xa Saigon, muốn cơ hội du học Hoa Kỳ, tôi quyết định xin gia nhập Không Quân vào tháng 9, năm Mậu Thân 1968, theo lời kêu gọi "Tòng Quân, Giúp Nước, Diệt Cộng" của chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa.

1974

Song song với điểm đậu cao của những môn học khác, nhờ được trực tiếp tham gia vào việc truyền tải tin tức hàng ngày, tôi đã nghiên cứu, tổng hợp, biên soạn và trình bày trọn vẹn về *"Phần tin tức, thời sự"* trên Hệ Thống Truyền Hình & Điện Ảnh Việt Nam trong đề tài cho luận văn tốt nghiệp cử nhân báo chí tại đại học Vạn Hạnh (niên khóa 1973-1974). Luận án này một phần nào đã giúp cho tôi được chấm đậu thủ khoa trong kỳ thi tốt nghiệp.

Năm 2002, gặp lại nhạc sĩ Nguyễn Hiền tại vùng thủ đô Washington khi ông về đây, ở lại nhà tôi để tham dự một buổi trình diễn văn nghệ, mục đích vinh danh ông. Trong câu chuyện thầy trò tâm tình nhạc sĩ Nguyễn Hiền cho tôi biết: cái quyết định "năm xưa đó là chỉ thị của Phủ Đầu Rồng" cần có một nam xướng ngôn viên tin tức thời sự, với giọng miền Nam, nên "anh đã chọn Thảo và được Trên chấp thuận ngay".

Xin được kết thúc bài viết này bằng lời tri ân chân thành đến Hương Linh Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền, Anh đã gầy dựng cho tôi một chỗ đứng trong ngành truyền thông suốt mấy chục năm từ Saigon qua Bruxelles đến Washington, mà cho tới hôm nay tôi vẫn còn được đóng góp tiếng nói phục vụ cộng đồng Việt Nam khi cần đến.

Lần chia tay với quý thính gỉa RFA để nghỉ hưu, kết thúc buổi phát thanh sáng thứ 7, 26 tháng 5, 2012, vì nhớ người Thầy, người Anh, tôi đã mời bà con nghe sáng tác nổi tiếng của nhạc sĩ Nguyễn Hiền *" Anh Cho Em Mùa Xuân"* qua tiếng hát Hồ Hoàng Yến.

Một lần nữa, xin chân thành biết ơn và tưởng nhớ Huynh Trưởng, Nhạc Sĩ Nguyễn Hiền kính mến và cũng cảm tạ quý đọc giả đã đến với chúng tôi qua những lời tâm tình này.

Đào Hiếu Thảo/Th2

CRIMS AGAINST HUMANITY BY THE COMMUNISTS

Ladies and Gentlemen,

First, I would like to remind you that we have a Victims of Communism Memorial right here in Washington, D.C., within view of the U.S. Capitol. The memorial was dedicated by President George W. Bush on June 12, 2007. It is dedicated to more than one hundred million victims of communism. This figure is four times the number of victims killed by the Nazis in World War 2.

Victims of Communism include those who were killed, starved, massacred in Russia, Ukraine, China, Cambodia, East Germany, Poland, Ethiopia, and in the Vietnam war. They could be Vietnamese or Cubans who drowned in the ocean while on the way to seek freedom. Currently, four communist countries remain around the world: Cuba, China, Vietnam and North Korea.

To learn more about the monstrous crimes of communism, I invite you to read "The Black Book of Communism (Crimes, Terrors, Repression)" by Stephane Courtois, in which you can find thousands upon thousands acts of terrorism, repression and killings. Millions of copies of this book were sold in a short period of time.

Let me go back to the case of Vietnam.

South Vietnam was annexed, not by the people's uprising but by Communist tanks and guns on April 30, 1975. That date is considered to be an unprecedented life changing event throughout Vietnam's four thousand year history.

Only days after the occupation, the middle class families in South Vietnam were devastated, they were forced to surrender all their cash to the new government. Each family received back 200 Vietnam dong, the new type of currency; the rest were confiscated by the new government.

South Vietnamese who served in the military or were civil servants or intellectuals were deported to various concentration camps to perform hard labor tasks, to produce their own food under the supervision of cruel communist guards.

Hundreds of thousands of people were detained in thousands of these so called "re-education camps" set up across the country. Many of them were locked up for more than 20 years, tens of thousands of them died of hunger, cold, illness, and exhaustion from hard labor, as they lived and were treated like animals.

Their wives and children were evicted out of their homes in cities, they had to go to remote areas called "The New Economic Zones," where they had to build their own houses and produce their own food from scratch, using basic tools like shovels, hoes, hammers and so on. The truth is the Communist victors just wanted to retaliate and impoverish families of those who had served the former regime.

Throughout four thousand years of history, the Vietnamese were invaded many times by the Chinese and colonized by the French, no one ever had the idea to leave the country. And yet, when the war ended in 1975 with the victory of the North, millions of people desperately tried to look for ways to escape the new repressive regime, with its dictatorship and oppression.

Fourty-One years have passed, but currently, basic human rights are still being violated, there are no basic freedoms at all. Hundreds of thousands of people have lost their lives in search of freedom.

Vietnam today is one of the most corrupt countries in the world, it is among the ten top countries that stifle freedom of the press, and I undertand that some U.S. Congressmen have suggested putting Vietnam back on the list of Countries of Particular Concern, or CPC, because of lack of religious freedom.

The Vietnamese people's per capita income now is about Twenty-One-Hundred U.S. dollars a year. Currently, there is an environmental disaster with thousands of tons of dead fish along the country's 200 miles of coastal areas, which put millions of people at risk of hunger.

(Before turning this microphone to another speaker) I would like to thank the Colonial Republican Women's Club for giving me the opportunity to tell the truth about communism and thank all of you for listening.

Thao Dao

Crimes against humanity by the Communists

Ladies and Gentlemen,
First, I would like to remind you that we have a Victims of Communism Memorial right here in Washington, D.C., within view of the U.S. Capitol. The memorial was dedicated by President George W Bush on June 12, 2007. It is dedicated to more than one hundred million victims of communism. This figure is four times the number of victims killed by the Nazis in World War 2.

Victims of Communism include those who were killed, starved, massacred in Russia, Ukraine, China, Cambodia, East Germany, Poland, Ethiopia, and in the Vietnam war. They could be Vietnamese or Cubans who drowned in the ocean while on the way to seek freedom.
Currently, four communist countries remain around the world: Cuba, China, Vietnam and North Korea.
To learn more about the monstrous crimes of communism, I invite you to read "The Black Book of Communism (Crimes, Terrors, Repression)" by Stephane Courtois, in which you can find thousands upon thousands acts of terrorism, repression and killings. Millions of copies of this book were sold in a short period of time.
Let me go back to the case of Vietnam.
South Vietnam was annexed, not by the people's uprising but by Communist tanks and guns on April 30, 1975. That date is considered to be an unprecedented life changing event throughout Vietnam's four thousand year history.
Only days after the occupation, the middle class families in South Vietnam were devastated, they were forced to surrender all their cash to the new government. Each family received back 200 Vietnam dong, the new type of currency; the rest were confiscated by the new government.
South Vietnamese who served in the military or were civil servants or intellectuals were deported to various concentration camps to perform hard labor tasks, to produce their own food under the supervision of cruel communist guards.
Hundreds of thousands of people were detained in thousands of these so called "re-education camps" set up across the country. Many of them were locked up for more than 20 years, tens of thousands of them died of hunger, cold, illness, and exhaustion from hard labor, as they lived and were treated like animals. Their wives and children were evicted out of their homes in cities, they had to go to remote areas called "The New Economic Zones," where they had to build their own houses and produce their own food from scratch, using basic tools like shovels, hoes, hammers and so on. The truth is the Communist victors just wanted to retaliate and impoverish families of those who had served the former regime.

Throughout four thousand years of history, the Vietnamese were invaded many times by the Chinese and colonized by the French, no one ever had the idea to leave the country. And yet, when the war ended in 1975 with the victory of the North, millions of people desperately tried to look for ways to escape the new repressive regime, with its dictatorship and oppression.
41 years have passed, but currently, basic human rights are still being violated, there are no basic freedoms at all. Hundreds of thousands of people have lost their lives in search of freedom.
Vietnam today is one of the most corrupt countries in the world, it is among the ten top countries that stifle freedom of the press, and some U.S. Congressmen have suggested putting Vietnam back on the list of Countries of Particular Concern, or CPC, because of lack of religious freedom.
The Vietnamese people's per capita income now is about 2,100 U.S. dollars a year. Currently, there is an environmental disaster with thousands of tons of dead fish along the country's 200 miles of coastal areas, which put millions of people at risk of hunger.
I would like to thank the Colonial Republican Women's Club for giving me the opportunity to tell the truth about communism and thank all of you for listening

Tội ác do cộng sản gây ra đối với nhân loại

Đài Tưởng Niệm 100 triệu nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản được Tổng Thống Hoa Kỳ George W Bush khánh thành vào ngày 12 tháng 6, 2007 trong một khuôn viên trong thủ đô Washington DC, trong tầm nhìn của quốc hội Hoa Kỳ về hướng Tây. Con số này gấp bốn lần số nạn nhân bị Đức Quốc Xã sát hại trong thế chiến thứ 2, 1939-1945.

Họ là những nạn nhân bị giết, bị chết đói, bị tàn sát ở Nga, Ukraina, bên Trung Quốc, Campuchia, Đông Đức, Ba Lan, Ethiopia, bị chết chìm trong bước đường đi tìm tự do ở Việt Nam và Cuba.

Hiện nay trên thế giới chỉ còn bốn quốc gia theo cộng sản là Trung Quốc, Việt Nam, Cuba và Bắc Triều Tiên.
Để tìm hiểu thêm về tội ác tày trời của cộng sản, xin mời quý vị tìm đọc: The Black Book Of Communism (crimes, terrors, repression) của Stephane Courtois, liệt kê những hành động khủng bố, đàn áp, bắn giết. Hàng triệu cuốn đã được tiêu thụ nhanh chóng.

Trở lại với hoàn cảnh đất nước chúng tôi, Miền Nam Việt Nam bị cộng sản Hà Nội thôn tính bằng võ lực vào ngày 30 tháng 4, 1975, được xem là một cuộc đổi đời chưa từng có trong suốt mấy ngàn năm lịch sử.
Tư sản bị trấn lột, tất cả dân chúng Miền Nam bị buộc phải đổi tiền mới, mọi người chỉ cầm về 200 đồng, số tiền còn lại bị chánh quyền mới vơ vét sạch.
Quân nhân, công chức, trí thức bị tập trung đày tới những trại tập trung, lao động khổ sai, phải canh tác lương thực nuôi tự nuôi sống mình và cung phụng cho bọn cai ngục độc ác.

Tổng số người bị giam cầm lên tới vài trăm ngàn người, bị nhốt trong hàng ngàn trại tù khắp hai miền Nam-Bắc Việt Nam. Có người bị ngồi tù hơn 20 năm, hàng chục ngàn người chết vì đói, rét, đau bệnh, làm việc nặng nhọc, kiệt sức bị đối xử và sinh sống như súc vật.
Vợ con những tù nhân này bị xua đuổi khỏi thành phố, chuyển về nông thôn, gọi là "Vùng Kinh Tế Mới" sự thật là phải cày ruộng, chăn nuôi, lao động tay chân với cuốc xẻng, dụng

cụ thô sơ, một hình thức trả thù thâm độc, bần cùng hoá gia đình các viên chức từng phục vụ chế độ cộng hoà.

Trong lịch sử Việt Nam, từ nhiều ngàn năm qua, từng bị Tàu đô hộ, rồi Pháp xâm chiếm, rồi chiến tranh quốc cộng, không một ai muốn bỏ xứ ra đi. Sau khi cộng sản chiếm đoạt và cai trị bằng sắt máu thì hàng hàng lớp lớp người từ thành thị đến nông thôn, miền núi đều muốn tìm cách vượt thoát chế độ hà khắc, độc tài, bóp nghẹt mọi quyền sống của con người, xoá bỏ tôn giáo, cấm đoán tự do ngôn luận.
Hàng triệu người đã vượt biển, băng rừng, tìm tự do, hàng trăm ngàn người đã chết chìm ngoài đại dương hay bỏ xác trong chốn rừng núi.
Ngày nay đất nước Việt Nam của chúng tôi đứng vào những nước tham nhũng nhất thế giới, bị xếp hạng gần chót trong những nước bóp nghẹt tự do báo chí và bị đề nghị đưa trở lại danh sách CPC, là danh sách các quốc gia không có tự do tôn giáo.
GDP của người dân Việt trung bình là 2100 đô la một năm.
Tin tức đáng chú ý hiện nay là nạn cá chết hàng loạt, hàng trăm tấn mỗi ngày trên duyên hải kéo dài trên 200 miles, khiến hàng triệu người dân có nguy cơ bị đói.
Xin cám ơn Ban Tổ Chức cho tôi cơ hội để nói lên sự thật về cộng sản và cám ơn quý vị đã lắng nghe.

Bài nói chuyện nhân kỷ niệm 50 năm đậu tú tài II
2 ngôn ngữ Việt Pháp

JJR MC 50 RETROUVAILLES VN

Bài nói chuyện nhân kỷ niệm 50 năm đậu tú tài II

Thưa quý vị quan khách, quý thân hữu,

Thưa các bạn cùng trường, cùng lớp Jean Jacques Rousseau/ Marie Curie ra trường năm 1965

Thật là một duyên lành, sự may mắn, nói đúng ra, có thể tin đây là một phép nhiệm màu, đã cho chúng ta cơ hội hiếm có được họp mặt vui vẻ hôm nay tại vùng thủ đô Hoa Kỳ, xứ sở tự do hàng đầu thế giới, trong khi đất nước VN chúng ta vẫn còn thiếu những quyền căn bản của con người, trong đó có quyền được sống như người văn minh, tiến bộ.

Nữa thế kỷ đã qua, kể từ ngày chúng ta rời mái trường, thế giới và nhân loại đã trải qua bao biến đổi, thế sự thăng trầm, bao thiên tai, thảm họa, chinh chiến, ngục tù, trong đó có cuộc đổi đời ngày 30 tháng tư đen năm 1975, nước mất, nhà tan, Miền Nam bị xoá tên, bị hoàn toàn nhuộm đỏ, máu loan biển cả, đến "cái cột đèn" cũng muốn bỏ xứ ra đi.

Diễm phúc thay khi chúng ta còn được tìm đến với nhau, tay bắt mặt mừng, cười đùa, nhắc nhớ chuyện xưa cũ, lúc mái đầu còn xanh, dưới mái trường thân yêu, để học hành, trao dồi, tiến thân, trở thành người hữu ích cho đất nước, xã hội và gia đình, thật là cảm động đến rơi nước mắt. Còn niềm vui nào hơn hôm nay.

Xin cám ơn tấm lòng thân thiết của quý quan khách, thân hữu, cám ơn sự hưởng ứng nhiệt thành của các bạn cùng lớp ra trường năm 1965, đến từ quê nhà VN, Canada, Âu Châu, khắp nước Mỹ về đây hội ngộ, phải hy sinh về thời gian, công việc, tiền của, vượt qua khó khăn, phức tạp trong cuộc sống lúc tuổi đời xế chiều.

Chúng ta cũng không bao giờ quên những bạn học đã không còn trên cõi đời này, bỏ mình trong chiến tranh, ngục tù cộng sản, trên đường tìm tự do, trong cơn đau bệnh, rủi ro, hoạn nạn.

Lát nữa đây, xin đề nghị cùng ta cùng đứng lên, dành một phút yên lặng tưởng nhớ bạn thân thương đã vĩnh viễn ra đi.

Ngày nay tuy phần lớn trong chúng ta đã được thanh thảng nghỉ ngơi, nhưng trong suốt nửa thế kỷ qua, anh chị em chúng ta đã ít nhiều đóng góp công sức, khả năng, sáng kiến, trí tuệ trong mọi lãnh vực cho tổ quốc, đồng bào, xã hội và cho quê hướng thứ 2 nơi mà chúng ta được hưởng cuộc sống tự do, hạnh phúc , tương lai hứa hẹn cho con cháu.

Xin tri ân các quốc gia và người dân Âu Châu, Bắc Mỹ đã cho chúng ta một cuộc sống mới bình yên, no ấm, sung túc nếu so sánh với số phận của hàng chục triệu đồng hương còn sống thiếu thốn mọi bề nơi quê nhà xa thẫm.

Đến đây, chúng tôi xin hân hạnh giới thiệu các bạn trong Ban Tổ chức:

AC Văn Sơn Trường, AC Vĩnh Đại, AC Ngô Thành Lang, AC Trần Tử Thanh, AC Phạm Chí Hải, AC Đỗ Lịnh Dũng và chúng tôi là Đào Hiếu Thảo & Thuận.

Trước khi nhường lời và hân hạnh giới thiệu bạn Vũ Quỳnh Anh, Đại Diện Ban Tổ Chức, người bạn đã suốt năm qua đóng góp sáng kiến, tận tụy, lo lắng, suy tính trăm bề để chúng ta có được buổi hội ngộ quý báu hôm nay, xin mời quý vị, các bạn cùng đứng lên để tưởng nhớ những bạn cùng trường, cùng lớp đã ngàn thu an giấc.

Phút mặc niệm bắt đầu

Phút mặc niệm chấm dứt, kính mời quý vị an tọa

Xin mời bạn Quỳnh Anh, cám ơn quý vị và các bạn rất nhiều

VA, 10/03/2015

Th2

Bài nói chuyện nhân kỷ niệm 50 năm đậu tú tài II (tiếng Pháp)
Chers invités, chers amis,

Chers camarades de classe, Jean Jacques Rousseau/ Marie Curie (promotion 1965)

C'est véritablement une merveille, à proprement parler, un miracle, qu'il nous est donné l'occasion de nous réunir de façon heureuse à Washington D.C., capitale des États-Unis d'Amérique, pays où la liberté est prééminente alors que le plus élémentaire des droits de l'homme, à savoir le droit de vivre comme un être civilisé, progressiste, fait défaut au Vietnam, notre patrie.

Un demi-siècle s'est écoulé, depuis le jour où nous avons quitté le Lycée, nous assistons aux vicissitudes que traverse notre monde : catastrophes naturelles, drames humains, guerres, emprisonnement, y compris le changement de régime du 30 avril 1975 : la République du Vietnam a perdu son existence. En effet, le pays devient communiste à son corps défendant, le sang colorant de rouge la mer. Même le lampadaire veut émigrer.

Nous sommes bénis de pouvoir nous retrouver dans la joie, nous remémorer le passé, notre jeunesse, notre école. Nous pouvons encore apprendre mutuellement, nous cultiver, progresser, devenir utile pour le pays, la société et la famille. Je suis ému jusqu'aux larmes. Y-a-t-il un plus grand bonheur que celui de nous réunir, aujourd'hui?

Je tiens à exprimer à mes condisciples de la promotion 1965 mes très vifs remerciements d'avoir répondu favorablement à cette réunion : qu'ils soient venus du Vietnam, du Canada, d'Europe ainsi que des quatre coins des États-Unis d'Amérique. Nous avons investi du temps, de l'argent,dû surmonter les difficultés et autres tracasseries du quotidien, surtout à notre âge.

Nous garderons toujours en mémoire nos camarades qui ont quitté ce monde, tués dans la guerre, victimes des camps de concentration communiste, à la recherche de la liberté, surpris par la maladie et autres tribulations.

Tout à l'heure, je proposerais une minute de silence dédiée à la mémoire de nos camarades disparus.

Aujourd'hui, la plupart d'entre nous « cultive son jardin » pour parler comme Voltaire, mais au cours de la seconde moitié du siècle dernier, chères amies et chers amis, nous avons contribué par notre effort, notre capacité, nos initiatives et notre sagesse dans tous les domaines pour notre pays ainsi que pour notre pays d'accueil, où nous avons joui de la liberté , du bonheur et de pouvoir offrir à nos descendants un avenir prometteur.

De tout cœur remercions les pays d'Europe et d'Amérique du Nord qui nous ont offert une nouvelle vie paisible, prospère comparé au sort des dizaines de millions compatriotes végétant dans toutes sortes de privation au pays.

A présent, permettez-moi de vous présenter les membres du Comité organisateur:

AC Văn Sơn Trường, AC Vĩnh Đại, AC Ngô Thành Lang, AC Trần Tử Thanh, AC Phạm Chí Hải, Chị Cẩm Vân và chúng tôi là Đào Hiếu Thảo & Thuận.

Avant de vous présenter Madame Vu Quynh Anh, représentant des organisateurs, qui ont tout au long de l'année , contribué au succès de la réunion d'aujourd'hui, je vous invite à vous lever en souvenir de nos camarades décédés.

La minute commence.

La minute prend fin. Veuillez vous asseoir.

Voici Quynh Anh. Je vous remercie.

VA, 03/10/2015

Th2

Bài nói chuyện nhân kỷ niệm 50 năm đậu tú tài II (tiếng Pháp)
Chers invités, chers amis,

Chers camarades de classe, Jean Jacques Rousseau/ Marie Curie (promotion 1965)

C'est véritablement une merveille, à proprement parler, un miracle, qu'il nous est donné l'occasion de nous réunir de façon heureuse à Washington D.C., capitale des États-Unis d'Amérique, pays où la liberté est prééminente alors que le plus élémentaire des droits de l'homme, à savoir le droit de vivre comme un être civilisé, progressiste, fait défaut au Vietnam, notre patrie.

Un demi-siècle s'est écoulé, depuis le jour où nous avons quitté le Lycée, nous assistons aux vicissitudes que traverse notre monde : catastrophes naturelles, drames humains, guerres, emprisonnement, y compris le changement de régime du 30 avril 1975 : la République du Vietnam a perdu son existence. En effet, le pays devient communiste à son corps défendant, le sang colorant de rouge la mer. Même le lampadaire veut émigrer.

Nous sommes bénis de pouvoir nous retrouver dans la joie, nous remémorer le passé, notre jeunesse, notre école. Nous pouvons encore apprendre mutuellement, nous cultiver, progresser,

devenir utile pour le pays, la société et la famille. Je suis ému jusqu'aux larmes. Y-a-t-il un plus grand bonheur que celui de nous réunir, aujourd'hui ?

Je tiens à exprimer à mes condisciples de la promotion 1965 mes très vifs remerciements d'avoir répondu favorablement à cette réunion : qu'ils soient venus du Vietnam, du Canada, d'Europe ainsi que des quatre coins des États-Unis d'Amérique. Nous avons investi du temps, de l'argent,dû surmonter les difficultés et autres tracasseries du quotidien, surtout à notre âge.

Nous garderons toujours en mémoire nos camarades qui ont quitté ce monde, tués dans la guerre, victimes des camps de concentration communiste, à la recherche de la liberté, surpris par la maladie et autres tribulations.

Tout à l'heure, je proposerais une minute de silence dédiée à la mémoire de nos camarades disparus.

Aujourd'hui, la plupart d'entre nous « cultive son jardin » pour parler comme Voltaire, mais au cours de la seconde moitié du siècle dernier, chères amies et chers amis, nous avons contribué par notre effort, notre capacité, nos initiatives et notre sagesse dans tous les domaines pour notre pays ainsi que pour notre pays d'accueil, où nous avons joui de la liberté , du bonheur et de pouvoir offrir à nos descendants un avenir prometteur.

De tout cœur remercions les pays d'Europe et d'Amérique du Nord qui nous ont offert une nouvelle vie paisible, prospère comparé au sort des dizaines de millions compatriotes végétant dans toutes sortes de privation au pays.

A présent, permettez-moi de vous présenter les membres du Comité organisateur :

AC Văn Sơn Trường, AC Vĩnh Đại, AC Ngô Thành Lang, AC Trần Tử Thanh, AC Phạm Chí Hải, Chị Cẩm Vân và chúng tôi là Đào Hiếu Thảo & Thuận.

Avant de vous présenter Madame Vu Quynh Anh, représentant des organisateurs, qui ont tout au long de l'année , contribué au succès de la réunion d'aujourd'hui, je vous invite à vous lever en souvenir de nos camarades décédés.

La minute commence.

La minute prend fin. Veuillez vous asseoir.

Voici Quynh Anh. Je vous remercie.

VA, 03/10/2015

Đào Hi* ếu Th ảo/*Th2

Ngày Nhân Quyền Cho Việt Nam năm thứ 25

Đào Hiếu Thảo

Tháng Năm hàng năm, Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam được tổ chức tại trụ sở Thượng Nghị Viện Hoa Kỳ, trong thủ đô Washington. Thứ năm 09 tháng 5, 2019 tại hội trường Hart lúc một giờ trưa Ngày Nhân Quyền Việt Nam được tổ chức trọng thể với sự hiện diện của hàng trăm quan khách Việt, Mỹ từ nhiều tiểu bang và đại diện nhiều quốc gia Á Châu như Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Tây Tạng, Mông Cổ, Baltistan, Gilgit, Cambodia.

Ban Tổ Chức và Điều Hành Ngày Nhân Quyền năm nay gồm: Cộng Đồng Việt Nam Vùng Washington DC, MD và VA, Tổ Chức Tập Hợp Vì Nền Dân Chủ, Hệ Thống Truyền Hình SBTN, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Liên Bang Hoa Kỳ, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ và Hậu Duệ Việt Nam Cộng Hòa Hải Ngoại là các con, em của quân, cán, chính VNCH, tiếp bước bậc cha anh, dấn thân phục vụ chánh nghĩa quốc gia.

Buổi lễ bắt đầu với nghi thức chào quốc kỳ hiệp chúng quốc Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hoà và phút mặc niệm để tưởng nhớ các đồng bào và chiến sĩ đã hy sinh vì lý tưởng tự do, dân chủ, nhân quyền. Kể từ khi cộng sản Bắc Việt xâm lăng, chiếm đoạt Miền Nam cách đây 44 năm, cho đến bây giờ, Lá Cờ Vàng Chánh Nghĩa Quốc Gia vẫn tung bay khắp thế giới tự do, nơi có người Việt định cư và trong suốt 25 năm qua được chào kính bên cạnh quốc kỳ Hoa Kỳ trong nghi thức khai mạc Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam hàng năm.

Ngày Nhân Quyền Việt Nam năm nay với chủ đề " Quyền tự do phát biểu/ Quyền tự do internet" được sự bảo trợ của Thượng Nghị Sĩ Tim Kaine của tiểu bang Virginia cùng một số Thượng nghị sĩ, Dân biểu lưỡng viện quốc hội, Tổng Liên Đoàn Lao Công và Lao Động Hoa Kỳ. Ngoài ra, còn có sự ủng hộ và bảo trợ của nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế, cộng đồng, tập thể cựu chiến sĩ, hội đoàn Người Việt Quốc Gia tại Hoa Kỳ và Canada.

Từ diễn đàn Quốc Hội Hoa Kỳ, tập thể người Việt hải ngoại cùng cất cao tiếng nói để đòi hỏi nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội trả lại quyền sống căn bản của người dân, chấm dứt đàn áp các phong trào tranh đấu cho tự do, dân chủ, tố cáo trước công luận thế giới việc dâng đất, hiến biển cho Tàu Cộng, qua luật đặc khu kinh tế 99 năm và phản đối ý đồ bịt mắt, khóa miệng người dân cả nước bằng luật an ninh mạng.

Thượng Viện và Hạ Viện Quốc Hội Hoa Kỳ thường xuyên đòi hỏi chính quyền Hà Nội phải sớm tiến tới bầu cử tự do, công bằng dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc tạo cơ hội cho toàn dân Việt quyền lựa chọn một chế độ chính trị đa nguyên phù hợp với nguyện vọng chính đáng của 95 triệu người.

Trong Nghị Quyết chung, Hoa Kỳ cũng yêu cầu Hà Nội phóng thích vô điều kiện tất cả tù nhân tôn giáo, chính trị, bảo đảm cho mọi người dân Việt Nam được bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt tín ngưỡng, sắc tộc, xu hướng chính trị, hay những liên hệ trong quá khứ trước tháng 4 năm 1975, phục hồi các quyền tự do ngôn luận, tôn giáo, di chuyển, lập hội, loại bỏ hệ thống độc tài, đảng trị, để cho tất cả các tổ chức chính trị được tự do hoạt động mà không bị đe doạ hay bị cấm đoán.

Tham gia Ngày Nhân Quyền Việt Nam mỗi năm là cơ hội để cộng đồng người Việt mạnh mẽ bày tỏ và thể hiện cụ thể ý chí cùng tấm lòng sát cánh , triệt để ủng hộ đồng bào nơi Quê nhà trong quyết tâm giải thể chế độ độc tài, toàn trị tại Việt Nam, sớm mang lại tự do, công bằng, lẻ phải cho toàn dân Việt.

Gần 3 giờ đồng hồ, trên 20 diễn giả gồm quý vị dân cử thuộc cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hoà Hoa Kỳ, đại diện tôn giáo, cộng đồng, hội đoàn, đảng phái chính trị Việt Nam và các quốc gia bạn đã cực lực lên án hành động của cộng sản Hà Nội vi phạm, chà đạp quyền làm người tại Việt Nam, cương quyết ủng hộ cuộc đấu tranh mang lại quyền sống chính đáng cho toàn dân nước Việt.

Trong số các diễn giả người Việt có ông Lý Thanh Phi Bảo, Chủ Tịch Cộng Đồng Việt Nam vùng Washington DC, Maryland, Virginia, ông Tạ Đức Trí, Thị Trưởng Westminster, California, cựu tù nhân lương tâm Mẹ Nấm Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, bà Jackie Bông Wright đại diện Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam, Giáo Sư Phan Thông Hưng, Chủ Tịch Hội Đồng Chấp Hành Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Liên Bang Hoa Kỳ…

Quan khách ngoại quốc lên tiếng trước diễn đàn có bà Libby Liu, Tổng Giám Đốc đài Á Châu Tự Do, ông Scott Busby, Cố Vấn đặc trách Dân Chủ, Nhân Quyền và Lao Động thuộc Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Thượng Nghị Sĩ Tim Kaine của Virginia, Thượng Nghị Sĩ John Cornyn của Texas, Dân Biểu Chris Smith của New Jersey, Dân Biểu Gerry Connolly của Virginia, Dân Biểu Sheila Jackson Lee của Texas, ông Charles Goolsby, Ủy Ban Truyền Thông Quốc Tế, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, cô Kristina Olney thuộc Ủy Ban Xây Dựng Tượng Đài Tưởng Niệm Nạn Nhân Cộng Sản, Tiến Sĩ Richard Saisomorn, Chủ Tịch Phong Trào Vận Động Dân Chủ Lào, ông Dorjee Tseten, Chủ Tịch Phong Trào Dân Chủ Tây Tạng, Tiến Sĩ Sen Nieh, Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ Giáo Phái Pháp Luân Công…

Từ Việt Nam, các vị lãnh đạo tinh thần, tù nhân lương tâm, nhân vật bất đồng chính kiến, nhà hoạt động dân chủ thuộc Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam, Hội Đồng Liên Kết Quốc Nội Hải Ngoại cũng gởi Tuyên Cáo chúc mừng Ngày Nhân Quyền Việt Nam và trình bày về những khó khăn, áp bức, sách nhiễu mà người dân trong nước phải cam chịu bấy lâu nay, đồng thời yêu cầu Hoa Kỳ đưa Hà Nội vào danh sách CPC là những quốc gia cần đặc biệt quan tâm vì chủ trương đàn áp tôn giáo, chà đạp nhân quyền.

Trong phần phát biểu các vị diễn giả ngoại quốc và Việt Nam cũng mạnh mẽ lên tiếng yêu cầu chính quyền Hà Nội phải thực thi tự do, dân chủ, tôn trọng nhân quyền, nếu muốn mở rộng ngoại thương, hợp tác quốc phòng với Washington.

Xin được nhắc lại, theo tinh thần nghị quyết SJ-168 của Quốc hội Hoa Kỳ và Công luật số 103-258 do Tổng thống Bill Clinton ban hành ngày 25 tháng 5 năm 1994, ngày 11 tháng 5 được chính thức công nhận là "Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam".

Chương trình lễ kỷ niệm Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam năm thứ 25 được các cơ quan truyền thông quốc tế và Việt Nam tường thuật. Buổi lễ kết thúc lúc 4 giờ chiều cùng ngày.

Dạ tiệc tiếp tân, khoản đãi các phái đoàn ở xa, các vị đại diện chánh quyền, quốc hội, tổ chức nhân quyền quốc tế, các dân tộc bạn được tổ chức lúc 7 giờ rưỡi tại nhà hàng Sea Pearl, thành phố Falls Church, VA.

Lên tiếng với VIETV, bác Sĩ Nguyễn Thị Diệu Thi, trong Ban Tổ Chức cho biết năm nay có cả ba thế hệ người Việt cùng bắt tay vào kế hoạch tổ chức Ngày Nhân Quyền.

Ông Nguyễn Đức Huy, Chủ Tịch Ban Chấp Hành Hậu Duệ Việt Nam Cộng Hòa Hải Ngoại nói lên sự hưởng ứng và tiếp tay của giới trẻ hầu tiếp nối truyền thống của các bậc cha anh.

Ông Lý Thanh Phi Bảo, Chủ Tịch Cộng Đồng Việt Nam vùng Washington DC, Maryland và Virginia kêu gọi đồng hương mạnh mẽ tham gia vào các cuộc bầu cử để có tiếng nói hữu hiệu cạnh chính giới Hoa Kỳ trong cuộc vận động cho dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam.

Bác Sĩ Võ Đình Hữu, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Liên Bang Hoa Kỳ, trình bày về tình trạng nhân quyền tồi tệ tại Việt Nam sau 44 năm cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam và tin rằng nhất định sự hà khắc đó phải sớm chấm dứt.

Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân, một trong các thành viên vận động và tham gia Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam từ năm 1994, trình bày suy nghĩ của mình về đoạn đường một phần tư thế kỷ qua và hy vọng vấn đề quyền làm người tại Việt Nam sẽ được cải tiến.

Phóng viên đài phát thanh Tập Hợp Vì Nền Dân Chủ tường trình từ thủ đô Washington, Hoa Kỳ.

Với tổng thống Nguyễn Văn Thiệu

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và phu nhân
Đào Hiếu Thảo và phu nhân

Với tổng trưởng Dân vận và Chiêu Hồi Hoàng Đức Nhã

Nhà báo MC Đào Hiếu Thảo

Nhà báo, nhà văn Đào Hiếu Thảo

Đào Hiếu Thảo và phu nhân

Tiểu sử

ĐÀO HIẾU THẢO

- **Sinh tại Saigon năm 1947**
- **1965, tú tài 2, Trung học Jean Jacques Rousseau, Saigon**
- **Thủ khoa Ban Báo Chí, Viện Đại Học Vạn Hạnh, Saigon, 1974.**
- **Xướng ngôn viên tin tức, thời sự, hệ thống phát thanh, truyền hình quốc gia thuộc Bộ Dân Vận & Chiêu Hồi, trước khi gia nhập Không Quân VNCH năm Mậu Thân 1968.**
- **Được đào tạo tại trung tâm huấn luyện tân binh Quang Trung, trường Bộ Binh Thủ Đức, trung tâm huấn luyện Không Quân Nha Trang, quân trường Lackland Air Force Base, Texas và Fort Benjamin Harrison, Indiana, Hoa Kỳ.**
- **Thuyên chuyển về Bộ Tư Lệnh Không Quân/Tân Sơn Nhất năm 1970, là phóng viên chiến trường, sĩ quan thông tin báo chí, Trưởng ban Biên Tập, Phát Thanh, Truyền Hình, Trưởng khối Cổ Động Tuyên Truyền, Chánh Văn Phòng Tham Mưu Trưởng Không Quân. Cấp bậc sau cùng là Đại Úy hiện dịch.**
- **Sau tháng 4 năm 1975, bị giam cầm 6 năm trong 7 trại tù cộng sản, hai miền Nam Bắc.**
- **Định cư tại vương quốc Bỉ năm 1982, làm phụ bếp, thợ in rồi công chức tại viện đại học Bruxelles/ULB**
- **Sang Hoa Kỳ năm 1997, làm phóng viên cho Đài Á Châu Tự Do/RFA.**
- **Nghỉ hưu năm 2013, cho đến nay còn tiếp tục công việc truyền thông, phát thanh, truyền hình, viết báo phục vụ Cộng Đồng**
- **Hội Viên của Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ**

Hồi Ký "Duyên" và "Nghiệp" là những trang hồi ký của cựu chiến sĩ VNCH qua ngòi bút hấp dẫn của Văn Hữu ĐÀO HIẾU THẢO.

Hồng Thuỷ
Chủ tịch Văn Bút VĐBHK

" Rất thích thú được đọc hai bài viết của anh Đào Hiếu Thảo. Như Phương Hoa nhận xét, chuyện 50 năm trước mà đọc lại thấy như mới xảy ra ngày hôm qua.
Thúy M rất tâm đắc với quyển "Vietnam's Forgotten Army" của Andrew Wiest mà anh ĐHT đã mang vào bài "Trên Đường từ Bắc Xuôi Nam". Câu chuyện có thực 100% mà cứ như tiểu thuyết sáng tác. Hai người hùng một thời vang danh lừng lẫy trên chiến trường miền Nam. Bức ảnh bìa chụp lại ngày cả hai được truy tặng huân chương của Mỹ. Bỗng vận mệnh đưa đẩy họ vào hai con đường đối nghịch nhau, Phạm văn Đính đầu hàng và cộng tác với Hà nội, Trần ngọc Huế bị thương nặng đã ra lệnh cho thuộc hạ phải bỏ mình lại chiến trường rồi lo thoát thân. Trần ngọc Huế trở thành tù binh bị đưa ra Bắc. Hai người có thời cùng chiến tuyến bỗng một hôm ở cách nhau một bức vách mỏng, người này được Hà nội đưa đến "dân vận" người kia, chiến hữu của mình ngày xưa hiện đang ngoan cố ở tù cải tạo, thà chết chứ không khuất phục. Khi ra tù, Trần Ngọc Huế thấy mình bị dồn vào đường cùng không còn đất sống. Tuy nhiên có một người ở bên kia bờ đại dương vẫn không quên anh. Người này vẫn nhớ ơn anh cứu mạng trong một trận đánh, nên qua bao năm vẫn la cà ở các bữa tiệc liên hoan, kỷ niệm của cựu quân nhân VNCH, đến đâu cũng đưa ra tấm ảnh của Trần Ngọc Huề xem có ai biết tông tích không. Cho đến một ngày, một người ngồi cùng bàn tiệc cho biết: "Đây là anh bà con của vợ tôi!". Thế rồi một ngày nọ Trần ngọc Huế nhận được một một bức thư gửi từ Mỹ có kèm tờ giấy 100 đô la. Anh lập tức ra Bưu điện gửi ngay một bức điện khẩn: "Please get me out of here!". Và rồi chuyện thành sự thật. Gia đình anh Huế đáp xuống phi trường ở WDC, được đưa về căn hộ trang bị đầy đủ do người bạn Mỹ chuẩn bị sẵn cho.
 Anh ĐHT được gặp lại nhân vật Phạm văn Đính, còn Thúy có duyên gặp anh Trần Ngọc Huế, nhân vật phản diện của Phạm văn Đính. Ông ở vùng VA, chắc anh Đào Hiếu Thảo có

gặp nhiều lần. Trong một lần picnic của Pétrus Ký, Thúy M thấy Trần ngọc Huế được ban tổ chức giới thiệu nên mon men đến chào, nhắc lại cuốn sách của Andrew Wiest mà mình đã đọc. Nghe Thúy bảo mình xong Tú Tài năm 1972, ông cười khì: "Con nít! Năm 72 anh đã được gắn mấy ngôi sao" (hay đã bị thương mấy trận…gì đó) Thúy quên rồi không nhớ rõ.
Chuyện chiến tranh VN giờ nghĩ lại như một giấc mơ kinh hoàng, dữ dội, và xé lòng. "

Thuý messegee
Hội Viên Văn Bút VĐBHK

"Đọc 2 bài viết mở mang thêm sự hiểu biết đời binh nghiệp cũng như sinh hoạt trước 75 với những nhân vật tài ba . Bài sau "Trên đường từ Bắc xuôi Nam ..." cảm động quá , nhất là khi người tù được thả , ghé Huế gặp dân đối xử quý mến , lên tàu gặp người Nam có nghĩa cử bằng tình thương tốt bụng với anh lính VNCH ...thật ấm lòng ."

Minh Thuý
Hội Viên Văn Bút VĐBHK

Những trang Hồi ký của nhà văn Đào Hiếu Thảo đọc mà đau lòng, nhưng cũng thật là quý giá, khi anh kể lại những câu chuyện lịch sử tưởng như là đã xa xôi, nào ngờ giở ra đọc nghe mà ngậm ngùi, chừng như mới xảy ra hôm qua... Đọc những đoạn đầu của "Ngoài Giờ Công Vụ" thì cảm giác thú vị, nhưng rồi con buồn kéo đến khi đọc tới "1975" ôi đau thương! Lại được biết thêm nhưng kinh nghiệm hội nhập khi ra nước tự do... Rồi đọc đến "Trên Đường Từ Bắc Xuôi Nam" vói 6 năm tù CS, và những con số người chết liệt kê ra... Chao ơi là đau lòng!

Cám ơn nhà văn đã cho đọc hai bài viết rất giá trị.

Phương Hoa
Hội Viên Văn Bút VĐBHK

Chân thành cảm ơn nhà văn Đào Hiếu Thảo ghi lại những sự kiện lịch sử hết sức quan trọng. Hồi ký "Duyên" và "Nghiệp" sẽ cho con cháu chúng ta thấy rõ đời sống của cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa trải qua những giai đoạn gian khổ như thế nào và hành trình mưu sinh cùng ý chí vươn lên trên quê hương mới ra sao. Xin chúc mừng anh ra mắt cuốn sách đầu tay thành công và mong ước anh tiếp tục sáng tác thêm nhiều tác phẩm giá trị trong tương lai

TABTT
Cung Thị Lan
Hội Viên Văn Bút VĐBHK
Ngày 31 thnág 12 năm 2020

HỒI KÝ

DUYÊN & NGHIỆP

CỦA

ĐÀO HIẾU THẢO

HỘI VIÊN VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

2020